

HÀ ÂN

Ông



Đội Cận

Đồng đội Cần

Hà Ân

ông đội Cấn

Hà Ân

Bìa: ***M. C. P***

Nguồn: ***Thư viện Tiểu Lùn***

ông đội Cấn

HÀ ÂN

Chương 1

Đội Cấn lắng nghe những tiếng động của một đêm sắp tàn. Trời còn tối nhưng tiếng gà gáy sáng đã eo óc xa xa. ở bên trại lính khố xanh Thái Nguyên, sức sống đang uể oải trời dậy; tiếng bàn ghế lục cục, tiếng nổi niêu va chạm, tiếng sập giường tre rên lên cọt két. Mọi tiếng động đều có vẻ bất ngờ. Hình như trong dãy nhà thấp mái tôn này mọi người e ngại làm động tới giấc ngủ hiếm hoi của trẻ thơ hoặc sợ hãi một điều gì

đây sẽ làm đảo lộn cả cuộc đời mà họ đã quen chịu đựng từ lâu. Nhưng một bước chân vụng về nào đó đụng phải một đồ vật bằng kim loại gây thành một tiếng động lạnh lạnh. Rồi thành linh tiếng trẻ khóc thét lên. Tiếng khóc như tiếng mèo kêu. Chắc đứa trẻ cũng gây guộc như một nhách mèo con đói sữa. Đội Cấn nằm chìm trong mớ âm thanh quen thuộc ở nơi đã trên mười năm ông tiêu hoài tuổi trai trẻ của mình. Dãy nhà thấp mái tôn có mười mấy gian. Nhà chung tường, chung ngõ, chung bếp theo một kiểu cách gập bất kỳ ở ven một cái đồn khố xanh, khố đỏ miền trung du và mạn ngược.

Thực ra, đội Cấn mới về đóng ở Thái Nguyên bốn năm nay, năm 1913. Nhưng những năm trước, ông đóng ở Đu, ở Chợ Chu, ở Phấn Mễ, ông cũng có một

gian tương tự trong một dãy nhà mái tôn thấp giống thế này. Nó giống nhau đến nỗi ông tưởng như mình ở đây đã từ lâu. Đó là cảm giác một người mê muội trong sự tù đọng ở một cái trại “con gái”! Người ta lúc nào cũng nơm nớp chờ một cuộc chia tay, người đi người ở đều xót xa... Dưới bếp đã thấy lửa nấu cơm lom đom. Tiếng chuyện trò rì rầm chen lẫn tiếng gắt, tiếng nựng con. Và thành linh dãy nhà bừng tỉnh dậy với tất cả cái vội vã, chen chúc, nửa tối nửa sáng của một trại con gái sau tiếng kèn “la vầy”. Kèn “la vầy” từ trại lạnh lạnh cất lên hồi hai. Đội Cấn vẫn im lặng. ông vừa thức trắng đêm để suy nghĩ nhưng chưa bao giờ ông thấy mình tỉnh táo như lúc này. Kể cả thể xác của ông cũng vậy, ông thấy máu chảy dồn dập và biết rằng cặp mắt của mình đang sáng lên như mặt một chàng trai trẻ. Đội Cấn lắng nghe cuộc sống đang diễn ra

hùng hực ở chung quanh. Rõ ràng trại con gái khác trước khá nhiều. Non một nửa số gian của dãy nhà lên đèn chứng tỏ chủ có nhà. Số còn lại im lìm, mặc dù cửa ra vào mở toang ra để lộ bên trong tăm tối, hoang vắng. Đội Cấn thương những người đang mắng mỏ, gắt gỏng vợ con, giọng gần lại. ông hiểu họ đang lo lắng. Từ mấy năm nay, cuộc chiến tranh giữa Pháp và Đức ở Châu Âu diễn ra giằng co.

Năm 1914, lính Đông Dương nghe tin Âu chiến như tin hội hè. Nhưng chỉ vài tháng sau, Tây lấy lính “tình nguyện” cho mẫu quốc hết đợt này sang đợt khác. Tất cả những chuyến tàu chở lính đi Tây đều được báo Tây đăng tin lên trang nhất. Các nhà báo lính “lương thêm” ở ngân sách phủ Thống sứ, viết những bài ồn ào, gọi những người lính đi Tây ấy là

lính “tình nguyện”. Lúc tàu nhổ neo có lính bông súng chào theo lệnh chỉ huy của mấy viên sĩ quan to béo, bụng bằng cái thúng; có đội lính kèn chơi các bài nhạc binh huyền não; có cả sĩ quan thay mặt võ phòng phủ Thống sứ đọc “đít cua” chúc mừng khen ngợi những người “con” bản xứ đã “tình nguyện” sang Tây, mang lồng ngực (lép kẹp) để bảo vệ nước mẹ (?) Những người “con cứng” này được chia ra làm nhiều loại mặc dù họ chả có gì hác nhau: nào là lính tập, lính có nghề, lính vô nghề nghiệp... Ngoài một số đã mặc áo lính vài ba tháng, một, đôi năm, còn phần lớn chỉ ít ngày trước đây vẫn cầm theo trâu ngoài ruộng; họ đã được “chọn” đi Tây trong những cuộc “mộ lính tình nguyện” hết sức kỳ quặc. Viên công sứ tỉnh Thái Nguyên đã làm như thế này: Ngài cho gọi các quan Nam triều đến dinh chánh sứ vào bảo các

quan rằng Đức tặc đánh mẫu quốc, dân An-nam-mít là con đỏ của mẫu quốc, có bốn phận phải xả thân giúp mẫu quốc. Các quan Nam triều đứng đầu là viên bố chánh vâng dạ lia lịa. Quan công sứ bèn chia cho mỗi phủ, huyện phải nộp bằng này người “tình nguyện”. Ngài bảo: “Bằng cách nào có được thì làm. Các ông cứ việc tùy đấy mà xoay xử lấy”.

Nếu làm khả thi sẽ có Long Bội Tinh, có “phẩm hàm”. Thế thì còn gì bằng nữa? Cái ngón xoay xử thì khỏi nói, các quan có thừa mảnh khoe. Và ở cái việc mộ lính “tình nguyện” cứ gửi qua cũng thấy tanh mùi đồng. Các quan thừa sức xoay sở để vừa lòng Nhà nước bảo hộ và cũng vừa thỏa mãn túi tham mình. Sự miễn cán của các quan truyền rất nhanh xuống các chánh tổng, lý trưởng trong tỉnh. Bọn trương tuần các làng theo

lệnh của các cụ chánh và thầy lý, vác tay thước lồng lộn săn bắt những người làng nghèo khổ nhưng khỏe mạnh. Những người này không còn biết kêu cứu ở đâu, họ bị khoác ngay lên cổ cái tên “lính tình nguyện đi Tây” và bị nộp lên “trại chờ” ở tỉnh lỵ. Để phòng họ không nhận cái tên lính “tình nguyện”, ngài công sứ dùng chất ni-tơ-rát bạc đánh số lên bắp tay họ. Thế là tài trời cũng không trốn thoát cái kiếp "tình nguyện đi Tây" nữa. Sau những cuộc săn bắt thật này, đến cuộc săn bắt vờ. Bây giờ thì đến các quan phủ, huyện ra tay. Các quan cho đòi con cái những nhà có máu mặt nhưng không vào phe cánh với họ. Những người này nếu tìm cách lẩn trốn thì sẽ bị lính khố vàng đem chảo đến "gô cổ nó lại". Thế là họ phải chọn một trong hai cách: hoặc là cho con cái "tình nguyện sang Tây đi đứt", hoặc là xì tiền ra. Tiền ấy chia ra,

quan phủ, quan huyện được một phần, ông bố chánh được nhiều hơn, ngài công sứ lại được nhiều hơn nữa. Đây là cách lấy "lính tình nguyện" trong dân làng.

Còn với lính khố đỏ khố xanh thì lấy "tình nguyện" dễ hơn. Nghĩa là lấy bao nhiêu thì cứ việc ra lệnh. Đầu tiên cũng lấy từng đội, từng cơ lính Tây, lính lê dương xuống tàu sang mặt trận Pháp. Rồi đến các loại lính các xứ châu Phi, lính kỵ mã, pháo thủ, khố đỏ. Cuối cùng tất nhiên phải "bắt tình nguyện" đến anh khố xanh. ầu chiến thế là lan đến từng trại khố xanh Đông Dương. Lính khố xanh phải chuyển sang khố đỏ trước khi xuống tàu sang Pháp bởi vì lính khố xanh chỉ được lập theo đơn vị từng tỉnh. Các lữ khố xanh chỉ chuyên được dùng trong việc đánh dẹp các cuộc khởi nghĩa trong tỉnh ấy và các tỉnh lân cận. Vì vậy lương

cũng được tăng lên một tí. Lon cũng đẩy lên một cấp. ở Thái Nguyên, ngài công sứ sau khi đóng sổ vào tay lính “tình nguyện”, còn hứa nếu “trong các con có ai trở về thì sẽ được hưởng phẩm hàm, ai lỡ què chân cụt tay sẽ được Nhà nước bảo hộ cho đi làm loong toong chạy giấy cho các công sở”. ấy cũng vì vậy nên các bác “khố xanh tình nguyện” sang Tây anh nào cũng ngơ ngơ ngác ngác. Tàu biển về mầu quốc tăng thêm chuyến. Ba hôm trước đây mới có một chuyến mà không chừng chỉ tuần lễ sau đã có chuyến mới.

Đội Cấn chột mồm cười. Một sự so sánh vừa thoáng trong tâm trí ông. Tại sao lính đi âu chiến lại lo sợ mà ông và những người bạn cùng chí hướng thì không? Bây giờ, ông thấy mình mẫn và khỏe mạnh. Ngày hôm nay ông cũng xuất trận. Sự suy tính bấy nay dẫn ông đến một

thay đổi kỳ lạ. ông vừa chín chắn hơn, vừa trẻ trung hơn. Bạn cùng chí hướng với ông cũng có sự thay đổi ấy. Nhà đội Cấn cũng đã lên đèn. ánh sáng cây đèn ba dây có chao sơn trắng tỏa trong một căn nhà sung túc hơn hai bên hàng xóm. Vợ chồng đội Cấn chưa có con nên dư dật hơn bạn đồng ngũ. Mỗi sáng cô Cấn còn mua cho chồng cái bánh chưng một xu và mỗi bữa cơm tối, lưng cút rượu trắng. Cái bánh chưng quen thuộc ấy đã nằm vuông vắn trên đĩa. Cô Cấn bưng nó đặt lên bàn giữa nhà. Người thiếu phụ lưỡng lự. Cô đứng buông thông hai tay nhìn cái giường vẫn buông màn. Cô muốn đánh thức chồng dậy nhưng cô lại thôi. Bởi vì cô biết chồng đã thức suốt đêm qua. Cô biết chắc chắn như vậy vì chính cô cũng suốt đêm không chợp mắt. Hai người đã nằm im lặng, không cử động và cố gắng không để người kia biết mình thức.

Nhưng lâu lâu, chỉ một nhịp thở khác thường cũng đủ là dấu hiệu của một người thao thức. Cô Cấn đột nhiên nhớ tới ngày đầu tiên hai người gặp nhau...

Cách đây mấy năm, một cô gái quê đến tỉnh lỵ Thái Nguyên vào một buổi trưa hè oi bức. Cô tên là Ngoan. Cô ngỡ ngác trong một tỉnh lỵ xa lạ. Vai cô khoác chiếc tay nải nâu, đôi chân xéo lấm mỏi và bụi bám đầy gấu váy thâm bạc màu. Một người con gái lẻ loi trong một tỉnh lỵ trung du là điều hiếm thấy. Nhưng gia đình cô ta có việc ở Thái Nguyên. Và cô chỉ còn một mẹ già trên sáu mươi tuổi. Gia dĩ Ngoan là một cô gái có dòng máu họ Phùng chảy trong huyết quản. Hai anh ruột Ngoan là quốc sự phạm. Sau khi lĩnh án người mười lăm năm, người hai mươi năm khổ sai, họ bị chính quyền Pháp đày lên Thái Nguyên.

Không biết họ đã làm thế nào, mà đột nhiên mẹ con Ngoan nhận được một lá thư ngắn báo tin họ ở Thái Nguyên. Và thế là cô gái quê xinh đẹp ấy một mình lên đường thăm anh. Cô đến một tỉnh xa lạ không một người thân thích, thậm chí chẳng có lấy một người quen biết. Cô khoác chiếc tay nải đi lang thang trong tỉnh lỵ vắng vẻ trưa hè. Muốn hỏi thăm đường cũng phải kín đáo chọn mặt mà hỏi. Lang thang mãi, Ngoan mới tới được cổng đề lao. Một dãy tường đá xanh, cao, ngọn tường cắm mảnh chai và những hàng dây điện đan dày. Một cổng vòm, cánh sơn hắc ín. Người lính gác thò mũi súng ở cửa sổ lầu cổng. Bên ngoài đề lao vắng vẻ lạnh lẽo. Ngoan đi qua đi lại hai ba lần trước cổng và chẳng biết làm cách nào để hỏi tin tức anh mình. Khi cô đi ngang qua cửa lần thứ tư thì người lính gác quát đuổi. Cô gái vội lảng ra đầu

tường đứng vắn vơ ở đó. Phần lo lắng, phần thương anh, phần oán giận Tầy, lòng Ngoan cứ rối lên. Có lúc tủi thân, Ngoan rơm rớm nước mắt rồi cô lại kìm được vì cô thấy hổ thẹn. Thành linh Ngoan giật mình vì có người hỏi cô:

– Cô tìm người quen trong kia à?

Ngoan vội ngoảnh lại nhìn người hỏi mình. Người hỏi cô là một người lính khố xanh. Bất giác Ngoan lùi lại một bước, cô thu hai tay trước ngực và cặp mắt bướng bỉnh của cô hơi nheo lại. Nhưng người lính khố xanh ấy dường như hiểu tâm trạng cô gái. Anh ta nói tiếp, giọng hấp tấp:

– Cô đừng ngại! Cô đừng ngại! Tôi thấy cô qua lại trước cổng đề lao mấy lần tôi đoán là cô tìm người nhà nên thì tôi hỏi thế thôi.

Anh ta chăm chú ngắm Ngoan. Đường như hơi ngượng trước vẻ đẹp nền nã của cô gái, người lính khố xanh muốn bỏ đi nhưng rồi anh ta vẫn nói tiếp:

– Nếu cô cần gì, tôi xin giúp.

Ngoan cũng chăm chú nhìn người lính khố xanh. Cô nhìn lâu hơn, vừa kinh ngạc, vừa lo lắng, vừa mừng rỡ. Xưa nay, cánh lính tráng khố xanh, khố vàng có về làng cô thì toàn hạc sách, nạt nộ dân làng. Người làng sợ họ hơn sợ giặc. Cô còn nghe ông chú kể lại những chuyện bà con ra tỉnh gặp những gì những gì ấy, cứ nghĩ đến mà rợn tóc mai. Đòi người con gái như chỉ tơ, bóng bẩy mà dễ đứt. Ngoan nghĩ rất nhanh. Trong khi đó người lính khố xanh vẫn đứng chờ. Cuối cùng Ngoan đánh bạo:

– Nhà cháu có hai anh ruột trong đó. Bác có biết hai anh cháu không ạ. Chắc bác làm gì chẳng biết anh cháu.

Bỗng nhiên người lính khố xanh bật cười. Anh ta cũng nhận ra cái cười của mình làm cho cô gái quê lúng túng. Anh ta buồn cười vì thấy vẻ mặt ngơ ngác của cô gái là cứ cười thôi.

– Có thể tôi biết anh cô nhưng cô phải nói anh cô là ai đã chứ?

Ngoan ngượng. Nếu không vì muốn tìm anh thì cô đã bỏ chạy rồi. Cô mím chặt môi, mặt cúi xuống. Người lính khố xanh thôi cười. Anh ta cũng ngượng vì sự sỗ sàng của mình và hạ thấp giọng:

– Chắc tôi biết anh cô đấy, lính tráng và tù phạm nhà lao tôi biết mặt biết tên hết. Thế... anh cô là ai?

Ngoan im lặng một lúc nữa rồi mới trả lời khe khẽ:

– Là anh Vịnh, anh Thấu.

–...Thấu, Vịnh à! Tôi biết!

Người lính khố xanh hơi cau mày suy nghĩ trong khi Ngoan ngược nhìn há vọng.

– Thấu, Vịnh quốc sự phạm đây mà.

– Vâng, vâng phải đấy ạ.

Cô gái buột mồm nhận rồi hối hận về sự lỡ lời của mình. Cô sợ người lính sẽ không dám giúp nữa. Nhưng cô đã trót nói ra rồi, tài giờ cũng không vớt lại được. Trong khi đó người lính khố xanh cúi mặt bắn khoăn. Một lát sau anh ta mới nói:

– Bác Thấu, bác Vịnh mới lên Thái. Tây nó còn bắt cấm cố. Thế mới khó.

Thấy cô gái ngơ ngác, anh ta chợt hiểu lại tiếp luôn:

– Cấm cố là nhốt riêng, không cho ai đi đâu, ngay cả ra sân để lao nữa. À thôi được...

Anh ta mừng rỡ reo khê:

– Chiều nay lấy tù đi làm cỏ vê bên dinh chánh sứ. Số tù chẳng đủ đâu. Có khi phải lấy cả tù cấm cố đi làm thêm.

Mặc cho anh ta nói đông nói tây, cô gái chưa làm quen ngay được với những tiếng lạ như «quốc sự phạm, tù cấm cố, khổ sai với cỏ vê, giấy phép với áp pen áp pung». Nhưng Ngoan hơi mừng và tin rằng anh ta cũng không đến nỗi nào, cũng muốn giúp mình thật.

Cuối cùng người lính khố xanh dẫn Ngoan chờ ở cuối vườn hoa Dây Thép. Anh ta chỉ chỗ cho Ngoan cẩn thận và nhắc đi nhắc lại rằng Ngoan phải có mặt ở đó lúc hai giờ chiều là lúc anh sẽ dẫn tù qua. Có thể Ngoan sẽ gặp được anh cô trong số tù đi làm ấy. Thế là đôi, Ngoan cũng không dám rời cái góc vườn hoa Dây Thép đi kiếm cái gì ăn. Cô ta cứ nép sau mấy bụi hoa, mắt nhón nhác ngược xuôi chỉ sợ gặp cu-lít. Khoảng gần hai giờ, lính khố xanh áp giải tù cỏ vê đi qua. Ngoan không thể quên được cảnh một đoàn người trọc đầu đội nón rách, quần áo vải mộc bẩn thỉu, ngực in số hắc ín, đi thất thểu. Chung quanh đoàn tù khổ sai, mấy chú lính khố xanh cầm roi mây đi áp tải. Ngoan chỉ thấy anh hai, không thấy anh cả. Người lính khố xanh có lòng tốt đến gần Ngoan lúc nào không biết. Anh ta nói nhỏ với Ngoan:

– Cô cứ chờ ở đây, lát nữa anh cô sẽ quay trở lại.

Ngoan rơm rớm nước mắt đứng nép vào bụi hoa, lòng dạ nôn nao. Cô thấy xót xa thương anh, cô chợt thấy uất ức, tai cô như nghe thấy tiếng súng nổ và tiếng roi mây rít lên trong không khí. Cảnh tù hồn độn chập chờn trước mắt Ngoan nhưng rõ nhất là những bàn chân gầy guộc, nứt nẻ lê chậm rãi trên mặt đường đá lổm chổm. Ngoan chờ lặng đi bao lâu chẳng rõ. Chỉ biết khi cô bừng tỉnh là lúc Vĩnh đến bên em gái. Người quốc sự phạm nhìn em chăm chú, Ngoan khóc thầm tức.

– Nín đi. Người họ Phùng sao lại khóc.

Ngoan cố nín. Ngoan nhớ đến cha; ông cụ là người nổi tiếng khắp vùng Đoài. Từ Sơn Tây đến Vĩnh Yên, Phúc Yên, hai

bên bờ con sông Hồng ai là không biết đến tên tuổi cụ thủ khoa Phùng Văn Nhuận, đỗ đầu cử nhân khoa Hà Nam hợp thí, năm ông Tú Xương đỗ lại tú tài. Văn hay, chữ tốt lòng lầy sĩ tử Bắc Hà mà ngón chầu trác lạc, điệu thơ thoát tục và con người coi thường công danh tước vị triều đình cũng lòng lầy trong đám xử sĩ mười bốn tỉnh. Đến khi ông nghe Nguyễn Quang Bích nhận chức Sơn Khê Thống lãnh coi quân thứ bên hữu sông Hồng và sông Đà thì viên tham mưu sắc sảo nhất của ông nghe Nguyễn chính là cụ thủ khoa họ Phùng.

Cụ có sắc vua ban mang ấn Hàm Nghi. Cụ có kiếm vua ban. Từ miền núi đá hiểm trở châu Mai tới vện rừng đào Tu Lý bên bờ sông Đà, từ đồn Vàng qua ngàn Thục Luyện xuống thác Bờ đi phủ Thiên Quan, dấu chân vị nho tướng

Phùng Văn Nhuận cứ in dài con đường đánh giặc giữ nước. Ngay đến tên quan Tây Pen-nơ-canh cũng phải kính phục mà gọi cụ là “hồn bất tử của người Việt sông Đà”. Có người cha như thế sao Ngoan lại mềm yếu được... Hai anh em kể lại cho nhau về tin ở nhà, tin trong tù. Ngoan đưa cái tay nải quà bánh ít ỏi cho anh. Thành linh ông Vịnh nhớ ra điều gì. Đôi mày ông cau lại, giọng xẵng:

– Làm sao mà cô lại quen cái thằng khố xanh ấy?

– Ai cơ ạ?

– Cái thằng bảo cô chờ anh ở đây ấy mà!

À... Ngoan sững sốt không hiểu tại sao anh mình lại không bằng lòng việc ấy? Chẳng những thế, trong cách xưng

hồ, ông Vịnh còn tỏ ra thù ghét người kia. Ngoan chẳng biết trả lời anh ra sao cả.

– Nhờ vả ai thì được chứ thà chết không giao du với lũ bán dân bán nước.

Ngoan vẫn cúi mặt, đứng im. Ngoan hiểu ý anh rồi. Ngay lúc sáng, Ngoan cũng không muốn chuyện trò gì với người lính khố xanh không quen biết này. Anh mắng, Ngoan phải chịu nhưng rõ ràng người này vẫn còn tốt bụng. Anh ta chả đã giúp cho anh em Ngoan gặp mặt nhau là gì. ông Vịnh càu nhàu:

– Làm thân con gái ở đất lạ thì phải giữ mình chứ cứ buông tuồng thế thì không được...

– Anh!

Ngoan uất ức kêu lên, ông Vịnh nể em nên im bật. Ngoan bật khóc lên, ông Vịnh lại quay ra dỗ:

– Nín đi. Anh có thương cô anh mới nói. Rồi ông nói là bữa nay người lính khố xanh này lấy tù sang làm cỏ về bên dinh chánh sứ. Anh ta bảo ông là có người nhà lên thăm nhưng anh ta chỉ dám lấy thêm một tù cấm cố thôi. ông Thấu, ông Vịnh bàn nhau xem ai nên đi. Hai anh em đã trái ý nhau đến đổi suýt xảy ra to tiếng. ông Thấu bảo nên đi, ông Vịnh bảo không tin được quân liếm đít Tây. Ông Thấu bảo đi gặp thì hay, chẳng gặp cũng chẳng mất gì, ông Vịnh thì bảo ai nhờ vả quân bán nước là đồ hèn. ông Thấu giận tái mặt, ông Vịnh biết mình lỡ lời vội xin lỗi anh. Ông Thấu hầm hầm bảo ông Vịnh:

– Chú đánh Tây một mình à?

Ông Vịnh không dám cãi lại anh nhưng nghĩ thầm: thế Tây nó có một mình đánh ta đâu? Ông Vịnh đi gặp người nhà nhưng trong lòng hết sức nghi ngờ người lính khố xanh kia. Ông nói với Ngoan:

– Hắn là cai khố xanh đấy, mà lên đội cũng chỉ nay mai thôi.

Ông nghĩ phải thế nào thằng Tây mới thắng chực cho chứ. Và Ngoan cũng nghĩ như ông Vịnh. Tuy vậy, lòng thương anh vẫn giữ Ngoan ở lại Thái Nguyên ba ngày nữa. Lần lấy tù đi làm cỏ vê sau, Ngoan được gặp anh cả. Cũng do người lính khố xanh kia thu xếp cho. Về sau, Ngoan được biết người lính khố xanh kia là một người có gia giáo, ăn nói cư xử với bà con dân phố cũng mực thước và đối với Ngoan, anh ta giữ gìn lời ăn tiếng nói bao giờ cũng đúng đắn nhã nhặn và

không quên chăm sóc cô gái một cách cẩn thận và kín đáo.

Người cai khố xanh ấy là chồng Ngoan bây giờ. Chính là viên đội Trịnh Văn Cấn, người cầm đầu vụ nổi dậy đánh Tây đêm nay. Mỗi quan hệ giữa mấy người được giữ kín lúc đầu vì sợ liên lụy, về sau là để giữ bí mật lực lượng. Vì vậy Ngoan lưỡng lự chưa muốn đánh thức chồng mình dậy. Ngoan biết chồng mình thao thức suốt đêm qua nhưng Ngoan không biết sau một đêm suy nghĩ ấy chồng mình đã quyết đoán những gì? Bây giờ, Ngoan mới thấy cái ngày mà mình mong mỏi đã đến, nhưng khi nó đến thì Ngoan lại có nhiều lo nghĩ. Ngoan có thù nhà, đêm qua cô cũng thao thức. Nghĩ đến lúc giặc giải cុ thủ khoa về làng Vân Cốc chém đầu, bêu thủ cấp lên cây si cổng đình thì Ngoan lại giận

sôi lên. Không hiểu rồi đây số phận của chồng mình, anh mình sẽ ra sao? Cả bản thân Ngoan cũng sẽ ra sao?...

Chính lúc Ngoan lưỡng lự không biết có nên đánh thức chồng hay không thì đội Cận thành lĩnh vùng dậy rất nhanh nhẹn. Quen nếp nhà binh, đội Cận cuốn màn, gập chăn chỉ trong một thoáng. ông rửa mặt và mặc quần áo cũng rất nhanh. Lát sau, đội Cận đã lại gần bàn, ngồi xuống đường hoàng, nâng chén trà bốc khói lên miệng, mắt sáng lên. Nhìn ông đi lại trong phòng, chả ai nghĩ rằng ông đã ngoài bốn mươi tuổi. Ngoan nhìn thấy chồng thoáng mỉm cười, cô thấy tâm hồn nhẹ thanh đi. Cô hiểu rằng chồng mình sau khi cân nhắc, xem lại mọi chi tiết trong kế hoạch khởi nghĩa đã hết sức lạc quan tin ở sự thành công đêm nay. Ngoan vừa thấy hồi hộp vừa hứng khởi.

Giờ phút cô chờ đợi đã sắp tới! Đã sắp đến lúc Ngoan trả thù nhà, nợ nước!

Đội Cấn lặng lẽ ngồi ăn bánh chưng tưởng như ông mãi suy nghĩ một điều gì nhưng thực ra ông để ý đến từng cử chỉ nhỏ của người vợ trẻ. Đội Cấn vốn không thâm trầm nhưng cũng đủ tinh tế để hiểu rằng giờ phút quyết liệt chờ đợi sắp đến chắc chắn đang làm cho lòng Ngoan nao nức. Từ khi ông gặp Ngoan lần đầu, tình cảm giữa hai người không ngừng nảy nở. Thoạt đầu ông chỉ vì lòng tốt sẵn sàng giúp đỡ mọi người mà tìm cách để Ngoan gặp được anh. Lúc đó, đội Cấn chỉ coi Ngoan là một cô gái quê bờ ngõ giữa một nơi đông đúc xa lạ. Nhưng qua những lần gặp gỡ sau, ông dần dần hiểu người con gái ấy. Đó là một cô gái xuất thân trong một gia đình có nho phong sĩ khí, danh tiếng thì nhiều nhưng

nghèo và thanh bạch. Người con gái ấy lớn lên trong cảnh gia đình bị giặc làm cho tan nát, tuổi non nớt đã phải nhận lấy gánh nặng gia đình và lời ăn nết ở đã làm cho bà con xóm làng thêm thương thêm quý. Người con gái ấy cũng có đầy đủ những đức tính của một người con gái Việt Nam, đảm đang, trung hậu, thủy mị, dịu dàng, sẵn sàng quên mình đi để giúp người khác. Và Ngoan có một tình yêu hết sức mãnh liệt! Phải chăng những người con gái như Ngoan đã thừa hưởng những điều tốt đẹp trong tâm hồn của những vợ hiền dâu thảo từ xưa và cả khí phách anh hùng của những bậc liệt nữ đã sáng ngời sử sách. Từ thương đến quý, từ mến tới kính trọng, kín đáo hơn là một tình yêu mỗi ngày một đậm thắm. Đội Cấn yêu Ngoan không chỉ bằng tình yêu chồng vợ mà còn bằng tình yêu với người bạn đường đời, một đời chiến đấu

há sinh đầy gian khổ... ông chợt thấy thương vợ, ông biết trong tâm hồn người thiếu phụ có một vương mắc rất riêng tư mà Ngoan chưa hề thổ lộ với bất kỳ ai, ngay cả với chính ông. Ngoan vẫn ao ước có một đứa con trai!

Đội Cấn đoán biết được điều đó vì đã một lần ông thấy vợ bế nựng một cháu nhỏ, con hàng xóm. Hai con mắt Ngoan lúc ấy sáng lên lóng ửng, chứa chan tình cảm. Ngoan ao ước có một đứa con trai cho nó nghịch nó bầy biện. Căn nhà của họ tuy hẹp nhưng trống trải biết bao nhiêu. Đồ đạc trong nhà bày gọn ghẽ chứng tỏ cái đảm đang của cô Cấn nhưng nó thiếu hẳn vẻ bề bộn đáng yêu do trẻ thơ nghịch ngợm, bày ra. Nhưng nỗi riêng tư ấy Ngoan biết nén xuống đáy lòng và cô gan góc đảm nhận những công việc khó.

Đầu năm nay, Ngoan nhận việc thầu cơm tù bên đề lao. Chính đội Cấn đã chạy cho vợ việc này. Việc thầu cơm tù xưa nay vốn là việc có lãi nhiều, còn nhiều hơn cả lãi thầu cơm lính. Theo lệ thường chỉ vợ con hàng đội, hàng quản mới đủ uy thế được tòa sứ nhận làm nhà thầu. Người thầu trước Ngoan là mẹ Ngân, vợ bé lão phó quản Thái đã về hưu. Mẹ ta mới nhận thầu có ba năm mà đã làm hai cái nhà hai tầng ở phố Chợ. Mẹ kiếm ăn xem ra “mát tay” hơn cả những người thầu trước. Nhưng đến lúc việc thầu cơm tù đến tay Ngoan thì cái việc kiếm bầm này chỉ ăn thâm vào vốn của hai vợ chồng. Đó cũng là điều mà hai người tính được từ trước. Ngoan bán cả hoa, hột, xuyên vàng đứt lót lão phán đầu tòa. Sau ngày đấu thầu, Ngoan nghiêm nhiên thành người có vai vế trong tỉnh lỵ.

Thực ra việc thâu côm tù chỉ để che mắt mật thám Tây. Đội Cấn ra vào đề lao không khó khăn lắm miễn là đúng phiên ông dẫn lính canh sang bên ấy: nhưng ông thường phải đi kèm với bốn, năm người lính, có muốn nói năng gì với anh em quốc sự phạm cũng không tiện. Cho ngoan thâu côm tù, việc thông báo tin tức giữa ông với quốc sự phạm vừa kín vừa nhanh chóng. Cho nên vợ chồng ông thâu côm tù chỉ lỗ thêm. Tiền tòa sứ chi cho mỗi suất côm tù rất ít, muốn lãi thì chỉ có cách làm như mụ Ngân, là ngâm gạo vào nước vôi cho nở và chọn mua thứ cá mắm người ta đổ đi ngay đến chó ngửi thấy cũng phải cụp đuôi mà rên lên ư ử, Ngoan thường lấy tiền nhà phụ thêm vào nhưng côm tù vẫn là côm tù, có điều Ngoan trông coi người làm cố sao cho sạch sẽ hơn trước.

Đội Cấn ngẫm nghĩ và lấy làm lạ tại sao với tâm hồn gan góc, thông minh ấy, Ngoan lại có một vẻ bề ngoài hiền dịu mà ai kém tinh tường còn cho là mềm yếu nữa. Đội Cấn lặng lẽ xắn chiếc bánh chưng, ăn chậm rãi. Ông suy nghĩ về lòng người và những nỗi niềm riêng chung ẩn náu ở mãi đáy sâu nào đấy. Ông nghĩ về những người bạn chiến đấu thân thiết nhất đã cùng ông bàn bạc, góp công sức lập nên kế hoạch nổ súng khởi nghĩa đêm nay. Tất nhiên trong chiến đấu sẽ có những điều bất ngờ xảy ra nhưng ông rất tin ở sự tỉ mỉ có cân nhắc kỹ lưỡng của bản kế hoạch. Tuy vậy, cũng còn một vài điểm vẫn còn suy tính thêm cho thật thấu đáo. Ngay như cái việc đánh chiếm kho súng cho đến lúc này vẫn làm cho ông băn khoăn.

Kho súng chỉ có ba người coi. Nó nằm ngay chân quả đồi nhỏ bên cạnh trại khố xanh. Trên mỏm đồi có xây nhà tên giám binh chỉ huy trại. Phải chiếm kho súng cho ngọt thì việc diệt tên giám binh và tên chánh quản mới êm thấm. Và có lấy ngọt được kho súng thì mới có đạn được phân phát cho nghĩa quân tiến đánh trại lê dương ở cuối tỉnh lỵ. Lính khố xanh xưa nay chỉ được phát súng mà không phát đạn. Hai cái bao da đeo ngang thắt lưng bao giờ cũng lép kẹp. Anh em binh lính thường dùng để đựng gói thuốc lào, cái nhíp nhổ râu, hộp kim chỉ. Có anh còn cất trong đó cái bàn chải và hộp thuốc đánh đồng dùng để chà bóng hàng khuy áo ngoài (khuy đồng không sáng lóe như vàng diệp sẽ bị phạt giam từ hai mươi bốn tới bốn mươi tám tiếng đồng hồ mà còn ăn đá dít nữa đằng khác).

Đội Cận nghĩ tới viên đội coi kho súng. Đó là một con người được đánh giá bằng nhiều cách rất khác nhau. Đội Trường không bị ai ghét kể từ tên giám binh cho chí người lính trơn. Anh làm việc cần cù, có thể nói là mẫn cán nữa. Kho súng lúc nào cũng gọn gàng thú tự. Các khẩu súng ký kho được lau mỡ sạch bóng. Súng gác trên các giá gỗ đứng theo số súng khắc trên nòng. Những hòm đạn, hòm lựu đạn được kê cao ráo. Các hòm có ghi rõ số lượng đạn chứa bên trong. Giờ làm việc, giờ nghỉ đúng quy định nhà binh. Cửa khóa cẩn thận và chính đội Trường thường ngủ lại trong kho.

Đội Trường không hề to tiếng với ai bao giờ. Anh luôn luôn im lặng và chỉ nói khi cần thiết bằng những câu rất ngắn. Anh ít khi cười, nếu có cười cũng chỉ khẽ nhếch môi. Viên giám binh đối

với đội Trường xem ra tin cậy anh. Viên chánh quản cũng vậy, có khi còn tỏ ra hơi nịnh theo kiểu cấp trên nịnh cấp dưới là khác. Về phía anh em binh lính thì họ xét đội Trường theo nhiều cách rất khác nhau. Có người cho rằng anh ta là tay "ngậm miệng ăn tiền". Những cũng có người lại cho rằng đội Trường rất thâm trầm. Đội Cấn đồng ý với cách đánh giá này. Đội Cấn mừng tượng đến chiều sâu, vẻ buồn trong đôi mắt rất đẹp của viên suất đội rất đẹp trai này. Anh ta mà làm kép nhất trong một gánh chèo rong nào thì gái làng cứ gọi là bỏ nhà bỏ cửa đi mà theo cái con người có nước da trắng xanh lên làm nổi màu tươi của cặp môi đỏ và cái dáng cao dong dỏng thanh tú của người có học. Đội Cấn tin rằng đằng sau cái đôi mắt đẹp hơi buồn buồn ấy chắc có chứa chất một nỗi niềm riêng, một suy nghĩ riêng nào đây. Nhưng là

nổi niềm gì, suy nghĩ gì vậy?

Cần phải biết rõ điều đó. Nếu đội Trường là người tốt thì lấy kho súng sẽ không khó khăn. Nếu anh là người không tốt thì lấy kho súng tuy chẳng dễ dàng nhưng cũng không đến nỗi không làm được cho ngọt. Chỉ cần một mẹo nhỏ, đưa một người mà anh không hề nghi ngờ chi cả mang kín theo một con dao, lừa lúc anh ngoảnh mặt đi chỗ khác, chém cho một nhát chết thật êm ru là xong việc. Nhưng đội Trường tốt hay xấu?

Đội Cần nhớ lời một người mà ông kính phục như một bậc đàn anh: Đó là người quốc sự phạm đang bị giam cầm cố bên đề lao tỉnh lỵ. ông là Lương Ngọc Quyến, mỗi lời nói đều được đội Cần xem trọng. Người tử tù đó đã dặn ông về đội Trường:

– Tôi xem ra ông ta là người tốt, ở thời buổi này ai ưu tú, ai đảm chiêu là người tốt. Chỉ có quân bán nước theo Tây mới hờn hở, mới vui vẻ được.

Nhưng đôi mắt hơi buồn buồn của đội Trường có biểu lộ một tâm trạng ưu thời mẫn thế không? Hay chỉ vì cái đôi mắt ấy vốn dĩ cha sinh mẹ đẻ ra nó cũng vậy? Ủ, mà ngay cái thằng liếm đít Tây là cái thằng đội Hạnh nó cũng có một đôi mắt tương tự, một đôi mắt có những vành mi nặng luôn luôn sụp xuống, một đôi mắt lúc nào cũng lơ mơ, chờ đẫn nhưng đội Cấn biết rằng đằng sau cái lơ mơ, chờ đẫn ấy chứa đựng cả một tâm trạng hèn hạ, tham lam, phản trắc. Những năm tháng làm việc với hắn, đội Cấn đã thấy đầy đủ điều đó. Hãy tạm gạt đội Trường ra đã. Có sao thì đến giờ khởi nghĩa mới quyết định cũng vẫn kịp. Đội Cấn chỉ áy náy

vì theo linh cảm, ông thích đội Trường và ông cho rằng đó là một con người tốt. Nhưng mới chỉ là theo linh cảm mà thôi. Đội Cấn ngẩng nhìn vợ, dặn khẽ:

– Hôm nay em sang đề lao nhớ hỏi ông ba Quyến cho anh xem nên đối xử với đội Trường thế nào nhé!

Ngoan hơi kinh ngạc:

– Anh ta làm sao cơ?

Đội Cấn trầm ngâm:

– Cũng chẳng biết anh ta là người thế nào! Hơi khó hiểu....

Im lặng. Đội Cấn liếc nhìn ra cửa rồi ngoảnh lại nói tiếp:

– Nếu anh ta tốt thì điều đó là may mắn cho chúng ta và cho cả anh ấy nữa. Nếu anh ta không tốt...

– Anh Trường mà không tốt?

Ngoan nhíu lông mày suy nghĩ.

– Ai bảo đảm được điều ấy?

– Em!

– Thôi đi!... Đến anh cũng chẳng dám quả quyết nữa là.

– Nhưng em dám thì sao?

Đội Cấn nghiêm nét mặt, đặt tay lên trán, dánh chùng đang suy nghĩ về những lời nói quả quyết của vợ. Giây lát ông mỉm cười nói với Ngoan:

– Hãy cứ hỏi ông Quyến xem sao nhé!

Đội Cấn không để ý đến vẻ khó chịu của vợ. ông đứng dậy với cái mũ cát đội lên đầu. Có tiếng người gọi từ ngoài vào:

– Bác Cấn vào trại chưa hử? Hôm nay đến phiên ông làm xếp bột đấy nhá. Sắp đến kỳ thăng thưởng rồi đừng để “nốt” xấu mà thiệt hại to đấy.

– Vâng!

Đội Cấn đáp lại nhưng ông chửi thăm một câu rất tục. Ngoan cũng rửa thăm: "Cái thằng lúc nào cũng nhòm ngó như cú nhòm nhà bệnh". Cô vốn ghét cái con người có bộ mặt đẹp mà bụng dạ thì rất xấu. Cả trại lính Thái Nguyên ai cũng biết tiếng đội Hạnh ninh Tây. Cả tỉnh lỵ Thái Nguyên cũng khét tiếng đội Hạnh đi ra đi. Ngoan không dám nói với chồng chứ chính cô đã bị đội Hạnh tán tỉnh, chẳng biết bao nhiêu lần rồi. Miệng y nói cứ ngọt xớt, hai cái môi đo đỏ và hai con mắt thăm thăm của hắn ta khi đứng trước Ngoan lại sáng lên long lanh.

Ngoan thấy hẳn là một gã "Sở Khanh" mặc áo lính khố xanh.

Chương 2

Tồ tồ te... Tồ tồ te... Hồi kèn cờ-le-rông thổi bài "la vầy" vừa dứt, trại lính khố xanh Thái Nguyên đang lặng lẽ bỗng choàng tỉnh dậy. Hai dãy nhà ngủ nằm hai bên cái sân chính nề xi-măng ồn ào, nhốn nháo lên. Năm phút sau từ những cửa lớn tuôn ra hàng toán, hàng toán người. Người nào cũng đầu húi kiểu móng lừa, ngái ngủ, vận độc chiếc quần nửa xà lỏn, nửa sì líp dẹt bằng sợi mộc xù xì. Tay họ ôm quần áo khăn

mặt, tay xách xô sắt tây. Họ kéo nhau về hai cái bể nước lớn ở cuối sân.

Chỉ một lát sau, tiếng người đã bị ngập trong tiếng nước dội ào ào. Hôm nay là ngày 30 tháng 8 năm 1917. Ngày 30 mỗi tháng là ngày trả lương cho nên lính tráng tán chuyện náo nhiệt hơn mọi ngày khác. Họ tập tành nhọc nhằn cả tháng; mỗi ngày lại một buổi làm cỏ vê. Rồi thì đêm canh, ngày gác, đi tuần đi tiểu. Lúc nào họ cũng nơm nớp lo bị giam, bị phạt cơm, lo lắng chứa chất ngày này qua ngày khác, chỉ đến ngày "tút sê"¹ mới hớn hờ được năm mươi phút khi đếm những tờ giấy bạc Đông Dương màu nâu nhạt, tờ nào cũng ươn ướt, nhàu nát, hăng hăng chua chua mùi mồ hôi.

Ngay họ là lính tráng cũng không dám ghé mũi ngửi những tờ giấy ố bẩn

¹ lĩnh lương

ấy nhưng nắm trong tay mấy tờ giấy bạc vẫn thấy vui vui. Những tờ giấy bản thủ ấy vẫn có ma lực rất lạ. Hễ có nó trong tay là họ nghĩ ngay đến cút rượu ngang, bìa đậu nướng ở cái quán gốc đa hẻo lánh cuối tỉnh lỵ; đã có thầy cái tướng tượng đến một canh bạc cháy túi; đã có ngài đội mơ màng đến tiếng phách ở dãy phố ngang sau nhà "ba toa²", mơ màng một chầu chay kèm vài bát cháo gà, một chầu mặn có ngủ đêm lại cẩn thận với một ả đào béo búng rượu say bết nhè. Và nói chung dân "khố xanh" đều nghĩ đến mẹ già, đến vợ đến con đón ngoài cổng trại chờ mấy đồng lương còm đem về chi cho hàng trăm việc to nhỏ. Nào suất sưa cho thằng em chú, nào thuốc men cho người già, người trẻ, nào giỗ chạp, nào thuế ruộng thuế thổ, nào thuốc hậu sản cho người vợ khăng khiu như cây sậy, ôm

2 Nhà mỗ thịt gia súc

trong tay đứa con nhỏ gầy còm. Nhưng được mấy đồng lương ít ỏi đến tay người nhà không phải chuyện dễ. Xưa nay lính tráng nợ cú đũa; nợ ăn chịu, nợ mở bát xóc đĩa, nợ bán lương non.

Đến ngày "tút sê" bọn chủ nợ bám làng nhàng lấy cái cổng trại. Bọn này có đủ mẹo, đủ tinh ma để săn, để chặn con mồi. Ai đã nợ chúng thì khó mà thoát. Nhưng người ta cũng có đủ mảnh khỏe để tránh mặt bọn chủ nợ. Họ vẫn có một mẹo quen thuộc là đưa một người ra làm con mồi chung của cả đám chủ nợ cho bọn này bầu lấy, xâu xé. Con mồi phải vừa khát, vừa cãi cù nhầy, vừa giăng ra mà chạy cho xa cổng trại, đủ cái đám chủ nợ, nặc nô ấy đi để anh em khác chuẩn cho mau đem tiền về cho người nhà. Tất nhiên anh em sẽ phải có cách cư xử hợp lẽ với người làm con mồi. Cái kế đủ mồi

này bọn chủ nợ đứa nào cũng biết mà kỳ quái thật, lần nào bọn chúng cũng vẫn mắc. sáng nay cũng là kỳ lương. Nhiều người xoắn chặt lấy quyền Nhiều, người tung người hứng nói nịnh anh ta. Quyền Nhiều xoay trần xối nước ào ào, anh ta vỗ bành bạch vào ngực, vào bụng và cười rinh rích mặc cho ai nói gì thì nói. Nhiều tắm lấy thích, hai tay kỳ cứ đỏ da ngực da bụng lên. Hai tay anh ta vẫn còn đầy chai, bả vai Nhiều có cái u đòn gánh. Rõ ràng anh này mới ở nhà quê lên đăng lính cho nên mặt mũi, nói năng chưa ra vẻ nhà binh. Chờ anh em nói chán, Nhiều mới giơ cái mặt vuông có hai cái gò má cao ra cười:

– Đã bảo các bác cứ mặc em mà. Hôm nay họ có lột trần em cũng chẳng có một đồng nào. Lương một tháng tám đồng thì mất bốn đồng cơm, lại còn phải

trả nợ bà quản Lạp cho vay nộp sưu cho thằng em chú. Hai đồng một suất sưu, lãi một đồng thành ba. Thế là chưa lĩnh đã nhẵn bằng chùi rồi còn gì nữa mà phải lo.

Cai Mánh, người chỉ huy cái "đờ-mi gờ-rúp" (tổ sáu người) có Nhiêu cũng để vào một câu:

– Ủ tay này cứng đấy! Đáng mặt anh hào đấy!

Mấy bác quyền, bác bếp cũng để theo:

– Vâng thầy tính đã đến cái nước đi lính thì còn phải sợ ai nữa cơ chứ!

Được cai Mánh khen, Nhiêu khoái lắm. Tất cả cai, đội trong trại Thái Nguyên đều kiêng nể con người gầy đen, héo hon này. Mỗi lần gặp chuyện gì ngang tai

chương mắt là Mánh cau đôi mày lại. Lúc ấy thì đến giờ cũng bé bằng con kiến. Cả trại Thái Nguyên, Mánh chỉ phục một người là Đội Cấn. Ngoài ra Mánh thích thêm cái tính của quyền Nhiêu, Vì thế Nhiêu nói bô bô:

– Mấy khi được anh em nhờ, tôi sẵn lòng làm nhưng hình như hôm nay chưa được lĩnh lương đâu. Mọi người nhao nhao:

– Ai bảo?

– Sao chưa được lĩnh?

Nhiêu nói hạ thấp giọng một chút:

– Nó phạt cánh ta, nó phạt lây cả trại. Như hồi tháng năm, tháng ba ấy mà.

Nhiêu cười hì hì rồi lại nói tướng lên:

– Đằng nào tôi cũng chẳng còn một

xu. Lĩnh đúng ngày cũng thế, lĩnh muôn cũng vậy, tôi đểch cần.

Câu nói của Nhiêu làm mọi người bàn tán xôn xao, duy cai Mánh cau mặt nghĩ. Với đời lính tráng thì việc phạt phiếc là cơm bữa nhưng nếu hôm nay nó phạt giam bọn Mánh thì cũng phiền. Hôm nay Mánh cần rảnh tay vì người cai héo hon ấy là một trong những người cầm đầu cuộc binh biến.

Mánh nghĩ thầm: Có lẽ thằng giám binh phạt thật cũng nên, mà cái phạt này nhất định dính líu đến việc coi tù đi cỏ về trong dinh bố chánh hôm kia. Hôm ấy cai Mánh và năm người lính dẫn một số quốc sự phạm vào dinh làm cỏ, dọn vườn hoa. Mánh giao phần việc rõ ràng cho anh em tù rồi bảo họ làm, hễ cứ xong việc thì họ nghỉ. Cho nên mới xế trưa mọi việc đã làm xong, tù kiếm bóng mát,

kênh ra ngủ. Bất đồ thằng quản Lạp mò đến tận nơi mà không ai biết. Lạp quát âm lên, Mánh ngoảnh lại. Quản Lạp bấy giờ mới biết Mánh chỉ huy toán lính này. Lạp kiềng Mánh nhưng đã trót quát thì phải giữ sĩ diện, y đe phạt cả toán lính và tốp tù. Mánh vắn con mắt lên nhưng giọng nói vẫn bình thường:

– Tù đủ số, việc làm xong, không ai phạt được.

Quản Lạp đi có một mình và hẳn cũng biết Mánh là người thế nào nên chỉ tím mặt lại mà nói:

– Thầy lý sự giỏi lắm. Tôi thì chả kể làm gì chứ lệnh quan sứ Đắc thì nghiêm lắm. Ngày mai tôi bắt buộc phải bẩm lên quan giám binh. Thầy có chịu là chịu phép Nhà nước đấy nhé.

Thế rồi quản Lạp bỏ đi nhưng Mánh không quên vẻ mặt của viên chánh quản: cái miệng nói rít hai hàm răng và đôi mắt cay cú bây giờ đang hiện lên trước mắt Mánh. Kỳ này nó phạt Mánh là phạt lây cả trại đấy. Nhưng Mánh và cái «đờ-mi gờ-rúp» của Mánh thì còn ra nhẽ chứ phạt lây cả trại là làm sao? Hay nó định đánh một đòn nặng vào cân não binh lính! Nếu vậy không phải ý định của Lạp mà của bọn Tây cơ? Hay chúng muốn làm cả trại thù ghét Mánh chẳng? Có thể như thế lắm, vì xưa nay Mánh hay lý sự với bọn Lạp và binh lính lại rất thích Mánh.

Dù sao thì cái lão sứ Đác cũng là một tên cáo già. Y nói tiếng Việt lầu lầu, thuộc quyển Kiều như cháo và hễ mở mồm là toàn nói các danh ngôn cổ. Nào "sát nhất

nhân vạ nhân cụ³", nào "quân pháp vô thân⁴". Và hẳn có những mảnh khoe tâm lý rất tinh vi. Có những vụ đáng ra phải có hình phạt nặng thì Đác lại cho gọi những người can phạm lên khuyên nhủ ngọt ngào, gọi những người ấy là "các con" cẩn thận rồi tha bổng. Trái lại có những chuyện không đâu thì Đác lại tỏ ra hung hãn một cách cố ý. Đã một lần toán lính do đội Trường chỉ huy dẫn từ đồn Đu về Thái Nguyên lĩnh lương. Lúc ấy Trường mới là cai nhất. Toán lính vừa ở phà Gia Bảy bước lên bờ thì gặp Đác chống ba toong đứng chơi ở đó. Anh em không biết mặt hắn nên không chào. Đác gọi lại bắt cả toán đứng "xấp măng" thành một hàng ngang. Đác xưng danh và dùng cái ba toong hèo vụt cho mỗi người ba cái ngang thắt lưng. Trường

3 giết một người làm vạ người sợ.

4 pháp luật không thiên vị ai.

cũng bị đủ ba gậy như những người lính của mình. Nhưng kỳ lạ thay, cuối năm ấy, Trường được gán lon đội ngay sau khi vợ Trường lên thăm chồng, chẳng hiểu sao lại chết đuối dưới sông Công.

Có người bảo vì ông sử Đác thương Trường mất vợ! Cái trò roi vọt, và cất nhắc rất quái gở ấy làm cho cả lính lẫn dân Thái Nguyên đâm hết vía, chẳng hiểu cái lão Tây ấy đầu óc minh mẫn hay là mất trí. Nhưng Đác càng ở Thái Nguyên lâu, người ta càng hiểu rõ hơn. Phải xét cung cách đối xử của y đối với quốc sự phạm mới hiểu được sự độc ác trong lòng y. Những người tù đói, khát, tê liệt vì cùm kẹp lâu ngày, những phòng giam ứ người, bắn thủ, tối tăm, những trận đòn đánh kín, đánh hở, kể cả đến việc cho uống, cho tiêm nhằm thuốc đã làm cho số quốc sự phạm mòn mỏi đi,

những ngôi mả vùi nông, nắm đất bằng cái rá con đầy ra trong "khu đất làm phúc" ở nghĩa địa ta.

Người ta còn nhớ một mệnh lệnh của Đác về khen thưởng lính dũng các làng như thế này: "Nộp một tai lính Đề Thám sẽ được thưởng năm đồng bạc trắng, nộp một lính Đề Thám bị bắt sống sẽ được thưởng hai đồng". Đã có lần Đác hỏi cũng quốc sự phạm, y đã dùng cả kiếm lễ đâm vào đùi người tù này thế mà thanh kiếm ấy được nhà nước Pháp trưng bày ở gian Đông Dương trong hội chợ đấu xảo thuộc địa ở Mác-xây cơ đấy. Từ 1915, có câu tục ngữ mới xuất hiện: "Nhất Đác, nhì Ke, tam Be, tứ Bít" (Dar-lea, Eckert, Wintrebert, Brides). Như thế là Đác đứng đầu bốn hung thần của nhà nước "bảo hộ" khét tiếng tàn ác đã thành câu vè đầu cửa miệng của nhân dân Bắc

Kỳ. Chính Đác là người đã nghĩ ra cách đánh số bằng ni-tơ-rát bạc lên tay những người "tình nguyện đi Tây" đấy!

Cai Mánh lẩm bẩm:

– Làm thân thằng lính khố xanh thật không bằng con chó của Tây. Thằng lính ăn roi còn con chó thì không, thằng lính ăn cá mắm, chó nhà nó lại hốc toàn thịt bò.

Cai Mánh không hề nghĩ rằng sự so sánh vừa rồi anh mới có khoảng gần một năm nay. Trước đây chính Mánh cũng đã từng bị Đác cho ba cái tạt tai ở giữa phố Chợ thế mà ngay sau khi bị đánh, Mánh vẫn đứng nghiêm chào Đác. Rồi còn cho là hôm ấy may đấy, chứ không thì còn chẳng biết còn bị cúp bao nhiêu ngày lương? Bây giờ thì khác rồi, trước Mánh chỉ búống với bọn quản, bọn đội

ta nhưng vẫn sợ Tây, đến nay Mánh đã hiểu ai là kẻ thù chính. Mánh nghiêng hai hàm răng lại. Lần này mà lão giám binh Nô-en với thằng quản Lạp định giờ roi giờ gây ra với Mánh thì coi chừng. Mánh đã có một gắp đạn ba viên giấu được từ lần tập bắn tháng trước. Mánh bật cười về ý nghĩ ấy. Mánh vừa cười nhặt vừa ghé mình cho Nhiều giọt nước lên lồng ngực gầy gò. Trên làn da xạm nâu có thích chàm một anh "Võ Tòng đả hổ". Hổ có vằn có vện cần thận nhưng dáng tròn thu lu như con mèo Xiêm nuôi làm cảnh, còn anh Võ Tòng thì cái mặt đã bị Mánh đốt đỏ đầu nòng súng gí vào, nay chỉ như cái vảy hạt cau khô màu nâu đen. Thì ra cái tính con người nó thay đổi cũng ghê, nhất là khi con người đã tự nguyện tham gia vào một sự kiện có quan hệ đến vận mệnh của nhiều người.

Khi chân trời đang đông chớm hoe hoe, đội Cấn đi đến cổng trại khố xanh Thái Nguyên. Trại này mang tên Tây là trại Bô-dông (Bauzon). Để tỏ cho dân biết rằng lính khố xanh đúng là lính của triều đình Huế, viên Toàn quyền Đông Dương đã cho xây các cổng trại của thứ lính này na ná như cổng tam quan các chùa.

Đội Cấn dừng lại ngắm cái cổng. Nó khá giống cổng chùa làng Nhan quê ông. Cũng ba cổng vòm quét vôi trắng, hai bên có câu đối đắp nổi trên tường. Bên trên cửa giữa là cái lầu vọng tiêu nhỏ. Mái vọng tiêu có hai con rồng chầu mặt nguyệt và bốn đao mác chót uốn cong, gờ chạy chữ triện. Nhưng theo ý chuyên môn của viên cố vấn về kiến trúc phương đông của trường Viễn Đông bác cổ, một số chi tiết điêu khắc và kiến trúc

được làm theo phong cách Chàm, ấn Độ, Xiêm La... Trước hết, đập vào mắt người ta là chòm mái cao quá, đao mái cong quá, chúng bắt nguồn từ kiểu cách những ngôi chùa bên bờ phải con sông Cửu Long. Rồi đến cổng vòm chính có bề dày gợi nhớ đến những vòm cổng xây bằng đá tảng của những ngôi đền bên bờ Hằng Hà. Và, bao giờ cũng vậy, đội Cấn thấy lòng ông gờn gợn khi nhìn thấy đôi mắt rỗng úp mái bằng thủy tinh lóng lánh. Những con mắt thú bằng thủy tinh màu tinh xảo này là sản phẩm của nền kỹ nghệ "Đại Pháp" mới mang sang xứ Đông Dương ít năm lại đây. Cuối cùng là màu vôi trắng, quá trắng của cái cổng nữa. Chính chúng, phải! Chính chúng đã làm cho cái cổng này có cái vẻ trầm mặc của tam quan chùa. Những con rỗng lấp mắt thủy tinh nom hỗn hào, ngạo ngược. Và sự lai căng ấy đã chễm chệ trên nền

nếp văn hiến của một dân tộc đã từng có Nguyễn Trãi, Nguyễn Du...

Như nước Đại Việt ta đây Đời đời là nước văn hiến (Trích Bình Ngô đại cáo) Lời Nguyễn Trãi xưa vẳng từ đáy lòng đội Cấn. Cội rễ mấy ngàn năm lập nước, giữ nước, từ tấm gương lớn của các bậc tiền bối trên mọi lĩnh vực đến từng nét nhạc, từng tập tục trong nhà, từng lời ăn tiếng nói... đã tạo cho mỗi con người sự hoàn chỉnh về ý thức và tâm hồn Việt Nam. Điều đó đã nhuần nhuyễn trong mỗi con người Việt Nam. Đội Cấn nhìn thấy, chỉ mới ở cổng trại Bô-dông, những vết tích của sự chà đạp thô bạo đối với nền văn hiến cổ truyền bốn ngàn năm... Nhờ có sự hiểu biết về cội nguồn, đội Cấn nhạy bén với những cái đang xảy ra quanh ông...

Tuy vậy mỗi lần nhìn cổng trại Bô-dông, đội Cấn vẫn nhớ tới chùa Nhan, nhớ tới quê. Quê ông nằm trong vùng đồi đỏ trung du Bắc Kỳ. Đó là một thôn nhỏ có một bờ tre gai dày, một dòng sông nhỏ chảy bên cạnh làng. Cứ mỗi chiều lũ trẻ giơng trâu từ bãi cỏ ven sông về làng, những con vật thở phì phò, bụng tròn căng, những đứa trẻ trật nón ra sau lưng, ngồi vắt vẻo trên lưng trâu. Đó là một làng nằm trên đường hành quân của Tây mỗi lần phát quân từ Hà Nội lên Hưng Hóa, sông Đà để tiến đánh nghĩa quân Tây Bắc của cụ Nguyễn Quang Bích và ông Đốc Ngữ. Mỗi lần chúng đi qua, bọn sĩ quan Tây lại một lần gây tội ác ở đó. Bắt gà, lợn, trâu, bò, bắt trai làng đi phu khiêng đạn và các đồ quân dụng khác. Có một lần, chúng vào làng nằm một bữa một gia đình có đám ma, bà con kéo đến đông. Bọn sĩ quan Tây đã ra lệnh cho

lính bắn sả vào những người làng đến đưa đám ma làm mười bảy người chết và hơn ba chục người bị thương.

Nhớ đến ngôi làng, đội Cấn nhớ tới gia đình mình. Họ Trịnh là một họ nghèo ở làng Nhan nhưng là một dòng họ có nhiều người học hành, đỗ đạt. Đội Cấn có hai ông chú đỗ tú tài, một ông bác đỗ cử nhân. ông bác không đi làm quan mà ở nhà làm thuốc cho dân quanh vùng. Cha ông là một ông đồ đã hai lần vào được tú trường thi hương. Nếu ông cụ không đỗ cử nhân thì cũng chỉ vì ông cụ không tìm được ngôi bút của mình và cả hai lần thi, hai lần phạm trường quy. Sau lần trượt thứ hai, ông cụ chán cảnh trường ốc, bỏ về làng làm nghề dạy trẻ. Bốn nhà nho nghèo vẫn chung sống quanh ngôi nhà thờ của dòng họ. Những năm còn ít tuổi, đội Cấn được cha chú

kèm dạy nghiêm ngặt để thông suốt cái đạo của người quân tử, nó chính là cái đạo làm người thời xưa. ông còn nhớ đinh ninh lời cha dặn lúc ông ra đời:

– Có nhân dân, có xã tắc, hà tất phải đọc sách mới gọi là học.. Đó là lời của thầy Tử Lộ dạy con ạ!

Anh Cấn lớn lên nhằm lúc Tây đang tổ chức khai thác bóc lột xứ Bắc Kỳ. Các khoa thi hương đã bãi bỏ. Không có đường tiến thân mà ở làng thì họ Trịnh vốn là dòng họ không có ruộng nương. Đã tuyệt đường sinh sống lại gặp lúc mấy kẻ cường hào vô học trong làng được dịp bắt nạt mấy ông đồ thất thế. Kỳ đi phu nào, chúng cũng gọi đến người họ Trịnh. Đường đời xô đẩy anh Cấn vào bước quần bách phải bỏ làng mà đi.

Nhưng đi đâu làm gì để sống? Thế là sau những đêm lo nghĩ uất ức, như là một người liễu thân, anh Cấn đăng lính khố xanh. Ngày anh Cấn bỏ làng ra lính là một ngày đầu mùa đông, có chút nắng hoe vàng làm cho ngôi làng nhỏ trở thành ấn tượng khó xóa bỏ trong lòng người ra đi. Hai cha con tiễn nhau ở cổng chùa làng Nhan bên ngoài cái tam quan nom rất giống cái cổng trại Bô- đông. Chúng giống nhau đến nỗi mỗi lần đứng trước cổng trại khố xanh Thái Nguyên, đội Cấn lại nhớ đến buổi chia tay với bố ở cổng chùa làng. Đội Cấn rất nhớ lời cha dặn ông hôm ấy. ông cụ trầm tư rất lâu trước khi nói:

– Mày đi, cố mà giữ lấy thiên lương. Có người bảo đi lính rồi có dịp dùng súng của nó bắn lại nó. Tao không biết thế nào mà tao chỉ trách tao sao sinh ra

chẳng gặp thời. Thôi mày đi và làm thế nào đừng để chú bác và mấy ông bạn già của tao trách cứ gia pháp không nghiêm!

Ông cụ đã có tuổi, không còn có thể bôn ba đây đó. ông cụ là nhà nho nghèo lỡ thời, chính vì thế nỗi lòng càng u uẩn. Nhìn con ra đi, ông cụ rất băn khoăn. ông cụ nghĩ mình là bậc cha mẹ mà không vạch được cho con cái một cái hướng «xử thế» cho phải lẽ.

Ngay việc cắt đi cái búi tóc vướng víu nơi gáy mà ông cụ đã dần vặt mình mấy đêm liền mặc dù mấy ông bạn già đã làm cái việc đó trước ông cụ hàng tháng trời. Cứ mỗi năm, ông cụ lại lên chỗ con trai đăng lính, bề ngoài là thăm con nhưng thực ra để xem xem tâm tính nó có «cái gì khác» không. Đội Cấn chưa hề làm điều gì để bố phải giận nhưng ông cụ vẫn lo lắng và trước khi về quê, bao giờ cũng

dặn con: «ở trong bùn mà không vương mùi tanh hôi là chuyện khó. Nhưng xưa nay những người biết nghĩ thì vẫn giữ được trọn vẹn. Ngày trước Mặc Tử đã dạy: «Làm việc nghĩa mà chưa được thì chớ làm điều gì trái đạo». Tao nghĩ rằng mày chớ nên quên lời đó!»

Đội Cấn còn nhớ lần ông bị Tây đưa đi đánh nghĩa quân Đề Thám thì được tin bố chết. Sự suy nghĩ dằn vặt ông mãi. Người trong quê lên thăm đều kể chuyện với Đội Cấn rằng khi ông cụ sắp mất, ông cụ rất tỉnh. ông cụ chết vì bệnh già, và còn trời trăng là Cấn phải chăm nom giỗ chạp hai họ nội ngoại cho chu đáo. Nhưng đội Cấn rất hiếu bố, ông biết rằng cha mình khi chết còn một điều làm ông cụ chưa yên lòng: Đó là nỗi lo con hỏng! Không phải ông cụ lo lắng không có lý. Lúc ấy ông Cấn đã được đóng lon cai rồi.

ông cụ thấy con được thăng chức thì rất buồn. Nỗi buồn ấy hằn day dứt ông già khi nhìn thấy con trai quần áo nhà binh mặc chỉnh tề, cái lon cai như chữ «nhân» lộn ngược đeo ở ống tay áo bên phải.

Kể ra cũng không khó cắt nghĩa về việc lên cấp này. Từ lính lên cai, đội Cấn đã làm việc nhà binh ba năm trời. Ông vốn là người không muốn để ai khinh mình. Vì thế, ông lúc nào cũng ăn mặc chỉnh tề. Ông lại giỏi chữ cho nên được dùng vào việc thảo giấy tờ với dinh bố chánh án sát trong tỉnh. Cách cư xử đĩnh đạc, biết tự trọng của ông đã khiến bọn giám binh, quản, đội phải trọng và anh em binh lính cũng kính nể ông.

Bỏ làng ra đi, tưởng tìm được cái gì mới nhưng té ra ở trại lính khổ xanh, đội Cấn đã chứng kiến bọn giám binh Tây đối xử với binh lính người bản xứ như

thế nào? Những phiên gác bên đề lao đã giúp đội Cận những dịp gặp gỡ với các quốc sự phạm và ông hiểu thêm về khí phách của những con người đáng kính ấy.

Việc bỏ làng ra đi, tuy thế vẫn mở rộng tầm mắt của đội Cận. ông được nghe kể lại sự tích đoàn kết, can trường của những dân quê Trung Kỳ đã kéo lên huyện, lên tỉnh rầm rập đòi bãi bỏ đi sâu, đòi giảm thuế, miễn thuế. Ông được nghe kể lại chiến tích anh hùng của các nghĩa sĩ cần vương Thanh, Nghệ, Tĩnh, Bình, các nghĩa sĩ vùng Bãi Sậy, vùng sông Đà.... ông được nghe kể về những cuộc nổi dậy của đồng bào thiểu số vùng núi Đông Bắc...

Nói gọn lại, những năm gần đây, dân ta từ Bắc Kỳ đến Nam Kỳ, từ người già đến người trẻ đã đứng lên bằng hình

thức này hoặc hình thức khác chống lại ách xâm lược của đế quốc Pháp một cách không hề biết mệt mỏi, không hề nản lòng. Những hiểu biết ấy giúp ông nhận ra rằng một khi ách xâm lược vẫn còn thì cả đất nước cũng chỉ là một nhà tù lớn mà cả dân tộc vẫn đang sôi sục tìm cách đập toang nó ra.

Chính vì hiểu được điều đó nên ông vẫn giữ được thiên lương...

Đội Cấn nhìn cổng trại Bô-dông với cảm giác khác hẳn mọi lần. Hình như cái cổng trại này không những làm cho ông man mác nhớ lại cổng chùa làng Nhan mà nó nhắc nhở ông điều gì mới. Đêm nay, cái cổng trại này sẽ chứng kiến một cuộc khởi nghĩa. Đời ông sẽ sang một bước đường mới. Người lính gác cổng kia sẽ không phải là một tên lính khổ xanh nữa. Quân khởi nghĩa sẽ từ đây tổ

chức cuộc đánh chiếm và giữ tỉnh lỵ. Và lá cờ khởi nghĩa sẽ bay phấp phới kiêu hãnh trên ngọn cột cờ kia...

Đội Cấn bước vào cổng. ông chào người lính gác rồi vào phòng cảnh bị ghi tên lên sổ điểm tên. Từ phòng cảnh bị, đội Cấn nhìn ra sông chính. Cảnh trại hôm nay vẫn chẳng khác gì ngày hôm qua. Tốp lính cở vê đang xách xô, xách chổi lếch thếch kéo nhau đi dọn nhà xí. Tốp lính vệ sinh đang quét bụi mù cái sân giữa và cổng lớn. Hai anh lính mới quần áo còn nguyên hồ đang rụt rè kéo nhau lên nhà giám binh ở quả đồi cao kia. Đó là hai phiên lính hầu, bổ củi, dọn nhà, dọn vườn, giặt quần, giặt áo cho vợ chồng Nô-en và con nó, và cả việc tắm chó, cho chó đi đá đi ỉa nữa.

Từ phía bể nước tắm, tiếng cười vô tư của đám lính trẻ vẳng lại nhưng đội Cấn

không thấy khó chịu như trước đây. ông nghĩ bụng: Đó là những người sẽ theo ta trong giờ hành sự. Khi họ hiểu ra họ là những người nô lệ cầm súng bắn giết những người nô lệ thì họ sẽ quay súng bắn vào đầu giặc. Bao giờ dân ta mới thoát khỏi cảnh tôi đòi, nô lệ nhục nhã này? Việc đó tùy thuộc ở nhiều người, những người thương nòi thương nước cùng chí hướng với ông. Đến giờ phút này ông mới tự trách mình đã quá dè dặt nên không giác ngộ thêm được một số binh lính nữa.

Đội Cấn cởi khuy cổ áo. Tiết trời giữa thu mà sao oi bức ngột thở thế này. Gió đưa hơi nóng mặt đường phả vào hăm hập. Tiếng cười bên bể nước tắm vẫn vẳng lại. Đội Cấn ra khỏi phòng cảnh bị đi về phía dãy phòng dành riêng cho hạ sĩ quan. ông chào đáp lễ mấy người

đồng sự như một cái máy. Dần dần đội Cấn thấy lòng mình bình thản hơn. ông đến phòng số 5, giơ tay gõ nhẹ vài tiếng. Đây là căn phòng dành cho đội Trường nhưng đội Trường chỉ ở đây ban ngày, còn anh ta lúc nào cũng ngủ đêm ngay trong kho súng. ông hỏi người bạn đồng cấp có khuôn mặt đẹp và ánh mắt rụt rè, xa cách:

– Thế nào?

– Nó đổi tôi đi Phú Bình, đổi anh Giá lên Đu.

– Còn tôi?

Cấn hỏi giật giọng.

– Nếu anh em phải đổi lúc này thì phải để phòng bọn Tây và cần dò xét xem chúng định giở trò gì.

– Không thấy nói đến.

Trường nói chậm rãi. Đội Cấn im lặng suy nghĩ. Hay lộ rồi chẳng? Đổi đội Giá, một cánh tay đắc lực của ông đi thì đó là điều đáng ngờ nhưng đáng suy nghĩ nhất là sao ông không bị đổi đi? Chắc không phải vì lộ! Và tại sao lại đổi đội Trường, cái người thường được khen là mẫn cán? Đội Cấn hơi bức khi nhìn vẻ im lặng của Trường. Quan hệ giữa hai người từ trước tới nay chưa hề xảy ra to tiếng, nhưng cũng chẳng có gì gần gũi nhau và nói cho đúng ra đội Trường cũng chẳng gần ai. Rõ ràng anh ta lảng tránh mọi người. Đội Cấn đã vài lần nói bóng gió đến những triều vua lập nước như Ngô Quyền, Lê Lợi để thử lòng đội Trường nhưng anh ta cứ muốn níu lấy Thái Nguyên với cái kho súng sạch bóng suốt đời hay sao ấy? Đội Cấn nghiêm khắc nhìn bạn:

– Không phải nó đổi anh Giá đi Đu đầu. Mà tôi chắc anh Giá sẽ lên cấp và chuyển sang ngạch khố đỏ.

– Anh Giá đi Tây à?

Đội Trường hơi bàng hoàng.

– Còn gì nữa. Sau những trận đánh ở sông Mác (Marnes) lại đến mặt trận sông Xom bên Tây nuốt bao nhiêu sinh mạng. Người ta bảo lính tập An Nam chết như ngã rạ ở sông Xom (Sommme).

Đội Trường hơi cúi đầu. Nói đến sông Xom là chạm tới một trong hai nỗi niềm riêng của đội Trường. Anh có một người em trai ở mặt trận này. Anh là người nuôi dạy nó, đưa nó vào lính. Mẹ anh trước đây đã từng khen công anh nuôi dạy, gây dựng cho em và đã có lần xỉ vả anh đưa em vào chỗ chết. Khi

Âu chiến bùng nổ, em đội Trường đi Tây trong những chuyến đầu tiên. Anh lo cho em và anh vẫn tin em mình sẽ không chết. Nhưng từ khi nghe tin ở mặt trận sông Xom cả Đức lẫn Tây cùng thiệt hại nặng thì anh lo cho em và càng thương mẹ. Những câu hỏi đầy vẻ âu lo, sợ hãi của một người mẹ có con đi lính sang Tây đã dần vạt anh:

- Mày có được tin gì của em không?
- Bao giờ thì nó được về?
- Sao mày không xin quan trên cho nó về?

Đã ba tháng nay, em đội Trường không gửi thư về. Có lẽ nào?... Chắc nó chuyển mặt trận, hoặc thư từ nghẽn ở một bàn giấy nào đấy. Bọn Tây chúa sợ những lá thư lính gửi về kể lể nỗi khổ

chiến hào, cái đói, cái rét và nhất là cái chết. Nhưng Trường có lo nghĩ về em cũng đến vậy thôi. Mọi điều xảy ra ở mặt trận sông Xom đều ngoài quyền lực của Trường. Đôi mắt buồn buồn của Trường nhìn Cấn không chớp. Có một vẻ gì đây thoáng hiện trong đôi mắt đẹp ấy mà trước đây đôi Cấn chưa nhận ra? Nó không phải là vẻ buồn thông thường mà đôi mắt u uẩn ấy giống như đôi mắt của một bà mẹ đau khổ. Đôi Trường chợt đỏ mặt lên như một người hổ thẹn.

– Bác Cấn! Hôm nay lão Nô-en sẽ phạt cai Mánh mà tôi biết bây giờ thì chú ta không chịu được nhục đâu. Bác hãy bảo chú ta đừng nổi khùng lên để hỏng việc lớn.

Đôi Cấn giật mình nhìn người bạn đồng sự.

– Bác vừa nói hỏng việc gì cơ?

Đội Cấn hỏi và ông lo lắng chờ đợi một sự sụp đổ bao công phu bấy lâu đã vun đắp.

– Có lẽ bác không hiểu hết tôi đâu. Tôi khổ lắm! Bây giờ và sau này cũng thế thôi nhưng đến tối nay... đến tối nay tôi sẽ nói với bác một điều mà bác không ngờ tới.

Đội Cấn càng sững sờ, mắt ông sáng lên niềm hy vọng.

– Bác dặn chú Mánh thì tốt hơn tôi

Trường nói thân mật. Đội Cấn tự nhiên thấy hơi ngượng. ông biết cai Mánh rất ghét đội Trường. Mánh và Trường cùng đăng lính một ngày mà bây giờ ở những cấp khác nhau. Trường là đội bốn thuộc lớp hạ sĩ quan, là cấp

trên của Mánh. Nhưng cai Mánh ghét đội Trường ở cái tiếng khen mấn cán, ở chỗ ít nói năng đụng chạm với ai, ghét Trường ở chỗ giao du thân mật với quản Lạp và đội Hạnh, cái ghét nhuốm một phần cái khinh. Cái lon cai chữ V bằng dạ đỏ vàng của Mánh đã có lần được viên một đường kim tuyến cai xếp nhưng rồi sau một trận đánh lộn với lê dương bên trại Xê-da-ri (Césari), đường viên kim tuyến ấy cũng mất. Điều đó Mánh cũng coi khinh như khinh tính mệnh mình và tính mệnh người bên cạnh vậy. Anh là một con người đi nếm cơm khắp thiên hạ hàng mười năm trời. Nhà Mánh có hai anh em bỏ quê đi làm phụ lục lộ đắp đường Hà Nội - Lạng Sơn, quãng từ Kép đến Đồng Mô.

Mánh ăn đói nên tay chân rã rời làm không được bị cai Tây hành hạ đánh đập

đến mức không chịu được. Anh đã vác xẻng nện cho thằng ấy một cái vào đầu nằm thẳng cứng rồi anh bỏ trốn sang Thái Nguyên đổi tên đăng vào lính khố xanh. Em ruột Mánh thỉnh thoảng qua thăm anh thường rụt rè khuyên anh: Anh xin mãi lính đi. Anh em đưa nhau xuống Phòng kiểm ăn, no đói gì cũng có nhau. Hay gì cái nghiệp lính khố xanh. Mánh đã định theo em nhưng người em chẳng may chết vì sốt rét ngã nước. Mỗi lần nhớ đến em, Mánh càng thương em và giận thân. Mánh giận thân và giận đời. Chú cai gây đen ấy gây sự, đánh lộn với hầu hết lính tráng trong trại và hề đánh nhau với ai là đeo đẳng đến khi người ta ngán, ngấy, ghê, khiếp đánh nhau rồi chịu thua Mánh.

Mãi đến khi đội Cấn đưa Mánh đến gặp Lương Ngọc Quyến thì tâm tính

Mánh bỗng nhiên đổi khác trước. Mánh không đánh nhau với ai nữa. Mánh không kể lại cho ai nghe cuộc nói chuyện tay đôi giữa Mánh và người quốc sự phạm bị cầm cổ ấy nó thế nào. Mánh chỉ nói một câu về Lương Ngọc Quyến:

– Ông ấy là người nghĩa khí, học rộng mà đi cũng nhiều.

Mánh tin Quyến và tin đội Cấn. Vì vậy khi đội Cấn tìm Mánh và dẫn dò Mánh, người cai gậy, héo hon ấy bảo anh em trong «đờ-mi gờ-rúp»:

– Đi chào cờ! Hôm nay cánh mình bị nó phạt đấy. Nhưng các chú phải theo tôi, không được nổi khùng mà cũng không được hèn đấy.

Mánh quên rằng chính anh là người nóng tính nhất trong «đờ-mi gờ-rúp». Mánh dẫn anh em theo đường cái giữa

ra sân chính. Mới chập sáng mà tiết trời đã oi bức báo hiệu một ngày nóng nực, ngày ngột gió chờ mưa. Mặt đường qua một đêm vẫn chưa nguội. Những người lính khố xanh đi chân đất thấy mặt đường nóng hổi.

Toàn thể trại Bô-dông và binh lính văn phòng chỉ huy lữ đoàn khố xanh tỉnh Thái Nguyên đã xếp thành ba khối theo hình chữ U ngoảnh về phía cột cờ gần cổng giữa. Ai nấy quần áo chỉnh tề, sà cạp xanh quần gọn, khố xanh thắt múi khéo, lá tọa bông xuống phẳng phiu, nón tre bọc vải xanh có những lá đề phủ gáy. Viên giám binh chỉ huy lữ đoàn Thái Nguyên vốn có cái thói phạt lính để ra oai. Y coi đó là việc đầu tiên phải là để khếp lính vào kỷ luật nhà binh. ở các "xếp xông⁵", các viên đội chỉ huy đều đứng ở ngoài hàng, chân họ đi giày bờ-

5 Tương đương một trung đội

rô-đơ-can (giày đinh đóng cổ) đánh đen bóng. Đó là sự phân biệt đầu tiên giữa binh lính với hạ sĩ quan: Các binh lính đều đi đất hết. Về cái khoản đi đất này anh em binh lính có những ý kiến khác nhau. Có người thì bảo đi giày đau chân lắm, da cứ trượt ra. Có người thì bảo Tây nó khinh lính khố xanh quá. Bọn chỉ huy khố xanh người Tây cũng chẳng giống ý nhau. Có viên giám binh thì bảo có thể bọn khố xanh mới chịu sang khổ đỏ. Có viên giám binh khác lại nó cho nó đi giày nó mới chịu đi hành quân xông xáo trong khi bình định. Nghe ra ai cũng có lý cả. Nhưng người nói lính khố xanh bị khinh rẻ đúng hơn cả. Đúng trong hàng, đội Cận nhìn đồng ngũ và bỗng nhiên ông thấy bọn Tây đã lập ra được một thứ kỷ luật nhà binh máy móc cứng như đá như sắt và bọn chỉ dùng hình phạt

để giữ vững kỷ luật: Khuy đồng bị xỉn, bị hoen ố một chút? 24 giờ nhà tù cơm muối. Quần áo nhàu nát, sà cạp bị tụt? 48 giờ nhà tù cơm muối. Thiếu mặt giờ điểm danh? 48 giờ nhà tù cơm muối, cúp ba ngày lương. Súng bắn? Một tuần phạt giam. Cúp 7 ngày lương. Thiếu đạn và để nổ súng bất cẩn? (mỗi người lính khố xanh đi gác được phát 6 viên. Chỉ người đi gác được phát đạn). Tòa án binh. Lột lon cho đi tiểu đoàn kỷ luật. Tiểu đoàn kỷ luật là đơn vị thu tất cả các loại tù lính. Những người này đều đã bị lột lon, không được đeo thắt lưng và quần sà cạp. Vì đây là thứ lính nhếch nhác, không phải tập tành gì cả nhưng phải làm đủ mọi thứ cở vê nặng nhọc nhất, bắn thủ nhất từ dọn cút nhà xí đến đào hố chôn người chết.

Đội Cấn chốt nghỉ chính cái kỷ luật ác nghiệt ấy đã luyện cả trại lính thành một cái máy, máy ăn ngủ, máy cầm súng bắn giết đồng bào người Việt. Binh lính trại Bô-dông đứng im phăng phắc. Lệnh tập hợp toàn trại báo hiệu một vụ khen thưởng hoặc phạt lỗi, thường chỉ là phạt lỗi. Với một chỉ huy như giám binh Nô-en, trại Bô-dông bị phạt như cơm bữa. Nhưng trước đây binh lính rất sợ bị phạt còn bây giờ họ không sợ nữa, mặc dù họ biết hôm nay chính Nô-en đứng ra chỉ huy cuộc trừng phạt.

Họ biết vậy vì quản Lạp không đứng ở vị trí chỉ huy toàn trại. Hắn đứng lùi hẳn sang đầu «xéch-xông» Một, ngoảnh cái mặt ám khói thuốc phiện vào cột cờ. Hắn đi ghệt cẩn thận nhưng chính đôi ghệt làm cho hắn càng có vẻ lùn hơn. Cặp mắt lơ dờ ngiên ngập của y ẩn dưới

bóng rợp của cái mũ cát, cặp mắt lơ lơ ấy chậm chậm nhìn từ đầu đến cuối hàng quân của từng «xếch-xông». Đội Cấn biết cặp mắt lơ lơ ấy không bỏ lọt một sơ suất nào trong trang phục của mỗi người lính. Khi cặp mắt lướt đến cái «đờ-mi-gờ-rúp» của cai Mánh thì ngừng lại giây lát và lúc ấy hình như miệng quân Lạp thoáng một nụ cười rất kín dưới hàng ria mép rậm. Cái kiểu râu này bắt đầu nổi tiếng từ khi người ta được xem ảnh lão thống chế Phốc (Foch). Các sĩ quan Tây và bọn quân ta ở Đông Dương đua nhau để kiểu râu ấy, kiểu ria mép dài, rộng, chót uốn cong lên má nom như cái ghi-đông xe đạp.

Đội Cấn nhìn lên ngôi nhà của giám binh Nô-en. Ngôi nhà làm theo kiểu boong-ga-lô⁶ hai tầng trên một quả đồi

⁶ Loại nhà đặc biệt có hành lang bốn phía của bọn Tây ở các miền núi.

thấp. Từ trên nhà xuống sân trại lính cách nhau ba, bốn chục bậc thang xây gạch. Đội Cận thấy Nô-en đi từ trong boong ra. Y bước chậm nhưng tiếng đinh thúc ngựa gõ leng keng nghe rất rõ. Nô-en mặc loại áo sĩ quan trong ngày lễ: áo "tuy-ních"⁷ trắng như tuyết, khuy vàng, ngù vai kim tuyến lóng lánh; quần đi ngựa cũng màu trắng và đôi ủng nâu bóng loáng. Nô-en đeo một thanh kiếm vỏ mạ kền xanh, vòng che tay bằng đồng mạ vàng chạm trổ. Hắn cao lớn, dáng dấp gọn và chững chạc nhưng vẻ cụt cụt sĩ quan kỵ binh của hắn đã giảm nhiều vì hắn đã bắt đầu bệu chảy ra. Mặt Nô-en có hai đặc điểm: đó là cái mũi rất nhọn như cái mỏ diều hâu và hàng rai rất dài vượt sấp cong vút lên như râu giả. Nô-en vừa đi vừa xỏ tay trái vào chiếc găng tay

⁷ áo ngoài cổ đứng kiểu nhà binh. Pháp ba màu xanh trắng đỏ.

trái. Trong toàn bộ con người hắn có lẽ cái nhiều chất quý phái nhất là cái găng tay ấy. Khi Nô-en đi gần tới đường cái chính thì quản Lạp hô toàn trại:

– Gác-đờ-bu!

Toàn trại co chân rập một cái. Nô-en nhìn giây lát rồi trịnh trọng giơ tay lên chào lại. Hắn xoay nửa vòng một cách thật kiểu cách, thật đúng điệu. Hắn nhìn từng “xếch-xông”, nhìn rất kỹ. Nô-en chợt thấy hài lòng. Binh lính của y rất có kỷ luật vừa sợ y như con trâu sợ cái nhìn của con báo. Nô-en liếc nhìn cai kèn. Đội “cơ-le-rông” bốn chiếc lập tức cùng múa kèn lên rất đều và bài chào cờ chóc lên: Tò tí tí tí te... Đứng trong hàng, cai Mánh suýt phì cười. Trong “đờ-mi gờ-rúp” của anh, bài chào cờ này đã bị Nhiêu đặt lời khác. Những nốt nhạc đầu được Nhiêu thêm lời là Cờ nước Pháp đã kéo lên...

Những nốt sau thì thế này... Te tí tí te tò te tí

– Con chó nó đang buồn đi đái. Te tò tò tò tò te

– Tây già rồi thì về Tây.

Bài chào cờ này bao giờ cũng khiến cho bọn Mánh phải nhin cười đến khổ sở. Lá cờ của trại khố xanh Thái Nguyên là một lá cờ⁸. Lá cờ được kéo lên cột rất chậm chạp. Lá cờ bằng sa tanh rất nặng. Gặp buổi gió nặng, cờ rũ xuống. Chỉ thấy nắng chiếu lên hàng tua ngân tuyến lấp lánh. Giám binh Nô-en lùi lại một bước. Hắn ra lệnh cho quản Lạp:

– Quản cơ! Đọc lệnh!

Cai Mánh thót bụng tự nhủ: Đến

8 Cờ có tua ngân tuyến, lòng cờ thêu hàng chữ «Indochine francaise - Garde Indigène» nghĩa là «Đông Pháp... Vệ binh bản xứ»

chuyện mình đây! Quản Lạp đồng dặc:

– Cặp-pô-ran Nguyễn Văn Mánh
ma-tơ-ri-quán xăng tơ-răng-đơ (cai
Nguyễn Văn Mánh số một trăm ba mươi
hai).

Lạp đọc có vẻ hơn hở. Hắn nhìn cai
Mánh bước lên trước hàng quân.

– Min tờ-răng-xanh! (Một nghìn
không trăm ba mươi lăm).

Min tờ-răng-xanh là số lính của
quyền Nhiêu. Theo điều lệnh nhà binh
Tây binh lính không có tên nữa mà chỉ
có số. Khi anh lính mặc áo nhà binh, tên
anh chỉ còn là một con số.

– Min đơ xăng (một nghìn hai trăm).

– Đơ min vánh cát! Đơ min vánh
xanh! (hai nghìn hai mươi bốn, hai nghìn
hai mươi năm).

Năm người lính đứng thành một hàng ngang trước mặt quán Lạp. Họ chính là cái «đờ-mi gờ-rúp» của Mánh. Họ chính là những người làm cỗ về bữa cai Mánh lý sự với quán Lạp. Bây giờ họ đứng nghiêm, súng vác trên vai. Cai Mánh lạnh lùng nhìn xoáy vào cặp mắt lơ đờ của quán Lạp. Bàn tay trái của Mánh đặt lên túi quần bên trái. Mánh lần đầu ngón tay trở gọi gọi qua lần vải ka-ki lên cái kẹp đạn ba viên giấu trong đó. Quán Lạp đọc the thé:

– Chiếu chi Rách-lơ-măng duy xon-da⁹

– Chiếu chi ác-tic ca-răng-xanh đờ đờ-voi mi-li-te¹⁰

– Chiếu chi tờ bầm của quán cơ.

9 Điều lệnh của binh lính (Règlement du soldat)

10 điều thứ bốn mươi năm nói về bốn phận nhà binh

Quan giám binh chỉ huy lập lách¹¹ Thái Nguyên, phạt ét-cu-át¹² do cặp-pô-ran Nguyễn Văn Mánh, số lính xăng-tờ-răng-đơ dẫn đi áp tải tù làm cỏ vê đã để tù trể nải bỏ việc ngủ chơi. Xét việc nhà binh không làm tròn, quan giám binh phạt cả ét-cu-át tập binh trước toàn "com-ba-nhi"¹³ để tỏ rõ kỷ luật nhà nước và làm gương cho cả trại... Thái Nguyên lơ tờ-răng, út, min nớp xăng đít xét (30-8-1917) Quan giám binh hạng nhì chỉ huy lập lách đã ký và đóng dấu.... Nô-en

Quản Lạp ngừng lên bắt gặp cái nhìn dữ dội của cai Mánh. Lạp kiểng cái tính liều lĩnh của Mánh thật nhưng hôm nay y vẫn thấy mình có đủ oai quyền để trị Mánh. Đã có quan giám binh Nô-en đứng kia. Ngay đến Lạp còn sợ quan giám binh

11 Trại (La place)

12 Đội (Equipe).

13 Đại đội (Compagnie)

nữa là cái anh cai gầy kia, dù anh ta có là trùm «anh chị» đi nữa. Lạp chưa bao giờ cho rằng những tên "tốt đen" này cũng là người như hấn và hấn cũng chẳng phải hạng người như quan giám binh. ông Nô-en là bậc trên, lĩnh nhiều tiền, làm ít việc, cả ngày chỉ ký ba tờ giấy, mở miệng là có người được khen, có kẻ bị phạt. Lạp thì có việc mà làm, nhưng cũng được ra lệnh nọ lệnh kia và là người lĩnh nhiều lương nhất đám khố xanh. Còn cái lũ kia thì phải làm tuốt các việc kể từ dọn cút nhà xí đến việc ngồi nhà phạt và việc ra trận giờ ngực làm bia. Quản Lạp vờ như không nhìn thấy Mánh, liền hô to:

– Gác-đơ-bu! (Nghiêm).

Toán lính đứng nghiêm.

– Ngồi xuống! Toán lính ngồi.

– Đứng lên! Toán lính đứng lên...

Quản Lạp bắt «đờ-mi gờ-rúp» của Mánh đứng lên ngồi xuống mười lần rồi hăn đổi kiểu.

– Chuyển súng!

Thế là toán lính đứng vòng tròn, người nọ chuyển súng cho người kia như chơi trò lẩn quẩn, nhưng chính cái trò lẩn quẩn này rất mỏi tay. Chơi trò lẩn quẩn chán, quản Lạp bắt «đờ-mi gờ-rúp» của cai Mánh đứng giạng hai chân, lần lượt người nọ nối người kia chui ngửa qua háng nhau theo đúng động tác luồn dây thép gai hàng rào. Bọn Mánh bị làm nhục nên anh nào cũng căm tức. Bắt bò chán, quản Lạp bắt họ vác súng lên vai đi đều bước. Thỉnh thoảng quản Lạp hét lên: "Săng-giê lơ pa" để bắt lính đổi chân. Nhưng toán lính của Mánh là lính cự,

họ đã quen đổi chân và đổi rất đều. Họ còn trêu tức Lạp bằng cách lúc đổi chân, chân phải giậm mạnh xuống mặt đường rất gọn. Lạp cúi liền hô to:

– ôác-giê¹⁴!

Toán lính liền hạ súng, bỗng ngang hông chạy như lúc xung trận. Cái "đờ-mi gờ-rúp" ấy chạy mãi, chạy mãi, mấy chiếc vỏ lưới lê đập lách cách bên đùi. Một vòng sân... hai vòng sân... ba vòng... từ vòng thứ ba anh em thấy ù tai, cai Mánh bắt đầu cúi. Anh muốn đứng lại khi nhìn thấy vẻ thích thú của quân Lạp, nhưng nhớ lời đội Cấn, Mánh cố nén cơn giận. Kẹp đạn bỏ túi quần cứ đập vào Mánh rất khôu gọi. Đến vòng thứ năm, chân Mánh hơi loạn choạng. Mồ hôi tràn xuống mắt khiến anh nhìn không được rõ. Mánh vấp một cái rất đau vào

14 passez : tiến lên

hàng gạch viên sân. Mánh buột miệng:

– Tiên sư...

Anh đưa tay áo quệt ngang mắt và ngừng mắt lên. Cũng may, Mánh nhìn thấy bộ mặt lo lắng của đội Cấn. Mánh lấy lại được bình tĩnh. Anh cảm thấy người bạn quý mến của anh đang nhủ anh: "Ráng chịu! Ráng chịu!" Nặng lên. Bọn Mánh đã chạy tới vòng thứ chín. Mánh lại vấp một lần nữa, lần này không phải anh không nhìn thấy đường mà chính vì cái chân không theo khối óc nữa. Mánh ngã quật xuống, vấp môi vào mặt đường. Một người lính trong «đờ-mi gờ-rúp» theo chân quyền Nhiêu nhảy qua Mánh, chạy tiếp. Cả hàng quân im lặng, người sợ hãi, người hồi hộp, lo lắng. Tất cả bấy nhiêu con người đứng nghiêm, mặt thẳng nhưng mắt thì liếc về phía Mánh. Họ cảm thấy mình bị vấp vào mặt,

cảm thấy nhọc. Mánh từ từ ngồi dậy, bàn tay chống vào đùi, qua lần vấp Mánh nấn thấy kẹp đạn khêu gợi nọ. Mánh mệt quá. Anh muốn đứng lên nhưng chưa được. Giám binh Nô-en chậm chạp bước lại gần. Hắn giơ cao chiếc roi ngựa quật vào lưng Mánh. Người cai gây héo khẽ oằn người. Anh bặm môi, máu rỉ vào miệng mằn mặn. Mánh chống tay vào đầu gối, loạng choạng đứng lên.

Đội Cận khê thở dài. ông biết các bạn mình cũng đang nhẹ người như ông. Cai Mánh lão đảo vác súng chạy hết mười vòng là vòng cuối cùng. Anh chạy trong giấc mơ, như cái máy. Quản Lạp đành cho Mánh dẫn toán lính về hàng quân. Toán lính chóng mặt, đứng lão đảo, mắt họ quáng gà, mọi vật như xoay tròn đến nỗi có lệnh nghỉ rồi mà năm người lính vẫn đứng trơ giữa sân với khẩu súng dài

ngoảng trong tay. Các «xếch-xông» đã giải tán mang súng đi ký kho. Các viên đội vào phòng chỉ huy "lập-lách" nhận lệnh. Lính ở kho về vây lấy bọn Mánh nhưng không ai hỏi han bọn Mánh được câu nào vì đội Hạnh mò đến. Viên đội đẹp trai ấy cười rất tươi. Cặp môi đo đỏ của y nom lảng lơ lạ:

– Đây là tôi gàn mãi quan quản mới không bấm lên cựa sứ chứ không thì ít nhất cũng mười lăm ngày phạt và xoi nửa lương.

Bọn lính lặng lẽ nhìn Hạnh. Đôi má Hạnh hơi tái đi. Y gượng cười nhìn về lạnh lẽo, lừ lừ của đám người vây quanh y. Cai Mánh bảo Hạnh:

– Bữa nào có dịp đi trận, ông cho tôi theo ông nhé.

Mánh cười. Hạnh thì không cười. Y biết cai Mánh ám chỉ những viên đạn lính bắn vào lưng vào đội, bọn quân trong lúc chiến đấu. Y cố chữa gương:

– Giải tán! Giải tán ngay không quan giám binh cho cả trại "công-xinh" (consigne, phạt giữ lại trại) bây giờ.

Và đội Hạnh bỏ đi trrước. Y chuẩn lên phòng «lập lách». Cửa phòng có chiếc bảng đen kê trên giá ba chân. Đội Hạnh nhặt viên phấn trắng, viết một hàng chữ: "Để răn binh lính lập lách biết tuân lệnh người trên, quan giám binh đã ra lệnh cho phòng binh lương hoãn kỳ 'tút-sê' đến khi có lệnh mới". Chữ đội Hạnh vừa cứng nét vừa tươi. Té ra y là người "văn hay chữ tốt" cơ đấy.

Chương 3

Binh lính chờ giờ đi làm ở sân giữa. Số binh lính các đồn khác về lĩnh lương cho anh em trong đồn cũng đứng đây ngoài sân. Chuyện xôn xao về hoãn trả lương, chuyện nợ nần, chuyện tán tỉnh cô hàng ốc luộc, cô hàng bún chả, cô con gái bà bán tạp hóa rìa phố Chợ, chuyện âu chiến; rôm rả nhất là chuyện âu chiến và những chuyến tàu đi Tây chở đầy lính chào mào¹⁵ An Nam.

15 Lính khố đỏ đội một thứ mũ ca-lô cao như mào chim nên có tên gọi chế diễu là lính chào mào.

Những viên đội đã từ phòng chỉ huy lập lách đi ra, người nào gọi «xếch-xông» của người ấy sắp mắng nghe lệnh công vụ: đờ-mi gơ-rúp của cai Mánh thuộc "xếch-xông" Hai. Người chỉ huy "xếch-xông" Hai là đội Giá. Đội Giá và đội Trường như hai thái cực. Trường lặng lẽ, mặc cảm và u buồn. Giá hoạt bát, sắc sảo và vui tính. Trường vừa lòng hầu khắp mọi người. Giá có người quý mến anh cũng có người thù ghét anh. Chính Giá cũng thế. Anh yêu ai thì yêu ra mặt và ghét ai thì như đào đất đổ đi. Giữa Giá và Trường chỉ có chỗ giống nhau: đó là hai viên đội trẻ nhất trại khố xanh tỉnh Thái Nguyên. Đội Giá vốn là tay kinh địch với quân Lạp xưa nay.

Quản Lạp giao phần công vụ có việc tù cỏ vê «xếch-xông» Hai để trêu tức đội Giá nhưng đội Giá giao ngay việc đó

cho cai Mánh để thách thức viên quản nghiện. Anh biết nếu y vớ được chuyen tù chơi, tù ngủ lần nữa thì chẳng những cái lon cai hạng bét của Mánh đi tong mà chính anh cũng rơi từ hàng đội xuống hàng cai và tất cả sẽ "chào từ biệt" trại Thái Nguyên để hát bài "lính tập đi Tây". Cổng trại đã mở toang. Cai Mánh dẫn mười người lính điếu ra. Mé ngoài gờ-rúp, đội Giá bước thong thả. Ngang thắt lưng anh cũng có bao súng lục nhưng bao lép kẹp. Anh không nghiện thuốc lào. Cai Mánh và những người lính phạt vẫn còn đăm đìa mồ hôi. Vải áo năm tà bết chặt lấy bả vai ngựa ngáy khó chịu.

Nhìn thấy quản Lạp đứng chống nạnh bên thêm phòng quản cơ, cai Mánh chửi một tiếng thầm rất tục. Từ thuở đăng lính đến nay đã sáu năm, đi đồn nào, Mánh cũng gặp mặt cái thằng

nghiện này. Y không quát lác ra mặt với cái anh chàng «anh chị» người héo hon ấy, y cứ chia việc. Mà việc toàn là cở vè nặng và bẩn thỉu. Có khi còn là những việc nhục nhã nữa. Cai Mánh muốn tỏ cho Lạp biết anh coi thường cái chuyện phạt vừa rồi. Mánh dẫn lính lượn ra trước mặt quán Lạp và còn vênh mặt lên, xòe tay chào Lạp.

Ra đến đường cái, toán lính khố xanh rẽ quặt về phía đồi lao. Ở cổng trại đã tụ bạ một đám đông những chủ nợ ngồi lê la bên cánh mấy bà bán bánh giầy, bún chả. Mấy thằng ma cô, mấy đứa gái điếm, cô đầu cũng đang lơ láo ngó vào trong trại. Nhưng bọn nặc nô của mộ quán Lạp thì không thấy đứa nào. Điều đó chứng tỏ con mộ đó biết trước việc hoãn trả lương. Cai Mánh khôì hài:

– Thôi, về đi các bà!

Bọn chủ nợ ngo ngoe ngác. Mánh nhe răng cười:

– Đã được lĩnh lương đếch đâu!

Bọn chủ nợ ồ lên ô a hỏi nhau, hỏi Mánh, hỏi Giá, hỏi những người lính khố xanh đi cỏ vê:

– Hôm nay ba mươi mà?

– Làm sao chưa được lĩnh lương hả xếp?

– Hết tiền hết gạo mà thế này thì chết thôi! Ông phải kiếm tí gì giả đỡ tôi chứ?

Mánh dùng ngón trỏ và ngón giữa của bàn tay phải quắp thành một cái tục tũ vung về phía bọn chủ nợ:

– Này! Có lấy không?

Những bà hàng quà bánh biết lính

tráng chưa có lương đành chửi tục rồi bỏ ra về.

Mấy ả cô đầu khăn nhung đuôi gà cũng lượn lờ một lúc rồi tản hết. Cổng trại trở lại vắng vẻ, trơ trẽn.

Đội Giá dẫn toán lính đi xuống khu phố chính. Anh đang nghĩ về một việc mà đội Cấn đã giao cho anh. Anh sẽ vào đề lao tìm người tù số 71. Việc liên lạc với người tù số 71 này chính là việc liên lạc của quân khởi nghĩa với những người chiến sĩ cũ của Đề Thám. Số anh em dư binh Đề Thám và quốc sự phạm Việt Nam Quang Phục Hội mà người tiêu biểu trong đề lao Thái Nguyên là Lương Ngọc Quyến bấy lâu vẫn có liên lạc, trao đổi tin tức với nhau. Nhưng không thành một tổ chức thống nhất. Với cả hai nhóm, đội Cấn đều có mối quan hệ mật thiết và kín đáo. Việc gặp Lương Ngọc Quyến

do chính vợ chồng ông đảm nhiệm, việc gặp người tù số 71 tù trước vẫn giao cho đội Nam và lần này giao cho đội Giá.

Nghĩa quân thường hỏi ý kiến những người cách mạng cũ ấy. Viên đội trẻ ấy có một nỗi niềm riêng mà ngay với những người rất thân thiết trong trại khổ xanh cũng chưa hề được anh bày tỏ. Một nỗi niềm riêng nhưng có những dính líu chung! Đội Giá là người quan trọng trong những anh em binh lính có âm mưu đánh Tây. Một buổi tối, Giá thay mặt anh em cầm thư liên lạc đi gặp dư binh Đề Thám còn sống lẫn khuất chung quanh Thái Nguyên. Chỗ hẹn là cái bãi cỏ vắng, rậm rạp ven hào thành Thái Nguyên. Người nhận thư chính là cô Lý con gái cụ Quát, chủ cái quán bán rượu và đậu phụ nướng đầu làng Đông Mỗ. Giá cũng thường hay lui tới quán rượu

này nhưng không hề chú ý tới Lý. Cô gái nom bình thường như muôn ngàn cô gái khác. Một màu da đen giòn, dáng người to khỏe, chắc, cặp mắt sáng khuất dưới đôi lông mày rậm. Những đêm trao thư, dưới ánh trăng mờ, Giá nhìn thấy Lý đẹp một vẻ đẹp khỏe mạnh. Đêm ấy, Giá về trại, thấy băng khuâng khó ngủ. Hình ảnh cô gái dòng dõi nghĩa binh Đề Thám càng hiện rõ trong tâm trí anh. Ngay bây giờ, trong lúc sang nhà lao lĩnh tù cở về, Giá còn nhớ câu hỏi đầy kiêu hãnh của Lý:

– Nếu anh em khố xanh dám nổ súng thì nghĩa quân Đề Thám sẽ hưởng ứng ngay. Mà nếu anh em không dám nổ súng thì chúng tôi cũng cứ nổi dậy.

Có dám nổ súng không? Chính chữ “dám” làm Giá bức bối suy nghĩ. Hình như ai ai cũng cho rằng binh lính không

dám nổ súng. Đội Cận báo tin rất tường tận mọi việc sửa soạn của binh lính với Ba Quyển. Giá cũng xử sự tương tự với người tù số 71 nhưng phía bên kia cẩn thận hơn và cho bọn Cận và Giá biết rất ít. Họ e dè bọn Giá à?

Nói riêng chuyện Lý! Sau đêm đưa thư, Giá còn gặp Lý nhiều lần nhưng ở những lần gặp sau này, Lý tỏ ra lãnh đạm. Cái vẻ cách bức, e dè của Lý chạm mạch lòng tự ái của Giá. Mới đầu Giá tưởng rằng đây chỉ là cách giữ gìn cho việc âm mưu khởi nghĩa không bị lộ nhưng dần dần Giá thấy khó chịu. Giá nhận thấy cái vẻ e ngại của Lý là một điều nhục nhã đối với anh. Anh chỉ là một tên đội khổ xanh, mặc áo lính của Tây, lĩnh lương của Tây, cầm súng của Tây. Chắc nhiều người nghĩ như Lý. Ngay chính Giá cũng nhớ mình là như thế. Nhưng điều dày vò

lòng Giá là Lý thừa hiểu anh là một trong những người cầm đầu cuộc khởi nghĩa mà sao vẫn coi anh như vậy. Trong đây lòng viên đội khố xanh trẻ mỗi yêu, giận lẫn lộn.

Anh vừa yêu vừa giận Lý và dù tính trầm tĩnh. Giá cũng trở nên mất thăng bằng. Anh đâm ra nôn nóng muốn nổ súng ngay. Lần hội “14 tháng 7¹⁶” trước nghĩa binh đã định nổ súng, sau đội Cấn ra lệnh hoãn vì sợ chết lây đến nhiều thường dân. Giá đã gay gắt với Cấn. Giá cho rằng Cấn quá kính trọng, vì nể Lương Ngọc Quyến để ông này đâm ra coi thường. Đã coi thường thì người ta cũng chẳng tin mình nữa. Đến bây giờ, Giá coi mọi sự cẩn thận đều chỉ là rụt rè. Nắng đã lên. Cái nóng của thời tiết cộng với cái nóng lòng làm lưng Giá toát mồ

16 Ngày lễ kỷ niệm cách mạng tư sản Pháp năm 1789

hôi. Giá định gặp đội Cấn hoặc Lương Ngọc Quyến để hỏi cho ra nhẽ: Tại sao chưa tin nhau? Nhà tù Thái Nguyên cắt thành một vệt xám đậm trên nền trời mùa thu. Một cái biển đá gắn ngang trên cổng sắt sơn hắc ín. Một hàng chữ: Pénitencier¹⁷ Thái Nguyên! Hàng chữ ấy nhắc cho Giá nhớ rằng trên đất nước có hàng trăm, hàng ngàn nhà tù.

Giá dẫn lính đến. Cánh cửa con lồng trong cửa lớn khẽ hé mở đủ một người đi lọt. Giá dẫn chờ-mi gờ-rúp của Mánh đi qua dãy hành lang ẩm, tối để ra sân giữa. Bon cai tù đang điểm số tù đi cỏ về ngoài sân chính. Để Mánh ra lĩnh, Giá sang vi-ô-lông¹⁸ A tìm người tù số 71. Người tù số 71 là một ông già sáu mươi tuổi. Đầu ông ta cạo trọc, lớp tóc bạc, ngắn, lờm chờm. ông ta có củ chỉ khoan

17 Trại cải hối (tức là trại giam tù quốc sự)

18 Nhà giam chung.

thai và nói năng chậm rãi của một người có học. Một đôi mắt sáng dữ dội, một chòm râu thưa lốm đốm muối tiêu, một khóe miệng hơi trễ xuống mệt mỏi, khinh bạc. Lần nào gặp người tù số 71, Giá cũng có cảm giác đã gặp ở đâu rồi những nét quen quen trên gương mặt ông già. Anh cố nghĩ mãi mà cũng không ra. Giá lại gần người tù số 71, và kỳ lạ thay từ người tù già tiều tụy toát ra một vẻ quyền uy đường bệ khiến đội viên khố xanh choáng ngợp: một mái đầu hơi nghiêng như nặng trĩu những suy nghĩ, một ánh mắt nghiêm khắc và một vầng trán lồng lộng. Sau khi nói mấy câu giả vờ ra giọng hạc sách, đội Giá khẽ nói:

– Đêm nay!

– Máy giờ? Ông già hỏi lại.

– Khoảng nửa đêm. Nếu có tiếng súng nổ, anh em tù phải nép vào tránh xa cửa kéo đạn lạc.

– Được! - ông già mỉm cười.

– Ta chúc các cháu thành công.

Đội Giá sửng sốt trước cách nói kiểu bề trên và cổ kính lạc lõng của ông già. Anh định hỏi nhưng ông già chột buông một tay chối, đặt lên vai anh, nói nhẹ nhàng và đầy tình thương:

– Việc bại thành là ở vận nước, còn chí lớn là ở chúng ta. Bác mừng quá, bác mong mãi... Các cháu rất xứng danh con Lạc cháu Hồng.

Giá bàng hoàng. Lời nói của ông già làm sống dậy bao nhiêu nỗi hổ thẹn mà Giá cố giấu cả chính anh. Giá vốn quê ở một làng ven sông Văn Úc. Làng Giá

cũng vốn là cái nơi sản sinh nhiều nho giả xưa nay. Làng có bốn họ. Họ nào, thời nào cũng có người đỗ thi hương, thi hội. Nhưng nhiều người đỗ đạt không chịu ra làm quan. Sau khi đỗ xong, họ thường mở trường dạy học, bốc thuốc. Có người bảo tại hương đình làng có gò bút nhưng không có án tiền, hoặc núm ấn. Người khác lại bảo tại ông thành hoàng làng sinh thời làm quan thời Trần, ba lần bị bãi quan đã thể không phù hộ con cháu hiển đạt về con đường hoạn lộ. Chỉ biết các bậc túc nho trong làng cứ truyền đời này qua đời khác cái tính thích "xử" không thích "xuất" (Xử là ở ẩn, xuất là ra làm quan).

Cuối thế kỷ XIX, Tây về đánh nghĩa quân ông Đốc Tích. Nó đốt cái đình làng. Nó làm cái nhà xí ở gò bút bên trái sân đình. Rồi nó cho một thằng du thủ

du thực ở đâu đến làm lý trưởng cho mỗi vị xơi dăm hèo. Nó cắt nghiêng cái búi tóc của các ông! Rồi nó cấm ruộng công làm đình mới. Đất đình cũ, Tây cho thằng lý trưởng. Thằng này lập hẳn một cái lò gạch. Giá cũng bị nó bắt đến đúc gạch mộc. Anh bị thằng lý trưởng vặn hỏi. Anh đã trả lời rằng anh không làm được vì anh là học trò chân yếu tay mềm. Thằng lý trưởng đáp lại một câu rất gọn mà mười mấy năm nay anh cố quên nhưng vẫn không quên được. Nó đã nói vào mặt anh như thế này:

– Cái đầu học trò nhà mày cũng chẳng bằng cái đầu b... tao.

Và câu nói ấy thốt lên giữa chỗ đông dân làng khiến Giá phải bán xơi cái mảnh đất xinh, nhỏ, êm đềm bên dòng sông Văn Úc. Anh đi tìm đường rửa nhục. Nhưng mấy năm luân lạc từ bến

Cảng mới mở ở Hải Phòng, đến những phố phường náo nhiệt ở Hà Nội, Giá chỉ đắm thêm vào những cái nhục khác.

Nào bị Tây cầm bắt bỏ bóp vì tội đái đường (khốn khổ cho những người ở nơi xa lạ về một thành phố). Nào những đêm mưa phùn ngủ dưới một mái hiên. Nào những lúc nhớ độ đường chỉ vì thiếu vài ba xu mua vé xe lửa. Anh không dám nghĩ đến những cái bóp tai trong bóp cu-lít. Anh cố xua đuổi những ấn tượng ấy nhưng anh vẫn nhớ đến chúng. Cuối cùng dòng đời xô đẩy anh vào con đường đăng lính khố xanh. Đã có lúc anh nghĩ rằng anh sẽ trở về làng với mấy ông bạn chân dận giày đinh, tay cầm ba toong song và anh sẽ nói chuyện với thằng lý trưởng, giã cho nó một trận bò lê bò càng rồi bỏ trốn biệt tích. Nhưng đến bây giờ, Giá vẫn chưa có dịp về làng, mặc dù hàng

năm vẫn có đôi ba ngày phép. Anh cứ từ đồn này lẫn sang đồn khác, từ cuộc càn quét này sang cuộc càn quét khác. Anh không trở về làng cũng chỉ vì cái nhục xưa kia ở ngôi làng nhỏ bên bờ sông Văn Úc chưa thấm gì với những điều anh gặp trong cuộc đời lính tráng. Anh không dám trả lời ông già, anh chào vội vã và định quay đi nhưng ông già nói tiếp với anh:

– Chúng ta sẽ hết sức giúp các cháu.

Đó là một điều khó tưởng tượng với một người tù trong tay không một tắc sắt, bị khoanh lại giữa những bức tường cao đầy mảnh chai. Đội Giá quay đi. Anh đi gần khuất vi-ô-lông A mới ngoảnh lại. Người tù già tiêu tụy ấy đang chậm rãi quét những nhát chổi lơ đãng trên cái sân vắng. Cuộc sống thật đầy bí ẩn và

mỗi con người là một cuộc sống riêng thật!

Giá quên hẳn ý định tìm hỏi Lương Ngọc Quyến. Anh quay ra sân giữa. Cai Mánh đã điểm tù và đang dẫn họ ra ngoài đề lao. Những người tù án nặng không được đi cở về ra khỏi đề lao đứng ở quanh sân lặng lẽ nhìn đội Giá. Những khuôn mặt hốc hác lấm lì, những cặp mắt trách móc. Không một tiếng nói, không một cử động, sự lặng lẽ nặng nề đeo đẳng Giá mãi ngay cả khi anh đã ra khỏi cổng một quãng xa. Giữa người tù và người gác tù có những bộ quần áo khác nhau, những bộ quần áo và những khẩu súng không biết nói. Trong sân nhà tù, có tiếng roi mây đếm tù vụt xuống những tấm lưng gầy dẹt...

Sau khi giao cho cai Mánh dẫn đoàn tù đi đồn củi ở cánh rừng sau làng Đồng Mỗ, Giá đi một mình dọc theo hàng rào dây thép gai của trại Xê-da-ri (Césari). Xê-da-ri do trung đoàn Mác-xoanh (Maxwen) thuộc bán lũ đoàn lê dương thuộc địa thứ 9 đóng giữ. Đây là một điểm hiểm hóc trong kế hoạch khởi nghĩa của binh lính trại khố xanh Bô-dông. Hai loại lính khác nhau hoàn toàn về súng ống, về khả năng tác chiến và cả về uy thế nữa. Giá thầm hổ thẹn thú nhận rằng lính xanh sợ lính lê dương hơn sợ cọp. Từ chuyện chơi bời lãng nhãng lính lê dương vẫn bắt nạt lính khố xanh. Ngay đến cả vợ và em gái của đội khố xanh cũng bị bọn lê dương chọc ghẹo, rồi mà họ cũng đành ngậm đắng nuốt cay bỏ qua.

Giá suy nghĩ miên man về những

quyết định cần thiết tối nay. Đôi chân quen đường vô tình đưa Giá đến cái quán nhỏ đầu làng Đồng Mỗ. Một mái nhà tranh lụp sụp dưới vòm lá muỗi um tùm, cái quán này vốn là nơi chè chén của một số binh lính khố xanh. Người thì thích chất men đặc biệt của rượu cau và có người thì vì thích cô con gái ông chủ quán. ông già trên 60 tuổi này biết lắm chuyện một cách kỳ lạ. ông kể chuyện ta, chuyện Tàu; từ cái ông vua róc mía lên đầu sứ đến những tráng sĩ, những thuyết khách thời Xuân thu Chiến quốc. Có điều chuyện ông già kể không được chính xác về chi tiết. ông lẫn chuyện Yêu Lá sang chuyện Chương Chư mặc dù cả hai đều là dũng sĩ thích khách. ông lẫn Tô Tần với Trương Lương. ông lẫn Liêm Pha với Ngô Khởi. Đã có lần ông kể rằng chính cái ông vua Tề Tương Công đã sai lính sang đánh chiếm nước ta và bị cha

con Lý Đạo Thành, Lý Thường Kiệt đánh bại. Và đặc biệt sự nhầm lẫn của ông già là không khí trong chuyện kể của mình. Câu chuyện của ông dù nó ở thời Xuân thu hay Chiến quốc, dù nó ở nước Tống, nước Tề, nước Sở, nước Yên là nước có băng giá, phải mặc áo hồ cừu, nơi có tục đeo ngọc bạch bích nhưng ông già vẫn cứ kể bằng chi tiết ở nước ta. Chuyên Chư không dùng một lưỡi trủy thủ mà dùng một con dao găm lá lúa. Trương Lương không thổi địch mà thổi một điệu sáo tre. Kinh Kha vào nước Tần không vào một buổi trời xuống tuyết nước sông Dịch lạnh tê mà Kinh Kha của ông cụ vào Tần vào một buổi chiều hè, nước sông Dịch thì đỏ phù sa chảy giữa cánh đồng lúa chiêm chín vàng đều. Chắc chắn ông cụ không phải cố tình kể sai chi tiết và không khí trong truyện. ông cụ kể thành tâm, đôi mắt già nua lúc buồn, lúc vui, lúc

cảm khái, lúc suy tư và hình như ông cụ đã hết sức chật vật mới nhớ được những chuyện lắt léo như thế. Nhưng... những Yên Lá, Khánh Kỳ, những Phạm Lãi, Văn Chung, những Ngũ Tử Tư, Cao Tiệm Ly của ông cụ đã trở thành con người bằng xương bằng thịt sống giữa tỉnh Thái ngột ngạt chờ những chuyến xe thư mang báo đăng tin chiến tranh đang diễn ra dữ dội ở châu âu. Đã nhiều đêm những Yên Lá, Phạm Lãi ấy theo đội Giá về trại Bô-dông, ám ảnh anh, làm anh trần trọc cả đêm.

Đó là cụ Quát có cô con gái mà Giá cảm thấy rất nên nã. Hôm nay, quán cụ Quát thừa khách. Cũng như mọi lần cha con cụ Quát tiếp Giá niềm nở, đon đả nhưng không thân mật. Be rượu đậu và hai bìa đậu nướng cháy rộp lẫn vỏ, một đôi đĩa gỗ mộc, một cái bát đàn trắng

sạch. Giá ngồi một mình ở cái chõng cặp kênh. Cụ Quát bó gối trầm ngâm trên chiếc phản góc nhà, còn Lý cúi húi làm cái gì đấy ở xó bếp. Giá nhìn ông già. Đó là một ông già cao lớn, má có vết sẹo kiếm chém, một đôi mắt âm u như rừng núi và một chòm râu rối, rậm, màu xám mốc. ông chẳng có nét bề ngoài nào truyền cho con gái.

Lý bùng lên một đĩa lạc rang nóng thơm. ánh mắt hai người bất chợt gặp nhau. Hai tiếng chào nghen thâm trong cổ. Lý bồn chồn, bâng khuâng. Mỗi bận Giá đến quán, Lý lại thấy như vậy. Trong góc ngách tâm hồn Lý vẫn đọng lại hình ảnh người nghĩa quân truyền mật thư trong đêm. Đêm hôm ấy trăng suông, ánh sáng mờ. Một khuôn mặt mỏng, một vầng trán giô, một vành môi dày đa cảm viên lơ thơ một nét râu thưa, tất cả

hòa hợp vào nhau thành hình ảnh chân thực, khỏe mạnh và quả quyết của một nghĩa quân đang làm việc lớn. Linh cảm tự nhiên của một người con gái báo cho Lý biết đội Giá đã để ý đến cô. Lý thấy tim đập mạnh, nhưng trái tim ấy lại muốn xua đuổi hình ảnh người trai trẻ mặc áo lính khố xanh ấy. Có đêm, Lý trần trọc nhớ đến cha, nhất là những ngày thứ ba, ngày để lao cho vào thăm người nhà bị giam. Cha Lý bị giam trong ấy. Cụ Quát chỉ là cha nuôi cô. Khi cha Lý bị tống ngục thì những người đi áp giải chính là những người lính khố xanh. Cho nên cái bộ quần áo lính với nón, khố xà cạp lôi thôi ấy chỉ gợi lên sự căm hờn của Lý. Họ bắt cha Lý, họ theo Tây, họ bắn đồng bào, bắn các nghĩa sĩ. Họ là kẻ thù chung và còn là kẻ thù riêng của Lý. Họ đã chia rẽ cha con Lý, đẩy đọa tuổi già của cha Lý. ông cụ vốn tính kiêu hãnh cứng cỏi, Lý

lo lắng chúng hành hạ cụ đến chết trong tù...

Nhà trên vẫn yên lặng. Đội Giá im lìm uống rượu. Anh ngắm bức tranh mực nước treo trên vách. Bức tranh nhỏ thôi, vẽ một con chim ưng. Con chim lông lá xơ xác, cánh ướt đẫm nước biển đậu một mình trên một mỏm đá chơ vơ ngoài sóng nước. Bên cạnh là một dòng lạc khoản viết kiểu chữ thảo: Hàm Nghi nguyên niên, trọng thu, thập tứ nhật, Ứng Thủy tác (Hàm Nghi năm thứ nhất, tháng tám, ngày mười bốn, Ứng Thủy vẽ). Đội Giá đã từng hỏi cụ Quát về bức tranh này. ông già chủ quán giảng giải vắn tắt là bức tranh do một tay bút già, vừa là thầy vừa là bề trên của ông. Bức tranh vẽ theo ý một câu thơ cổ. Cụ Quát đọc câu thơ: “Bất kham ẩn tối tăm”. ông cụ đọc câu thơ cũng sai. Đó là câu thơ:

“Bất kham huyền mấn ảnh¹⁹”. Cái khí phách trong tứ thơ, trong bức tranh đã nhiều lần làm cho Giá suy nghĩ về nhân cách của một con người. Anh hay ngắm bức tranh một mình và có lẽ điều đó làm cho cụ Quát thích anh hơn. Đã một lần ông cụ cầm chén đến uống với Giá. Có thể vì men bốc, ông cụ bảo anh:

– Cụ ấy cho tôi bức tranh này. Cụ bảo tôi treo còn phải hơn cụ ấy.

Nhưng tôi thì sánh làm sao được với cụ. Giá hỏi người vẽ tranh là ai thì cụ Quát lại như tỉnh hẩn rượu, ậm à ậm ờ lảng sang chuyện khác. Và sau lần ấy, cụ Quát giữ gìn hơn về chuyện bức tranh. Đã từ lâu, Giá được biết cụ Quát là một nghĩa quân cũ của Đề Thám nhưng ông cụ không phải quê vùng Bắc Ninh - Bắc

19 Cánh đen kham chẳng nổi . Câu thơ thứ 3 trong bài thơ “Tại ngục vịnh thiên” của Lạc Tân Vương

Giang. Cụ Quát nói giọng Thanh Hóa và cũng không phải là người học hành khá. Giá đã có lần thấy cụ Quát viết tờ đơn xin chặt gỗ ở rừng chợ Chu đem về làm nhà. Lá đơn viết bằng chữ nho, câu cú tối nghĩa, lời thôi chả ra làm sao. Chữ viết thừa nét thiếu nét rất xấu. Lần ấy chính Giá phải làm lại cho ông cụ lá đơn. Nhưng rõ ràng là ông già này rất thâm thúy, dày dạn, một người bôn ba nhiều, được nghe nhiều, hiểu nhiều. Giá ngồi vào phản với cụ Quát. Anh khẽ nói với ông cụ:

– Tối nay chúng cháu nhờ cụ ở đây nhé. Bác Cấn dặn cháu đến nói với cụ.

– Bao nhiêu người? Họp hả?

– Độ năm sáu người thôi. Đêm nay... cụ ạ. Mệnh lệnh cũ không thay đổi.

Cụ Quát suy nghĩ. Đôi mắt già mệt mỏi sáng lên.

– Nếu đông thì các anh phải giả cách như đang đánh bạc. Thôi được, tôi sẽ cho mượn đĩa bát, tôi canh cho. Nhưng kỳ này - cụ Quát chăm chú nhìn Giá - các anh làm thật chứ?

– Thế cụ nghĩ chúng con thế nào? Cụ không tin chúng con à?

– Cũng không phải như thế đâu. Chúng tôi sẵn sàng cả rồi. Các anh không làm, chúng tôi cũng làm. Nhưng chuyện này hệ trọng chứ coi thường sao được. Ngay trong anh em chúng tôi cũng phải chọn người giao việc nữa là.

Ông cụ nhìn Giá. Anh hơi ngượng. Cụ Quát khẽ cười:

– Cái con Lý kia kìa. Nó không phải là con tôi đâu. Bố cháu có bao người tin cần mà tại sao lại giao nó cho tôi nuôi.

Đội Giá cổ giảng giải:

– Cụ không tin cũng phải thôi. Cụ đã biết cháu thế nào đâu.

– Nếu không tin, thầy cũng chẳng nên cho là lạ.- ông già đột nhiên đổi cách xưng hô - Thầy lĩnh lương mỗi tháng mười tám đồng còn cha con tôi kiếm cả tháng không được năm đồng bạc. Nhưng nói thật với thầy, tôi cho thầy là người còn tốt. Tôi nhìn mắt thầy tôi biết. Cái người giáo giở là con người đó cứ láo liêng đi chứ. Nhưng việc là việc lớn. Chúng tôi có đề phòng cũng là vì không phải cho riêng cha con tôi.

Rồi đột nhiên ông cụ cười:

– Thầy nhìn kỹ xem có nhận ra tôi là ai không?

Giá ngỡ ngác. Anh cố nghĩ nhưng anh không thể nhớ ra trong đời anh đã gặp ông cụ lần nào. Cụ Quát chỉ tay vào cái sẹo trên mặt:

– Thế cái sẹo này thì sao?

Giá cũng không nhớ đến cái sẹo này liên quan đến một cuộc gặp gỡ nào cả.

– Thế mà tôi lại nhớ thầy đấy! Tôi mang cái sẹo này từ tám năm nay trong một trận đánh ở chân núi Lang. Núi Lang ở vùng Thạch Lỗi ấy mà.

Giá “a” lên một tiếng. Tất cả kỷ niệm cũ bỗng trở lại rất nhanh trong trí nhớ của anh. Tám năm trước anh có dự cái trận làng Lang ấy. Bấy giờ anh mới đang lính khố xanh và ở một đồn-mi gờ-rúp

của một viên cai tên là Trịnh Văn Cấn. Trận núi Lang là một trận đánh gay go giữa nghĩa quân Đề Thám với quân Tây. Trận ấy, bên phía Tây các loại lính nổi tiếng đều ra hết: bọn lê dương, bọn pháo thủ dã chiến, bọn trung đoàn bộ binh thuộc địa số chín. Lính khố đỏ người ta thì phải chia nhỏ thành từng gờ-rúp đi theo các đại đội lính Tây. Còn cánh khố xanh bị bắt làm bếp, canh tù binh, khiêng bọn Tây bị thương, bị chết. Đờ-mi gờ-rúp của cai Cấn khiêng gạo, khiêng lợn oặt cổ cả ngày. Đến tối bọn Tây giao cho bọn Cấn giữ tù binh.

– Ngày ấy tôi bị thương ở mắt. Bây giờ thành cái sẹo này đây.

Giá bật nói lên:

– Thôi cháu nhớ rồi. Cụ mặc cái áo chàm. Vai áo rách sẽ ra.

– Đúng rồi. áo bị rách khi tôi vật nhau với thằng lính Tây râu xồm đấy.

– Cái thằng đười ươi bây giờ ở trại lê dương bên kia đấy mà.

Cụ Quát và đội Giá cùng cười. Sự căng thẳng giữa hai người vội hẵn đi và một niềm tin cây cối mở lớn dần lên, vui vẻ, thoải mái. Đội Giá chợt hỏi cụ Quát:

– Hình như lúc bấy giờ cháu thấy có mấy người cùng bị bắt với cụ cơ mà.

– Phải. Nhưng nếu coi là người quen biết thân thiết thì tôi chỉ có một người nữa bị đạn vào chỗ này này...

Cụ Quát chỉ vào mạng sườn bên phải.

– Đạn nó xuyên qua phổi, bọt máu cứ phì ra ở lỗ đạn cơ chứ.

– Đúng rồi. Cái người ấy mất nhiều máu lắm thì phải. Cháu nhớ rõ lúc cụ dìu đi, người ấy cứ ngật đầu bên nọ sang bên kia.

– Phải. Đây là bố cái Lý chứ ai!

Đội Giá đứng bật dậy nhìn cụ Quát chăm chăm. Mặt anh chợt thoáng một vẻ nghiêm trang buồn bã.

– Cháu hiểu rồi.

Đội Giá nhớ lại lúc Trịnh Văn Cấn bảo anh thả hai nghĩa quân đi. Hai người đã khó nhọc lắm mới đem được nhau đi khuất rặng tre gần đấy. Hầu như cụ Quát đã phải bế người bạn chiến đấu của mình đang bị thương lên tay và khi đó chính cụ cũng bị thương, cũng đói, cũng mệt.

– Cháu hiểu rồi. Cháu hiểu tại sao cô Lý được giao cho cụ rồi.

Ông già cười. Sự khác biệt không hẳn chỉ ở bộ áo và cây súng và nói riêng với những người cùng thờ chung đại nghĩa sự gán bó cao nhất là sự thử thách qua máu lửa mà trong đó tình bạn chiến đấu còn cao hơn cả sự há sinh tính mệnh. Đội Giá chợt thấy hổ thẹn. Anh rung mình bỏ ra cửa bước chân hơi loạng choạng. Lý tự nhiên chảy nước mắt. Cô vừa thương cha đẻ, vừa thương cha nuôi, vừa thương Giá. Cô thương cả chính cô và cái mà cô thương quý nhất chính là số phận xót xa của cả dân tộc đang bị quân xâm lược dùng mưu mẹo thâm độc mộ lính người nước Nam để bắn giết dân nước Nam.

Nức nở hồi lâu nhưng Lý vẫn chưa thấy dịu cảm xúc. Cô thấy chua xót, căm thù, thương quý cùng một lúc khiến cho

cô suy nghĩ cứ miên man đi. Lên bốn tuổi đã lưu lạc theo bước chân chiến đấu của bố. Từ rừng Nghệ Tĩnh, từ Hương Sơn sang Hùng Lĩnh, từ sông Đà, sông Gâm, từ Nhã Nam, Bồ Hạ, từ Tam Đảo sang Thái Nguyên qua đèo Khế rậm rạp cheo leo, Lý chưa hề được hưởng một tối gia đình sum họp êm đềm. Lý quen với những đêm tối lửa rừng, những tối phá vây vượt mặt thấy ướt đầm không rõ là máu hay mồ hôi, những giấc ngủ chập chờn gối đầu lên bóng súng.

Từ năm 1913 cha Lý bị giặc bắt trong trận Hữu Nhuế [1]. Ông cụ bị thương trong trận ấy và biết mình khó trốn thoát, đã giao con gái lại cho người tùy tùng thân tín: cụ Quát. Lý theo cha nuôi trốn biệt lên Bắc Quang, đổi tên đổi họ, lang thang kiếm ăn hai năm trời trong các bản miền núi. Mãi về sau, khi tiếng

súng đã yên ở trung du, cha con Lý đưa nhau về dò tìm tin tức người bị bắt. Họ dò biết cha Lý bị giam trong đề lao. Và cụ Quát mở ngôi quán này để sinh sống và cũng là để tiện chăm nom người trong tù. Hai năm trời qua đi, những người nghĩa quân cũ của Đề Thám dần dần tìm thấy tình bạn chiến đấu trong ngôi quán nhỏ này. Họ lui tới ngôi quán và bằng một sự suy tôn thâm 1. Địa danh này người địa phương gọi là Hồ Chuối. lạng, cụ Quát trở thành thủ lĩnh mới của họ, là người cầm đầu cao nhất, là người chỉ huy, là linh hồn, là khối óc của dư binh Bắc Thái. Những đêm chiến đấu qua đi, những đêm cách trở nối tiếp đã rèn luyện cho Lý một bản tính cứng rắn. Điều ấy có lẽ còn bắt nguồn từ dòng máu mẹ. Mẹ Lý vốn là người Chiêm Thành. Bà đã gặp cha Lý khi ông đang chiến đấu trên miền rừng núi phía Tây của phủ

Thừa Thiên. Lý cứng rắn, quen xông pha nhưng người con gái bao giờ chẳng có giây phút xúc động mạnh trước tình yêu. Lý vẫn nức nở.

– Hứ, con bé này hay nhỉ? Làm sao con khóc?

Cụ Quát hỏi nhưng cụ đã đoán ra tâm trạng cô con gái nuôi. Cụ hỏi để giúp Lý thức tỉnh mà thôi. Quả nhiên Lý thấy hổ thẹn, cô ngoảnh đi, kéo thắt lưng lau nhanh cặp mắt và gượng cười:

– Đâu ạ. Khỏi quá đấy chứ ạ.

Cô cúi rạp xuống thối phù phù vào bếp. Cụ Quát bỏ dở câu chuyện. Cụ chỉ dặn:

– Có thể đêm nay cha con ta rời cái đất này. Có gì đang xếp dọn thì làm rồi lên cha bảo.

Lý đứng bật dậy, sung sướng, mặt bừng sáng, cô thu xếp rất nhanh những cái gì cần thiết cho cuộc chiến đấu trong rừng kể từ con dao lấy củi, mấy hòn đá lửa tới gói thuốc dẫu gia truyền, chỉ một thoáng đã xong mọi việc, Lý lại gần người bố nuôi. ông già đã đóng chặt cửa, bắc một cái ghế đẩu lên bàn. ông già leo lên, lục lại trong mái tranh, lấy ra một lưỡi dao bẩy và một khẩu súng mút-cơ-tông.

– Gỉ cả rồi nhỉ?

Ông già quệt ngón tay lên chiếc nòng ram ráp xưa kia nhẵn bóng. Lý nói với bố:

– Nhưng mà con đã thông mỡ vào nòng rồi ạ.

– Ừ cũng may đấy. Chỉ tiếc đạn chẳng có mấy.

Ông già ngẩng nhìn con gái và cụ chột kín đáo cười:

– Có thể chứ! Con gái Yên Thế có khác.

Ông có thói quen coi mình và con gái nuôi là người Yên Thế. Và Lý cũng không biết rõ quê quán, nòi giống của mình. Cô gái hỏi bố:

– Kỳ này bố ở lại chứ?

Cụ Quát giật nảy người nhìn con gái:

– Sao mà nói kỳ thế?

– Bố trên sáu mươi tuổi rồi còn gì nữa.

– Trên sáu mươi thì hết tuổi đánh giặc à. Con này nói cái gì lạ quá.

– Con nghĩ bố để chúng con làm thôi. Có bố thì...

Lý muốn nói các cụ là những người có nhiều kinh nghiệm nhưng tuổi đã già làm sao mà theo đuổi một cuộc hành quân dài, gian nan.

– A... a...

Cụ Quát gầm lên nhưng kìm ngay lại. Cụ giận Lý quá, cụ muốn mắng cho con gái một trận thậm tệ. Nhưng ở cụ Quát, khi cụ giận quá lại cũng là lúc cụ nhớ được mối quan hệ giữa cụ với cô gái. Cô không chỉ là con gái cụ mà còn là chủ nhỏ của cụ, một người chủ có ƠN TRI NGỘ, một người chủ được tôn thờ. Ngày xưa, khi cụ được giao cho nuôi Lý, cụ rất ngưỡng ngấp trong cách xưng hô cha con với Lý. Nó là một sự “trái đạo” hết sức nặng nề đối với cụ. Thế rồi hai cha con ở với nhau, một tình thương thấm thiết và âm thầm nảy nở dần dà. Đầu tiên là tình cảm của những người cô đơn gặp nhau,

trở thành tình cha con chân thành. Cự không trả lời câu nói của Lý. Cự trao cho cô gái một phong thư.

– Con đi Phấn Mễ đưa ngay lá thư này cho bác Khải. Con nói với bác Khải rằng anh em dưới này sẵn sàng cả rồi. Sẽ có người đón bác Khải và anh em Phấn Mễ ở giữa đường.

Lý dạ khẽ. Cô chưa hết sợ vì sự lơ lờ của mình. Bác Khải là thủ hạ của cha cô, cô vẫn nhớ cái người lính vẫn hay lấy lá gồi non tết cho cô con châu chấu hay con ếch, con cá... mỗi chiều trú quân. Cự Quát trầm ngâm giây lát. Cự đã quên sự va vấp vừa rồi giữa hai cha con. Cự có thói quen như vậy. Không ai giận tiểu chủ của mình được.

– Con đưa thư cho bác Khải rồi về đây ngay. Kỳ này cha con ta nổ súng

cũng dễ mà cũng khó. Ở tỉnh lỵ có mấy trăm thằng lê dương với khố đồ thì chả ngại gì cho lắm nhưng giá mà được các nơi khác cùng dậy một lúc thì hay biết bao nhiêu. Nhưng hãy cứ biết cướp được mấy trăm súng vào rừng như cụ Đề đã. Bố con mình mà về được rừng thì một dải Yên Thế - Nhã Nam sang Tam Đảo đủ rộng để vùng vẫy. Nếu bí thế ta lại vọt sang Tàu, tìm cụ Đề.

Cụ Quát chiến đấu trong hàng ngũ nghĩa quân Yên Thế những năm về cuối. Thời gian tuy ngắn nhưng người lính già hết sức kính phục người thủ lĩnh lỗi lạc họ Hoàng, một niềm kính phục nhuốm máu tôn sùng thần bí. Vì thế cho đến nay, ông già không tin một mảy may rằng cụ Hoàng Hoa Thám đã bị sát hại. Cụ bao giờ cũng nói rằng cụ Đề Yên Thế đang lấy binh ở bên Tàu và chính là cụ tin như

vậy. Cự bảo cái đầu mà Tây đem bêu ở cổng đồn Nhã Nam và nói đấy là đầu cự Để Thám là thằng Tây nói láo. Chúng nó làm sao mà giết nổi một người xuất quỷ nhập thần như cự Để. Chẳng qua vạn nước chưa đến nên cự Để còn tạm giấu mặt. Đến lúc thời cơ đến sẽ thấy cự Để xuất hiện đem thiên binh vạn mã về đánh thằng Tây. Nếu có người nào hỏi vạn cự về cái thủ cấp bêu ở cổng đồn Nhã Nam thì cự trả lời rất thương cảm:

– Đấy là đầu sư ông chùa Lèo! Sư ông giống cự Để như đúc. Ấy tôi theo hầu cự Để đã lâu mà cũng vẫn nhầm; đã có lần tôi qua chùa Lèo gặp sư ông đứng cửa, tôi cứ tưởng cự Để cải trang. Thế là tôi cũng giấu binh khí đi, lẻo đeo theo hầu sư ông cả một buổi.

Rồi cự sụt sùi:

– Chỉ thương sư ông. Người thật là bậc tu hành hiền lành.

Đến bây giờ, sai con gái chuyển thư bí mật, cụ Quát vẫn mong mỗi rằng đêm nay khởi binh, ngày mai Hoàng Hoa Thám sẽ xuất hiện, đứng đầu hàng vạn quân vũ khí đầy đủ. Nhìn con gái nuôi vận phong thư vào dải yếm, cụ dặn con:

– Tránh đường cái lớn con nhé. Đạo này bọn khố đỏ, khố vàng hỗn lắm đấy.

Cụ với con dao rừng treo trên vách đưa cho con gái. Lý đưa cho bố nuôi hai đồng bạc hoa xòe:

– Bố cầm lấy, nhớ muốn tiêu gì không?

Cụ Quát muốn chảy nước mắt. Cụ biết Lý không quên cái tật rượu của cụ.

– Ủ! Con đi cho may mắn. Lý ra cửa. Cô theo đường đất, đi vào cánh rừng sau làng Đồng Mỗ để lên Phấn Mễ mà không phải qua tỉnh lỵ. Lúc cô gái rẽ xuống đường nhỏ thì có ba người đứng ở cổng làng Đồng Mỗ trông thấy. Bọn họ chỉ trỏ súng sốt rồi kéo ùa đi theo hút Lý. Trong ba người ấy, hai người là lính khố vàng. Người thứ ba là cậu con cưng của quan bố chánh tỉnh Thái Nguyên. Dân Thái Nguyên gọi cậu ta là ấm Hỷ.

Chương 4

Tám giờ sáng! Tù cô về đã có đủ số củi đã nộp cho cai tù. Số củi này họ đã làm dôi ra từ những phiên cỏ về trước và giấu kín trên rừng. Nhờ vậy hôm nay, họ có thời giờ dài để nghỉ ngơi. Hôm nay tốp lính khố xanh áp tải là những người có chân trong tổ chức binh biến nên anh em tù càng được thoải mái. Họ cũng quý người cai chỉ huy tốp lính này. Cai Mánh rất cứng cổ với bọn đội, bọn quản nhưng anh rất thương lính. Tù

cỏ vê và lính quý anh, họ đặt cho anh cái biệt hiệu là “xếp tiêu sâu”. Với anh, mọi thứ trong cuộc đời hiện tại chẳng còn cái quái gì đáng để mắt tới, tù thẳng thưởng, tăng lương, ăn ngon, mặc đẹp, thậm chí đến cái chết nữa... Mánh coi thường lễ giáo, coi thường hiện tại và coi thường cả tương lai. Anh có đồng nào cũng cho anh em ăn uống hết. Cỏ vê nặng, cỏ vê nhẹ cũng vậy thôi. Tù cỏ vê làm tạm tạm được phần việc là anh cho nghỉ. Anh em lính mới đỡ khổ rất nhiều nếu được cai Mánh chỉ huy. Anh cho tập bằng súng gỗ cho lính đỡ mỏi tay.

Anh dạy cho lính biết mánh khéo làm ít mà vẫn xong việc. Và chính anh cũng bắt tay vào làm đỡ anh em. Trong thâm tâm người cai khổ xanh nửa đời lưu lạc ấy, những con người kia đều là những nạn nhân cần được che chở. Từ

khi Mánh được dự vào âm mưu binh biến, thái độ của anh đối với quốc sự phạm trở nên tốt hơn, cởi mở hơn, kính trọng hơn. Anh để tù tự do tắm giặt, mua bán ngoài phố. Anh chuyện trò vui vẻ với họ. Anh không ngờ chính mối quan hệ ấy đem lại cho anh nhiều bài học tốt. Những người quốc sự phạm đã kể cho anh nghe về cụ Phan Bội Châu và những người Việt ở hải ngoại. Anh thấy tự hào về dân ta, thấy dân ta không dốt, không ngu mà trái lại đã từng có người đỗ đầu trường Chấn võ học hiệu là một trường võ bị Nhật nổi tiếng Y châu. Anh còn được nghe chuyện vua Duy Tân âm mưu lật thẳng Tây nhưng việc bại lộ; chuyện Việt Nam Quang Phục Hội đem quân về đánh úp đồn Tây ở biên giới. Những chuyện ấy mở rộng tầm mắt của Mánh, biến anh từ một con người chán chường thành một người có niềm tin và sẵn sàng

hy sinh thân mình vì đất nước.

Có điều một số thói tục xấu anh nhiễm phải trong cuộc đời lưu lạc thì chưa nhạt được mấy. Những người quốc sự phạm đến yêu cầu cai Mánh dạy cách tháo lắp súng. Mánh bảo mấy anh lính đem súng đến. Anh cắt hai người gác hai đầu đường và bắt đầu dạy. Trang bị vũ khí của lính khố xanh là thứ trang bị lắm cẩm và lòi thoi nhất trong mọi loại lính ở Đông Dương trừ lũ lính khố vàng là lính hầu các quan tỉnh chỉ có cái roi mây làm vũ khí. Vũ khí chủ yếu của lính khố xanh là khẩu súng bắn phát một. Loáng thoáng từng xéch-xông có vài khẩu trường kiều lơ-ben hoặc súng trường Nga dài như cái bơi chèo.

Cai Mánh lấy cả ba kiểu súng bày thành một hàng trên cỏ. Những người quốc sự phạm vây quanh Mánh chăm

chú theo dõi những ngón tay thành thạo của anh đang tháo rời từng bộ phận của súng. Anh dạy bằng thứ ngôn ngữ của lính!

– Cái này-gọi-là-cái-củ-lách²⁰! Biết chưa? Thế này gọi là mở-củ-lách! Thế này gọi là khóa-củ-lách! Phải khóa thế này này...

Mánh rập mạnh cu-lát xuống và hất hàm dặn “học trò” của mình:

– Khóa củ lách không kỹ mà đã bắn thì nó bật hậu vỡ mặt, nghe chưa! Làm thử xem!

Mánh giao súng cho một người tù trẻ. Bất chợt trong tâm hồn người cai khổ xanh, một tình cảm lạ lùng từ một đáy sâu cùng nào đẩy dấy lên chậm rãi, nhẹ nhàng nhưng xâm chiếm anh một

20 culasse : khóa nòng

cách chắc chắn. Cai Mánh thấy mình yêu mình, quý mình và cuộc đời thật đáng sống. Những công việc dù đơn giản nhất nhưng nếu chúng có ích cho cuộc đời thì chúng trở nên hấp dẫn và có khả năng làm trẻ lại một tâm hồn chai, sè, làm trong trẻo lên một tấm lòng u ám.

Từ sáng nay, tốp quốc sự phạm nhận thấy “xếp tiêu sấu” trầm lặng hơn mọi ngày. Anh tránh nhìn những người lính dưới quyền. Anh rất ít nói. Anh đã ngồi dựa lưng vào một gốc cây, đầu cúi xuống. Những người quốc sự phạm tưởng cai Mánh buồn ngủ nhưng những người lính khố xanh thì biết người đàn anh của mình hổ thẹn vì vụ phạt sáng nay với ngọn gậy vọt ngang lưng.

Buổi sáng trong rừng xanh dịu màu thiên lý man mát. Những con cu cườm “cúc cù” gọi bạn buồn buồn. Những con

sơn tiêu màu đỏ tươi, những con phường chèo lộng lẫy vàng, xanh, tím... quần quýt lấy đàn khuờ đen má đào. Chim chóc lanh lảnh hót trong mọi vòm lá. Vài tia nắng rọi qua kẽ lá rõ thành những giọt lấm tấm, lung linh trên nền mùn khô màu nâu bạc. Tất cả đều dịu dàng, phơi phới, không có một chút nào vẩn đục.

Những người quốc sự phạm mặc áo tù vải thô đóng sổ hắc ín ngồi vây lấy người cai gầy, nhỏ. Tất cả loay hoay với mấy khẩu súng, vừa dạy nhau chằm chọc để thỉnh thoảng cùng cười khúc khích và ngả ngốn dúi dụi vào nhau. Cai Mánh quên hẳn mình đi. Anh lưu lạc chỉ mới mười năm nhưng là những năm tháng tủi nhất của đời người. Anh bị người ta đánh nhiều lần và anh cũng đã đánh trả lại nhiều lần. Lưng Mánh có những vết sẹo roi, sẹo dao chém, dao đâm. Có vết

sẹo lồi, có vết sẹo lõm, có vết sẹo rúm. Sẹo đầy cả hai cánh tay. Đó là những dấu vết, những bằng chứng của nhiều trận đấu “đoản”, đấu “trường”. Cai Mánh tha cái nón khố xanh qua hầu hết các đồn Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên, Bắc Cạn...

Dân quanh đồn ấy vẫn nhớ cái anh khố xanh héo quắt, gầy gò, chuyên môn đấm đá với lính Tây, lính lê dương trong những phố vắng. Các thứ cở vê, cúp lương pích-kê, nhà tối, tòa án binh, xan tù lính, Mánh đều trải qua cả. Một tháng phạt giam đối với anh chỉ như một giấc ngủ ngày, mà cúp lương một tháng cũng chỉ như nhịn tiêu rồn một bữa. Hôm nay, Mánh bị đánh một gậy trước đông đủ anh em trại Bô-dông. Anh cảm thấy hổ thẹn. Anh hổ thẹn không phải vì quyền sống làm người của anh bị xúc

phạm mà chính vì sự nhục mạ ấy vẫn diễn ra hàng ngày, hàng giờ ở khắp đất nước nhưng còn có biết bao nhiêu người sợ hãi hoặc dửng dưng không hiểu rằng dân tộc mình đang bị làm nhục. Mánh hổ then vì mình bị làm nhục. Nguyên do là vì mình mất nước nên phải cúi đầu làm trâu ngựa. Không thể thế được! Đêm nay, Mánh này sẽ rửa nhục, rửa nhục cho mình và cho nòi giống.

– Còn môn đâm lê nữa, xếp tiêu sâu.

Xếp tiêu sâu sức tỉnh. Anh gượng cười bảo quyền Nhiêu:

– Chú dạy thay tôi. Tập cố lên. Đã đến lúc làm thật chứ còn tập với tành gì nữa chứ.

Cai Mánh đứng lên. Anh lảng lảng theo con đường mòn đi ra bờ rừng. Anh

muốn suy nghĩ một mình và muốn tìm sự yên tĩnh riêng. Đến gần đường cái quan, đột nhiên Mánh nghe thấy tiếng ai hăm hứ cãi cọ nhau. Một giọng đàn ông sấn sổ, xin xỏ. Một giọng đàn bà thì sợ hãi, van xin.

Cậu ấm Hỷ là người nổi tiếng “hào hoa” tỉnh Thái. Nhiều người nói vậy, nhưng cũng có người nói thẳng toẹt ra rằng: Cũng một nòi nham hiểm, ba tấc lưỡi sắc ngọt như lưỡi dao! Bố cậu ra làm quan mới mười năm nay đã từ tri huyện thăng tri phủ rồi bây giờ quyền nhiếp chức bố chánh tỉnh Thái. Sở dĩ thăng nhanh như vậy cũng là nhờ mấy người vợ lẽ ông bố chánh rất khéo chiều quan trên trong đó có cả các quan Tây. ông bố chánh lại khét tiếng trong việc bắt “giặc” và là một cánh tay đắc lực của “cụ” tổng đốc Lê Hoan. Việc thăng chức của ông ta

xem ra rồi đây còn “sáng sủa” nhiều hơn nữa kể từ khi ông ta được cụ sứ Đắc khen là “một người cai trị giỏi”. Đặc biệt là vụ chia đất hoang vùng Thông Hóa, Định Hóa cho các bạn cụ sứ khai phá làm đồn điền thì được cụ sứ khen là giỏi luật và thông minh hiểu được ý cụ. Đó là một vùng rộng nhiều đồi chen những khoảnh ruộng mà đồng bào người Tày đã trồng trọt nhiều đời nay. Cụ sứ Đắc đã bảo nha Địa chất Đông Dương kiểm nghiệm chất đất và được biết kết quả kiểm nghiệm là thứ đất trồng cam quýt tốt vô ngần. Cụ sứ đã cho gọi ông bố chánh đến giao cho ông ta việc định lô.

Cụ bảo ông ta:

– Ông làm cho khéo. Cắt lô nào đừng để lẫn ruộng tư của dân vào. Thử xem ông có giỏi luật và đủ năng lực làm tuân phủ không?

Ông bố chánh hiểu ý cụ sứ và ông tỏ ra là một quan cai trị Nam triều đặc lực. Ông cứ chia lô thành từng đồn điền cho các bạn cụ sứ như thường. Bản đồ đồn điền nào cũng có chữ ký của ông và dấu bố chánh đóng đỏ lòe để gửi về nha Địa chính Đông Dương kèm với đơn xin khai phá đúng luật phủ Toàn quyền đã định. Trong khi ấy giấy tờ còn nằm ở nha Địa chính thì ở tỉnh Thái, ông bố chánh làm luôn mấy cuộc “mộ lính tình nguyện” đi Tây và đặc biệt nhằm vào những gia đình có ruộng nằm trong vùng đất đã được ông liệt vào loại đất hoang trong việc chia lô. Sau khi tổng cổ những người chủ ruộng xem ra bướng bỉnh đi Tây rồi, ông bố chánh cho gọi từng chủ ruộng còn lại lên đòi họ phải xuất trình văn tự chứng thực quyền sở hữu những cánh ruộng ấy. Tất nhiên là không ai xuất trình được cái gì cả, ấy thế là ông bố chánh đập bàn

gọi họ là phạm luật nhà nước, “chưa xin phép ai đã dám chấp chiếm đất đai nhà nước”. Ông đe “gô cổ” lại, ông đe bầm lên cụ sứ và sẽ truy tố trước pháp luật. Những chủ ruộng có người cố cãi là họ làm khoanh đất công của làng. Ấy thế là trúng kế ông bố chánh tính trước. ông cho lập biên bản có lời khai của những người đang làm “đất công” và có cả dấu tay điểm chỉ của những người ấy. Sau đó ông giảng giải cho bọn "dân ngu" này rằng ruộng công ở khắp nước Nam là của nhà vua. Bây giờ nhà vua đã nhờ nhà nước Đại Pháp "bảo hộ" cho nên quyền sở hữu ruộng đất công nhà vua cũng giao cho nhà nước Đại Pháp nốt. Quan Toàn quyền ngài muốn cho ai làm thì cho. Và ngài đã cho các ông Tây trông cam. Trồng cam thì "ích quốc lợi dân" hơn trồng lúa (?). ông nghiêm sắc mặt bảo mấy ông chủ ruộng:

– Chúng mày không nghe thì cụ sứ cho đi Côn Đảo.

Thế là mấy ông chủ ruộng khóc lăn ra đất, lạy ông bố chánh xin ông cứu cho. Họ nói những mảnh ruộng ấy là nguồn sinh sống của mỗi gia đình. Họ van ông bố chánh cứu mạng cho gia đình nhà họ. Ông bố chánh thấy kệ. ông để cho họ châu chực cổng dinh mấy ngày rồi mới gọi họ vào. ông bảo rất ôn tồn:

– Tôi thương các người nhưng luật phép nước ban ra thế, tôi làm sao được. Thôi thì tôi sẽ xin các quan Tây bồi thường cho các người một ít, gọi là trả chút công sức khai phá.

Về sau, mỗi mẫu ruộng, người chủ được Tây đền cho năm đồng. ông bố chánh lại chỉ cho họ một khu đồi hoang ra đấy mà khai phá. Khu đồi này thì

đúng là đất hoang thật. Cậu ấm Hỷ chưa trực tiếp nhúng tay vào các việc nước việc dân như thế nhưng ông bố đã nói cho cậu hay những mưu mẹo của ông. Cậu đã học qua Tứ Thư, Ngũ Kinh và khi tập bài được khen là văn chương có nhiều điển cố sâu sắc. Có một ông thầy Tàu xem mạch Thái tổ cho cậu đã phải thốt lên: “Có học có thi là có đỗ!” Nhưng chỉ tiếc “Nhà nước” đã bãi cả thi hương thi hội chứ không thì cậu đã được lĩnh cờ biển vua ban rồi. Vả chăng cái nghiệp bút lông đã hết, ông bố chánh gửi cậu học trường Thông ngôn. Chỉ mới ba năm cậu đã nói được tiếng Tây, cái bút sắt trong tay cậu khi cậu viết cứ múa nhao nhao. Khi học xong, đáng lý cậu ấm được bổ thông phán. Làm ông phán tòa sứ cũng chả kém thớ gì chi huyện, tri phủ nhưng làm mãi cũng chỉ đến chức ông phán đầu tòa là cùng cho nên ông

bố chánh nghĩ xa hơn. Với nòi nhà ông, với cái thế của ông, lại được quan thầy là cụ sứ Đắc đỡ đầu thì cho cậu ấm đi làm thông phán nó “phí đi”. ông giữ cậu ấm ở nhà, xin chân tri huyện hậu bổ sẵn cho cậu ấm và chờ dịp “bẩm cụ sứ” cho cậu ấm đi tri huyện một huyện thật “bẩm”.

Từ tri huyện lên tri phủ, từ tri phủ lên bố chánh, tuần phủ, chả biết chừng lên đến tổng đốc như cụ Thượng Lê Hoan. Cụ Thượng Lê ngày xưa cũng chỉ là anh thư lại quèn thôi ấy thế mà bây giờ làm tổng đốc ba tỉnh, lĩnh hàm Binh bộ Thượng thư. Cụ Thượng Lê chỉ kém có một mình cụ Quận Hoàng ở cái đất Bắc Kỳ này. Con đường xuất chinh làm quan tính đến cùng vừa có danh vừa có vọng hơn. Mới gần đây món quốc văn trở thành tiêu biểu của một con người học thức. Cậu ấm Hỷ đặt mua năm các

báo Đông Dương tạp chí, Nam Phong tạp chí. Cậu đọc say sưa những bài báo trau chuốt lịch sử, thông thái ngọt lịm đăng trong các báo ấy. Cậu coi những “danh sĩ tân học” Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh như những tấm “gương” sáng cho cậu noi theo. Ngoài việc đọc sách và tập nói thêm tiếng Tây, cậu ấm chỉ có một việc ăn chơi và đưa thời trang vào giới thượng lưu trong tỉnh. Chính cậu là người đầu tiên trong tỉnh Thái đi giày ban đánh xi đen và cũng chính cậu là người đầu tiên chít khăn chữ nhật, mặc quần là ống sớ. Mỗi ngày của cậu là một ngày bận rộn. sáng ra trà tàu, trưa rượu cúc cá chép nướng, chiều lại trà tàu, tối lại rượu cúc gà quay rồi xuống phố Ba toa đánh vài khổ trống hát ả đào.

Lâu lâu, có bạn ở Hà Nội lên chơi thì đổi món cờ tướng “khang khác” thì

cậu đi kiếm “món lạ”. Bởi vì nòi nhà cậu có cái máu ấy! Ông bố chánh lấy hai vợ, ba nàng hầu, đó là những người đã làm bậc thang công danh cho ông. Còn cậu ấm chưa nạp thê nhưng đã có ba người thiếp, không kể những cửa dấm dúi ở rải rác những nơi cậu theo bố trị nhậm. Thế mà bằng ấy vẫn chưa vừa lòng con người mà máu ăn chơi chưa đựng tất cả chỉ trong đôi mắt đen nháy rất đa tình. Nhìn bề ngoài, cậu ấm Hỷ thật phong lưu trang nhã. Cậu dong dỏng cao, vầng trán rộng, sáng sủa và thông minh. Tay cậu luôn luôn có cái quạt, một chiếc quạt Hới nhỏ, lúc nào cũng cup lại làm đồ trang sức hơn là để phẩy mát. Có điều cậu ấm có cái mũi sần đỏ nom rất bản và chả biết ai đặt giễu cậu cái tên gọi trịch là ấm Hủi. Những con người cùng cái máu ấm Hỷ bao giờ cũng thích của lạ.

Ở Thái Nguyên nhiều gia đình nền nếp, phong lưu nhưng cậu ấm lại rất chú ý tới cô con gái nhà ông chủ quán rượu đầu làng Đồng Mỗ. Cậu đã gặp cô ta trong một phiên chợ huyện Đồng Hỷ. Cô vừa đi một đoạn đường xa gánh một gánh nặng dưa bở. Trời hơi nắng. Đôi má hồng lên, lấm tấm mồ hôi, hai con mắt hừng hực bốc sáng và những vệt áo ướt đầm dán chặt vào những thân thịt nây lả. Ấm Hỷ đã theo cô vào chợ, ngắm cái dáng chắc nịch, ngắm hai cổ tay tròn trịa vắt chéo lên đầu đòn gánh. Thì ra vẻ đẹp của mỗi người đàn bà cũng tùy thuộc vào cảnh quan chung quanh nữa. ở nơi này thì cô không đẹp và người người khác đẹp; ngược lại với một nơi khác có những con người đẹp khác. Trong cái chợ miền ngược này cái đẹp khỏe mạnh của cô con gái ông chủ quán có một vẻ đẹp lạnh lùng quyến rũ khiến cậu ấm xao xuyến

mất ngủ nhiều đêm. Cậu thêm thường tắm thân lực lưỡng nhiều chất rừng chất núi ấy. Dinh bố chánh có tên lính khố vàng trước đã từng theo nghĩa quân Yên Thế sau quay phản về hàng Tây. Tên này đã báo cho cậu ấm biết rằng cha con ông Quát vốn là “quân khởi loạn” cũ. Ấm Hỷ bắt thằng lính phải kín miệng. Cậu ấm bày mưu chiếm lấy cô gái con ông chủ quán. Cậu cũng không nói cho bố biết chuyện này. Bố cậu chỉ hé một lời là bên tá Niết sai bắt ngay cha con ông chủ quán.

Như thế thì chả có lợi gì cho cậu cả. Cứ để thế này, cậu ấm sẽ có phép bắt cha con ông chủ quán làm theo ý cậu muốn. sáng hôm nay, chính vào lúc cậu ấm đang hùng hực trong lòng thì lại thấy hút bóng Lý đi về phía rừng. Thầy trò cậu ấm bảo nhau theo gót cô gái ngay. Hai thằng

lính khố vàng cắp roi mây vào nách cũng hăm hở hơn, chúng mong được ông chủ nhỏ thưởng thật hậu. Ba thằng hấp tấp lội qua một chân ruộng tràm. Cậu ấm hụt bùn mất cả đôi giày Chí Long da đen mới. Cậu hốt hải trèo lên con đường mòn vắt qua sườn đồi dẫn ra đường cái quan đi nẻo Phấn Mễ, con đường này xuyên qua một cánh rừng chưa khai phá, xưa nay vẫn vắng teo. Bụng cậu ấm cứ réo sôi lên. Cậu dắt hai thằng lính khố vàng xuyên tắt qua một quả gò mọc đầy những bụi sim, mua. Thấy trò rúc bụi tối mặt tối mũi, lao thật nhanh sang bên kia đường đón cô gái. Lý giật nảy mình khi nhìn thấy mấy bóng người từ vệ rừng bước ra. Nhận ra ấm Hỷ, Lý vừa tức vừa sợ. Cô đã nhiều lần bắt gặp ánh mắt thèm muốn của thằng này. Cậu ấm cười cợt nói, mắt liếc long lanh:

– Ủi chao, có duyên dù xa nghìn dặm vẫn gặp được mặt nhau. Đang mơ tưởng tới người ngọc thì người ngọc hiện lên ngay. Này, cô em đi đâu thế?

Lý không chú ý đến cái giọng bờm xồm của hắn vì còn mãi né tránh bàn tay nhỏ nhắn đang định nắm lấy vạt áo của cô. Ấm Hỷ có bàn tay rất đẹp, da tay rất trắng, rất mịn, ngón thon thon để móng dài cong như cánh hoa ngọc lan. Lý sợ hãi kêu khẽ:

– Tôi ra chợ. Bác bỏ cho tôi đi.

– Sao lại gọi tôi bằng bác. Phải gọi bằng chàng chứ. Chàng đi thiếp cũng đi theo, lội sông vượt núi qua đèo băng khe. Theo kỳ tới chốn buông the!... Chú! l...ị...

Lý cuống lên: cậu ấm đã nắm được đầu dải thắt lưng màu tím của cô. Hắn

quấn luôn mấy vòng vào cổ tay, giữ thật chắc. Lý khom người, van nài:

– Ông buông tôi ra kéo tan chợ về thấy tôi mắng.

Lý lẩn lộn từ nhỏ nhưng chỉ mới lẩn lộn trong những trận chiến đấu. Lý quen sống giữa những người thật thương yêu nhau. Cho nên cô rất luống cuống trước cái sàm sỡ của ẩm Hỷ. Nhưng một cô gái đồng rừng mới dậy thì gặp chuyện như vậy thì cũng có cách phản kháng riêng của mình. Lý gắt ẩm Hỷ:

– Ông có buông tôi ra không? Tôi kêu lên bây giờ!

– Lại gọi bằng ông rồi. Này, tôi bảo thật, phải gọi tôi bằng chàng. Như thế mới là người con gái biết điều. Làm hoa cho người ta hái, làm gái cho người ta

chòng. Được, cô cứ kêu lên. Chỗ này vắng quá, cô kêu thì được cái gì. Mà nếu có ai thì chỉ có cô thẹn thôi chứ.

Lý uất lên, không nói ra lời được nữa. Cô nắm chặt lấy cổ tay phải của ấm Hỷ. Cô ra sức vặn tay gã. Ấm Hỷ cũng níu riết lấy mẫu thắt lưng của cô gái. Gã thở hỗn hà hỗn hển. Gã thò bàn tay trái lên định vuốt má cô gái.

Hai thằng lính khố vàng đứng bên ngoài xem, nhe răng cười hểnh hếch. Ấm Hỷ vuốt nhẹ được vào má Lý. Cô gái nổi khùng chộp bàn tay ấm Hỷ kéo vào miệng, cắn luôn một miếng. Gã đau quá ối to lên một tiếng và buông tay cô gái ra. Mặt gã nhợt đi vì tức. Hắn không ngờ cô gái lành, đụt ấy dám làm dữ đến như vậy. Hỷ giở mặt:

– Con khốn nạn. Đồ cú được đậu

cành hoa còn làm bộ. Tao bảo cho bố con mày biết mà liệu xác. Cái tội theo giặc chống nhà nước còn kia. Tao chỉ bấm quan Tây một câu là bố mày bị gô cổ lại ngay. Biết điều thì đừng có cưỡng lại tao.

Cái thằng lính khố vàng cao lênh khênh mặt choắt như hai ngón tay chéo vun khéo một câu:

– Cái nhà cô này, đường quang chẳng đi lại đâm choàng vào bụi. Được cậu ấm thương đến, một bước lên bà bé, ra giày vào dép, mưa không đến mặt, nắng chẳng đến đầu, lại còn ẻo ọc.

Thằng kia, một thằng mặt bì bì, mắt lồi như mắt cá vàng, đầu như lợn mà nói năng lại xỏ lá ra mặt:

– Thôi cô ơi, một đêm quân tử nằm

kể còn hơn mãi kiếp một bề chồng ngu. Cậu ấm để mắt đến cô là phúc cả nhà cô rồi. Ông ấm là người thanh cao đến tôi còn kính phục cơ mà.

Ấm Hỷ được thể sẵn đến giờ tay nắn vào ngực Lý một cái. Cô gái rú lên, lùi một bước vội vã thụt vào chỗ lõm. Lý hẫng chân, ngã ngối xuống đất. Ấm Hỷ bổ nhào vồ lên Lý, ôm chầm ngang lưng cô gái. Lý hăm hủ trong cổ họng. Cô gái nắm chặt tay đặt lên mặt gã, cố đẩy gã ra. Cô thấy sợ toát mồ hôi ra: đôi mắt gã bây giờ nom dài dài nhưng vẫn long sòng sọc như mắt người điên. Miệng gã dẩu ra chơi với tìm đôi má cô gái. Một thằng khố vàng, cái thằng mắt cá vàng ấy, cầm một cổ chân Lý nhấc lên khiến cô gái vật ngã ra đất. Ấm Hỷ thừa cơ chộp đánh thụp một cái vào ngực Lý khiến cô gái chu lên như bị ong đốt:

– Ồi giòì ơi... thằng đểu!

Một tiếng quát ở phía sau:

– Này! Ban ngày ban mặt mà anh dám giở cái trò khốn nạn này ra à?

Bọn ấm Hỷ giật nảy mình. Một bàn tay gầy đen nhưng cứng cáp nắm lấy cổ áo cậu ấm, kéo cậu ta đứng dậy. Đó là bàn tay của xếp tiêu sấu. Cai Mánh giờ tay như muốn tát cho ấm Hỷ một cái. Hai thằng lính khố vàng cạy đông, bênh chủ:

– Đừng có láo. Mày là thằng nào mà dám đụng đến cậu ấm. Quan bố mà biết thì rũ tù.

Thằng mặt choắt còn đe một câu:

– Tăng xương! Tăng xương²¹!

21 Attention: liệu hồn! liệu hồn!

Cai Mánh vắn mắt lên. Anh đang ghê tởm cái lối nói tiếng Tây bồi của ngay chính anh. Người cai khố xanh chẳng do dự gì nữa. Anh nắm chặt giáng cho cậu ấm một quả nghe đánh hự vào giữa ngực. Như bị trời giáng, cậu ấm ngã kèngh ngửa, khăn khố xổ tung ra, tròng vào cổ. Hai thằng lính khố vàng vội xông ngay vào. Thằng mặt choắt túm tóc Mánh, thằng mắt cá vàng giơ hèo sơn đỏ vụt đen đét vào lưng Mánh. Cai Mánh không thềm để ý đến hai thằng lính khố vàng. Anh nghiêng rặng, không kêu, không la, cứ nhè toàn chỗ hiểm của cậu ấm mà giọt liên tiếp. Bàng quang một đấm, bụng dưới một đấm, ức một đấm, mạng sườn hai, ba, bốn đấm. Mánh đánh như nện đòn thù. Lý được người cứu, đã gỡ được mình và chạy tránh ra xa, đang đứng xốc lại quần áo. Cô ý ới kêu người lại cứu Mánh. Cô thấy Mánh có vẻ yếu thế vì hai

thằng khố vàng cũng khỏe cả. Hai đứa đã ôm được ngang lưng Mánh, muốn vật anh xuống. Nhưng người cai khố xanh co đầu gối thúc cho thằng mặt choắt một cái vào bụng khiến gã rống lên ề ề... Thằng mặt cá vàng ở đằng sau cũng ăn một khuỷu tay nhưng gã ngáng chân vật Mánh ngã sấp xuống đất rồi đề sấn lên trên. Vừa lúc ấy, có tiếng chân chạy tới. Đó là quyền Nhiêu và cái đờ-mi gờ-rúp của cai Mánh! Họ chẳng cần biết nấp tẻ ra sao, cứ thế là hai nện một, ba nện một. Họ giọt cho hai thằng lính khố vàng trận no đòn. Ấm Hỷ lùi vội ra xa, gã không lạ gì bọn lính tráng, cái gì cũng coi bằng con kiến. Nhưng cai Mánh đã chồm đến. Anh nắm cổ áo cậu ấm kéo một cái xoạc tung cái áo the của gã từ cổ đến bụng áo. Ấm Hỷ la toáng lên:

– Ô xơ cua! ô xơ cua²². Lúc ấy, có một toán sen đầm Tây đi "roỏng" tỉnh lỵ nghe thấy tiếng kêu cứu liền chạy đến. Viên chỉ huy là đội sen đầm Bơ-de (Besait). Cai Mánh bảo khế Lý:

– Tránh đi.

Cô gái lùi ra xa mé sau toán lính khố xanh. Ấm Hỷ hai tay ấp hai mảnh áo the rách lên ngực. Gã hỗn hển mách Bơ-de bằng tiếng Pháp:

– Mấy thằng này định lột áo tôi. Nó còn đánh tôi. Gã nói bằng tiếng Pháp nên bọn Mánh nghe chỉ hiểu lỗ mỗ. Bơ-de nhìn Mánh, nhìn những người lính khố xanh. Đột nhiên cái thói sợ lính Tây, sợ người Tây tưởng đã hết trong con người Mánh bỗng từ xó xỉnh nào tuồn ra. Hiện tượng ấy cũng xảy ra cả ở các người lính

22 Au secour: Cứu với! Cứu với!

khố xanh của Mánh. Bơ-de khoằm ngón tay trở, gọi như gọi chó:

– Lại đây!

Đằng sau toán lính khố xanh, những người quốc sự phạm đang đi tới. Họ dừng lại cách đám đông chừng mười thước và đứng yên lặng nhìn. Bơ-de hỏi Mánh:

– Thế nào? Việc thế nào?

Mánh im lặng. Âm Hỷ liền thoảng tiếng Tây:

– Thằng này nó ghen. Nó không có tiền. Tôi có tiền, con kia nó đi với tôi.

Câu này thì Mánh hiểu. Anh cúi:

– Nói láo! Tao dần tan xương bây giờ. Thằng hủi! Cai Mánh đỏ mặt lên.

Anh muốn nói cho thằng sen đầm Tây hiểu rằng ấm Hỷ định làm nhục cô gái này và anh can thiệp theo lẽ phải. Nhưng số vốn liếng Tây bồi của anh ít quá. Anh rặn mãi chẳng ra được nửa câu. Bơ-de bảo:

– Nói đi! Mày câm à? Gọi tao bằng xếp! Há!

Bơ-de trước là cai pháo thủ nay quá tuổi nên chuyển sang làm sen đầm. Y rất hiểu đặc quyền "màu da" vì y ở Đông Dương đã hơn mười năm. Y lại rất cao lớn. Hai thằng khố vàng đã tìm được hèo sơn đỏ bị văng trong đám cỏ. Hai thằng đứng sau lưng cậu ấm. Toán lính khố xanh cũng áp vập sau lưng xếp tiêu sấu. Còn thì chẳng hiểu Bơ-de nghĩ gì, ý cứ giục:

– Nói đi chứ! Chúng mày câm à?

Vừa lúc ấy, viên đội khố xanh chạy từ xa đến.

– Nào, nào... cái gì thế này?

Viên đội khố xanh ấy là đội Giá.

Từ lúc rời quán rượu, đội Giá đi lang thang như người vô định. Đôi chân lơ đãng đưa anh đi men theo con hào quanh chân thành cổ Thái Nguyên về nẻo trại Bô-dông như con ngựa già về chuồng cũ. Nắng lên, chói lòa. Cây cối bạc màu vì bụi. Có lẽ đã quá chín giờ. Đội Giá đi bàng hoàng giữa tỉnh lỵ vắng teo trong giờ làm việc. Anh nghĩ nhiều nhưng nghĩ mung lung và không thu gọn được việc phải nghĩ. Những phố Tây sạch sẽ, hai bên hè trồng những cây me, cây phượng vĩ. Tán lá trùm mát, đầu cành rũ những quả lủng lẳng nhọn đầu. Những ngõ ngang lát đá, ngắn và hẹp

với những gian quán nhỏ mở hé hé một bên cửa lùa. Phố vắng. Chỉ thỉnh thoảng một bà lão quảy đôi thúng, lộm khộm như chiếc bóng. Tất cả đều lặng lẽ, nhẩn nhục bỏ mặc thời gian trôi đi lặng lẽ. Đội Giá triển miên trong suy nghĩ riêng tư đang cắn rứt lương tâm anh. Anh nghĩ đến cái làng nhỏ xinh, nằm bên bờ sông Văn Úc.

Những kỷ niệm cũ trở về cả vui lẫn buồn. Tuổi trẻ của Giá đã trôi đi nhạt nhẽo. Anh được tin cha anh qua đời khi anh đang bị đẩy ra mặt trận sông Đà. Anh không được vuốt mắt cha và nhận lời trăng trối nhưng anh tin rằng cha anh chết không vui. Từ đấy, Giá trầm lặng đi. Anh có một lời nguyện là sẽ dùng hai bả vai mình mở lấy một đường đi trong cuộc đời. Chính cái lời nguyện ấy đã dẫn anh đến con đường làm một tên

lính khố xanh. Anh được thăng cấp cũng mau. Anh có một chỗ đứng tưởng như mọi người nể sợ. Nó đã có lúc làm cho anh lóa mắt nếu như dần dà anh không nhận ra trong đời lính tráng chẳng bao giờ có công lý. Anh đã từng bị đứng nghe chửi như tát nước vào mặt, đã từng hiểu sự sung sướng khi thoát được lệnh phạt giam và sau đó thấy hổ thẹn. Anh đã từng chịu đựng những cặp mắt lạnh lẽ, lạnh lùng và ghê sợ của những người dân Nhã Nam, Yên Thế. Anh đã từng nghe thoảng qua tai lời nguyên rủa những thằng lính khố đỏ, khố xanh, khố vàng phản nước. Tóm lại, dẫu đứng chỉ là sự ngộ nhận của Giá. Anh đã hiểu rằng cái lon đội của anh chẳng là cái gì cả. Nếu bị giám binh gọi lên văn phòng, anh cũng run sợ hồi hộp như lính. Dân tránh anh cũng như tránh bọn Tây.

Rời quán nước của cụ Quát, Giá đi lang thang, trong lòng xúc động rất mạnh. Ông Quát và Giá đều muốn nói một điều mà cả hai chưa ai đủ động tới: «Việc hứa hôn giữa Giá và Lý». Đặt chuyện này ra khi đang gấp chuẩn bị cuộc binh biến thì thật kỳ quặc. Nhưng Giá muốn được cụ Quát nói cho một lời tin cậy dù chỉ mới là lời hứa gả con gái. Trước kia, khi anh còn ngộ nhận về chỗ đứng của mình, thì anh sẽ mang cái lon đội ra làm của dẫn cưới. Anh cho rằng làm điều đó là anh hạ mình. Anh tin chắc hễ ngỏ lời là được như ý. Nhưng câu chuyện cụ Quát kể lại về tình bạn của cụ với người bạn còn bị tù đã làm cho Giá hiểu thế nào là niềm tin và cái gì làm gốc rễ cho niềm tin ấy. Anh mong muốn được một lời nói chân thành quý mến mình.

Anh đã được thời thế gọi thức dậy tình yêu nước và lương tri của một con người trung thực. Anh về gần tới trại Bô-dông lúc nào không biết. Anh gặp đội Cấn đi ra một mình. Đội Cấn chăm chú nhìn đội Giá:

– Sao lại về một mình? Tù trốn à?

– Không... Sao anh lại hỏi thế?

– Nom mặt chú... thế kia. Đội Giá sức hiểu chắc vẻ mặt anh nom rất ngơ ngác. Anh kéo ông Cấn đi xa trại Bô- đông. Đội Cấn hỏi:

– Đã đưa tin bên đế lao chưa?

– Rồi. Nhưng mình làm... cũng thừa sức. Việc gì mà cứ phải hỏi họ.

– Không, phải hỏi. Vì đây là việc chung và họ quen hơn ta, họ giỏi hơn ta.

Giá lẩm bẩm đau đớn như nói một mình:

– Nhưng họ có tin ta đâu. Nếu như ta chiếm xong tỉnh lỵ đêm nay thì còn nói gì nữa.

– Đúng thế! Lòng ta sẽ giải bày đêm nay.

– Và mọi người sẽ tin cậy, kính phục nhau.

Đội Cấn tò mò nhìn bạn mình. Giá đang xúc động và có thể đang bị ai chạm tới niềm tự ái tự tôn của mình. Cấn kéo Giá đi, hỏi nhỏ:

– Có chuyện gì thế?

Đội Giá khẽ lắc đầu.

– Chú không nói được với anh à?

Đội Giá chợt thấy lòng nô nao rồi lên. Anh cảm thấy được tin cậy là một niềm hạnh phúc và bị ngờ vực là một sự xúc phạm ghê gớm. Anh nói rít hai hàm răng:

– Rồi không ai có quyền khinh ta nữa.

– Nhưng bây giờ nếu có ai khinh ta cũng phải chịu.

– Sao? Bác nói sao?

– Phải, họ có quyền khinh ta.

Giá ngoảnh nhìn Cấn, kinh ngạc, tức giận.

– Họ có quyền vì chúng ta còn đeo cái này...

Đội Cấn chỉ vào cái "khuy xông²³" lính khố xanh đeo ở ve áo.

²³ écusson, quân hiệu

– Và tôi cũng còn đeo nó.

Đội Cấn chậm rãi nói buồn bã:

– Nó là vết nhơ đeo đẳng mãi anh em ta hàng chục năm nay. Lắm lúc tôi thấy bộ áo lính cọ vào thân thể như muốn bong da thịt lên. Và còn cái này nữa! Đội Cấn giơ ngón tay trở bên phải lên.

– Chú thử nghĩ xem cái ngón tay này có đáng tin không? Chú tự hỏi lương tâm mình xem công nó, tội nó thuộc về ai? Giá nhìn ngón tay trở của mình, như để nhớ lại những năm, tháng đã qua. Những người lính khố đỏ, khố xanh đã từng là cái máy giết người của bọn Tây. Quân thù đã hiểm độc lại có lực. Chú còn nhớ lời ông Ba không? Giá nhớ lại lần gặp Lương Ngọc Quyến đầu tiên. Hôm ấy, anh là người chỉ huy toán lính khố xanh canh đề lao. Anh có nghe nói đến

một người tù mới bị Tây đem về đây phạt giam cấm cố. Người ta kể rằng người tù này là người của đảng cụ Phan Bội Châu. Anh đang tìm cách bí mật gặp người tù thì viên phó công sứ vào để lao. Y là một viên quan cai trị bậc bốn ngạch thuộc địa và là trung úy pháo binh trừ bị. Viên phó sứ bảo đội Giá:

– Đi theo tôi!

Giá theo viên phó sứ. Anh không hiểu ý định của gã. Gã vào tới xà lim cấm cố và sai mở cửa. Ngăn xà lim tối đen. Chưa quen với bóng tối, không ai nhận ra trong xà lim có cái gì. Một mét hai, hai mét. Đó là chiều dài và chiều rộng của xà lim cấm cố tường quét hắc ín. Một chiếc phản gỗ lim chân bằng sắt chôn xuống nền. Cuối phản có bắt bằng bu- lông một chiếc cùm sắt hai lỗ dành cho hai chân người tù. Giá nhận ra dần: một người tù

còn trẻ, đáng điệu mệt mỏi và khinh thị. Anh ta gối đầu lên cánh tay phải, chân vắt chéo nhau, lạnh lùng chẳng thèm để ý đến người làm rầy anh ta. Viên phó sứ gất lên:

– Ngồi dậy!...

Y gất bằng tiếng Pháp rồi văng cả ra bằng tiếng Việt, nhưng người tù vẫn nằm thản nhiên. Viên phó sứ bước hẳn vào xà lim và giơ tay lên...

– Đứng động vào tôi. ông muốn gì?

Người tù có một giọng nói oai vệ của người quen ra lệnh. Người ta dễ dàng nhận thấy đó là cách nói của một sĩ quan chuyên nghiệp. Chính cách nói ấy làm cho viên phó sứ rút tay lại. Người tù ngồi dậy một cách khó nhọc, trên khuôn mặt hốc hác, một cặp mắt lạnh lùng từ từ

nhìn tù viên phó sứ sang người đội khố xanh trẻ. Sau đó, người tù ngoảnh mặt đi không để mắt tới đội Giá một lần nào nữa.

– Các người muốn gì vậy?

– Anh xin phép ai mà bỏ chân ra khỏi cùm?

– Các người muốn làm gì thì làm chứ ta chẳng xin xỏ gì ai.

Thì ra viên phó sứ đi kiểm tra chế độ trừng phạt áp dụng cho Lương Ngọc Quyến theo lệnh của công sứ Đắc. Lệnh rất ngặt: Suốt ngày cùm trong xà lim cấm cố, hai nắm cơm, một dùm muối, một gáo dừa nước lã!

Viên phó sứ nói lại cho Quyến nghe về lệnh cấm đó và thêm:

– Để cho anh biết uy lực của tòa án binh Pháp! Rõ chưa.

Quyến lạnh lùng đáp:

– Ta chỉ biết có uy lực của tòa án lương tâm ta thôi.

– Tòa án lương tâm!

Viên phó sứ hơi nhếch mép cười. Quyến im lặng. Viên phó sứ gọi giám ngục, quát tháo ầm ĩ. Y ra lệnh cùm ngay chân Quyến lại và hàng ngày viên đội khố xanh chỉ huy việc canh phòng để lao phải đích thân kiểm tra việc cùm này... Lời nói của Lương Ngọc Quyến đã làm đội Giá bàng hoàng. Anh không thể ngờ được một con người tàn tạ lại có tâm hồn sắt đá và trong sáng như thế. Anh đã kể lại cuộc gặp gỡ trong đề lao cho Trịnh Văn Cấn nghe và chính người bạn này

đã nhắc anh nhớ tới câu nói đánh thép của Lương Ngọc Quyến.

– Thôi! Chú về chỗ anh em làm cỏ về đi.

Phải coi việc tự vấn lương tâm mình là quan trọng nhất. Đội Cấn quay về trại Bô-dông. Giá cúi đầu lằm lũi bước đi. Anh trở lại bình tĩnh. Anh tự nhủ mình còn nông nổi quá. Anh giơ ngón tay trở bên phải lên ngấm nghĩa. Ngón tay có chai ở đốt giữa, chỗ vẫn xiết cò súng. Anh thấy hai tai nóng lên và anh cụp vội ngón tay lại. Chính vào lúc ấy, Giá nhìn thấy bọn cai Mánh đang găm ghè với sen đầm và lính khố vàng. Anh vội vàng chạy lại. Bơ-de và cai Mánh vẫn chưa nói cho nhau hiểu đầu đuôi câu chuyện xảy ra. Giá nhìn quanh từ Mánh, Hỷ, Bơ-dê đến cô gái và anh giật mình khi nhận ra Lý.

Bơ-de nhìn cái lon đội của Giá. Gã hỏi anh:

– Có nói được tiếng Pháp không?

Giá gật đầu. Anh bảo Bơ-de:

– Để tôi hỏi xem chuyện gì đã.

Thằng lính khố vàng mặt choắt liến thoắng:

– Thằng này dám đụng đến cậu ấm con cụ lớn.

Thằng lính khố vàng kia cũng nói theo:

– Nó đánh cả chúng tôi.

Hai thằng chỉ cai Mánh. Ấm Hỷ nhăn nhó ôm ngực:

– Thế này anh đội. Con kia vẫn theo tôi. Tôi cho nó tiền luôn. Thằng này nó

ghen, nó hành hung tôi.

Giá liếc vội về phía Lý và thấy cô gái thẹn đỏ mặt lên. Anh còn lạ gì cai Mánh, đó là con người tránh đàn bà. Chẳng rõ trong cuộc đời riêng thâm kín của anh có điều chi gieo nặng nhưng chỉ biết cai Mánh tránh tất cả những gì dính líu đến họ. Nếu buộc phải giao dịch với đàn bà con gái, anh chỉ nói rất ngắn đủ nghe, thậm chí đến mức cộc lốc, cục cằn. Ầm Hỷ sợ Lý nói chen vào, gã nói tiếp ngay:

– Nhưng con này cũng hỗn lắm. Hôm nay nó vói thêm tiền. Tôi không sẵn nên không cho nhưng cũng vì bây giờ tôi biết rõ cha con nó là quân phiến loạn cũ của Hoàng Hoa Thám.

Đội Giá thất sắc. Anh đưa tay lau mồ hôi trán để giấu sắc mặt. Anh đã hiểu cái chuyện không đâu này có thể dẫn đến

một hậu quả tai hại thế nào. Nếu không khéo dìm đi, chuyện có thể đưa đến chỗ cha con cụ Quát bị bắt. Anh hỏi cai Mánh làm phép nhưng anh đã hiểu đầu đuôi câu chuyện là như thế nào rồi. Nhìn toán khố xanh cầm súng lăm lăm, anh e sợ một sự mạnh động xảy ra. Anh dùng tiếng Pháp nói với Bơ-de:

– Đây là chuyện ghen tuông bình thường. Tôi sẽ ra lệnh phạt thẳng cai này.

Anh chỉ vào Mánh.

– Còn cái nhà anh con quan này thì thả hẳn đi.

Bơ-de đột nhiên cười hểnh hếch:

– Tại sao mày lại công bằng thế. Để tao tạt tai cho thẳng công tử bột này một trận. Còn mày thì bảo lính nó nện hai cái thẳng khỉ quần khăn vàng kia đi. Mày

phải biết bênh lính của mày chứ.

Đội Giá nghĩ rất nhanh. Thì ra bọn chúng có một cách bảo vệ công lý rất lạ. Nếu có việc xích mích giữa dân với lính thì bênh lính. Nếu một bên là lính khố vàng, một bên là lính khố xanh thì bênh lính khố xanh. Cứ như thế công lý xếp theo trật tự: Tây chính cống đứng nhất rồi đến Tây lai. Sau Tây lai là da đen. Sau da đen là khố đỏ rồi đến khố xanh, khố vàng. Chót cùng là dân đen. Bơ-de sẽ theo trật tự chân lý ấy bênh bọn Mánh và tát tai cậu ấm Hỷ. Cậu ấm Hỷ mách bố và thế là tá Niết sẽ phóng trát tổng giam cha con cụ Quát. Tốt nhất là bịt vụ xô xát này đi. Anh bảo ấm Hỷ:

– Cậu ấm cứ đi về. Tôi sẽ phạt bọn này.

Anh bảo cai Mánh:

– Dẫn lính đi.

Và anh bảo Lý:

– Còn cô này theo tôi.

Anh chào Bơ-de. Viên sen đầm tiện tay véo má Lý một cái và nháy mắt bảo Giá:

– Đừng để sống mất nhé.

Gã nói bằng tiếng Pháp nhưng Lý cũng đoán ra. Cô gái lăm lũi theo gót Giá. Hai người về đến hào thành cũ Thái Nguyên. Đã vào thu, lá sen trong hào rách úa tả tơi rồi. Những hàng cuống cụt ngọn, héo đen nhô lên xơ xác. Đôi ba cái gương sen già lấm chấm hạt vỏ nâu. Hai người cùng im lặng đã lâu. Đột nhiên Giá cảm thấy tủi nhục. Bây giờ anh mới thấy rõ nỗi nhục sâu cùng của người dân mất nước là không che chở nổi cho vợ con

và người thân không bị làm nhục. Còn Lý, cô không sao hiểu nổi thái độ của đội Giá. Cô đột nhiên ghét con người ấy. Hai hàng nước mắt Lý từ từ ứa ra, chảy lăn trên má cô gái. Giá bình tĩnh và đau khổ bảo Lý:

– Thôi bây giờ cô đi đâu thì đi đi.

Lý trân trân nhìn Giá. Viên đội khổ xanh lặng lẽ quay đi. Anh hiểu rằng muốn làm rõ ràng mọi chuyện không thể chỉ bằng lời nói mà xong được. Và bây giờ anh cũng hiểu rằng trong cuộc sống còn những điều ngang trái hơn thế nhiều.

Chương 5

Sáng nay khi Nô-en thi hành việc phạt bọn cai Mánh trước hành quân thì việc này không lọt mắt một người cấp trên của y lúc đó đang đứng bên cửa sổ boong-ga-lô nhìn xuống. Đó là viên giám binh hạng nhất Đờ Mác-ti-ni (De Martini) phụ trách phòng thanh tra lính khố xanh Bắc Kỳ vừa mới về thanh tra trại lính khố xanh Thái Nguyên. Nô-en đã bắt đầu trì trệ, nặng nề vì uống nhiều rượu cồn. Gã vốn là một viên đội pháo

binh cũ làm việc trong trung đoàn kỵ binh Bắc Kỳ trước khi về hưu và chuyển sang làm giám binh ngạch khổ xanh.

Trong quân đội Pháp chỉ những sĩ quan kỵ binh mới chính cống là quý tộc. Nô-en bắt chước cách ăn mặc và dáng điệu của sĩ quan kỵ binh. Hắn mặc quần đi ngựa, ống chân bó ghệt và không bao giờ quên đeo đinh thúc ngựa ở gót giày. Hắn chọn một đôi đinh rất to có mắc bánh xe răng cưa thật lỏng để chúng kêu lên lanh canh mỗi khi Nô-en bước đi.

Đờ Mác-ti-ni thì khác. Y chính cống là cựu sĩ quan kỵ binh tốt nghiệp trường sĩ quan kỵ binh Xô-muya (Saumur), cái trường quân sự mà thường những người Pháp có họ đệm chữ Đờ mới được thu nhận vào học. Y giữ nguyên vẹn được cái dáng điệu lịch sự, duyên dáng và đỉnh đạc của hạng người này. Mọi cử chỉ,

ngôn ngữ trong con người y toát ra vẻ quý phái kênh kiệu. Y đã già. Tuổi trên năm mươi. Tuy chuyển sang ngạch lính này. Đờ Mác-ti-ni thường mặc bộ dạ cút ngựa cắt rất khéo và không mang lon, mang mề-day. Đôi tay áo sơ-mi trắng của y cài bằng hai chiếc khuy măng-sét bằng vàng có chạm huy hiệu dòng họ. Cái khuy chạm ấy khêu gợi sự thêm thuồng tốt độ và tuyệt vọng của Nô-en.

Đờ Mác-ti-ni vốn dòng quý tộc ở vùng núi An-pơ (Alpes) nhưng là dòng quý tộc đã sa sút mặc dù chính cống quý tộc lâu đời. Y rất khinh Nô-en. Y chửi thảm Nô-en là thằng anh chị du côn ở ngoại ô Pa-ri. Đờ Mác-ti-ni rất ghét cái bụng phệ Tây thuộc địa của Nô-en. Đờ Mác-ti-ni cũng rất ghét cái thô lỗ kiêu cai đội của Nô-en. Nhưng Đờ Mác-ti-ni cũng kiêng Nô-en, một tên đã nổi tiếng

ở vùng Xanh Giéc-manh đề Prê (Saint Germain des Prés). Cái thằng du đảng thô lỗ ấy chắc không chịu nhịn nhục ai. Ngoài mặt, Đờ Mác-ti-ni tỏ ra đàn anh, độ lượng với Nô-en. Gã hay khuyên thằng bạn "bất đắc dĩ" ấy bằng những lời thông minh nhất. Hôm nay gã tỏ ra ngọt ngào hơn nữa với Nô-en:

– Này Đê đê²⁴! Anh cho rằng người này là viên đội tin cần nhất của anh thì tôi không chịu. Tôi đã cầm quân ở Đông Dương ngót hai mươi năm. Tôi có một số kinh nghiệm muốn trao lại cho anh.

Nô-en ngạc nhiên. Hắn với tay giờ quyển sổ lính Đờ Mác-ti-ni trao cho. Hắn đọc lầm nhảm lại hàng chữ do chính hắn đã viết: "Tận tụy và cần mẫn trong công việc hàng ngày. Can đảm và thông minh khi ra trận. Không bê tha rượu chè, dĩ

24 Gọi André một cách thân mật suông sã.

bộm. Được bạn đồng sự và cấp dưới miễn phục. Một hạ sĩ quan gương mẫu đáng được thăng thưởng". Nô-en trao cuốn sổ lính lại cho Đờ Mác-ti-ni:

– Tôi tin rằng nhận xét của tôi đúng

Hắn muốn lấy lòng viên sĩ quan quý phái:

– Anh không ở đây nên có thể không hiểu rõ viên hạ sĩ quan này. Hắn đáng được gắn lon quân hàm.

Đờ Mác-ti-ni không trả lời. Y đang ngắm chiếc ảnh dán trong cuốn sổ. Về mặt những người châu Á nào cũng bí hiểm và kín đáo như nhau. Chẳng hiểu hai con mắt đen kia gọi lên một điều gì trong đáy lòng của hắn? Đờ Mác-ti-ni ngược nhìn Nô-en và cười tủm tỉm làm cho gã này ngượng ngịu nói vội:

– Tôi hiểu anh ta! Anh không tìm được chỗ nào sai trong lời phê ấy đâu.

Đờ Mác-ti-ni lắc đầu, hoài nghi:

– Thăng lên quản thì quá lắm đấy!

– Tôi có thăng nó lên quan một đầu. Chỉ là quản có nghĩa là một hạ sĩ quan mà thôi. Rất đúng lệnh trên.

Đờ Mác-ti-ni nói mà không nhìn Nô-en:

– Anh hiểu sai ý tôi rồi. Hiện nay chúng ta chỉ cho người An-nam lên cấp quản cũng là vì ta không muốn cho họ ngóc cổ lên được nhưng tôi cho rằng rồi ta sẽ phải có sĩ quan người An-nam và sẽ có lúc ta bắt buộc phải phong tới cấp tá, cấp tướng cho chúng... Anh ngạc nhiên à! Có gì là lạ nào. Để chiếm giữ xứ này, chúng ta đem tướng tá và binh lính Pháp

sang. Đến lúc lính Pháp không đảm đương việc bình định thì ta lấy lính khổ đỏ, khổ xanh. Điều ấy cũng buộc phải làm để có các sĩ quan người An Nam. Anh xem, cái tên Đỗ Hữu Vị nào đấy đã được gán lon đại úy rồi chết một cách tự nguyện cho sự vinh quang của nước Pháp đó thôi.

Nô-en kinh ngạc, không ngờ Đờ Mác-ti-ni lại nghĩ đến thế.

– Thế thì tôi thăng thăng này lên cấp quân là đúng chứ?

– Là sai... Lời phê của anh rất chính xác nhưng còn thiếu một phần mà lại là phần cốt yếu nhất.

Nô-en nhún vai. Y không muốn làm méch lòng cấp trên. Đờ Mác-ti-ni vốn là thần tượng của y và là người có thể lực

trong võ phòng của phủ thống sứ Bắc Kỳ. Nô-en không hiểu Đờ Mác-ti-ni định dẫn y đến đâu và y không tin ý kiến Đờ Mác-ti-ni có thể đem dùng được. Thực ra Đờ Mác-ti-ni còn chưa nói hết ý của gã. Đờ Mác-ti-ni không chịu được gã người Pháp bình dân nhưng gã là một con người nhiều thủ đoạn về việc củng cố chế độ thực dân ở Đông Dương. Xét cho cùng thủ đoạn của hắn cũng chỉ là chính sách thực dân của đế quốc Pháp ở thuộc địa. Đó là việc biến bọn quan lại và lính tráng người An Nam thành những cái máy giết người trung thành với đế quốc Pháp. Hắn nhếch một nụ cười nham hiểm:

– Nó thiếu cái phần bên trong của tính cách người lính thuộc địa. Một con người đã từng sống gần hai mươi năm trong trại lính mà vẫn không bê tha rượu

chè là một điều đáng chú ý.

Đờ Mác-ti-ni cắn đầu một miếng xì gà, cắm vào đáy một cái tăm. Y châm miếng thuốc rồi trở ngay đầu xì gà cháy về phía Nô-en:

– Anh nghe lời tôi nói tiếp. Một người như thế phải có cái gì nằm trong này - Gã gõ gõ ngón tay trở vào thái dương

– Anh đã nắm được nó suy nghĩ thế nào không?

Đờ Mác-ti-ni cười không thành tiếng, trong khi đó Nô-en đờ người ra vì ngượng. Hắn muốn cho Nô-en đỡ ngượng nên lấy lại giọng thân mật:

– Này Đê đê! Tôi không nói với tư cách thanh tra của võ phòng đâu. Chính là vì quyền lợi chung của người Pháp thôi. Các hạ sĩ quan An-nam-mít dưới

quyền anh cũng có người đã từng ở với tôi. Tôi hiểu họ kỹ. Ở đây anh chỉ có vài người tin cậy được thôi. Đó là quản Lạp, là đội Hạnh... Đờ Mác-ti-ni uể oải đứng dậy, chắp hai tay sau lưng, lững thững đi quanh phòng. Nô-en rất bức vì gã muốn theo dõi nét mặt tên thanh tra nhưng tên này cứ di động luôn làm cho gã cứ phải ngoảnh cổ đi ngoảnh cổ lại.

– Vì sao anh chỉ nên tin cậy những hạng người như quản Lạp, đội Hạnh?

– Vì họ có nhiều dục vọng! Hoặc là mê tiền và nghiện thuốc phiện như quản Lạp, hoặc là mê gái như đội Hạnh. Anh làm cho dục vọng của họ thỏa mãn thì họ sẽ bán cả bố mẹ họ cho anh. Còn đội Cấn, chúng ta chưa hiểu hẳn ta thèm khát cái gì? Nhưng tôi bắt gặp hẳn ta vài lần đang đọc sách của Vôn-te (Voltaire) và Giăng Giắc Rút-xô (J.J. Rousseau).

Tất nhiên là bản dịch của Tàu. Phải nhớ rằng bọn nho học mà thích đọc "tân thư" là bọn khác thường.

Nô-en chẳng hiểu Đờ Mác-ti-ni định nói cái gì. Nhưng y hiểu rằng đây là một câu chuyện rất nghiêm trang mặc dù trình bày kiểu cách và rối rắm. Theo thói quen quý tộc của hần, viên thanh tra võ phòng chậm rãi nói:

– Năm ngoái, chúng ta đày vua Duy Tân sang quần đảo Rê-u-ni-ông (Réunion) và đặt lên ngai vua An Nam một con lừa. Thế mà anh xem, con lừa ấy lại được việc cho ta. Máy gã bảo hoàng An Nam bị dấn vào ngõ tặc hậu rồi. Như vậy ta cần đề phòng những kẻ nào chống lại ta bây giờ?... Đó là Quang Phục Hội mà đồ đảng của nó đang ngấm ngấm hoạt động ở nhiều nơi.

Đờ Mác-ti-ni ngừng lại trước bàn giấy của Nô-en, hai tay chống xuống bàn, ánh mắt cắm sâu vào trong đôi mắt ngơ ngác của Nô-en.

– Chúng ta chỉ bằng lòng tư tưởng của Vôn-te và Rút-xô ngự trị ở Pháp. Còn ở đây thì tối kỵ. Cái món tự do, bình đẳng, bác ái vốn dĩ hay lây, càng không được để nó nảy mầm ở xứ này. Dân đen ở đây sẽ đòi bình đẳng với người Pháp, đòi lương bổng như chúng ta, đòi mở mang kỹ nghệ. Mọi thứ đặc quyền, ưu tiên của chúng ta bị mất. Chúng ta sẽ phải ăn thịt bò hóa đại. Còn bác ái thì miễn bàn. Từ khi Chúa Trời dở hơi ban cho con người ánh sáng của trí tuệ, thì con người đâm ra hiểu biết cách ăn thịt lẫn nhau và cứ bám lấy cái trí tuệ ấy mà đày đoạ lẫn nhau. Chính ông Đắc nhà anh đã chỉ cho tôi điều ấy!

– Thế thì sao? Anh bảo ta sẽ buộc phải có tướng tá An-nam-mít mà anh lại phản đối tôi muốn thăng một thằng đội An-nam-mít lên cấp quản?

– Chẳng có gì mâu thuẫn cả. Anh thăng thằng Lạp lên đại úy cũng được vì nó là đứa đã bán linh hồn cho ta, còn Trịnh Văn Cấn thì tôi không muốn. Anh nên nhớ chúng tôi lo lắng đêm ngày để dẫn cái giống lính An-nam-mít đi theo con đường của quý. Phải cho họ quen rượu, quen gái, quen bắn giết, đốt, hiếp để thành một thứ lê dương hạ đẳng. Đừng nghĩ chúng cũng là người như dân Pháp. Chỉ có thể là người Pháp dân chủ, nếu không thì phải là người An-nam-mít nô lệ như thằng Lạp.

Đờ Mác-ti-ni cầm bút xóa hàng chữ «Hạ sĩ quan gương mẫu đáng được khen thưởng» đi và điền vào hàng chữ

mới trong sổ lính của đội Cấn: "Cấn thử thách lòng trung thành với quyền lợi và danh dự của nhà nước Đại Pháp".

– Et voilà! (Và thế đó) - Đờ Mác-ti-ni vút bút, cười.

– Hà! Xếp cái việc rắc rối ấy lại. Mác-ten nhé!

Đờ Mác-ti-ni gật đầu. Nô-en bấm chuông. Một lát sau lính hầu bưng vào một chiếc khay trên để một chai Mác-ten, hai cái cốc, một xô đá và một đĩa quả ô-liu muối. Đờ Mác-ti-ni kêu lên:

– Ở đây mà cũng có hơi hướng Địa Trung Hải kia à!

– Chứ sao?

Nô-en tự hào đáp. Tên lính hầu lại vào đặt lên bàn một tập công văn, một sổ

thư và báo chí vừa nhận được. Nô-en ra hiệu bảo người lính hầu ra. Y rót rượu, bỏ đá vào cốc trong khi đó Đờ Mác-ti-ni giở một tờ báo Pa-ri ra đọc. Hắn tắc lưỡi:

– Thật khủng khiếp. Cái chiến trường sông Xom tổn khá người, khá của thật!

Nô-en cười:

– Trại này cũng đã cung cấp khối xác chết cho mặt trận ấy đấy nhưng cũng chẳng đến thứ sĩ quan già như bọn ta đâu mà lo.

Mọi lần Đờ Mác-ti-ni vẫn dung thứ cách suồng sã này coi như một đặc ân với Nô-en vì Nô-en là cánh tay phải của Đắc. Nhưng lần này Nô-en đụng tới nọc quý tộc của Đờ Mác-ti-ni nên tên này cau mày ngắt lời.

– Chúng ta không phải ra trận để đem lồng ngực của chúng ta ra bảo vệ nước Pháp vì chúng ta phải bảo vệ sự có mặt của nước Pháp ở xứ Đông Dương. Vì vậy chúng ta phải quan tâm đến chiến trường chính quốc với tất cả bầu máu nóng của chúng ta.

Nô-en đỏ mặt, vội chữa:

– Tất nhiên như vậy.

Đờ Mác-ti-ni chưa chịu thôi ngay:

– Vậy thì phải quan tâm như thế nào ở địa vị chúng ta?

Đờ Mác-ti-ni đặt câu hỏi cho cả hai người. Gã đứng thẳng người, đầu nghiêng trong một dáng suy tư rất đẹp và duyên dáng. Nô-en ngợp người trước tư thế quý phái của Đờ Mác-ti-ni. Gã nhìn thần tượng không chớp mắt. Đờ Mác-ti-

ni vẫn giữ nguyên cách đứng và liếc nhìn về phía Nô-en ra hiệu hãy trả lời đi. Nô-en nhún vai, xòe tay rất bình dân:

– Làm hết sức chứ sao nữa!

– Nhưng sức lực trí tuệ phải dồn vào chỗ nào chứ?

Nô-en im lặng. Y không quen suy nghĩ và không muốn suy nghĩ nữa. Đờ Mác-ti-ni khinh bỉ, đếm từng điều trên đầu ngón tay như dạn dò một thằng ngu ngốc:

– Phải có người này! Phải có của này! Phải có người và của cung cấp cho nước Pháp chiến tranh

Đờ Mác-ti-ni chột cười:

– Tôi vừa đọc một bài báo của cái thằng An-nam-mít Phạm Quỳnh nào đó

đăng trên tờ báo Nam Phong. Hấn nói rất đúng ý định tổng quát của quan toàn quyền An-be Xa-rô (Albert Sarraut). Quan toàn quyền thì nói là: «Chúng ta phải nắm chắc nguồn cung cấp vô tận của Đông Dương cho tổ quốc của chúng ta». Còn thằng kia văn vẻ hơn. Hấn viết: «Rồng Nam phun bạc đánh đổ Đức tặc». Nhưng tóm lại là vết của vết người đưa sang Pháp!

– Anh cho rằng tôi chưa làm việc đó à? Dẹp loạn là làm việc đó chứ còn gì nữa!

– Chưa đủ!... Anh lấy gì ra mà dẹp loạn?

– Binh lính dưới quyền tôi.

– Sự trung thành của họ?

– Tôi trị bằng tay kẻ nào không trung thành với chính quyền của chúng ta.

Đờ Mác-ti-ni bình thản nhìn về mặt cái kính của Nô- en. Gã tủm tủm cười, lòng thầm khinh sự thô lỗ của Nô-en.

– Chính sách “quả trùy sắt” của quan công sứ Đắc phải không? Vấn đề đáng bàn ở chỗ ấy đấy. ông ta cầm đầu một tỉnh. Tôi ở võ phòng phủ thống sứ Bắc Kỳ. Cấp bậc, quyền hành của tôi hơn ông ta. Nhưng điều đó không quan trọng. Ai nói lên sự thật, người ấy đáng giá hơn. “Quả trùy sắt” của ông ta không như anh hiểu đâu. Cách cai trị của ông ta gồm cả xiết dạ dày, xiết trí não người An-nam-mít nữa. Anh muốn đàn áp thì phải có lính, mà ở Đông Dương bây giờ quân Pháp còn ít... Lính Pháp, âu Phi, đang lội bùn bì bõm ở sông Xom kia kìa. Còn ở

đây, ta chỉ có một số sĩ quan già (y thấy Nô-en cười) và một số đã ỳ trệ vì rượu cồn (y thấy Nô-en thôi cười). Nói thật là lực lượng Pháp ở Đông Dương yếu trông thấy. Lực lượng yếu mà nói đến việc dùng “quả trùy sắt” thì thật ngu ngốc đến rồ dại. Này Nô-en! sáng nay anh phạt lính thế nào tôi đứng ở cửa sổ xem rõ hết. Anh có nhận ra điều gì đáng chú ý ở đám lính của anh không?...

Đờ Mác-ti-ni nghiêng đầu tìm từ ngữ một cách khó khăn:

– Hình như họ... loại trừ anh ra khỏi khối người xếp thành hàng sáng nay.

– Mọc... Pác-đông (Cút... xin lỗi).

Nô-en xin lỗi tiếng tục văng buột miệng và lo lắng nhìn cấp trên. Nhưng Đờ Mác-ti-ni lạnh lùng nói tiếp:

– Tôi chỉ huy năm trăm lính lê dương. Họ còn vắng tục gấp mười anh. Nhưng ở với họ, tôi vẫn yên tâm mình là cấp chỉ huy của họ. Còn anh, tôi xem ra anh đứng ngoài khối lính của anh rồi. Như thế là “quả trùy sắt” của anh không có cán. Cái xứ Đông Dương, con bò sữa quý giá của chúng ta thì sao? Phải có người! Chuyển lính sang Pháp, mộ lính thợ, càng nhiều càng tốt. Máu người An-nam-mít rẻ hơn. Mỗi đầu lính An-nam-mít ta chỉ cần phải chi 54 quan một tháng. Máu của lính An-nam-mít không quý bằng máu Pháp, thậm chí không quý bằng máu của một con ngựa trong kỵ binh Pháp.

Nói đến ngựa, Đờ Mác-ti-ni quên ngay chiến trường sông Xom:

– Trời ơi, những con ngựa giống ăng-đa-lu mũi hất lửa, những con tuyển

nòi ăng-lê, chân như vó nai. Này Nô-en, thế mà tôi vẫn thích một con ngựa ả-rập đen tuyền. Nom nó không thanh tú mà nó hoang dại như một cô gái Di-gan ấy.

Đờ Mác-ti-ni soi cốc rượu lên ánh sáng để xem màu rượu rồi nhắm nhấp vài ngụm nhỏ rất sành sỏi:

– Được ngồi đây uống rượu là nhờ ơn nước Pháp, nhờ lòng ngực Pháp và thuộc địa Pháp. Nếu chúng ta thua trận... xứ Đông Dương sẽ phải nộp cho Đức và thế là chúng ta phải trở về làm bồi bàn. à... nói đến chuyện làm bồi bàn, tôi nghe người ta nói giữa anh và ngài công sứ Đắc có dính líu gì đến việc ăn uống bồi bàn thì phải? Nghe đâu hai người có ơn tri ngộ với nhau phải không? Chắc là có, vì lần nào danh sách thăng thưởng cũng có tên anh. Đắc có vẻ thích anh lắm.

Nô-en cười hô hố. Cái thằng cha quý tộc mất nghiệp này tài thật, chả có thể giấu được nó tí gì, kể từ thành tích bắt hảo của y ở mọi xó xỉnh ngoại ô Pa-ri cho đến cai lai lịch sử quan kỵ binh nhận “nhầm”. Nô-en không kiêu cách nữa. Gã vỗ đùi đánh đét một cái, nói như một viên đội pháo phủ:

– Ôn tri ngộ gì đâu. Hồi tôi ở Xanh Giéc-manh để Prê, lão Đác có mở cái quán rượu ở đó. Tôi qua lại luôn, uống chiu, uống chẳng, uống bữa, hăn không hề đòi tiền, tôi có thì tôi giả, không có thì nháy mắt một cái rồi chuồn. Ngược lại, tôi bảo vệ hăn. Tất cả tụi yêu quái ở Xanh Giéc-manh không một tên nào đụng đến lông chân Đác, người bạn chí nghĩa chí tình của Nô-en. Về sau chẳng hiểu nhờ có bà con gì đó làm ở Bộ Thuộc địa, Đác dẹp quán rượu bỏ sang lập nghiệp

ở thuộc địa với chức quan cai trị hạng bét. Gặp đúng thời, lão lên như diều, bây giờ nghiêng nhiên là một ông đầu tỉnh vào loại sùng sỏ ở Đông Dương. Lần gặp lão ở Hà Nội, tôi không tin ở mắt tôi nữa. Lão ta đường bệ sang trọng làm sao, chẳng bù với hồi ở Pa-ri lúc nào cũng cái khăn trắng vắt vai, lẳng xẵng bung rượu cho tôi. Nom hăn quý phái hăn lên làm cho tôi cũng đâm ngờ vực tất cả những nhà quý tộc Pháp ở xứ này.

Đờ Mác-ti-ni đỏ mặt lên. Nô-en vô tình không biết mình vừa xuyên phải tim Đờ Mác- ti-ni một mũi dao rất nhọn. Gã cứ ba hoa:

– Tôi còn nợ lão khối tiền rượu. Lão không nhắc một lời mà lão còn chiều tôi ra chiều. Hô... hô... hô...

Cái cười hô hố rất hồn nhiên của Nô-en khiến Đờ Mác-ti-ni cũng phải quên câu nói chạm tự ái trên. Và câu chuyện trở nên suồng sã. Đờ Mác-ti-ni ngắt lời:

– Nhưng dù sao dùng “quả trùy sắt” trần trụi là phương sách kém thông minh. Tôi đã làm tờ trình cho võ phòng. Tôi đề nghị ra lệnh các ông giám binh hạn chế việc phạt. Và đề nghị phát chăn dạ, phát dép xăng-đan cho lính khố xanh nữa.

Nô-en chu lên:

– Ô, ô! Phát dép xăng-đan nữa! Anh làm như chúng là những ông hoàng châu Phi ấy.

– Đừng thiển cận và hẹp hòi. Chẳng những dép mà sẽ còn tăng lương, còn phát quần áo lót, còn trường học riêng

cho con cái binh lính nữa kia. Họ chăn bò sữa cho chúng ta. Nếu ta không chăm họ thì ta phải cử người Pháp canh gác họ mà người Pháp thì đang mở mắt không ra ở chiến trường châu âu. Tất nhiên anh vẫn có quyền và có bốn phen dùng roi cặc bò. Nhưng hãy đánh cho kín. Đánh như anh hồi sáng là gây cảm tức cho cả trại lính. Như thế nguy hiểm lắm.

Đờ Mác-ti-ni hăng lên. Gã nốc Mác-ten không kém gì Nô-en, chỉ có khác là mặt gã tái đi còn mặt Nô-en như gấc chín.

– Anh có biết thế nào là Giắc-cơ-ri (Jacqueries) không? Khiếp lắm. Cái giống dân quê mất ruộng nó vác lưỡi hái đi làm loạn thì khiếp lắm. Lính giời cũng bị nó tràn qua, quét đi hết. Có lẽ tôi phải đề nghị võ phòng cấp ruộng cho lính và buộc các ông chủ tư bản nếu lấy ruộng

làm đồn điền, làm đường sắt thì phải bồi thường cẩn thận những chủ ruộng nào là lính An-nam-mít. ít ra thì cũng là lính đẹp bọn Giắc-cơ-ri.

Nô-en thấy Đờ Mác-ti-ni quả thật thông minh và có học. Được một quan thầy như thế ở võ phòng dinh thống sứ thì quý giá. Gã thấy Đờ Mác-ti-ni còn giỏi hơn ông sáu võ Bắc Kỳ và hơn cả ông sáu văn Bắc Kỳ. Gã nhìn Đờ Mác-ti-ni không chớp mắt.

– Còn điều này nữa! Hãy bắt lính mua cho nhiều công trái. Phủ toàn quyền vừa ban hành loạt công trái mới để có tiền cho Âu chiến. Bắt lính mua. Mỗi thằng bốn tờ, cai sáu tờ, đội tám tờ, quản mười tờ. Mỗi tờ anh được hoa hồng năm xu. Như thế mỗi kỳ lương được thêm năm chục bạc. Đủ một chuyến đi đập phá ở

Hà Nội. Có điều đừng vất kiệt quá mà bò chết đấy.

Nô-en lơ dờ nhìn Đờ Mác-ti-ni nốc rượu. Nô-en còn chút đỉnh tỉnh táo để hiểu được cái hay trong ý kiến của Đờ Mác-ti-ni. Gã nói:

– Hay thật. Tôi sẽ xem tôi còn đứng vững giữa đám lính của tôi không.

– Là một.

– Tôi trị vài thằng đầu sỏ và vỗ về bọn lính quèn.

– Là hai.

– Ra lệnh phát lương ngay.

– Là ba.

– Và bắt nó mua công trái là bốn.

Đờ Mác-ti-ni cười ngả nghiêng mà không thành tiếng. Cái thằng Nô-en đã ngu mà ngố vẫn đáng yêu về sự thành thực của nó. Nô-en bấm chuông gọi lính hầu sai đem mệnh lệnh phát lương ngay cho binh lính trại Bô-dông.

Sau đó gã giở quyển sổ lính của đội Cấn ra xem lại. Gã lẩm bẩm:

– Phải sai thằng Hạnh dò thằng này xem nó đối với việc mua công trái ra sao. Nếu nó đáng thăng thưởng thì thăng ngay, biến nó thành thứ đầy tớ trung thành. Bằng không... ném sang mặt trận sông Xom.

Nô-en rút quyển sổ lên bàn. Gã vớ cốc uống một hơi cạn rồi đứng dậy. Theo thói quen, hắn định cầm cái roi ngựa nhưng sau vài giây suy nghĩ lưỡng lự. Nô-en ra tay không. Đờ Mác-ti-ni tùm

tửm cười khinh bỉ, khoan dung. Gã xem đồng hồ tay. Mười giờ! Sắp đến bữa trưa rồi! Gã đứng cạnh cửa sổ nhìn theo Nô-en. Đột nhiên một trận cười làm rung cả đôi vai gã. Đờ Mác-ti-ni cố nhịn nhưng nhịn không được, gã phải đóng cửa sổ, bỏ vào gieo mình xuống ghế mà cười. Gã cười sảng sặc, cười lăn lộn. Gã cười đến mức thắt lưng bật đinh cài mới ngớt dần trận cười ấy. Đờ Mác-ti-ni thở hổn hển và bắt đầu một trận ho cũng kéo dài.

– Thật là đại bịp! Thích quá!

Đờ Mác-ti-ni nghĩ thầm: «Cái thằng Nô-en dẫn độm một cách rất hay».

Đờ Mác-ti-ni buồn cười vì đã bịp Nô-en một mẻ ra trò. Những ý kiến về quả đấm sắt không phải của gã mà chính là của Đác. Đờ Mác-ti-ni đã được nghe Đác trình bày ý kiến trong cuộc họp các công

sứ Bắc Kỳ do viên thống sứ chủ tọa. Đắc đã nói về cách cai trị cần thiết và có hiệu quả ở xứ Đông Dương. Gã nêu những biện pháp cần thi hành để đạt được mục đích. Xứ Đông Dương phải thành một «chú bò sữa» cho những nhà thực dân Pháp. Muốn vậy phải mở mang các mỏ để cung cấp nguyên liệu cho chính quốc. Mỏ cần nhân công. Nhân công ấy rút từ các làng quê An-nam. Như thế phải «cắt khéo» ruộng của dân cày An-nam-mít để họ phải đi làm phu mỏ. Để cho dân An-nam-mít không kêu ca thì phải kiếm cách làm cho họ mù mị đi, ngu dân đi bằng rượu cồn, bằng thuốc phiện. Đắc công bố luôn một bản đồ tỉnh Thái Nguyên với một hệ thống chi lá, theo số dân từng huyện, những đại lý rượu RA và những đại lý thuốc phiện RO. Trường học chỉ nên mở ít thôi và ngược lại phải xây một số nhà giam. Cái «một số» của

Đác có nghĩa là hàng nghìn nhà giam! Tóm lại "quả đấm sắt" của Đác chỉ là một trong nhiều biện pháp cai trị của gã. Gã đã nói với các công sứ khác:

– Khi cần, tôi thay «quả đấm sắt» bằng những dạ hội, những phẩm hàm, và nhiều cái khác kể cả cách gọi thẳng thư ký quèn người An-nam-mít bằng mơ-xi-ơ (ông).

Chẳng riêng gì Đờ Mác-ti-ni, các công sứ khét tiếng "cáo" như Bít (Brides), éc-ke (Eck-ert) cũng phải khiếp phục, ghen ghét và cả khinh thâm Đác.

Đờ Mác-ti-ni ghen với Đác vì tên này sang Đông Dương chưa quá mười năm đã được toàn quyền, thống sứ coi là nhà cai trị xuất sắc rồi thăng chức gã âm âm! Đờ Mác-ti-ni khiếp Đác vì ý kiến của tên này quả thật biểu hiện một sự

hiếu biết nhuần nhị về sự nghiệp thực dân của người Pháp và tên này đã đề ra những biện pháp cứng cáp sắc sảo. Nhưng Đờ Mác-ti-ni cũng khinh Đác vì những biện pháp của tên công sứ đứng đầu Bốn hung thần quá ư ghê tởm. Thực ra Đờ Mác-ti-ni muốn làm được như Đác lắm nhưng gã đành chịu không sao làm nổi vì gã ham chơi, ham rượu, ham gái. Gã quen nếp sống lười biếng của giới quý tộc đã hết thời từ lâu. Gã lười nhác, ưa nhàn nhã, thích hưởng thụ các thú vui vật chất nhưng lại nhu nhược ở mức không đủ tàn bạo để làm được như Đác. Cái khinh của Đờ Mác-ti-ni bắt nguồn từ bất lực. Nhưng dịp Nô-en hôm nay, Đờ Mác-ti-ni đã thực hiện được mẹo thu nhận đàn em của gã. Đờ Mác-ti-ni đã nâng mình lên dìm Đác xuống trước mắt Nô-en. Gã này sẽ là tài chủ chi tiền ăn chơi phá phách mỗi khi Đờ Mác-ti-ni

đi thanh tra các tỉnh trung du Bắc Kỳ. Và hơn nữa, xưa nay bịp vốn là cách xử sự thông thường của Đờ Mác-ti-ni, đã hình thành tính cách gã. Đờ Mác-ti-ni ho chán, gã lại cười trợn nữa. Để đỡ cười, gã cầm cả chai Mác-ten lên ngựa cổ tu từng hơi dài...

Chương 6

hòng làm việc của "xếch-xông" im lìm đi trong bầu không khí vắng ngắt lạnh lẽo của trại Bô-dông. Đội Cấn trầm ngâm ngắm chiếc ảnh chụp ông mặc quần áo khố xanh đeo lon đội. Chiếc ảnh để trên mặt bàn giấy, dựa vào một cái ống bút bằng gốc tre, kỷ vật của cha ông để lại. Hai vật ấy luôn luôn nhắc đội Cấn nhớ tới hai sự việc xảy ra gần như cùng một thời gian với nhau nhưng, tuy không liên quan đến nhau, vẫn làm

cho ông hể nhớ sự việc này là nghĩ ngay đến sự việc kia. Một là cái chết của cha ông, hai là việc ông được thăng cấp từ cai lên đội cùng xảy ra năm 1913 vào những tháng mùa đông. ông được tin cha chết khi Tây đang tiến hành cuộc vây quét lớn vào vùng căn cứ của nghĩa quân Đề Thám. Đây là một cuộc càn quét quá mô nên những đơn vị thiện chiến nhất của chúng ở Đông Dương đều được điều tới: Trước hết phải kể đến trung đoàn thủy quân lục chiến Viễn Đông mà tên sĩ quan hải quân kiêm văn sĩ phản động Pi-e Lô-ti (Pierre Loti) đã viết mấy pho tiểu thuyết để ca ngợi sự hung hãn; rồi đến lính lê dương thuộc trung đoàn 5, lính da đen, lính Ma-ní; ngay tiểu đoàn pháo 75 lá duy nhất của Đông Dương cũng tham chiến.

Lính khố xanh cũng bị xua ra theo lệ

thường để khiêng thương binh, khiêng đạn làm bếp và gác các kho quân dụng hành quân. Cai Cấn lúc ấy đang chỉ huy một gờ-rúp mười người, canh một kho đạn ở cách mặt trận mười bảy cây số. Trận đánh đã kéo dài bốn ngày. Tiếng súng vọng về chứng tỏ mức độ khói lửa không hề sút giảm. Mỗi buổi chiều, cai Cấn lại được chứng kiến những cánh khiêng lính Tây bị thương đi qua. Sau đây cánh là đàn la cao lộc ngọc, mỗi con thồ trên lưng hai cái xác lính Tây. Đàn la này vốn chỉ dùng để kéo pháo 75 li, bây giờ Tây phải đem ra thồ xác. Đến chiều hôm thứ năm của trận đánh, tiếng súng đột nhiên nổ dội lên rồi tiếng súng lan gần lại. Cai Cấn bảo anh em trong gờ-rúp: «Có lẽ vỡ mặt trận, bay ạ!». Cai Cấn đoán đúng. Nghĩa quân Đề Thám đã tập trung quân đánh úp tụi Tây vào giờ ăn chiều của chúng làm cho chúng bỏ chạy

tán loạn, để lại nhiều xác chết. Những thằng lính Tây mấy hôm trước hung hăng là thế, bây giờ mất cả súng, cả giày đinh, chạy chân đất hớt hơ hớt hải.

Trời tối dần, tàn binh Tây vẫn còn chạy qua kho đạn nhưng tiếng súng truy kích chúng cũng gần lại. Cai Cẩn ngẫm nghĩ: «Bỏ quách kho đạn «biểu» quân cụ Đề, dẫn anh em kéo về luôn!» Nhưng sau ông thấy bỏ sớm thì Tây có thể buộc anh em trong gờ-rúp là chưa có lệnh đã rút lui và chúng sẽ đưa anh em ra tòa án binh. ông cố nán lại nhưng ra lệnh cho anh em trong gờ-rúp sẵn sàng để nếu cần là lên đường ngay được nhanh chóng. Khoảng chín giờ tối có hai thằng quan ba Tây bị thương dẫn mười mấy thằng lê dương kéo về, thằng nào thằng nấy lấm láp như trâu đầm. Mấy thằng lính lê dương đói quá, mệt quá không còn sức

khiêng bọn sĩ quan bị thương nữa. Mấy thằng kia đến kho thì cũng vừa quy.

Cai Cấn nghĩ ngay: «Bây giờ là lúc «biểu» kho đạn cho các ông lính cụ Đề đây!» Cai Cấn bảo anh em khố xanh chặt tre, căng chắn làm cạm khiêng hai thằng Tây bị thương đi. ông bỏ kho đạn và lờ tít đi điều qui định là khi rút lui phải phá hủy kho bằng cách châm lửa đốt kho. Trong hai thằng Tây bị thương ấy, có một thằng là em lão giám binh chánh võ phòng phủ thống sứ. Thằng này ra sức khoa trương cuộc "vượt vòng vây" của nó với mấy người lính khố xanh "trung thành". Thế là mười hôm sau, các giám binh những tỉnh thượng du Bắc Kỳ nhận được bản khen thưởng những binh lính khố xanh đã tỏ ra "trung thành và dũng cảm khi ra trận mạc" trong đó có tên cai Cấn.

Sau bản khen thưởng ông nhận được quyết định của viên giám binh coi lũ khổ xanh Thái Nguyên thăng lên cấp đội. Quyết định lên đội đến tay ông khi ông đang buồn rầu vì cái chết của bố. Buổi chiều, anh em trong cơ buộc ông làm cơm rượu «tươi lon». ông uống nửa chai, say ngà ngà và đêm ấy mãi cũng không ngủ được. ông càng thấy buồn hơn khi nhìn thấy cái lon đội chữ V kim tuyến đeo trên ống tay áo. Nó thật vô nghĩa với ông và ông càng thấm thía rằng ông đã không tìm ra con đường sống mong muốn trong đời lính khổ xanh. Trong trại khổ xanh, người lính lên chức hay giáng chức do Tây cả. Và đột nhiên ông nảy ra ý định xin mãn lính về quê. ông nghĩ thế là thoát mọi nhục hình nhà binh Tây dùng với lính khổ xanh. Thoát cái lo bị xua đi vây quét, thoát cái hình phạt tù, cơm muối, ba toong, thoát tiểu đoàn kỷ

luật và tòa án binh, thoát tạt tai đá dít...
Thế rồi ông ngủ qua được cái đêm ấy.

Nhưng mấy ngày sau, khi đã bình tâm rồi, việc về hay ở dần vặt ông thấm thía hơn. Về thì thoát nhục hình đời lính khổ xanh nhưng về đâu? Về làng Nhan ư? Không thể được. Đây là nơi ông đã không chịu nổi cảnh áp bức mà phải bỏ đi. ông đã từng có dịp đến nhiều thôn làng khác ở Bắc Kỳ và ông biết chắc chắn rằng cảnh sống ở đây cũng chẳng khác gì cảnh sống ở làng Nhan. Một khi quân xâm lược còn ở trên đất nước thì đâu đâu cũng là tù ngục vậy thôi! Thế là việc đi hay ở, về hay ở đặt ra nhưng là một việc khó định ra được cách thoát.

Cuối cùng đội Cấn quyết định ở lại vì ông tin rằng như vậy ông còn có thể đạt được hoài bão của mình hơn. Khi Tây biến nhà tù Thái Nguyên thành nơi

giam quốc sự phạm. Cẩn gặp Ngoan. ông tìm được một người vợ đáng quý và cũng thời gian này ông nhận ra chân lý: con đường yêu nước đánh Tây! Từ đấy một nguồn sức sống mạnh mẽ đến với ông mặc dù xét bề ngoài đội Cẩn càng trở nên điềm đạm.

Khi được tin Tây đem giam cầm cụ Lương Ngọc Quyến ở Thái Nguyên, đội Cẩn hết sức chú ý. Quyến là một người có tiếng tăm, là một nhà yêu nước đã từng nhiều năm lưu lạc nước ngoài. ông lại là một nhà quân sự giỏi và là cánh tay thân cận nhất của cụ Phan Bội Châu. Vì vậy, với tâm trạng của đội Cẩn lúc đó, ông chú ý đến Lương Ngọc Quyến là lẽ tự nhiên.

Dạo ấy cứ cách ba ngày lại đến phiên đội Cẩn đi kiểm tra hình thức cấm cố áp dụng với Lương Ngọc Quyến. Luôn

hai tháng trời, hai người không nói với nhau một câu. Cả hai người đã nghe nói về nhau. Lương Ngọc Quyến được biết đội Cấn là một người đứng đắn. Nhưng đôi bên vẫn lặng lẽ thăm dò lòng nhau. Cho đến hôm đội Giá kể lại cho đội Cấn nghe câu trả lời danh thếp của Lương Ngọc Quyến với viên phó sứ thì đội Cấn quyết định thẳng thắn nói hoài bão của ông cho người quốc sự phạm nghe.

Lương Ngọc Quyến đã trầm lặng nghe đội Cấn thổ lộ niềm căm thù quân giặc cướp nước. Sau đó, hai người im lặng rất lâu trong gian xà lim tối. Cuối cùng Lương Ngọc Quyến nói:

– Từ nay, chúng ta là anh em cùng sống cùng chết.

Đội Cấn kể lại sự suy nghĩ của mình về vấn đề về hay ở. Đội Cấn chỉ cái lon

đeo trên áo và nói:

– Từ khi chúng thắng cho tôi lên cấp này, nỗi băn khoăn của tôi càng giày vò tôi.

Lương Ngọc Quyến cười buồn. ông nắm lấy bả vai đội Cận bóp mạnh vào. ông hiểu người bạn chiến đấu mới. Hai con mắt ông nhìn vào khoảng sáng mờ mờ, ông đang trở ngược lại quãng đời trước, tìm đến một kỷ niệm đã từng gây cho ông nhiều xúc động như việc lên lon với đội Cận. Lương Ngọc Quyến nói:

– Anh ở lại là phải lắm.

Lương Ngọc Quyến không nói ra nhưng ông rất quý sự can đảm và bình tĩnh của đội Cận.....

Phòng làm việc của "xếch-xông" yên ắng quá. Đội Cận khẽ mỉm cười. Chỉ vài

phút đồng hồ bao suy nghĩ đã rộn lên trong tâm trí ông. ông bình tĩnh nghiên ngẫm lại một lần nữa cách thực hiện kế hoạch khởi nghĩa đêm nay.

Trước hết là đánh chiếm kho súng đạn và trại Bô-dông, diệt Nô-en, quản Lạp và bọn tay chân tàn ác của chúng. Thứ hai là phá đề lao và thả quốc sự phạm. Thứ ba là đánh chiếm các công sở trong tỉnh lỵ, bắt và trừng trị những tên thực dân tàn ác, những tên tay sai đắc lực của chúng. Thứ tư là tiến đánh trại Xê-da-ri của lính Tây. Điều này thu hút sự suy nghĩ của đội Cấn nhiều nhất.

Kế hoạch này đã thảo ra từ nửa tháng nay và đã được Lương Ngọc Quyến góp những ý kiến rất xác đáng. Lương Ngọc Quyến đã nhắc đội Cấn chú ý đến vị trí quan trọng của vườn hoa Dây Thép. Vườn hoa này nối với trại Xê-da-ri bằng

một phố ngắn. Khi tiếng súng đã nổ lên, chắc chắn bọn Tây sẽ phải cố sống cố chết vượt nhanh phố hẹp chiếm vườn hoa Dây Thép. Chỗ này mới có thể dàn quân chiến đấu được. Nó sẽ trở thành nơi khốc liệt. Đội Cấn mỉm cười. ông nghĩ đến một cái bẫy giương sẵn chờ thú dữ vào là sập xuống. Lương Ngọc Quyến quả là một người có tài quân sự. Còn đội Cấn, nhờ những cuộc hành quân vùng Thái Nguyên - Bắc Giang, ông đã học được cách đánh táo bạo, quả quyết và rất nhanh của nghĩa quân Yên Thế.

Đêm nay sẽ cho bọn đầy tớ của Napoléon (Napoleon) biết tài cầm quân của con cháu Trần Quốc Toản, Nguyễn Huệ. Có tiếng gõ cửa. ông chưa kịp trả lời thì cánh cửa đã mở và một viên đội nhân nhở cười, bước vào phòng. Đó là đội Hạnh với đôi mắt đen gian xảo. Đội

Cấn nhìn đôi mắt của đội Hạnh. ông nhận ra cái đẹp của đôi mắt này rất khác cái đẹp của đôi mắt đội Trường. Hạnh cười rất tươi. Gã vút một tập bạc xuống bàn đội Cấn.

– Lương của anh đấy! Tôi lĩnh hộ. Công trái của anh đấy! Nó trừ của anh tám đồng tiền công trái.

– Công trái là cái gì nhỉ? - Đội Cấn ngơ ngác hỏi.

– Là giấy cho Nhà nước vay tiền.

– Hay nhỉ! Tiền chưa đủ tiêu còn phải cho vay.

– Hãy biết thi hành bốn phận đã! Lính bốn đồng một tháng. Cai sáu đồng. Đội Tám đồng. Cu quản mười đồng.

– Thế còn quan giám binh?

- Cứ việc nhân đôi lên.
- Kỳ lạ thật. - Đội Cận lẩm bẩm.

Chợt một ý nghĩ lóe lên trong óc. ông ngược nhìn và bắt gặp ánh mắt thăm thẳm của đội Hạnh. Gã cười, khóe miệng có chiếc răng nanh nhỏ.

– Nhà nước bảo khi nào đánh thắng Đức, Nhà nước sẽ trả lại tiền. Người nào có nhiều công trái còn được trả thêm lãi và thưởng mề đay nữa kia.

Đội Cận mỉm cười:

– Thế có phải giữ những tờ giấy này không nhỉ?

Hạnh chăm chú ngắm đội Cận. Gã vẫn nhớ ơn đội Cận... Năm 1909, cả hai người còn ở cấp cai. Lũ khố xanh Thái Nguyên đi càn xung quanh căn cứ Phồn

Xương của Đề Thám. Đội Cấn chỉ huy một «gờ-rúp» mười người. Hạnh cũng chỉ huy một gờ-rúp khác. Lính khố xanh hành quân trên một con đường rừng rậm rạp. Tiếng vượn hú nghe rợn người. Toán lính đi thật chậm, nơm nớp lo sợ. Rừng cây hầm hập nóng. Ra đến cửa rừng gặp một cánh đồng rộng, gió mát hây hây, toán lính bắt đầu bỏ lô ba la nói chuyện và đi trên bờ sông nhỏ chạy chéo qua cánh đồng thung lũng.

Bỗng tiếng súng nổ lên âm âm. Lọt ổ phục kích rồi! Và ba gã gục xuống, những cái nón bọc vải xanh lật ngửa trên mặt đất. Một gã bị thương nhẹ còn khỏe, kêu to lên. Số lính còn lại nhảy tùm tùm xuống sông. Đội Hạnh cũng nhảy theo mặc dù gã không biết bơi. Tiếng đạn réo trong không khí, và tiếng đạn bắn xuống nước làm cho đội Hạnh lạnh cả người.

Gã nhoi lên được hai lần, sắc nước ằng ặc. Rồi gã chìm như có cái gì từ đáy nước kéo xuống. Bỗng gã thấy một bàn tay quờ vào mặt rồi túm lấy tóc gã. Gã thấy được lôi bổng lên. Gã níu lấy cánh tay đang túm tóc gã. Một quả đấm bỗng đánh vào mặt gã và gã không biết gì hết nữa. Khi tỉnh lại gã thấy mình nằm trong một lùm cây rậm rạp. Một thứ nước mẩn mẩn từ miệng chảy ra. Gã thấy môi xót và hàm sái cứng lại. Một người ngồi quay lưng lại gã. Anh ta đang vạch lá nhìn ra bên ngoài. Hạnh nom rõ cái sẹo nhỏ sau vành tai anh ta: đó là cai Cấn. Vì chiến tích cứu đồng đội, cai Cấn được mề đay Vinh dự bằng bạc. Hạnh nhớ ơn Cấn, gã có thể trở thành người bạn của Cấn nếu như gã không gặp một sự tình cờ rất quái đản. Sự tình cờ ấy diễn ra năm 1910 ở đồn phủ Thông Hóa nơi đóng quân của Hạnh. Vợ chồng viên giám binh Bắc Cạn

đi Hà Nội, qua phủ Thông Hóa rẽ vào đồn ngủ đêm. Viên quản chỉ huy đồn sai cai Hạnh hầu phòng cho vợ chồng giám binh. Chẳng biết vì cái miệng xinh hay vì đôi mắt thăm thẳm như đêm rừng đêm biển hay vì cách hầu hạ vừa mắt mà ông giám binh sau khi về Bắc Cạn đã đổi cai Hạnh lên đó, gán cả cho Hạnh cái lon cai xếp. Cai Hạnh trở thành người tin cẩn của viên giám binh.

Hắn lên cấp rất nhanh. 1912 lên đội một, 1914 lên đội hai, 1915 lên đội bốn. Đáng nhẽ đầu năm 1917 hắn lên quản rồi nếu như ông phó sứ Thái Nguyên vừa ghen vợ vừa sợ vợ đã không dìm cái bản đề nghị thăng thưởng đội Hạnh. Đội Hạnh nhớ ơn đội Cấn nhưng gã ngờ ngợ rằng hai người không hợp nhau. Trong tâm hồn gã đã nảy sinh ra những ý nghĩ đen tối gì không ai hay biết. Sự kín đáo

của gã ần sau vẻ mặt tươi cười và cách nói chuyện rất có duyên.

– Giữ cho kỹ chứ bác. Về hưu còn chìa giấy ra mà đổi phẩm hàm nữa kia. Tôi cũng mua tám đồng. Đây này, công trái của tôi đây này... một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám... - Gã đếm từng tờ

– Nhưng thế là mất đứt bốn châu chay ở nhà con mụ Tư Sẹo. à, này bác, nhà con mụ Tư Sẹo mới có con bé ở Hà Đông lên. Nó béo trắng mũm mĩm. Chắc thơm thịt lắm đây. Tối nay bác có thử đi với tôi một chuyến không? Đội Cấn cười. ông định lắc đầu nhưng đột nhiên một câu trả lời buột ra:

– Đi chứ! Nhưng phải nhường con bé cho tôi nhé! - ôi chao ôi! Nhường chứ! Thật là sư đi nhà thổ đấy nhá! - à! Bác tưởng tôi không biết ăn biết chơi hả.

Tôi thừa biết đi nhưng cũng phải lúc thế này lúc thế nọ chứ.

– Được! Châu này ngu đệ xin bao quan bác. Chắc bác hết tiền hả. Còn phải đưa về cho bác gái kia mà. - ôi! Cô ấy có nhận lương bao giờ. Cô ấy bảo riêng cái khoản thầu cơm để lao cũng đủ nuôi hai người. Cô ấy còn đe trước là tiêu lương cho tiêu chỉ cấm bế bà bé về thôi.

– Thì bác cứ bế về hai bà nữa càng vững như kiềng ba chân!

Đội Hạnh cười. Khi hấn cười không ra tiếng thì mặt hấn rất tươi. Nhưng khi hấn cười ra tiếng thì tiếng cười hênh hếch của hấn nghe khá ố lăm. Thực ra đội Hạnh không có ý rình mò dò la đội Cấn. Hấn còn trọng ông là khác nhưng hình như dò xét, theo dõi là bản năng của hấn. Và lần này thì hấn có lệnh của

Nô-en. Hắn luôn lách, chui rúc mọi xó xỉnh và nghe được lắm chuyện kỳ quặc của rất nhiều người. Vừa rồi, giám binh Nô-en cho gọi Hạnh đến và hỏi hắn:

– Anh có thân với đội Cấn lắm không? Kinh nghiệm đời dạy hắn cách trả lời thế này:

– Thưa quan giám binh, chúng tôi kính trọng nhau về những chiến công của nhau.

– Nhưng có thân nhau không?

– Thưa, thỉnh thoảng có mời nhau đi... chơi...

Đội Hạnh cười một cái, khẽ nghiêng đầu một cái ra điều cái chỗ ấy không tiện nói ra. Như vậy tình bạn được khoan lại trong kỷ niệm chiến trận và chơi bời. Nếu coi là thân cũng được và coi là bạn

chơi bởi cũng được. Nô-en đã suy nghĩ rồi dặn Hạnh:

– Anh thử xem anh bạn của anh có thích mua công trái không.

Hạnh thầm giật mình. Như thế là đội Cấn có chuyện gì rồi đây. Xưa nay, Hạnh chui rúc hóng chuyện nhưng y chỉ chú ý đến những chuyện riêng chuyện kín của từng người. Việc dò xét chính trị là của sở mật thám. Lần này chắc viên giám binh chỉ mới nghi ngờ thôi. Nhưng nếu giám binh nghi ngờ thì cũng là điều đáng lo nghĩ. Thoạt nghe lời giám binh dặn, đội Hạnh nảy ra ý định đi rỏ tai cho đội Cấn biết. Dù gì chẳng nữa, đội Cấn vẫn là ân nhân của Hạnh. Nhưng chợt một sự so sánh lợi hại diễn ra rất nhanh trong tâm trí Hạnh. Và nỗi lo cũng cùng đến với sự mừng rỡ.

– Thừa quan giám binh, tôi sẽ tìm được cái điều cần tìm.

– Được! Nhưng không được để đội Cấn nghi ngờ. Thế là rõ rồi. Tây nó nghi thì hẳn đội Cấn có chuyện rồi. Hạnh đến phòng đội Cấn, đem lương cho ông. Nhưng về mặt đôn hậu của đội Cấn lại đánh thức dậy chút lương tri nào đó còn sót trong lòng gã trai vô lại. Và cái tí chút lương tri ấy cũng không hẳn chỉ thuộc về trí tuệ mà còn có mê tín xen vào. Đội Hạnh cứ sờ sờ một sự trừng phạt không phải ở trần tục mà đến từ một thế giới ma quái nào đấy. Chính vì thế gã không còn nguyên vẹn cái láu cá ma mãnh nữa. Gã bị hút ngay sang câu chuyện ăn chơi quen thuộc. Gã nói:

– Cái con bé Hà Đông ấy chưa ra về người thành thị. Nó vẫn mặc yếm sồi. Mà còn nước da đầu mà mịn thế.

Gã rủ đội Cấn chuồn trại xuống phố Ba toa để "béo má" con bé một cái "chơi". Đội Cấn thoái thác rằng mình đang bận phải dẫn "xếch xông" xuống kho súng để khám súng và đếm đạn, ông nói:

– Ông Trường "rách lô" (đúng quy định) lắm cơ. Tôi không dám để lính tráng xuống mà không có mặt tôi.

Đội Hạnh đột nhiên cười hi hí:

– Ông ấy "rách lô" ở đâu chứ ông ấy có "rách lô" được ở nhà ông ấy đâu.

Đội Hạnh cười chảy nước mắt. Trịnh Văn Cấn kinh ngạc nhìn Hạnh chăm chú. Cái thằng ma cô định giở trò gì ra thế này? Ông chợt hồi hận ngày xưa mình đã cố sống cố chết để cứu hân. Biết thế cú để mày chết chìm chết nổi đi cho rảnh. Đội Hạnh vẫn cười. Gã thích thú:

– Người ta bảo là trước hết là coi sóc việc nhà, sau mới ra tay trị nước. Hi hí... nếu thế thì bác Trường ta hết đường hết nẻo rồi. Hi hí...

– Đường nào, nẻo nào?

– Nhà không coi sóc được thì thôi mọi cái chứ gì nữa ạ.

– Bác bảo sao cơ?

Đội Hạnh chột nhận ra mình quá lòi. Gã thôi cười:

– Có gì đâu. Tôi muốn nói nhà bác Trường đã xảy ra chuyện không đẹp. Nói ra cũng xấu mặt. Không nói ra thì ức.

Đội Cấn ướm:

– Tưởng gì. Chuyện bác gái chết dưới sông chứ gì?

– Chết cũng ba, bảy đường chết! -
Hạnh buông sống

– Thôi xin phép bác tôi đảo xuống
phố Ba tong một tý.

Gã chuẩn đi để lại cho đội Cấn một mớ suy nghĩ mung lung. Đội Cấn cũng đã từng nghi hoặc trong cái chết của vợ đội Trường có điều gì uẩn khúc. Con sông Công mùa ấy cạn nước có dìm cũng chưa chắc đã chết chứ đừng nói sẩy chân chết đuối nữa. Một người vợ lên thăm chồng gặp lúc chồng đi công cán vắng. Như vậy vợ chồng chưa gặp nhau không thể có va vấp cãi cọ gì để dẫn đến cái chết thê thảm ấy. Đội Cấn vắng tục một câu. Ông chửi thẳng Hạnh. Đang cái lúc nhiều việc chồng chất nó lại còn ném vào một cái mớ bòng bong làm cho đầu có ông lung tung thêm. Hăng xếp mọi chuyện lại cái đã. Bên ngoài, sân trại yên

ắng hẳn. không có tiếng hò, tiếng hét, tiếng chân bước đều nữa. Chắc tất cả đã kéo về nhà ăn. Đội Cấn vớ lấy diêm thuốc trên bàn bỏ vào túi. ông gạt cả mớ giấy má sổ sách xuống ngăn kéo thành một đồng lộn xộn rồi đi ra khỏi phòng.

Suốt sáng, Ngoan làm mọi công việc hàng ngày như một cái máy. Người thiếu phụ trẻ không thu vén được sự suy nghĩ của mình. Điều đó cũng chẳng lấy gì làm lạ. Ngay từ lúc sáng, cô đã phải đối phó với con mụ quản Lạp một trận đáo để. Nó là thế này: Hai người cùng thuê chung một cái nhà có bếp rộng để làm chỗ nấu cơm thầu. Nhà có mấy cái chái con. Ngoan giữ riêng một chái làm kho. Con mụ quản Lạp nổi tiếng là người tháo vát xoay xở. Ngay mấy bà phán tòa sứ còn phải khen nó đảm đang. Việc gì đến tay nó cũng cứ lọt băng băng. Con

mụ ấy trước đã có một đời chồng. Anh ta làm thợ thiếc và vợ mở một cái quán bún ốc ở phố huyện Phố Yên. Người chồng quá đỗi hiền lành, quá đỗi an phận, người vợ quá đỗi tinh ranh và rất nhiều khát vọng. Chị ta cũng đẹp, một vẻ đẹp sắc sảo là khác. Bấy giờ là những năm đầu tiên của thế kỷ. Nhưng cuộc hành quân càn quét tràn trở trên miền đất Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên kéo dài gần chục năm. Những đội lính Tây, khố đỏ, khố xanh đã đi qua, đi lại và đóng lại phố huyện Phố Yên. Một gã cai trẻ nhìn thấy ở người đàn bà, vợ anh thợ thiếc, cái miệng cười và đôi bàn tay làm nổi một cơ đồ. Gã ăn bún ốc, gã nói chuyện đời, nói chuyện về gã. Cô hàng ốc tìm thấy ở gã những khát vọng giống mình.

Chỉ một tháng sau, đơn vị lính khố

xanh ấy rút sang Bắc Ninh. Anh thợ thiếc thấy biến mất vợ mình. Và ở cổng đồn Thị Cầu, nơi gã cai trẻ kia về đóng, có một quán cơm phở mới mở mà người chủ là cô gái bán bún ốc phố huyện Phố Yên. Gã cai trẻ ấy tên là Lạp. Gã thăng cấp rất nhanh. Trong hơn mười năm, từ cai lên tới chánh quản và làm quản cơ lũy khố xanh Thái Nguyên. Nghe đâu việc thăng thưởng rất nhanh ấy là công lao của vợ gã. Người đàn bà chủ quán cũng làm nổi cơ đồ lên rất nhanh. Chị ta cho vay lãi, buôn chuyến, và nhận thầu cơm lính. Sắc đẹp cũng tàn tạ nhanh không biết có phải vì hay giao dịch với các quan ta quan Tây không? Chỉ biết khuôn mặt còn có những nét sót lại của một vẻ đẹp sắc sảo xưa kia, bây giờ phảng phất vẻ ma quái: ánh mắt sáng dâm loạn, cánh mũi mỏng phập phồng thèm muốn và cái gầy gò của hạng người hàng ngày thiêu hủy

mình trong những chỗ tối tăm. Bây giờ
mụ quản Lạp đã ra người sang trọng,
mỗi cổ tay đeo hai ba đôi xuyến vàng và
chính người đàn bà này cầm quyền trong
nhà ông chánh quản đồn Thái Nguyên.
Nhà quản Lạp có ba người hầu (một vú
em, một chị sen, một anh nhỏ). Mụ quản
Lạp thuê bốn người để nấu cơm thầu.

Đứng trước mụ, Ngoan chỉ là một cô
gái hiền quá đến mức đụt, một cô gái đã
không thông minh lại không đảm đang.
Không hiểu sao mụ quản Lạp lại rất thích
Ngoan. Có lẽ mụ thích cái tươi dịu nền nã
của Ngoan. Mụ thích nhưng mụ không
muốn mình như thế. Mụ tự phụ về tài
năng của mình và mụ cho mình là đàn
chị của cô bé kia, phải che chở bảo ban
cô ta. sáng hôm nay, mụ quản Lạp đến «ô
ten» sớm (mụ gọi chỗ nấu cơm thầu như
thế cho nó sang). Mụ ngó chỗ gạo cân

cho bếp lính. Mụ xem thúng thịt bò bạc nhạc mua lậu ở ba toa. Tay mụ đeo dây xuyên, dây nhần cứ thọc vào đám thịt bấy nhầy, đảo lên lộn xuống. Hình như mụ rất sợ có miếng thịt ngon nào lẫn vào đấy chẳng? Mụ xem bếp lính xong, mụ xem đến bếp tù. Người coi bếp tù là bà nhiêu Bảy. Bà nhiêu Bảy góa chồng. ông nhiêu ngày xưa theo cụ thủ khoa Phùng Văn Nhuận ngay từ khi có chiếu vua Hàm Nghi kêu gọi cần vương. ông nhiêu theo ông thủ khoa làm người hộ vệ. Khi ông thủ khoa bị bắt, ông nhiêu cũng bị giặc bắt. Giặc chém đầu ông thủ khoa, ông nhiêu cũng bị giặc giết cùng một ngày. Bà nhiêu từ đó theo gia đình họ Phùng lưu lạc mấy tỉnh trung du để lánh nạn. Chính lúc ấy, bà nhiêu là cột trụ của gia đình họ Phùng. Đối với Ngoan, bà vừa là chị, là mẹ vừa là ân nhân nữa. Năm nay bà đã hơn năm mươi tuổi, quần áo

lúc nào cũng xắn gón, con người hay lam hay làm. Bà bảo ban hai người giúp việc cũng ngọt ngào, thật ra họ đều là người làng cả và họ lên Thái cũng chỉ vì họ coi ra đình họ Phùng như ra đình họ và coi Ngoan như người chủ nhỏ của họ. Mụ quản Lạp xem thúng gạo tù. Mụ nhăn mặt lại. Cũng chỉ là thứ gạo chiêm đón thôi nhưng còn ngon hơn thứ gạo mụ đong cho lính ăn. Mụ bảo bà nhiều:

– Bà này! Lần sau thay thứ gạo khác nhé. Như thế này thì đến bà quận xuất của nhà ra cũng không đủ.

– Dạ vâng!

Bà nhiều đã được Ngoan dặn dò kỹ lưỡng cách cư xử với mụ quản Lạp.

– Bà đã cân chưa thế?

– Dạ nhà cháu cân đủ rồi ạ.

– Thế có nhớ rút ra năm cân không?

– Dạ có ạ.

Bà nhiều vừa ghê sợ vừa khiếp phục con mụ Lạp. Nó có một cách làm ăn rất gọn, rất chặt, không rơi vãi đi đâu chút nào; chẳng những thế con mụ không hề bao giờ quên vơ vét trong mọi việc. Gạo cân đong rồi, đúng trọng lượng rồi thì rút ra một ít, muối cũng thế, mắm cũng thế, rau đậu cũng thế. Đã có lần bà nhiều nghe thấy mụ dạy Ngoan thế này:

– Chính cái mỗi thứ một tí ấy đã làm cho chị phát đấy em ạ. Mới đầu thì nó hơi ghê tay, nhưng sau nó quen đi.

Chính cái lần ấy mụ rủ Ngoan làm chung với mụ trong việc thầu xây nhà «Xéc» Thái Nguyên. Mụ rủ thật tình còn hơn là đối với chị em ruột cơ đấy. Khi lật

cái vỉ buồm xem chỗ cá mắ mù, mù chu lên:

– Giời ơi, cứ thế này thì mất nghiệp thôi.

Mụ trợn cặp mắt sắc sảo nhìn bà nhiêu Bảy:

– Ai mua chỗ cá này nhỉ?

– Bà cháu mua đấy ạ.

– Đứa nào bán cho cô ấy.

– Cháu không biết ạ. Nghe đâu phường buôn ở Hải Phòng lên mà có quen gì bà cháu cơ.

– Quen thuộc gì. Cá ngon thế này, nó ấ vào tay nó nói bao nhiêu cô ấy trả bấy nhiêu. Tôi còn lạ gì tính cô ấy nữa. Thế sao bà không gàn cô ấy.

– Thưa bà cháu gần làm sao được ạ. Cháu là phận người ăn người làm...

Mụ quản lạp nói dứt khoát:

– Thôi! Bà cất chỗ cá này đi. Bà sang kho tôi bảo chúng nó cân cho chỗ cá thối tôi để trong chum. Gớm chữa, lính còn phải ăn cá thối mà tù lại ăn cá thơm. Có mà loạn.

Bà nhiều Bảy lưỡng lự. Mụ quản tác sắc ngay:

– Kìa, đi đi chứ. Bà sợ cô ấy à. Được, chốc nữa tôi bảo cô ấy cho. Đã làm nghề này, cơm canh có bản mới kiếm ăn được chứ.

Mụ nghĩ thầm: cái con bé ngoan lạ. Mụ chợt mơ ước mỗi khi đánh xóc đĩa có nó ngồi bên cạnh mà gác đùi gác vế thì thích quá. Mụ thêm một tấm tình dụ

dàng, lành và sạch. Từ xưa mụ chỉ gặp những cuộc đụng chạm xác thịt ồ ạt. Nó thành một thứ nghiện không có không được nhưng mỗi khi tan cuộc chính mụ lại ghê tởm mụ. Một lát sau Ngoan đến, mặt còn đầy vẻ thẫn thờ. Mụ quản vừa trông thấy cô đã kêu ca ngay:

– Cô em làm ăn thế này thì chết mất thôi.

– Chị bảo em làm ăn sao cơ?

– Cô còn chưa mở mắt ra à. Gạo ấy cá ấy sao lại để cái mồm tù ăn?

– Chị bảo thế nào? Gạo đốn quá phải không ạ?

– Tốt quá thì có! Tôi đã bắt con mụ nhiều đôi thùng cá khác rồi.

Nhưng khi bà nhiều nhăn mặt bưng

thúng cá khẳm lăm ra, Ngoan rùng mình vì cô nhìn thấy những con ròi trắng ngo ngậy trong những hốc mang cá. Ngoan há miệng định nói câu gì rồi lại thôi. Mụ quản rất tinh, mụ chăm chú nhìn Ngoan rồi hỏi:

– Em có chuyện hả? Có phải vợ chồng cãi nhau không?

Ngoan lắc đầu. Cô ghê sợ sự ngọt ngào của mụ quản với cô. Hai con mắt thâm quầng của mụ vẫn sáng như xưa, sáng một cách bệnh hoạn. Ngoan lắc đầu. Cô cố ghì một tiếng thét. Mụ quản Lạp cười ranh mãnh:

– Em tội hiền quá. Ngoan quá. Chị bảo thật chứ làm ăn thế này thì kiếm chác gì được.

– Không! Chỗ gạo này em đong từ

quê ra cũng rẻ thôi. Cả chỗ cá nữa, họ không lấy em đất đâu.

– Không đất cũng không cho cái quân ấy ăn sượng. Hôm nay em mua rẻ, mai em phải mua đắt. Lúc ấy em bù thế nào được. Cứ cho chúng nó ăn khổ cho quen đi.

Mụ quàng tay lên vai Ngoan. Đôi tay gầy của mụ lần lần bấp vai tròn trịa của người thiếu phụ. Cái miệng rộng và cặp môi mỏng khê uốn cong lên thèm khát. Ngoan ghê sợ muốn gỡ tay mụ ra.

– Thôi em lên nhà đi. Hôm nay em làm sao ấy. Để chị trông hộ cho.

Và con mụ đuổi Ngoan lên nhà trên. Mụ quát bà nhiêu Bảy và những người làm. Công việc chạy băng băng. Đối phó đáo đẽ với mụ quản là như thế đấy. Ngo-

an rãi rời người vì ghê sợ và cô rất khổ tâm khi phải ghì mình lại. Chừng nửa tiếng đồng hồ sau, mục quản lên nhà trên. Mục thấy Ngoan ngồi tư lự, vầng trán và cặp mắt tối sẫm. Mục quản đến ngồi cạnh Ngoan. Mục choàng tay lên vai Ngoan, mục nựng:

– Em tôi hiền lành quá, hiền hậu quá. Em tôi cứ ngỡ người đời cũng đều là người thân của mình ấy thôi.

Ngoan muốn đẩy mặt mục ra nhưng cô không dám. Người thiếu phụ tin rằng trong cơ thể người đàn bà tàn tạ này có hàng hà sa số vi trùng của những chứng bệnh hiểm nghèo ác độc. Cô biết mục quản thích cô, cái thích ma quái bệnh tật. Mục quản thích cô đến nỗi dạo này mục rủ cô chung vốn và cái “bi vét” (thực ra phải nói là buy-vét mới đúng âm Pháp) nghĩa là cái quán rượu, mục mở ở cổng

trại Mác-xoanh để vét tiền lính lê dương và lính da đen. Ngoan từ chối không có vốn. Ngoan nói: “Mấy lại em khiếp chúng lắm”. Mụ quản đã bảo cô:

– Chị chả cần đến vốn của em. Chị cũng chả muốn em phải ra trông hàng. Cái giống Tây với da đen phải để tay chị mới được. Nhưng chị cứ muốn gây dựng cho em. Ai đời hai vợ chồng son rồi, lương đội bốn mà cửa nhà vẫn đuềnh đoàng thế.

Ngoan cười ngượng. Mụ quản nói tiếp:

– Chị cứ muốn có em bên cạnh, lúc nào cũng có em bên cạnh.

Đó cũng là câu nói thật lòng của mụ quản Lạp. Ngoan đã trả lời mụ:

– Hay chị cứ để em ra trông phụ với chị. Còn vốn có bao nhiêu em góp bấy nhiêu. Em góp vốn ít thì lãi ít.

Mụ quản cười:

– Vốn thì cần bao nhiêu đâu. Nó ở cái tay quán xuyên này này. Rượu chị lấy chịu của hiệu khách Quảng Ký. Bán đến đâu thu tiền trả họ sau.

Bữa nay mụ lại đả động đến “bi vét”:

– Chị muốn em ra “bi vét” với chị quá nhưng mà thôi. Bọn lê dương say nó bế em vào trại Mác-xoanh mất. Rồi lại chết oan như con T... Mụ ngừng bật như lờ lờ.

Ngoan ngừng lên nhìn mụ:

– Chị nói ai cơ?

– Không, ai đâu!

– Chị vừa nói người chết oan mà!...

Mụ quán Lạp ngập ngừng. Sau mụ thấy vẻ mặt của Ngoan như hờn dỗi, mụ nói nhỏ:

– Chị nói con vợ đội Trường!

Ngoan đột nhiên thấy sờ sợ. Cô cũng quàng tay ôm lấy mụ quán. Mùi nước hoa, mùi phấn ở người đàn bà này vừa gợi lên sự ghê tởm, vừa gợi lên sự xót xa. Chưa lần nào được Ngoan ôm lấy mình như thế, chưa lần nào được Ngoan nép vào ngực như thế, người đàn bà nhói đau ở một chỗ nào đấy trong lòng. Xưa kia mụ là một cô gái xinh đẹp với cái tên “Cúc” dịu dàng. Cúc được nhiều chàng trai nhắc đến ở một vùng quê mà hội mùa xuân kéo dài từ mồng một tết đến những ngày nắng hè đầu tiên. ở vùng ấy người ta thường nói: Mừng một ăn tết ở nhà

Mùng hai tết chợ mùng ba tết đình Đến mùng bốn, Cúc đã cùng chị em rủ nhau đi xem hội pháo làng Đồng Kỵ, và sau đó lần lượt các làng bờ bắc sông Đuống mở hội: hội chèo, hội vật, hội cờ tướng, hội thả chim,... rước xách linh đình suốt một dải Đông Anh - Từ Sơn.

Cúc vui miệt mài từ làng này sang làng khác cho tới ngày mùng Tám tháng Tư chơi hội Gióng xong mới kết thúc mùa hội vui xuân của cô. Trong một đêm hội chèo nào đấy, Cúc đã gặp một gã trai phóng đảng. Cuộc tình duyên hội hè một đêm để lại cho Cúc một cái thai trong bụng với tất cả mối đe dọa của tập tục làng quê đối với một người con gái chưa ho-ang. Vào một đêm cuối năm, Cúc bỏ làng ra đi. Bước chân phiêu bạt dẫn cô đến Phố Yên sau những ngày đi đường mệt mỏi, đói lạnh; cô gã gục

xuống cửa một căn nhà lụp xụp. Người chủ nhà, một gã chưa vợ làm nghề thợ thiếc. Gã vực cô vào nhà. Cô sẩy thai và ốm mấy tháng ròng. Gã thợ thiếc đã nuôi cô, và tất nhiên về sau họ thành vợ chồng. Những ngày ở Phố Yên không đem lại hạnh phúc êm đềm cho Cúc. Người đàn ông ấy hiền lành thật nhưng vẫn âm thầm coi vợ mình là một cô gái lẳng lơ. Anh ta ghen ngầm nghĩa người vợ nhạt và thấy vợ mình sau mấy tháng xanh bủng, đã càng ngày càng nồn nà ra, phây phây lên, đôi mắt hay long lanh, hay liếc. Cúc không chịu nổi sự im lặng của người chồng. Chút nào còn lại của lương tri không cho phép Cúc ở lại với người chồng hiền lành thế và cũng hẹp hòi thế. Cuối cùng Cúc đã bỏ Phố Yên, đi với gã cai trẻ mà bây giờ là chánh quản Lạp.

Năm tháng trôi đi. Cúc cảm thù đời, cảm thù đàn ông, cảm thù nhất là ba gã đàn ông đã đi qua và tàn phá cuộc đời của Cúc. Người đàn bà rạc rày ấy ôm Ngoan vào lòng, ấp ủ như ấp ủ một đứa em nhỏ. Mụ ôm vào lòng cái gì mụ đã bị cướp mất đi mà bây giờ vẫn mơ ước nhưng không sao lấy lại được. Căn nhà không có cửa sổ nên bên trong không sáng sủa cho lắm. Những nếp nhăn trên khuôn mặt gầy của vợ quản Lạp bớt hẳn sâu. Vẻ lầy lủa cũng giảm đi và thay vào đấy là một chút gì chua xót. Mụ kể cho Ngoan nghe câu chuyện về một người đàn bà khác. Trước đây hai năm, vợ đội Trường tử trong quê ở Hà Nam lên Thái Nguyên tìm chồng. Khi đến trại Bô-dông, Trường lại đang ở Đu. Chẳng may có đứa chỉ cho Nô-en nhìn thấy cô gái quê xinh đẹp. Viên giám binh đã lừa cô ta lên boong-ga-lô bắt cô ta uống rượu

say rồi cùng với ba thằng bạn sĩ quan lê dương thay nhau làm nhục cô gái. sáng hôm sau người ta thấy xác cô ta mắc vào đám rễ cây mọc bên bờ sông Công.

– Nó không chết đuối đâu mà nó tự tử đấy em ạ. Chính lão quản nhà chị bảo với chị thế. Tiên sư chúng nó, bọn đàn ông toàn những thằng đều.

– Thế cũng chính bác giai...

– Không! Thằng nghiện ấy lại chúa đụt về chuyện đó. Mà là thằng đội Hạnh cơ.

Mụ cũng đã nhiều lần ăn nằm với thằng này. Mụ hiểu rất rõ. Mụ nghi rằng chính thằng đội Hạnh đã là người dắt cô gái lên Boong-ga-lô cho thằng Nô-en.

– Đấy em xem. Bây giờ chị ra thế này rồi chứ được như em thì chị dí tất cả

chúng nó xuống gót chân cho bõ.

Ngoan đột nhiên thấy một nỗi thương cảm lẫn vào cảm giác ghê tởm thường có mỗi khi cô gặp mục quản Lạp. Người đàn bà tàn tạ ấy bây giờ đang khóc. Nom mục càng xấu đi một cách thảm hại và càng đáng thương.

Chương 7

– Ngủ hay thức đấy ông Ba?

– Thức!

– Sao ông cứ nhắm mắt thế?

– Ai đấy? Lương Ngọc Quyến từ từ mở mắt và nhận ra người quấy rầy giây phút suy tư của mình là người tù cỏ vè nhà xí. ông mỉm cười à khẽ một tiếng và hôn hậu hỏi anh ta:

– Lại đến phiên rồi à?

– Vâng. Người tù cõ về đặt xuống chân tấm phản gỗ lim hai cái gáo dừa và cầm hai chiếc gáo cũ ở đây bung ra ngoài.

Cửa gian xà lim cấm cố mở to nhưng bên trong cũng chẳng sáng sủa hơn được bao nhiêu. Bên ngoài cửa xà lim là một dãy hành lang dài, kín như bưng, tối tăm ảm thấp. Hàng ngày, chỉ đến lúc này, mới có người đến với Lương Ngọc Quyến. Đó là người tù hàng ngày đi thay những chiếc gáo dừa dùng cho việc ỉa, đái của tù cấm cố.

– Để gáo sát vào cùm tí nữa. Hôm qua tôi phải vịn người với mãi mới tới nó. Cõ chân trầy cả da đây này. Người tù cõ về ngó ra cửa lớn khu xà lim cầm cố một cái rồi quay lại vực Lương Ngọc Quyến ngồi lên. trong ánh sáng mờ đục, gương mặt gầy và mệt mỏi của người tù

cầm cổ chột biểu lộ vẻ giận dữ.

– Sao đến phiên chú nhanh thế?

– Không phải hôm nay đến phiên tôi. Bác Thấu cho tôi đổi phiên để báo ông biết.

– Sao cơ?

– Thưa ông, anh em đã sẵn sàng chờ đêm nay!

Lương Ngọc Quyến giơ bàn tay gầy nhỏ lên nắm lấy vai người bạn tù và bóp mạnh vào. Hai mắt ông bốc sáng và một nụ cười nở trên cặp môi khô héo.

– Hay lắm! Anh em sung sức cả chứ?

– Vâng ạ. ông cụ “bảy mươi mốt” gửi cho ông cái này.

Người tù cò về đưa cho Lương Ngọc

Quyển một vật nhỏ gói trong mảnh lụa đỏ. Lương Ngọc Quyển mở gói và cảm động giờ lên một mẫu nhân sâm bằng một đốt ngón tay. Một cảm giác dịu dàng và biết ơn nhẹ nhàng lan rộng, lan sâu mọi góc ngách tâm hồn cứng cỏi của Lương Ngọc Quyển. Người tù cảm cố ngừng đầu lên cặp mắt nheo lại lơ đãng nhìn vào khoảng không đen xám. ông khẽ lẩm nhẩm: “ông ta là người thế nào nhỉ? Thật là kỳ dị!”

Đây là lần thứ ba, người tù già đeo số bảy mươi một gửi thuốc cho Lương Ngọc Quyển. Lần thứ nhất là một miếng mật gấu to bằng hột lạc. Lần thứ hai là một miếng quế trắng gói trong mảnh lá chuối khô. Và lần này nữa... Hai người chưa hề gặp mặt nhau, chưa hề nói với nhau một câu nào. Từ hơn một năm nay cơ mà. Không biết người tù bảy mươi

một là ai mà có tấm lòng ưu ái ta đáng quý đến thế. Người tù cỏ về đỡ Lương Ngọc Quyến nằm xuống. Anh ta ra hành lang và đóng chặt cửa xà lim lại. Tiếng chốt sắt vang lên trong khu xà lim đen lạnh. Cánh cửa đóng kín, Lương Ngọc Quyến trở lại với bóng tối triền miên, với niềm suy tư trầm lặng về đất nước, về cuộc đời.

Trái tim Lương Ngọc Quyến sôi lên niềm căm giận uất ức. ông là con thứ hai trong một gia vọng tộc của Hà Nội. Cha ông là cụ cử Lương Văn Can, một sĩ phu yêu nước đứng đầu trường Đông Kinh nghĩa thực. Em ông là Lương Nghi Khanh. Cả ba cha con đều bị giặc Pháp cầm tù mỗi người một nơi. ông bị chúng cầm cố ở Thái Nguyên. Cha ông bị đày ở Cao Miên. Người em bị tù khổ sai ngoài đảo Côn Lôn. Cả gia đình đã hy sinh vì

đại nghĩa. Hơn một năm cầm cố ở Thái Nguyên đã thiêu hủy sức lực của Lương Ngọc Quyến đi rất nhiều. Hai bắp chân của ông teo lại, khớp đầu gối tê cứng. Đôi mắt ông mờ hẳn đi và hai bàn tay ông cầm cái gì cũng không chặt nữa. Thế mà đêm nay sẽ nổ ra một cuộc khởi nghĩa lớn và ông là một trong hai người cầm đầu nếu không nói rằng ông là linh hồn, là ngọn lửa thiêng của cuộc khởi nghĩa của binh lính và nhân dân yêu nước ở Thái Nguyên. Đêm nay, có thể ông sẽ hy sinh tính mạng cho Tổ quốc. Trong những giờ phút trang trọng này, Lương Ngọc Quyến mơ màng nghĩ đến những gì ông đã gặp trong khi lưu lạc đi tìm con đường giành độc lập cho đất nước. Học hải cầm thư lịch kỷ thu Nam quan hồi thủ tứ du du.

Trước đây mười hai năm, vào một

ngày mùa xuân, ông đặt chân lên Đông Kinh, kinh đô Nhật Bản, còn đầy tuyết phủ. Một cánh chim đơn lẻ với nỗi nước mắt, một dân nô lệ lưu lạc giữa kinh thành một nước khác mà nhân dân đang náo nức ăn mừng một chiến công lừng lẫy. Ngày ấy, đi giữa tiếng pháo, tiếng cười, Lương Ngọc Quyến rất buồn khi nghĩ tới Tổ quốc, tới dân tộc Việt Nam trong cảnh nô lệ. ông nhớ tới gian phòng vắng của khách sạn Hoàng Tân, nơi ông được gặp người thầy cách mạng cương nghị là cụ Phan Bội Châu. Hai thầy trò ôm lấy nhau nước mắt giàn giụa, sau đó cùng cảm khái bàn về việc nước.

Mùa xuân ở nước Nhật tràn ngập một màu tươi đẹp của hoa anh đào. Những người dân Nhật nô nức rủ nhau đi xem hoa. Họ mặc những bộ quốc phục đẹp nhất và khắp nơi khắp chốn bay phấp

phối những lá cờ của một nước độc lập. ở đây lần đầu tiên trong cuộc đời, Lương Ngọc Quyến hiểu thế nào là quyền tự do, niềm hạnh phúc của người dân một nước độc lập. ông vẫn nhớ như in một sự việc mà ông được chứng kiến trong vườn hoa Minh Trị ở Hoàng Tân. Đây là một nơi mà người Nhật rất tự hào về sự thanh lịch, văn minh đúng với tính dân tộc của họ. Những vạt hoa được chăm sóc rất kỹ lưỡng. Những con đường trải sỏi hoặc lát gỗ đánh bóng được quét rất sạch sẽ. Lương Ngọc Quyến ở Hoàng Tân thường hay tới vườn Minh Trị. ông ưa sự sạch sẽ và tinh mịch thích hợp với mối u hoài nhớ nước của ông. Hôm ấy, ông đang ngồi suy nghĩ trầm lặng trong vườn. Một người Âu châu ăn mặc lịch sự chống chiếc can núp ngà đi qua. Đó là một người Anh.

Lương Ngọc Quyến đoán ra quốc tịch của người này nhờ tờ báo Times (Thời báo) anh ta cầm trong tay và ở vẻ mặt lạnh lẽo của anh ta. Thái độ của người Anh khiến Lương Ngọc Quyến phải chú ý theo dõi. ông rất khó chịu với cái vẻ mặt lạnh lùng khinh thị của anh ta. Người anh ta thẳng tắp, anh ta đi chậm rãi, không để ý đến mọi cái chung quanh. Anh ta rút một điếu xì gà đưa lên miệng và moi hộp diêm ra châm hút. Châm xong điếu thuốc, anh ta vứt que diêm tắt xuống mặt đường và tiếp tục đi. Nhưng anh ta chưa đi được ba bước thì một người cảnh sát Nhật đã đứng chặn lại. Lương Ngọc Quyến thấy người cảnh sát Nhật chào người Anh kia một cách rất nghiêm túc. Sau đó người cảnh sát dùng tiếng Anh nói một câu gì đó. Người kia đáp lại và định đi lách qua người cảnh sát nhưng người cảnh sát Nhật bước

ngang sang chặn lại một lần nữa. Lương Ngọc Quyến lúc đó chưa biết tiếng Anh nên không hiểu hai người kia nói với nhau những gì. Nhưng qua thái độ của họ, Lương Ngọc Quyến hiểu rằng người cảnh sát Nhật yêu cầu người Anh kia phải thực hiện một điều gì. Và cuối cùng thái độ cương quyết, lịch sự của người cảnh sát đã buộc đối phương phải thực hiện điều đó. Lương Ngọc Quyến nhìn thấy người Anh vùng vằng quay lại, cúi xuống, tức bực rút mùi xoa trong túi ra, nhặt cái que diêm đã tắt lên, bỏ vào mùi xoa túm lại.

Đến lúc ấy người cảnh sát lại giơ tay chào rất nghiêm túc rồi quay đi. Thì ra đây là một vụ vi phạm nội quy vệ sinh của vườn Minh Trị. Lương Ngọc Quyến bật cười khi thấy cái anh chàng người Anh kiêu hãnh kia vùng vằng đi ra cửa

lớn của vườn Minh Trị tay vẫn nắm khu khu que diêm tắt gói trong chiếc mùi xoa. Lương Ngọc Quyến cười mãi đau cả bụng. Nhưng đột nhiên ông thôi cười và suy nghĩ. ông nhận ra đây không phải là một vụ xử trí một hành động vi phạm nội quy bình thường mà ở đây nó biểu hiện quốc thể của một nước văn minh, biểu hiện ý thức tự chủ, tự cường của một dân tộc độc lập có tập tục riêng, có luật pháp riêng và cương quyết bảo vệ luật pháp và tập tục riêng ấy.

Lương Ngọc Quyến thấy buồn. Nỗi buồn của ông càng thấm thía khi ông nghĩ đến dân tộc Việt Nam, một dân tộc đã từng có Trần Quốc Tuấn, Lê Lợi, Nguyễn Huệ... Trong xà lim cấm cố lạnh lẽo, Lương Ngọc Quyến mơ màng hồi tưởng lại những đêm đầu tiên của ông trên đất Nhật. Khi sống ở một nước giàu

mạnh, độc lập, mới hiểu thế nào là sự thấm thía nỗi nhục mất nước. Lương Ngọc Quyến đã nhiều đêm trằn trối. ông trở thành một người trầm lặng, tất cả mọi khát vọng của ông đều nén lại. Trước chiến thắng lừng lẫy của hải quân Nhật ở eo Đồi Mã biển Hoàng Hải và cảng Lữ Thuận, Lương Ngọc Quyến mơ ước Việt Nam có một đội quân hùng mạnh và ông quyết định xin vào học trường Chấn Võ, một trường võ bị nổi tiếng.

Sự hùng cường của nước Nhật cũng dẫn ông đến mơ ước Việt Nam có một đấng vua sáng như Minh Trị thiên hoàng. Tiếc thay mơ ước ấy chỉ là cái mơ ước của một kẻ đầy nhiệt tình yêu nước nhưng nó không được chấp cánh từ hiện thực lịch sử Việt Nam bởi vì lịch sử Việt Nam lúc này hoàn toàn khác với lịch sử Nhật Bản. Bây giờ đây, nằm trong nhà lim cấm cố,

Lương Ngọc Quyến hết sức băn khoăn về những thiên kiến của mình. Mơ ước có một vị thánh chúa, minh quân ở Việt Nam của ông đã bị lung lay từ năm 1911 khi ông sống và tham gia cách mạng ở Trung Quốc. Cuộc cách mạng Tân Hợi của Trung Hoa đã vật cổ ông vua cuối cùng của triều nhà Thanh xuống và chấm dứt luôn một dòng họ làm vua mấy thế kỷ trên đất nước mênh mông ấy. ông đã tham gia chiến đấu trong quân đội cách mạng, ông được hưởng những thể hiện đầu tiên của chế độ dân chủ. Những thành công của nhà đại cách mạng Tôn trung Sơn đem đến cho đất nước Trung Quốc đã mở rộng tầm mắt của Lương Ngọc Quyến.

Chẳng những thế còn thay đổi cả chính kiến của cụ Phan Bội Châu, linh hồn của dân tộc đòi độc lập. Cụ Phan Bội

Châu từ bỏ ý định tôn một vị vua kháng chiến. Cụ lập Việt Nam Quang Phục Hội, thu hút những người yêu nước và hướng họ vào chính kiến dân chủ, làm cách mạng cướp chính quyền. Chính vì thế đêm nay, Lương Ngọc Quyến suy nghĩ rất lung. ông ân hận rằng mình quá chuyên chú vào việc binh bị, chưa chú tâm đúng mức việc học hỏi về chính trị, về tổ chức chính quyền.

Nói tóm lại, Lương Ngọc Quyến cảm thấy mình chưa có sự hiểu biết đầy đủ, chưa có nhiều kinh nghiệm về khởi nghĩa. Nhưng ông lại nghĩ về Tôn Trung Sơn với cuộc khởi nghĩa Tân Hợi thành công. Hãy cứ làm đi, kinh nghiệm sẽ đến, sự hiểu biết đầy đủ sẽ đến, nếu không đến với ta thì sẽ đến với dân tộc ta. Lương Ngọc Quyến cười khoan khoái. Không khí trong xà lim cấm cố không còn ngột

ngạt với ông nữa. Ngược lại, sự yên lặng lạnh lẽo ở đây giúp nhiều cho Lương Ngọc Quyến suy nghĩ về mình. Không có lúc nào người ta suy nghĩ sâu sắc bằng trong giờ phút trang trọng như vậy. Lương Ngọc Quyến đắm mình vào niềm xúc cảm sung sướng trước lúc cánh chim bằng lại tung bay trên không trung lồng gió. Có tiếng chốt cửa sắt loảng xoảng bên ngoài. Tiếng gót giày đình từ cửa ngoài khu xà lim của Lương Ngọc Quyến tới. Theo lệ thường, mỗi buổi trưa, một viên đội khố xanh thi hành lệnh của Tòa sứ Thái Nguyên lại đến xà lim giam Lương Ngọc Quyến để kiểm tra cùm, để kiểm tra cửa ở đây.

Trong số hạ sĩ quan lũ khố xanh Thái Nguyên, những người tham gia tổ chức bí mật không đông lắm. Tuy thế những người làm việc kiểm tra này phần lớn

lại là bạn chiến đấu của Trịnh Văn Cấn. Vì vậy, gần đây mỗi cuộc kiểm tra biến thành một cuộc trao đổi tin tức, bàn bạc kế hoạch rất kín đáo Lương Ngọc Quyến khẽ ngừng đầu lên. ông vui mừng chào đáp lễ đội Cấn. Đội Cấn ôm lấy hai vai gầy của Lương Ngọc Quyến. ông chảy nước mắt bảo bạn:

– Xong rồi! Sắp xong rồi!

Lương Ngọc Quyến đặt tay lên vai bạn. Ông cố ngượng ngời lên mỉm cười mơ màng nói:

– Sắp xong rồi à?

Một cảm giác kỳ lạ chợt nảy nở trong tâm hồn sôi sục của Lương Ngọc Quyến. Cảm giác ấy lớn dần mãi lên làm cho người tù cấm cố thấy mình đang thay đổi mau chóng. ông nói thêm:

– Sắp xong rồi! Sắp xong rồi!

Lương Ngọc Quyến nhìn chăm chú người bạn chiến đấu của mình. Đội Cận có gương mặt rất đối bình dị thường gặp ở nhiều người Việt Nam, một khuôn mặt vuông, chiếc cằm có núm lồm ở giữa, cái miệng rộng, viền môi rõ rệt đầy quả cảm, một đôi mắt không to, không đẹp nhưng cái nhìn thẳng thắn. Lương Ngọc Quyến hiểu tất cả niềm ưu ái của người bạn này đối với mình. ông khẽ lắc nhẹ vai đội Cận, nói dồn dập:

– Chỉ mới sắp bắt đầu thôi! Đêm nay cuộc chiến đấu của chúng ta sẽ bắt đầu. Chúng ta sẽ tung hoành như cha ông ta xưa kia đã bao lần ra trận đánh giặc giữ nước.

Đội Cận ghì chặt Lương Ngọc Quyến vào lòng. ông hiểu bạn mình lắm, Lương

Ngọc Quyển nói rằng cả dân tộc sẽ thoát khỏi cái ngục tù ghê tởm của đế quốc đã lập ra, giam hãm dân tộc Việt Nam mấy chục năm ròng. Đội Cấn như nghe thấu hết niềm cảm xúc trong lòng Lương Ngọc Quyển. Cấn nói:

– Mọi việc khởi sự trong đêm nay đã bàn định, sắp đặt kỹ...

Gian xà lim không còn tối tăm, ẩm mốc nữa. Bốn con mắt sáng lên nhìn nhau đăm đăm. Ngoài kia, ở sân giữa của đề lao, những người tù cõ vê vệ sinh chừng đã làm xong phần việc hàng ngày. Họ đang tắm rửa và khạc nhổ ầm ầm. Tiếng họ vọng vào xà lim cấm cố, khiến hai người phải nói thấp giọng xuống. Đội Cấn hỏi:

– Anh có điều gì chỉ bảo thêm nữa không?

– Không! - Lương Ngọc Quyến mỉm cười.

– Điều tôi đang nghĩ là ngày mai, ngày kia...

Đội Cấn gật đầu nhìn ra ngoài rồi quay lại nói:

– Tôi còn một điều muốn hỏi.

Lương Ngọc Quyến nhìn Cấn, chờ đợi.

– Hiểu rõ lòng người thật khó. Cho đến phút này tôi vẫn băn khoăn về đội Trường và một số người có chân trong cuộc nổi dậy đêm nay.

Rồi còn những người chưa có chân trong tổ chức làm binh biến. Tôi chưa hiểu kỹ tâm trạng gia đình những con người ấy, những bà mẹ, những người vợ,

những người thân thiết khác. Cấn đối xử như thế nào với họ trong khi khởi nghĩa?

Lương Ngọc Quyến mỉm cười. ông đã từng qua những bước đường đời éo le như vậy. Năm 1905, theo tiếng gọi của đất nước ông bỏ nhà, bỏ vợ, ra đi cầu học. Bỏ tất cả những gì quen thuộc (nếu không phải là đầm ấm) là một việc khó. Lương Ngọc Quyến đã khắc khoải nhiều đêm. Ông muốn nói thật với người vợ hiền của ông nhưng sau khi suy nghĩ ông không nói, ông bí mật sắp xếp hành trang và một đêm ông ra đi để lại một lá thư ngắn gọn: “Anh đi. Phải đi! Nàng hãy nuôi con, chờ ngày anh trở về”! Ông muốn nói ngày trở về là ngày chí hướng đã toại. Nhưng thực ra nếu bước đường giành độc lập, giành nhân phẩm dễ dàng như thế thì làm gì có ai đáng mặt anh hùng nữa.

Năm 1915, Quang Phục Quân đánh vào mấy đồn Tây ở biên giới thuộc đất tỉnh Cao Bằng. Trận đánh đã gây tiếng vang rất lớn trong nước nhưng cũng chỉ đến mức ấy thôi. Từ trận đánh này Lương Ngọc Quyến nảy ra một nhận xét: Chỉ có từ trong nước dấy lên mới thành công được.

Đã nhiều đêm, ông suy nghĩ về những trận đánh bất thành lần diễn ra ở Huế, Sài Gòn, Hà Nội. Chắc chắn những trận này sẽ làm bọn Tây bủn rủn. Vì vậy, ông đã từ đất Trung Hoa về nước. Nhưng không may, một kẻ phản bội đã báo cho Tây để bắt ông. Giặc Pháp nhờ nhà cầm quyền Anh ở Hương Cảng bắt giữ Lương Ngọc Quyến ngay khi ông chưa rời đất Trung Hoa. Sau đó là những trận tra tấn diễn ra ở sở mật thám Đông Dương rồi tiếp đến án khổ sai chung thân cộng với

mười năm cầm cố. Pháp giải ông từ Sài Gòn lên Nam Vang, từ Nam Vang đi Hà Nội. Lương Ngọc Quyến đã dày dạn với những nỗi éo le nhưng chẳng có nỗi éo le nào giống nỗi éo le nào. ông nghĩ đến những ngày còn bị giam ở Hà Nội.

Người vợ hiền vẫn chờ ngày trở về của ông. Bà đã dắt con vào Hỏa Lò Hà Nội thăm chồng. Đầu tiên thương vợ, ông muốn cắt đứt nghĩa vợ chồng để người đàn bà trẻ ấy đi tìm hạnh phúc riêng với một người đàn ông khác. Ông chưa ngờ ý này với vợ chỉ vì không nỡ. Nhưng sau vài tháng suy nghĩ về đức tính người đàn bà Việt Nam, ông thấy nếu ông xử sự như vậy là khinh miệt vợ, khinh miệt những đức tính cao đẹp của người đàn bà Việt Nam, một người đã từng lặn lội ra tận Hải Ninh gặp chồng. ông thầm xin lỗi vợ, ông làm một bài thơ giải tỏ lòng

mình, giải tỏ niềm kính trọng quý mến của mình đối với vợ và gửi bài thơ ấy cho người bạn tào khang của mình. Bài thơ ấy ông làm theo thể lục bát gián thất. ông nhớ nhất mấy câu dặn dò vợ trong bài thơ đó:

.... ƠN PHỤ MẪU THIÊN CAO ĐỊA HẬU,

MƯỜI TỬ TÔN DỤ HẬU QUANG TIỀN

KHUYÊN NÀNG LẬP CHÍ CHO KIÊN,

HIẾU THÂN GIÁO TỬ BÁO ĐỀN THAY ANH.

LÒNG NGƯỜI ĐÃ TRUNG THÀNH SỐT SẴNG,

GIÒI XANH KIA ẮT CHẴNG PHỤ MÌNH.

MAI SAU BỈ CỰC THÁI HÀNH

KÉO CỜ ĐỘC LẬP GIỮA THÀNH THĂNG LONG...

Người đàn bà hiền hậu ấy không phải là người học rộng. Bài thơ của ông khó

hiếu vì dùng nhiều điển cũ. Nhưng vợ Lương Ngọc Quyến đã học thuộc lòng. Bà chỉ hiểu vài ý nhưng lại là những ý hết sức cần thiết mà chồng bà cũng rất nhớ: Phụng dưỡng cha mẹ thay chồng; chăm dạy con cái thay chồng; chung thủy chờ ngày chung sống và ngày ấy là ngày chiến thắng!

Lương Ngọc Quyến nhẹ nhàng bảo đội Cấn:

– Hãy tin ở mọi người. Cái chính là bây giờ ta phải tiến hành kế hoạch đánh chiếm tỉnh lỵ cho ngọt. Hãy chú ý đến việc chiếm kho súng với đội Trường, tôi tin rằng anh ta không quên dân quên nước. Phải chiếm thật nhanh kho súng để có thể có đủ vũ khí đánh chiếm các nơi khác.

Đội Cận sức nhớ chuyện đội Trường mà vợ ông mới kể cho ông nghe lúc trưa nay. ông kể lại cho Lương Ngọc Quyến.

– Hãy mời anh ấy tham dự vào cuộc nổi dậy đêm nay. Chắc chắn đội Trường sẽ theo ta.

Đội Cận chợt thấy những con người tưởng như chẳng gắn bó gì với nhau nhưng thực ra có những mối liên hệ vô hình giữa hiện tại và quá khứ của họ hay nói cách khác đi là giữa tổ tiên và con cháu. Chất keo gắn những con người ấy chính là lòng yêu nước và lòng tôn trọng nhân phẩm của họ.

Tất nhiên mỗi người có một nỗi niềm riêng, mỗi người có một hoàn cảnh éo le của mình. Nhưng những nỗi niềm và hoàn cảnh ấy đâu có ngăn trở họ há sinh thân thể cho Tổ quốc. Vả chăng, họ cũng

như ông, đều có dòng máu Việt chảy trong huyết quản. Có người Việt nào không tự hào về bốn ngàn năm lịch sử của mình, có người nào không tự hào mình là con cháu của vua Hùng, của Hai Bà Trưng, của Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ...

Có người Việt nào sống vào đầu thế kỷ XX này không rung động trước bao gương sáng của các chiến sĩ Cần Vương, của Hoàng Hoa Thám, của Nguyễn Quang Bích, của Cao Thắng, của Tống Duy Tân, của Đinh Công Tráng, của Phan Đình Phùng.

Lòng yêu nước và lòng tôn trọng nhân phẩm ấy có cội nguồn từ thời dựng nước bốn ngàn năm về trước mà tới bây giờ vẫn được vun đắp cho xanh chồi nảy lộc thêm.

Lương Ngọc Quyến biết Cấn là người thận trọng, để củng cố lòng tin cho bạn, Quyến lại cùng Cấn duyệt lại bản kế hoạch khởi nghĩa. Thực ra đây là một bản kế hoạch quân sự thì đúng hơn. Kế hoạch vạch ra khá chu đáo: Những vị trí có giá trị chiến thuật cần được chiếm gọn; những hướng tiến quân thiết yếu; việc phòng thủ bằng hỏa lực những vị trí đã chiếm được.

Theo bản kế hoạch, giờ khởi nghĩa định vào hai mươi ba giờ hôm nay. Nếu việc đánh chiếm tỉnh lỵ diễn ra đúng dự định thì hồi 0 giờ ngày hôm sau quân khởi nghĩa sẽ làm chủ tỉnh lỵ. Từ 0 giờ quân khởi nghĩa truy lùng bọn địch lọt lưới. Đội Cấn không lường trước được rằng có nhiều điều quan trọng nhưng vẫn chưa được chú ý tới. Chẳng hạn quân khởi nghĩa phải sắp sẵn một lá cờ Quang

Phục Quân. Lễ chào cờ phải có một bản tuyên cáo và bản đó sau khi đọc xong sẽ đem dán khắp các chỗ đông người trong tỉnh lỵ. Việc đối xử với binh lính khổ xanh, khổ đỏ không phải là người có chân trong tổ chức khởi nghĩa. Hai người ấn định nhanh chóng từng phần việc. Đội Cấn sẽ cho may sẵn một lá cờ ngay chiều nay và việc may cờ phải làm thật kín. Lương Ngọc Quyến sẽ dùng một nửa ngày còn lại để thảo một bản tuyên cáo. Đội Cấn rút cây bút chì cắm trên túi áo ngực ra đưa cho Lương Ngọc Quyến.

– Chiều nay "xếch xông" của anh đội Nam gác để lao. Đúng giờ đã định họ sẽ diệt ba thằng gác-điêng lai. Số gác-điêng khác sẽ bị bắt giữ. Anh cứ yên trí việc tuyên cáo. Khu xà lim này không bị kẻ nào vào quấy rầy nữa đâu. Sau đó, hai

người bàn việc phối hợp với dư binh Đề Thám. Lương Ngọc Quyến trầm ngâm:

– Chiều nay, anh điếm xem số dư binh cụ Đề còn được bao nhiêu. Nên dùng vài chục tay súng tiến xuống mé nam tỉnh lỵ để chặn con đường tiếp viện của Tây từ Hà Nội và Phổ Yên kéo lên. Nhớ chiếm ngay lập tức nhà Dây thép. Đừng để cho chúng thông tin được với Hà Nội. Chú ý cả đến trại con gái. Cần ra lệnh thật nghiêm để giữ vững kỷ luật theo đúng tác phong quân sự của quân khởi nghĩa.

Đội Cấn chìa tay phải ra. Lương Ngọc Quyến xiết chặt tay người bạn chiến đấu của mình. Ông không chúc tụng khách sáo mà bằng ánh mắt nghiêm trang, ông thầm dặn bạn phải thật điếm tỉnh thận trọng. Đội Cấn quay ra, lòng đầy tự tin và thầm phục Lương Ngọc Quyến là một

người chỉ huy quân sự có mưu lược.

Hồi núp dưới quốc tịch Trung Hoa để học võ bị tại Chấn Võ học hiệu ở Đông Kinh, bạn đồng học của Lương Ngọc Quyến coi ông là một người văn võ toàn tài. ông sợ dĩ không đỗ cử nhân hoặc tiến sĩ chỉ vì ông không đi thi mà thôi. ông rất ghét lối học khoa cử và ham đọc tân thư. Các loại sách của Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi, các bản dịch sách Pháp ra Hán văn của những nhà tư tưởng dân chủ có tiếng thế giới như Mạnh-đức-tử-cửu (Montesquieu), Lữ-thoa (Rousseau). ở Nhật, ông học tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nhật. ông đọc thơ của Bai-rơn (Baron), đọc các trước tác của Ma-ra (Marat), Rô-bet-xpie (Robespierre) bằng nguyên bản, đọc thơ Hai Kai của Nhật.

Tâm hồn khát khao cái mới, cái lạ của ông mở rộng đón các tư tưởng tiến

bộ của thế giới tràn vào. Nhưng đọc say mê, đọc miệt mài, Lương Ngọc Quyến vẫn không sao nhãng việc học võ bị. ông đỗ tốt nghiệp thứ nhất khóa của ông. Lương Ngọc Quyến được thay mặt cho một nghìn hai trăm sĩ quan mới ra trường chỉ huy buổi duyệt binh mãn khóa. Chính tay bá tước Đại Ôi và Tổng tư lệnh quân đội Nhật đã trao cho vị thủ khoa sĩ quan lá cờ và cây kiếm danh dự của khóa sinh viên tốt nghiệp ấy. Thế là Lương Ngọc Quyến hết duyên nợ với nước Nhật, cái nước đã giở mặt trục xuất cụ Phan Bội Châu và các nhà cách mạng Việt Nam theo sự thỏa thuận giữa hai đế quốc Nhật-Pháp.

Rời Nhật, Lương Ngọc Quyến về Trung Quốc đúng vào năm nước bạn đang có cuộc cách mạng rộng lớn. Các bạn cùng khóa sĩ quan người Trung Hoa

xung ngay vào quân Cách mạng và mau chóng được cử giữ những trọng trách. Người đồ thứ bảy là Đường Kế Nghiêu được phong đô đốc tỉnh Vân Nam. Người đồ thứ nhì là Hồ Hán Dân được phong đô đốc Quảng Đông.

Lương Ngọc Quyến đã tìm đến Hồ Hán Dân, xin hiến tài năng quân sự của mình cho công cuộc cách mạng của dân tộc bạn trong khi nước nhà chưa có điều kiện dùng tới nó. Kính trọng tài năng bạn đồng học, Hồ Hán Dân muốn đưa ông lên những chức vụ cao nhưng Lương Ngọc Quyến đã từ chối. ông chỉ nhận quân hàm đại úy chỉ huy một doanh và đã dẫn doanh quân ấy từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Do chiến tích lẫy lừng, Lương Ngọc Quyến được thăng cấp thiếu tá, rồi trung tá chỉ huy một lữ đoàn quân tiểu phi bên hữu ngân sông

Dương Tử. Người Trung Quốc coi ông là một sĩ quan quả cảm và có tài năng.

Bây giờ ngồi trong ngục cấm cố, nghĩ lại những năm tháng tung hoành trên chiến trường, Lương Ngọc Quyến thấy mình không đến nỗi hổ thẹn là con cháu của Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Huệ. Nhớ lại những vần thơ cảm khái mình đã làm, Lương Ngọc Quyến cũng tự thấy thơ mình không dở. Nói văn võ toàn tài e có điều huênh hoang chẳng, còn nói là ông biết văn, biết võ thì chắc đúng. Nhưng bắt tay vào viết bản tuyên cáo, Lương Ngọc Quyến thấy đầy khó khăn. Và đột nhiên đến lúc này ông mới hiểu sâu sắc sức bút quét nghìn quân của Nguyễn Trãi.

Ngày xưa, lúc trẻ, còn ở Hà Nội, Lương Ngọc Quyến là con trai một nhà khá giả. ông cũng biết ăn chơi. Công tử

thứ hai nhà họ Lương phố Hàng Đào phong nhã khét tiếng các xóm cô đầu hàng Giấy, Khâm Thiên, ấp Thái Hà. ông làm bài hát ngay trên chiếu rượu, giao cho các ả hát. Có thể nói ông có cây bút rất hoạt nhưng đến lúc này ông mới thấy cây bút ấy quá đôi phù phiếm. Những ý nghĩ nối tiếp nhau trong tâm trí Lương Ngọc Quyến. ông nghĩ về các chiến hữu của ông, nghĩ về những người dân đang sống cực khổ sau những đá tre xanh im lìm, tù đọng.

Không! Cái khó ông đang gặp không phải là từ chương mà chính là triệu triệu đồng bào Việt Nam chưa được hơi nóng của sức sống cách mạng dân chủ thấm vào như trường hợp của Trung Quốc năm Đại Cách mạng Tân Hợi. Giương lên ngọn cờ gì đây để hiệu triệu đồng bào? Ngọn cờ Quang Phục Hội đã nêu

được khá cao trong nước nhưng chưa đủ quy tụ cả hai mươi triệu đồng bào nhất là trên mười triệu dân quê ít người biết đến lá thư tâm huyết của Phan Bội Châu gửi từ Hải Ngoại²⁵ về. Hay lại tôn lên một vị vua? Lương Ngọc Quyến bật cười. ông nhớ đến cuộc cãi vã nhau giữa ông và em ông là Lương Nghị Khanh nhân một dịp hai anh em gặp nhau, chuyện trò với nhau ở Thượng Hải. Khanh mới từ Hương Cảng về. Ở Hương Cảng, anh gặp gỡ những người ở Việt Nam vừa trốn ra nước ngoài theo tiếng gọi Đông Du và họ kể cho anh nghe chuyện trong nước. Khanh kể lại cho anh nghe tin tức về cái triều đình Huế đầy tớ Tây có tên vua Khải Định bạc nhược như thẳng liệt dương. Hai anh em không ngớt lời sỉ vả tên vua hèn hạ. Lương Ngọc Quyến than:

25 Hải ngoại huyết thư.

– Sao Việt Nam không có được một Pie²⁶ đại đế, một Minh Trị thiên hoàng?

Lương Nghị Khanh nói luôn:

– Anh ơi! Cái thời minh quân thánh đế qua đã lâu rồi. Bọn vua chúa bây giờ là “dân tặc” hết.

Lương Ngọc Quyến giận gầm lên:

– Đồ lão! Rồi mày nhục mạ cả đến bố mẹ chứ không chơi đâu.

Khanh vẫn cương quyết:

– “Dân tặc” hết. Anh cứ bám khuê khuê lấy ông Hàm Nghi chứ ông ấy bây giờ bị đày đi đến đâu không biết. Tôi nghe người ta nói ở bên Tây, các ông vua bị vật ngã đã hai thế kỷ rồi mà Âu châu chỉ giàu lên, mạnh lên thôi!

26 Tên một vị vua Nga có nhiều cải cách quan trọng, có công với nước Nga

– Càng nói càng càn rỡ! Người ta là ai nào?

– Là bác Tây Hồ chứ ai!

Tây Hồ là tên tự của cụ Phan Châu Trinh, bạn thân của cụ cử nhân Lương Văn Can. Lương Ngọc Quyến vốn rất quý rất phục cụ Tây Hồ. ông tin ở lòng yêu nước yêu dân của cụ, tin ở tài học, ở tầm suy nghĩ của ông già thông tuệ ấy. Cụ Tây Hồ đã nói là có sở cứ. Lương Ngọc Quyến đờ người không đủ sức cãi nhau với em nữa, vả chăng cuộc Tân Hợi vĩ đại kia cũng sờ sờ trước mắt. Dân tộc bạn chẳng đã vừa vật cổ một tên «dân tặc» xuống hay sao?

Lương Ngọc Quyến suýt bật cười. ông sực nhớ đây là nhà lim cấm cố nên tiếng cười phải nén lại. Lương Ngọc Quyến say sưa viết bản tuyên cáo. ánh

sáng trong gian xà lim rất yếu. Trước khi ra về, đội Cấn đã hé mở lỗ quan sát đục trên cánh cửa sắt và cài một que diêm vào đó để nắp lỗ kênh lên. Khi cần thiết, Lương Ngọc Quyến chỉ cần rút que diêm ra là nắp lỗ quan sát sẽ sập xuống như cũ. Ngọn bút chì trong tay Lương Ngọc Quyến lúc đưa nhanh, lúc ngừng lại. Mỗi lúc ông suy nghĩ, theo thói quen, Lương Ngọc Quyến lại đưa ngọn bút lên miệng nhấm...

Khi viết đến đoạn nói về quân khởi nghĩa, Lương Ngọc Quyến đột nhiên thấy lòng ông hết sức hứng khởi. Một kỷ niệm chợt về trong tâm trí ông. Đó là kỷ niệm đêm Lương Ngọc Quyến đỗ tốt nghiệp trường Chấn Võ. Theo tập tục, đêm ấy các đồng học những lớp sau mở tiệc tại nhà câu lạc bộ của trường mừng những người mới đỗ.

Các sĩ quan mới tốt nghiệp đều mặc quân phục và đeo lon. Các sĩ quan cai quản và huấn luyện trong trường cũng được mời đến. Những người này mang cả vợ và con gái đến dự. Đây cũng chính là dịp để các cô này kén chồng. Những sĩ quan mới tốt nghiệp được phong cấp thiếu úy. Riêng hai người đỗ đầu và thứ nhì được phong trung úy. Năm ấy, Lương Ngọc Quyến mới hai mươi ba tuổi. Tiệc rất đông, rất ồn ào. Những sĩ quan người Nhật lúc thường ít nói, lúc uống rượu lại nói nhiều.

Các sĩ quan người Trung Hoa cũng rất vui. Họ đeo quân hàm Nhật thì đeo nhưng chỉ ít hôm nữa là họ sẽ lên đường về nước. Tình hình nước họ thôi thúc họ mau chóng trở về.

Riêng mấy sĩ quan người Việt Nam cũng vui vì kết quả học tập nhưng cái vui

ấy không át được cái buồn nhớ nước và nỗi lo về việc nước.

Tiệc đến nửa vời, càng ồn ào. Theo một cách ăn chơi thời thượng đem từ Lữ Thuận về, các sĩ quan người Nhật rót đầy rượu vào cốc đến chúc Lương Ngọc Quyến. Uống một hơi cạn cốc rượu xong, họ thẳng cánh đập cốc xuống nền nhà rồi cười lên ha hả. Họ tung Lương Ngọc Quyến lên trời ba lần và reo to lời mừng người trung úy thủ khoa. Sau đó, tiệc tan, các người dự tiệc ra về, gót ủng nghiêng lên những mảnh cốc vỡ ken kết...

Lương Ngọc Quyến cũng ra cửa, nhưng ông nép vào bóng tối chờ mọi người đi hết rồi quay trở lại phòng tiệc. Cái buồn, cái hoang tàn của phòng tiệc lỏng chỏng ghế bàn với cốc chén cái nghiêng cái đổ gây ấn tượng rất mạnh vào Lương Ngọc Quyến. Ông bước lên

sàn, giẫm lên những mảnh cốc, từ từ đi về cuối phòng. ông ngừng nhìn bức ảnh Minh Trị thiên hoàng treo trên tường...

Không! Không! Lương Ngọc Quyến không còn trông chờ một sự tín ngưỡng nào ở đây, nơi mà những người cầm đầu chính phủ Nhật hoàng đã phản bội lại lời hứa của họ đối với Việt Nam. Họ đã thỏa thuận với chính phủ thực dân Pháp, ra lệnh trục xuất tất cả những người Việt Nam Đông Du đang theo học các trường ở Nhật. Cụ Phan Bội Châu là người bị trục xuất đầu tiên và tiếp theo sau là các bạn cùng chí hướng của Lương Ngọc Quyến. Riêng ông và vài người nữa được những nhà cách mạng Trung Quốc kiếm giấy tờ cho để ở lại tiếp tục học thành tài nhưng phải núp dưới quốc tịch Trung Quốc.

Chính phủ Nhật hoàng đã phản bội lời nói của mình, họ sẽ chịu sự khinh bỉ của công luận và sẽ bị lịch sử lên án. Với nước Nhật, thế là Lương Ngọc Quyến đã hết duyên nợ. ông nhếch mép cười nhạt, từ từ tháo đôi quần hàm trung úy vứt lên mặt bàn tiệc còn ngổn ngang đĩa bát và ra về.

Ba hôm sau, Lương Ngọc Quyến xuống tàu đi Quảng Châu. Nghĩ đến hành động tháo lon vứt trả của mình và hành động vẫn cần rằng ở lại quân ngũ của đội Cấn, Lương Ngọc Quyến càng quý mến sự bình tĩnh của bạn. ông rời nước Nhật là phải. Và đội Cấn nhần nhục ở lại chính là để mưu đồ nghiệp lớn được thuận lợi. Sự nhần nhục ấy đòi hỏi ở con người một sự gan dạ và chín chắn...

Trong gian xà lim ẩm và tối, Lương Ngọc Quyến say sưa viết nốt đoạn cuối

của bản tuyên cáo. Bên ngoài kia, có tiếng ồn ào. Chắc đã đến giờ làm cỏ về chiều...

Chương 8

Từ đề lao, đội Cấn ra vườn hoa Dây Thép. Đây là nơi ông có nhiều kỷ niệm riêng và ông thuộc từng bụi hoa, từng gốc cây nhưng lần này ông đến đây với con mắt nhìn khác. Đội Cấn đi rất chậm trên con đường chính xuyên qua vườn hoa. ông ước lượng bằng mắt khoảng cách giữa các gốc cây lớn và hình dung trong óc cảnh vườn hoa này trong đêm tối. Khi đi đến giữa vườn, đội Cấn dừng lại sau bụi cây rậm. ông kín đáo

nhìn qua cái phố ngắn dẫn đến trại Xê-da-ri. Cái phố ngắn này lúc nào cũng chỉ có một vài cửa hàng ăn uống hoặc thợ may quần áo nhà binh mở cửa mặc dù rất vắng khách vào giờ "Xe-vít"²⁷.

Đội Cấn chỉ dừng lại giây lát để nhìn sang phía trại Xê-da-ri. Sau đó, ông đến quán cụ Quát. Quán hôm nay đóng cửa, cụ Quát đang sao một chảo gừng xắt lát trong bếp. ông cụ nói với đội Cấn:

– Cái này phòng cảm mạo tốt lắm.

Đội Cấn bảo ông cụ cứ mở cửa hàng như mọi hôm. Như thế không có điều gì khiến kẻ địch nghi ngờ. Ông cụ hỏi Quát:

– Anh em ta có bao nhiêu tay súng?

Cụ Quát tính thầm rồi đáp:

²⁷ Giờ hành chính.

– Có trên năm chục súng nhưng đạn thì ít. Mà đạn cất giấu lâu ngày không biết có còn nhạy không?

Đội Cận trăm ngăm.

– Nhưng mác thì có nhiều! - Cụ Quát nói tiếp.

– Mác à? Cũng tốt! Nhưng phải có đạn mới được.

– Có đạn thì còn gì bằng nữa. Năm chục tay súng ở đây còn thêm từng ấy ở Phấn Mễ về nữa, ít nhất cũng phải có dăm ba nghìn viên đạn. Thế thì kiếm đâu ra?

Đội Cận mỉm cười, ông nảy ra một cách khả dĩ thoát được khó khăn này. Ông hỏi:

– Anh em Phấn Mễ độ mấy giờ về đến đây?

– Khoảng gà lên chuồng.

– Thế thì cho già ra là 7 giờ tối anh em có mặt ở tỉnh lỵ rồi. Đúng 7 giờ rưỡi, cụ bảo anh em cắt hai người ra đây chờ, tôi sẽ cho người mang đạn tới. Hai người đến đây thôi còn bao nhiêu phải ở rừng cho kín. Cánh rừng mé dưới này thế nào?

– Cánh rừng ấy thì còn phải nói. Rậm lắm, rậm lắm. Bọn kiểm lâm Tây có cho ai bén mảng vào đấy kiểm củi đâu.

– Được lắm. Anh em Phấn Mễ sẽ nấu trong ấy cho đến giờ xuất quân. Ai cầm quân ở Phấn Mễ?

– Ông Khải!

Đội Cấn tỏ ra rất vui mừng khi nghe nói người cầm quân Phấn Mễ là ông Khải. Đội Cấn đã được gặp ông Khải nhiều lần. ông biết người thợ mỏ này là

nghĩa quân của Đề Thám và ông Khải đã cùng một số anh em nghĩa quân Yên Thế đổi tên vào Phấn Mễ làm phu mỏ. Đội Cấn nhớ lại lần gặp gỡ đầu tiên với người thợ mỏ ấy. Đó là lần Nô-en dẫn lính khố xanh lên Phấn Mễ truy lùng hai người lính khố đỏ bỏ trốn một chuyến "tình nguyện đi Tây". Chánh sứ Đắc nghe tin có lính trốn, tức lắm. Y ra lệnh cho các đơn vị lính Tây, lính khố xanh, khố đỏ phải tuần tiểu và phải hết sức lùng sục ở các đám phu làm đường, phu mỏ. Trong số binh lính dưới quyền Nô-en đi lùng lính trốn có đội Cấn.

Đội Cấn còn nhớ hôm ấy, chủ mỏ sai đánh keng gọi tất cả phu mỏ về bắt xếp hàng để Nô-en nhận diện. Nô-en không biết mặt hai người lính trốn, gã cũng không có ảnh hai người này, nhưng gã có cách tìm bắt đúng được. Đó là những

con sổ đánh dấu bằng hóa chất ni-tơ-rát bạc ở cổ tay những người «tình nguyện đi Tây». Đội Cấn rất lo lắng vì ông biết đích xác hai người lính khố đỏ ấy đang trốn ở Phấn Mễ. Mấy hôm trước đội Giá đã báo cho ông biết vụ lính trốn này. Hai người ấy là người cùng quê với đội Giá. Anh đã nhờ người quen dẫn lên Phấn Mễ giao cho một người thân tín hiện đang làm phu mỏ than này. Nhưng Nô-en không tìm ra hai người lính trốn trong sổ phu mỏ. Gã chưa chịu thôi. Gã sục vào chỗ phu ồm nằm cũng không thấy. Gã lên mỏ đòi vào từng hầm để tìm cho thật kỹ càng nhưng một người phu đã cười khẩy nói với gã:

– Quan lớn muốn tìm thì cứ vào hầm. Anh em tôi vì miếng ăn mà phải chui vào đây chứ hầm nào cũng phải chống lại cả rồi.

Cứ ho một tiếng, đất trần đã rụng xuống rào rào. Nô-en bảo viên đội thông ngôn dịch lại cho hắn nghe. Nghe xong, gã giám binh mắt cứ trợn tròn xoe. Đội Cấn nghi hoặc nhìn người thợ mỏ. Anh ta có cái sẹo chạy từ thái dương xuống má. Trên vẻ mặt dày dạn của anh ta, đội Cấn không nhận ra một chút gì đáng nghi, nhưng câu nói của anh ta khiến đội Cấn phải chú ý. Đội Cấn thấy người phu mỏ dẫn Nô-en đến cửa hầm nhưng gã giám binh hết cả hung hăng. Gã "xà và, xà và"²⁸ mấy lần rồi dẫn lính chuẩn. Gã sợ hầm sập vào đầu gã!

Mấy hôm sau đội Giá lại bảo cho đội Cấn biết rằng phu mỏ đã nuôi giấu hai người lính trốn trong hầm ít lâu và đã đưa họ sang Yên Bái nhập vào đám phu làm đường đi Nghĩa Lộ rồi. Đội Giá còn

28 Được rồi, được rồi!

cho biết người thân tín của anh ở Phấn Mễ tên là Khải. Khải chính là người thợ mổ sọc mặt mà ông đã gặp ở Phấn Mễ. Đội Giá cứu Khải trong một trận chiến đấu ở chân núi Hồng. Khải bị thương ở mặt, mất máu nhiều phải nằm lại, ẩn dưới một lùm cây. Đội Giá bắt gặp người bị thương nhưng anh đã băng bó cho Khải, để lại cho người bị thương một nắm cơm và một mối ân tình sâu nặng... Sau nhiều lần gặp gỡ, đội Cấn đã bắt liên lạc với Khải và giao hẹn đôi bên sẽ sẵn sàng sát cánh với nhau sau này... Đội Cấn dặn cụ Quát:

– Cụ mở quán như mọi bữa nhưng nếu có khách thì bảo là hàng bán hết rồi. Nhớ đúng giờ hẹn, anh em Phấn Mễ phải có mặt ở đây lấy đạn.

Đội Cấn ra về, ông đi qua cánh rừng cuối làng Đồng Mỗ để xem tận mắt cánh

rừng này có đủ kín đáo cho hàng trăm người ẩn náu không. Sau đó ông mới hoàn toàn yên lòng quay về trại Bô-dông. Đội Cấn về đến trại Bô-dông lúc ba giờ chiều. Gần đến cổng, ông nhìn thấy đội Trường dìu đội Hạnh từ phía cuối tỉnh về. Cái cổ gã trai đang điểm mềm oặt gối lên vai bạn. Mặt đội Trường lạnh lẽo khó hiểu. Trường nói với đội Cấn:

– Bác Hạnh trúng gió phải cảm ở phố Ba toa.

Đội Cấn thì cho rằng Hạnh say rượu chứ không phải bị cảm. Hơi thở của Hạnh còn nồng nặc tuy mặt Hạnh vẫn bình thường (hắn uống rượu không hề đỏ mặt). Trường dìu Hạnh đi về nhà thương. Trước khi Trường đi, đội Cấn bảo Trường:

– Tôi cần gặp bác một chút.

– Vâng. Mời bác cứ xuống phòng tôi.

Đội Cấn nhận thấy Trường cười buồn. Đội Cấn đi qua sân giữa để về phòng làm việc của mình. Ông ngạc nhiên thấy gót giày của mình nghiền lên những mảnh bát vỡ rải rác mặt đường. Đội Cấn kinh ngạc nhìn xuống cái mặt sân giữa thường phải quét thật sạch. Ông thấy ngoài những mảnh bát, đĩa còn có những hạt cơm và những đầu cá mắm dính đất. Ruồi, nhặng ve ve khắp sân. Trại Bô-dông vắng teo....

Đội Cấn rút thuốc lá châm hút và suy nghĩ. Chắc có một chuyện gì vừa xảy ra và ông thấy hôm nay mọi điều bất thường nào xảy ra cũng phải tìm hiểu cặn kẽ để đề phòng sự bất trắc. ông điem điem rít một hơi thuốc lá, thở khói ra đằng mũi và bình tĩnh về phòng làm việc.

Linh tính đã từ lâu buộc đội Trường phải suy nghĩ về cái chết thê thảm của người vợ xấu số. Đội Trường hiểu rằng vợ anh không phải chết đuối. Vợ cai Chén, người khâm niệm bữa ấy đã kể cho anh nghe rằng người chết có cặp môi bị cắn dập nát và trong lỗ mũi có máu. Nhưng đội Trường đã nghĩ ngợi nhiều và thấy nói ra càng thêm ngượng mà chưa chắc đã việc đã được kết quả gì. Anh càng nghĩ càng bầm gan tím ruột. Đội Trường đã nhiều đêm lật đi lộn lại cái việc thê thảm ấy trong óc để tìm xem kẻ thù của mình là ai. Không hiểu sao anh hết sức chú ý đến đội Hạnh.

Từ sau khi đội Trường góa vợ, Hạnh hay lẩn tránh những cuộc gặp gỡ tay đôi với anh và nếu như không được thì gã hết sức vồn vã thân mật với anh. Đội Trường đã kín đáo dò hỏi vài người

trong trại con gái và anh tìm được một dấu tích quan trọng: Hôm vợ anh chết, đội Hạnh có nói chuyện với vợ anh lúc chiều, câu chuyện thân mật đến mức gã có chiều lả lơi! Đội Trường lập mẹo dò hỏi ngay chính gã. Trưa nay, đội Trường đã theo hút đội Hạnh xuống phố Ba toa.

Anh cho là thời cơ thuận tiện đã tới. Anh làm như tình cờ gặp đội Hạnh ở đây và kéo gã vào nhà cô đầu đập phá một chầu trưa. Có bao nhiêu tiền dành dụm được, Trường vung ra hết. Anh gọi rất nhiều rượu và bắt những ả cô đầu phải "chiều" cho được "ông bạn thân nhất". Đội Hạnh say trước. Phải nói rằng sức uống của đội Trường đến thế nào, anh mới đổ được cho gã du đãng kia say tới mức mất hết tri giác. Gã phun tất cả bí mật đời gã bằng thứ ngôn ngữ của người mất trí. Rồi gã nói đến cái chết của vợ

đội Trường. Gã nhận chính gã đã dẫn vợ đội Trường đi chơi tối và nài ép người con gái ấy. Gã lè nhè nói:

– Đàn bà thế đấy bác ạ. Tòì... bỏ... mấy đời vợ cũng vì chúng... thế cả. Thế cả.

Gã nhìn đội Trường bằng cặp mắt vằn đỏ, dờ dẫm. Gã an ủi đội Trường:

– Bỏ đứa này, lấy đứa khác, cần gì? Cần gì nào... o?

Gã nhận chính gã đã dẫn vợ đội Trường lên nhà Nô-en ngay tối hôm ấy. Nô-en đã sai gã đi gọi mấy thằng sĩ quan lê dương bạn của Nô-en. Gã nhận chính gã đã vác xác người con gái bất hạnh ra ném xuống sông Công. Hạnh còn moi trong ví ra một đôi khuyên vàng cho đội Trường xem. Gã lè nhè:

– Có đúng của chị ấy không?... Mà... là vàng... giả đấy! Cóc bán được.

Đôi khuyên này đúng bằng vàng giả. Cũng không phải do đội Trường sắm cho vợ. Đôi khuyên ấy của em trai đội Trường ở Pháp gửi về biếu chị dâu từ đầu năm 1916. Thế rồi đội Hạnh còn kể cả những lần hấn lừa ngủ với vợ của những người bạn đồng ngũ. Với ngôn ngữ thẳng say, những trò dâm loạn càng trở nên ma mãnh và đội Hạnh còn nhắc đến cái nốt ruồi ở bẹn người đàn bà chết dưới sông Công làm cho đội Trường cay đắng như mê đi. Anh quyết định trả thù này một cách xứng đáng. Anh dìu đội Hạnh về trại Bô-dông như hai người bạn thân thiết dìu nhau sau một cuộc ăn chơi thỏa thích. Anh đưa gã vào y xá lấy cái khăn mặt tẩm dấm nước lạnh đập lên cái mặt dâm ác của kẻ thù và anh quay về phòng riêng.

Đội Trường về tới phòng riêng nhưng đội Cận chưa thấy đến. Anh vào phòng, gieo người xuống giường, úp mặt vào gối. Anh thấy ngượng, thấy thẹn, thấy nhục. Anh cảm thấy cái lon đội Nô-en đã thí cho anh là một cách trả tiền của một cuộc mua bán bản thủ mà trong đó tất cả mọi nhục nhã anh chịu hết. Anh vùng trở dậy, lồng lộn trong căn phòng hẹp như một người điên. Thành linh anh giật tung cánh cửa tủ, chộp lấy khẩu súng lục anh vẫn giấu trong đó và nạp đạn vào súng bằng những ngón tay run lên lấy bầy. Nạp đạn xong, đội Trường đưa súng lên miệng, ngậm lấy đầu nòng, ngón tay trở ấn vào cò súng...

Nhưng tai anh như nghe có tiếng người gọi tên anh. Tiếng gọi mơ hồ mà rất đổi thân thiết: "Anh Trường! Anh Trường... ời!" Đội Trường buông thông

tay súng. Anh ngơ ngác tự hỏi: «Tại sao mình lại làm thế nhỉ?». Anh tự hỏi và nhiều cách giải đáp cùng đến với anh. Cuối cùng anh tự nhủ anh không thể chết được. Anh phải sống để trả thù. Anh sẽ giết thẳng Hạnh, thẳng Nô-en để hương hồn người vợ hiền lành dưới suối vàng được mát mẻ. Đội Trường dần dần lấy lại bình tĩnh. Anh cất súng vào tủ và ngồi ôm đầu suy nghĩ...

Khi đẩy cửa bước vào, đội Cấn thấy đội Trường vẫn ngồi như thế. ông đã được Ngoan kể lại hồi trưa câu chuyện cô nghe được từ cửa miệng mẹ Cúc cho nên ông hiểu rằng người bạn của ông đang đau khổ và cũng đã biết chuyện. Đội Cấn ngồi xuống cạnh bạn. ông im lặng chờ. Một lát sau, đội Trường từ từ ngừng mặt lên, vẻ đánh lại.

– Bác Cấn! Tôi đã được nghe chính mồm đội Hạnh kể tội ác của nó. Thật là nhục nhã cho gia đình nhà tôi. Tôi... tôi... tôi không biết nói thế nào để bác hiểu cho tôi.

Đội Cấn để một tay lên vai bạn. ông nói:

– Tôi đã biết chuyện đó.

– Bác biết rồi à?

Đội Cấn gật đầu.

– Nếu vậy thì rồi người này biết, người khác biết. Tôi làm sao chịu nổi sự nhục nhã ấy.

Đội Trường nắm tay đấm mạnh vào đầu gối:

– Tôi phải giết. Giết thằng Hạnh, thằng Nô-en rồi tôi sẽ giết tôi luôn.

Đội Cấn bịt vội miệng bạn. Trường vùng vằng muốn giật ra nhưng đội Cấn ghì chặt anh lại.

– Trường ạ! Hãy nghe tôi nói. Nhìn vào mắt tôi đây này. Tôi sẽ hỏi anh một điều. Anh nghĩ kỹ và trả lời tôi sau. Bằng lòng không? Nào!

Đội Trường mắt sáng lên, hai cánh mũi mỏng phập phồng. Anh mím chặt đôi môi, lòng sôi lên. Anh chờ câu hỏi của đội Cấn.

– Anh trả lời tôi xem có nổi nhục nào bằng nổi nhục mất nước không?

Đội Trường há mồm định đáp một câu gì rồi dờ người ra suy nghĩ. Đội Cấn chờ cho bạn suy nghĩ chán rồi ông mới chậm rãi nói về nguồn gốc mọi nổi nhục ở nước Nam này đều do cái nhục mất

nước mà ra cả. Kẻ thù của những người dân Nam là tất cả bọn cướp nước và bán nước. ông đánh giọng lại:

– Rồi có chết cũng phải chết cho ra chết. Chết cho nước cho dân! Chết mà rửa được thù nhà nợ nước thì tôi đây, tôi cũng sẵn lòng.

Trường im lặng suy nghĩ hồi lâu. Đội Cận biết bụng bạn đã chuyển. ông châm một điếu thuốc lá đưa cho đội Trường.

– Hút đi. Tôi sẽ nói với anh một chuyện quan trọng!

Đội Cận ra cửa phòng xem xét bên ngoài thật cẩn thận rồi quay vào cầm lấy hai tay đội Trường. ông nhìn thẳng vào hai mắt bạn và nói rành rọt từng tiếng:

– Đêm nay chúng tôi sẽ nổi dậy đánh

Tây, lấy tỉnh. Anh phải giúp chúng tôi một tay.

Vẻ mặt đội Trường biểu lộ sự kinh ngạc và chuyển rất nhanh sang hứng khởi. Anh bóp chặt hai tay đội Cấn:

– Bác Cấn! Cám ơn bác. Bác đã vạch đường chỉ lối cho tôi. Cám ơn bác, cám ơn bác. Bây giờ bác bảo tôi thế nào?

Đội Cấn rất mừng. ông ghé sát vào đội Trường khẽ dặn dò. Trước hết, đội Cấn giao nhiệm vụ cho đội Trường về kho súng. Anh sẽ sắp xếp sẵn dụng cụ mở các hòm đạn và giao súng thật nhanh khi có lệnh. Một số đạn dành cho Phấn Mễ và dư binh Yên Thế thì cho vào sọt, phủ giẻ rách lên trên chờ đến giờ đổ rác lúc chập tối sẽ đem ra khỏi trại xuống quán cụ Quát. Cai Chén và hai người nữa sẽ đảm đương việc chuyển. Thứ hai là đội

Trường sẽ phải dò cho được bản cắt gác và danh sách đội tuần đêm nay để đối chiếu với kế hoạch khởi nghĩa xem có gì cần thay đổi không. ông bảo đội Trường:

– Con mụ đầm đánh máy nó thích chú lắm đấy! - làm đội Trường đỏ mặt lên.

– Bác để tôi diệt thằng Hạnh và thằng Nô-en đêm nay.

Đội Cấn chăm chú suy nghĩ. Vừa qua, đội Giá cũng có một đề nghị tương tự. Giá xin đội Cấn giao cho anh việc đánh chiếm khu dinh thự Nam triều trong đó có dinh bố chánh. Anh bảo đảm sẽ bắt và trừ gọn cha con tên bố chánh. Khi đội Cấn im lặng nhìn anh, đội Giá vội nói tiếp rằng không phải anh xin đánh dinh bố chánh chỉ vì anh có thù riêng với tên ấm Hỷ, mặc dù cha con hắn làm

hại nhiều đời con gái dân lành. Anh tối sầm mặt lại, tiếp:

– Ở đất Thái Nguyên này có biết bao nhiêu gia đình dân quê đã bị tên bố chánh lấy ruộng. Biết bao nhiêu gia đình đã thất cơ lỡ vận vì tay nó. Cha con nhà nó là những quân đại gian đại ác!

Đội Cấn im lặng giây lát. Mặt ông cũng sầm tối. Nhưng sau đó, ông bình tĩnh giảng giải cho đội Giá hiểu rằng cha con ấm Hỷ có tội lớn với dân tộc nhưng kẻ chủ mưu thâm hiểm chính là bọn Tây ở Thái Nguyên, những tên như Đác, Nô-en... mới là những tên nguy hiểm nhất. Đội Cấn cũng nghiêm khắc vạch cho Giá hiểu rằng trong khởi nghĩa phải đặt những người chỉ huy tin cậy ở những nơi quan trọng. Các chiến sĩ phải tuân thủ lệnh trên, phải tuân thủ quân luật. ông ra lệnh rành rọt:

– Chú sẽ đánh ở bên đề lao.

Bây giờ, đội Trường cũng xin diệt thằng Hạnh và Nô-en nhưng ước vọng riêng của Trường khớp với ý định chỉ huy của ông. Đội Cấn bằng long, ông nói:

– Đêm nay, chú sẽ là người chỉ huy đánh chiếm trại Bô-dông.

Đội Trường sung sướng. Anh nói:

– Thế là bác rất tin tôi. Tôi hứa sẽ không phụ lòng tin cậy của bác.

– Cứ bình tĩnh. Nếu cần gì hoặc vướng khó khăn gì thì chú cứ hỏi tôi. Bên cạnh chú sẽ có người phụ tá đặc lực gan dạ.

Đội Trường ngẩng mặt lên, ánh mắt nghiêm nghị đầy tin tưởng. Đội Cấn mỉm

cười nghĩ rằng giao việc đánh chiếm trại Bô-dông cho đội Trường là chính xác và đây cũng là cách để bạn rửa mối hờn riêng. Đột nhiên đội Cấn nhớ tới cảnh trại Bô-dông chuyển choảng lúc này.

– Nay, ở trại vừa có chuyện gì xảy ra thế?

– Bác bảo chuyện gì cơ?

Đội Trường ngơ ngác hỏi lại. Đội Cấn tả lại cảnh trại vắng và cái sân giữa đầy rác bần cho Trường nghe. Đội Trường bật cười:

– À! Lính hắt mẹ nó cơm nước của con mụ quản ra sân đấy mà.

Đội Cấn cũng à lên một tiếng khoan khoái. ông nhẹ hẫng người.

– Thế là quản cơ với đội xơ-men²⁹ lên

²⁹ Tức là đội phụ trách trực ban.

boong-ga-lô hóng lệnh Nô-en về chuyện này đây. Còn anh em lính thì đâu cả?

– Pích-kê khô ở nhà ngủ!

Pích-kê khô là hình thức phạt nhẹ cả một đơn vị trong khi hình phạt chính thức chưa định được xong. Pích-kê khô! Pích-kê khô! Đội Cấn ngẫm nghĩ. Mười mấy năm đi lính của ông chính là mười mấy năm pích-kê khô đó thôi. Đột nhiên ông thấy lóe lên một niềm vui: Vụ pích-kê khô này xảy ra trước cuộc khởi nghĩa thật là một điều hay, một thuận lợi cho việc tuyên truyền binh lính đứng về phía nghĩa quân. Đội Cấn dặn Trường thêm một vài điều cần làm trước giờ khởi sự. Sau đó ông mở khóa cửa, hé cánh cửa ra một chút và im lặng nghe ngóng. Rồi ông mạnh bạo ra ngoài đi về sân giữa.

Sân giữa đã đông binh lính. Những anh em làm cỏ về đang quét sân. Người lính hầu cơm trên boong-ga-lô tay xách nách mang những bát đĩa đem rửa ở máy nước lớn trong trại. Như thế là pích-kê khô đã bãi nhưng không có hình phạt nào tiếp theo. Đội Cấn đi ra phía cổng. Cửa phòng giấy quản cơ đã mở. Cửa phòng đội xơ-men cũng mở rồi. Đội Cấn vào phòng đội xơ-men để ghi báo cáo về việc kiểm tra tù để lao. Viên đội xơ-men tuần này là đội Cầu, người của sở mật thám Bắc Kỳ. Ngay quản Lạp cũng nể y. Đội Cầu mới về đóng ở Thái Nguyên từ sáu tháng nay. Y mang theo giấy tờ chứng tỏ y từ lũ khổ xanh Nghệ An chuyển đến đây nhưng thực ra giấy tờ này là giấy tờ giả. Y không biết một tí gì về đời lính cả. Ngay từ cách chào, y cũng không chào được cho nên hèn. Cầu về Thái Nguyên chưa được mười hôm thì tổ chức binh

biến được một quốc sự phạm quê ở Hà Tĩnh bí mật báo cho biết tông tích của hắn. Cai Mánh đã gặp đội Cấn xin cho khử gọn thằng này. Anh nói:

– Bác cứ để nó cho em. Phải «củ» nó đi.

– Này này! Hãy khoan! Chú định làm gì nó nào?

– Có làm gì đâu! Em rủ nó đi cô đầu. Em dẫn nó xuống quá lò lợn một tí rồi chụp bao tải lên đầu nó, nện cho một búa, ném xác xuống sông là xong.

Đội Cấn thấy cách ấy quả cũng hay và gọn. ông đã hỏi ý kiến Lương Ngọc Quyến nhưng người quốc sự phạm này đã suy nghĩ rồi gạt đi:

– Không cần thế. Cứ để nó báo tin giả về sở mật thám mà hay đấy.

Lương Ngọc Quyến bày cho đội Cấn cách tung những tin tức giả mạo đến tai Cầu. Thằng này không những mắc kế mà còn nhằm vào cai Mánh định dụ xếp tiêu sấu làm chỉ điểm cho sở liên phóng Bắc Kỳ nữa.... Khi đội Cấn vào phòng đội xơ-men, Cầu đang ghi sổ hàng ngày. y viết rất chậm và khó nhọc lắm mới viết xong một câu. Thấy đội Cấn vào, Cầu đứng dậy chào niềm nở nhưng tay trái khéo léo rút tờ giấy đang viết dở về, thả vào ngăn kéo đã mở sẵn và đóng ngăn kéo lại.

– Mời toa ngồi!! A-lê! Ngồi xuống đã nào. Chỗ "ca ma lách"³⁰ với nhau, xin toa cứ tự nhiên.

Thấy cử chỉ của Cầu vừa biểu lộ sự giả dối vừa lỗ bịch, đội Cấn suýt phì cười. ông không thích nói tiếng Pháp vì ông

30 camarade : bạn bè

biết rằng cái thứ tiếng Tây "bồi" thường dùng trong lính tráng cũng chẳng hay ho gì. Ở lứa tuổi xanh Thái Nguyên, hầu hết cai, đội đều biết ít nhiều một thứ tiếng không thể gọi được là tiếng Pháp. Nó gồm một số từ dùng lắm khi sai nghĩa, ví dụ tiếng "cút-sê" chỉ có nghĩa là chơi gái và một số tiếng lóng tấp nham khác.

Đội Cận ngồi xuống ghế, vớ quyển sổ xơ-men, ghi lên đó vài hàng chữ rằng lệnh cùm tù cấm cố Lương Ngọc Quyến không hề bị vi phạm, quan giám ngục Lô-ép (Loew) rất nghiêm, ngài đốc cai tù và lính canh để lao thi hành lệnh đó rất triệt để. Kỳ thực Lô-ép say như thăng thiên suốt buổi sáng. Gã coi ngục này là người đảo Cóc-sơ (Corse) và rất tự hào là người đồng hương với hoàng đế Napoléon. Gã có thói quen sáng dậy chưa ra khỏi giường, đã phải tu hết nửa

lít Ta-phia, thứ rượu rom hạng bét, rất nặng, uống vào như xoắn ruột. Sau đó gã cứ lồng lên trong đê lao, vào khu này, sang khu khác nhưng kỳ thực lúc đó gã không hiểu gì cả.

Chỉ từ ba giờ chiều trở đi, Lô-ép mới thật làm việc được. Gã trở lại là một giám ngục rất thâm độc và nghiêm ngặt về cách thi hành những điều luật đặt riêng trong nhà tù. Thí dụ: tù thường phạm chưa hết hạn lưu bế chỉ được đi ỉa ngày một lần 15 phút lúc 4 giờ chiều là đúng 4 giờ gã đã có mặt ở khu cửa nhà xí và 4 giờ 15, gã mới đi chỗ khác; xét về cách phân loại tù, thường phạm việc hộ riêng việc hình riêng, tù quốc sự phạm Quang Phục Hội riêng, dư binh Đề Thám riêng, vụ vua Duy Tân riêng. Tất nhiên cái riêng ấy dẫn đến cách đối xử riêng và mỗi cách đối xử

được Lô-ép thi hành rất đúng từng chi tiết nhỏ nhất nhất. Chẳng hạn quốc sự phạm vụ vua Duy Tân chống Pháp vốn là quan lại, nhà nho kinh thành Huế. Lô-ép cho là những người tù này quen phong lưu sạch sẽ vậy thì Lô-ép chỉ phát mỗi ngày cho mỗi người một gáo nước lã. «Rửa mặt thì đừng rửa đùm, rửa đùm thì đừng rửa mặt». Hình như hẩn bày ra lắm thứ luật lệ ma quái ấy để trả thù cho người đồng hương của hẩn đã khốn khổ khốn nạn xưa kia ở đảo Xanh Hê-len (Sainte Hélène, tên hòn đảo giam Napô-lê-ông).

Đội Cầu rút thuốc lá ra mời. Biết có từ chối cũng không được với gã, đội Cấn phải cầm một điếu. Cầu nhanh như cắt rút chiếc bật lửa sáu xu mua ở hàng xén ra, châm cho bạn. Mời thuốc, châm lửa

là cách lân la làm thân số một của gã mật thám, kiểu thân mà sơ, sơ mà thân. Gã lơ lả:

– Ông bạn ơi, moa có việc cần được giúp đỡ, may mà lại có toa ở đây.

– Bác mà phải nhờ đến thứ tôi à?

– Chết chết, sao toa lại nói thế. Việc này phi toa không ai làm được... ầy, ngồi xuống đã nào.

Gã kéo đội Cấn xuống ghế. Gã cầm một cặp hồ sơ dày nẩy lên bàn cùng với một tập giấy bạc. Đội Cấn nhìn thấy mấy chữ đề ngoài hồ sơ. Đây là hồ sơ lưu các phiếu trả lương những người vợ có chồng đi lính sang Tây. Chồng họ trước đây ở lữ khố xanh Thái Nguyên nên văn phòng trại Bô-dông phải nhận việc phát lương cho họ cứ ba tháng một lần.

– Nói chuyện với bọn đàn bà phải cần đến tay mô phạm như toa. ấy, còn định đi đâu? Lại sợ "ma phẫm"³¹ ở nhà lòi thôi phải không?

– Phát lương hắt? Đó là việc của ông đội binh lương chứ!

– Quan giám binh sai «chúng mình» làm.

Đội Cấn thấy gã kéo mình vào một cách trắng trợn như thế thì rất bực mình nhưng ông không muốn có sự lòi thôi vào hôm nay. ông nhận lời:

– Bác phát, tôi phụ.

– Chỉ cần có mặt bác thôi mà. Gã cười hì hì:

– Giá lúc trưa có bác thì chả đến nỗi.

31 Đáng lý nói «ta femme» là «bà vợ anh», đội Cầu vì dốt tiếng Pháp nên lại nói nhầm là «ma phẫm» (tức là «vợ tôi»)

Đội Cấn im lặng. Cầu kể lại cho đội Cấn nghe cuộc phá phách hồi trưa ở pô-pốt lính. Chuyện ấy thì ông biết rồi nhưng đội Cầu cung cấp cho ông phần đuôi rất hấp dẫn của câu chuyện:

– Bà quản kiện lên quan giám binh rằng binh lính làm reo. ông giám binh bảo rằng đừng kiện nữa nếu không ông quản sẽ bị đưa ra tòa án binh vì để lính tráng làm lung tung. Bà ta gạt phăng đi. Bác bảo bà ấy nói thế này có gồm không: «thưa quan giám binh liệu có bị xử tử không ạ!». Nom bà ấy lại hí hửng cơ chứ!

– Thế lúc ấy có ông quản ở đấy không?

– Thì chính lão ta dẫn vợ lên nhà quan giám binh mà. Lão cứ im thin thít nhưng tôi nghĩ lão căm vợ lão lắm. Thế là lão chào rồi lão rút.

– Lão cắt một mình à?

– Chứ lại hai mình. Bà quản còn «măng-giê», «cút-sê» (ăn, ngủ) trưa với quan giám chứ.

Đội Cận buồn nôn. Không phải ông chỉ buồn nôn về chuyện bậy bạ của Nô-en và vợ quản Lạp mà cả về cách kể chuyện của đội Cầu. ông im lặng cầm tập hồ sơ lương vợ lính lên giả vờ chăm chú xem. Cái tên mật thám này giở cái trò gì thế này? Đội Cận đã không lăm. Đội Cẩm mới nhận được lệnh của sở mật thám Bắc Kỳ.

Lệnh này bắt nguồn từ một tên chỉ điểm làm thợ cắt tóc ở phố Chợ tỉnh lỵ Thái Nguyên. Tên này tình cờ nghe được trong rạp hát tuồng một mẩu chuyện không đầu không đuôi giữa hai người lính khố xanh. Tên chỉ điểm hiểu rằng

giữa lính khố xanh và quốc sự phạm đã có một mối quan hệ bí mật. Quan hệ này mật thiết đến mức nào, mang màu sắc gì thì tên mật thám không nắm được vì lúc tan hát, người chen chúc, gã mất hút hai người lính kia. Gã cũng không nhận được mặt họ. Gã đành chỉ biết "lập hồ³²" gửi lên sở mật thám.

Thế là Cầu ta bị cấp trên khiển trách. Gã này nằm ngay trong trại Bô-dông mà không biết chuyện gì cả. Gã được lệnh phải gấp rút dò cho ra trong trại Bô-dông có tổ chức cách mệnh bạo động nào không? Gã sẽ phải làm "lập hồ" một ngày một lần bằng miệng và một tuần một lần bằng giấy. Đội Cầu là một tên mật thám chuyên nghề. Gã điểm công việc sáu tháng vừa qua của gã ở trại Bô-dông. Gã đặt ra hai giả thuyết. Một là lính khố

32 rapport : Báo cáo

xanh đều «trung thành» cả. Như vậy cái gã thợ cạo chỉ điểm nào đấy bịa chuyện lấy thưởng. Hai là có tổ chức cách mệnh bạo động trong hàng ngũ lính khố xanh thật. Thế thì chính gã đã bị ru ngủ liền sáu tháng trời. Và những người ru ngủ gã có thể là những người mà gã coi là «tốt» nhất. Tất nhiên mọi cái chẳng bao giờ giống nhau.

Gã phải xét lại từng người một và người đầu tiên là đội Cấn. Tại sao Cầu chọn đội Cấn? Chính vì gã biết đội Cấn đứng đắn, làm việc giỏi và được binh lính kính phục. Nếu có ai ru ngủ gã thì người ru khéo nhất phải là đội Cấn. Gã ngẩng mặt lên nhìn trộm đội Cấn. Cái mặt gã lờn lợt trắng trắng, hồng hồng, chính giữa là một cái mũi to, sần sùi như cái mào gà trội. Đội Cấn nghi ngờ gã nhưng ông nghĩ thầm rằng gã chẳng kịp

giở trò gì nữa. ông đứng dậy, buông tập hồ sơ lương vợ lính xuống bàn, chào rất nhanh và ra cửa cũng rất nhanh:

– Cái món mặc váy này thì tôi chịu. Thôi chào ông anh.

Gã mật thám vội nhổm vội lên nhưng không kịp. Gã đành đứng tại chỗ nhìn đội Cấn đi ra và khép cửa phòng lại. Cầu tức giận, nói trong cổ họng:

– A mà chẳng nể tao à? Mà coi chừng...

Đột nhiên gã căm ghét đội Cấn và muốn giở đếu với ông. Cũng vào khoảng giờ này, danh sách đội tuần, đội gác các công sở, đề lao, đội canh trại Bô-dông trong đêm nay đã đưa xuống văn phòng lập lách. Danh sách này do giám binh Nô-en ký. Đội Cấn muốn biết sớm bản danh sách ấy để tiện cho việc bố trí lực

lượng của nghĩa quân đêm nay. ông đã giao việc dò hỏi bản danh sách ấy cho đội Trường. Trường đảo vào phòng lập lách. Anh giở giọng ồm ờ với con đầm lai đánh máy chữ vài câu. Anh khen nó gầy đi (ả ta vốn nặng bảy yến) làm cho ả sượng phồng mũi. Nô-en không bao giờ có mặt ở phòng lập lách về buổi chiều cả. Hôm nay y lại có khách quý. Văn phòng vắng teo. Đội Trường lợi dụng ưu thế đàn ông, ngồi ghếch chân lên bàn đánh máy của ả đánh máy. Anh hỏi:

– Chắc năm nay, măm đen (cô) cũng không về nghỉ phép ở Pháp nhỉ?

Ả ta nhún vai, giơ hai tay xòe ra, mặt lắc lư:

– Ô, La ghe! La ghe! (Chiến tranh! Chiến tranh!). Ba năm rồi sê-ri (bạn yêu) ạ.

Kỳ thực ả ta là đứa bé vô thừa nhận, sản phẩm của cái đêm vô kỷ luật sau khi hạ thành Hà Nội của Ri-vi-e (Rivière). Cái mặt, cái nước da thì đúng là lai âu nhưng ả không được hưởng chút nào quyền tối huệ của người Pháp và tiếng Pháp ả cũng nói giỏi giang với đội Cầu. Năm nay ả đã ba mươi tuổi, ba đời chồng (một đời chồng Tây, một đời chồng Xê-nê-ga-lơ, một đời chồng Ma-rốc-can). Gã Ma-rốc-can mới đi về Pháp đánh nhau. ả được «pạt-xê» (chuyên) cho một gã cai lệ dương ở trại Xê-da-ri nhưng gã này không nhận hẳn. Gã cứ ậm à, ậm ờ, thỉnh thoảng đảo qua cầu chỉ ả một tí rồi lại thôi. Nô-en càng không thích ả. Gã này thậm cái máu "cô lô nhân"³³ rồi nên chỉ thích cái tạng gái quê vợ lính. Mà ả thì người cứ rùng rục lên như con trâu

33 colonial : người thuộc địa, tiếng lóng chỉ bọn Tây ở thuộc địa lâu thành cú thành cáo

điên. Với ả thì cai, đội, lê dương, Tây, ta, da đen, da đỏ được tuốt. Ai, ả cũng gọi là sê-ri được. ả ngả người ra tỳ cả tay cả người lên cái đùi đội Trường ghéch ngang bàn. Đội Trường vừa then vừa tởm nhưng anh phải cố thắng mình, anh choàng tay lên cái phản thít ấy và cúi mặt xuống:

– Sê-ri! Tối nay sê-ri ở đâu?

Cô ả cũng gớm:

– Sê-ri mà cũng biết đùa à?

Ả dí tay vào trán đội Trường:

– Liệu hôn.

Ả chồm lên, với trên bàn giấy một hồ sơ bìa đen. Đội Trường kệ ả ta muốn làm gì thì làm. ả mở hồ sơ xem rồi cười hi hí:

– Tối nay sê-ri ở đây rồi.

Đội Trường cũng ngả gối ghé sát vào má ả và đọc: chỉ huy gác đề lao: đội Nam; chỉ huy đội tăng cường gác đề lao: đội Giá; chỉ huy gác trại Bô-dông: đội Trường; trực chỉ huy và pích-kê lập lách: quản Lạp, đồng thời chỉ huy đội tuần tỉnh lý. Khẩu lệnh: Hỏi là Giốp (Joffre), đáp là Bắc Kỳ (Tonkin). Đội Trường cười làm duyên với ả đánh máy. Anh giả vờ cười cợt nhưng đã nhắm rất nhanh trong lòng những điểm ghi trong bản danh sách. Lát nữa anh sẽ phải đọc thật đúng cho đội Cấn nghe. ả đánh máy ôm đầy đội Trường vào bộ ngực lớn tướng của mụ, vò rối tung mớ tóc bòn chải và chột nhả:

– Nhưng mà moa không tự do.

ả nói thật. Nô-en đã dặn đêm nay ả phải lên tiếp Đờ Mác-ti-ni rồi. ả cũng

hơi tiếc cái anh An Nam đẹp trai nhưng gầy, bé này. Thôi để bữa khác! Ầ bẹo má đội Trường một cái và tổng ra cửa. Đội Trường thở phào một cái. Anh bật cười. Cả trại Bô-dông có lẽ hàng cai đội chỉ còn đội Cấn, anh và đội Giá là chưa bị con quỷ cái này lôi đi. Đến như ông cai Mánh mà còn bị «bắt» mấy lần, lần nào về cũng hết hồn hết vía. Đội Trường xốc lại quần áo cho chỉnh tề.

Anh đi tìm đội Cấn. Đội Cấn đang đứng ở cửa văn phòng lập lách. Trường tới gần và khẽ đọc thuộc lòng bản danh sách cắt gác, cắt tuần cho đội Cấn nghe. Đội Cấn đối chiếu thăm những điểm thuận và không thuận của bản danh sách này với kế hoạch nổ súng đêm nay. Không có trở ngại gì lớn! Trừ quân Lạp, các chỉ huy đêm nay đều có chân trong tổ chức binh biến. Nhưng việc vây bắt

bọn cai đội phản quốc lại khó làm cho gọn được. Bọn này không phải phiên xe-vít, chúng sẽ tỏa ra phố đi đánh bạc, đi hát cô đầu hoặc nằm líp ở nhà thổ. Như vậy cần cắt người bám sát từng đứa để không sểnh một đứa nào. Ông bảo đội Trường:

– Anh về kho đi. Nhớ làm đúng nhé.

Sau đó ông đi tìm cai Chén, một viên cai trong xéch-xông của đội Trường và dặn anh ta cách đem đạn lọt qua vọng gác để mang xuống quán Đồng Mỗ cho anh em Phấn Mễ. Cai Chén nhận lệnh đi ngay. Đội Cấn quay trở lại văn phòng lập lách. Đứng từ chỗ này nhìn qua sân giữa là văn phòng quản cơ và buồng trực của đội xơ-men. ông thấy đội Hạnh đang chân nọ đá chân kia đi đến buồng trực. Gã đi vào buồng hai tay cứ múa vung lên. Một chốc thì tiếng cãi nhau ồm ồm vọng

ra. Kỳ lạ là có cả tiếng đàn bà the thé. Ông thấy đội Cầu nắm cổ áo đội Hạnh đẩy gã say ra thêm. Gã say loạn choạng mấy bước, hụt cẳng bổ nhào xuống sân. Gã lom côm bò dậy một cách khó nhọc rồi đột nhiên lè nhè chửi toáng lên:

– Đ... mẹ thằng Cầu nhá! Mày... mày nịnh l... các mẹ mày. Mày dám... dám bảo tao là thằng uống nọ uống kia mà say nhá.

Gã dạng hai chân ra, phần thân trên ngật ngà ngật ngưỡng. Gã phân bua với cái sân vắng người:

– Các huynh xem... nó lại dám bảo... là đệ làm ô uế cái phòng đội xơ-men. ạ... ấ, ô... ấ. Mày làm như cái phòng đội xơ-men nhà mày ghê lắm phổng.

Từ trong phòng đội xơ-men, đội Cầu lại hăm hăm đi ra. Theo sau gã là những người đàn bà váy thâm thắt lưng xanh, đỏ lòe loẹt, gã say không thấy sợ, chỉ thấy tức thêm. Gã lại chửi:

– Đ... mẹ mày! Đây thì phòng, đây thì xơ-men này!

Gã vạch quần, đái tồ tồ ra cửa phòng của đội Cầu. Bọn đàn bà xô nhau chạy vào trong buồng, la hét inh lên. Đội Cầu thì tức lắm. Gã nhắm nhắm đi xuống định nện cho đội Hạnh mấy cái tát. Đội Trường từ đâu bỗng chạy lại. Anh ta gỡ tay đội Cầu ra và dìu gã say đi về phía y xá. Gã say vẫn vừa đi vừa chửi giọng ngọng lú ngọng lô:

– Đ... mẹ nó chứ! Nó lại chửi ông là liếm đít Tây! Thế còn nó thì liếm đít chó à. ông mà là ma cô thì mày cũng là chó

săn. Đ... mẹ mày! Đ... mẹ tao! Đ... mẹ
tuốt tuốt!

Gã chửi réo lên, chửi thằng Cầu, chửi
thằng Lạp, chửi tất cả những thằng đội,
thằng cai, thằng lính trong trại Bô-dông.
Gã hay giao du với loại đàn bà bất chính
nên gã học được cách chửi ngoa ngoắt
của họ.

Từ cái tục tĩu ấy đội Cấn chợt nhìn
thấy một khía cạnh đáng chú ý. ở đây
chẳng những con người bị biến thành
những cái máy giết người mà trước đó đã
bị đẩy xuống đáy tận cùng của sự sa đọa.
Những con người như đội Hạnh dám ăn
nằm với cả chị em ruột thịt của y một
cách thản nhiên. Cái phòng đội xơ-men
chỉ yên lặng được vài phút đồng hồ rồi
tiếng chí chóc cãi nhau lại om lên. Đội
Cấn nhìn thấy những người đàn bà xỉa
xói vào mặt đội Cầu. Gã ta thì cứ đấu dũa

nhưng càng đấu dịu những người đàn bà càng to tiếng.

– Chúng tôi chẳng công trái công phải gì cả. Tiền là máu là thịt của chồng tôi. Nhà anh đừng có hòng chấm mút vào.

Gã mặt thám vẫn đấu dịu:

– Nào có phải tôi muốn thế. Cái này là nhà nước vay để đánh nhau với giặc Đức. «Rồng Nam phun bạc đánh đổ Đức tặc» mà. Các bà hãy nhìn cái tranh bố cáo này.

– Chẳng rồng rắn lươn lẹo gì cả. Ruộng đã không có một miếng cắm liềm lại còn cướp sống cướp chín mấy đồng nuôi con.

Đội Cầu cổ dàn xếp:

– Các chị hãy cứ tạm lĩnh thế này đã rồi tôi sẽ xin quan giám binh miễn món công trái cho các chị sau.

Bọn đàn bà khăng khăng không nghe. Họ vây quanh bàn giấy đội Cầu, hai tay đập đen đét vào mọi chỗ bắn rồi xĩa xỏi vào mặt gã mật thám. Đến mức này thì gã nổi cáu. Gã nắm tay một người đàn bà đang xĩa vào mặt gã. Gã đẩy bàn tay ấy ra nhưng người đàn bà giật tay, lại xĩa vào mặt Cầu. Gã đứng dậy, xô bọn đàn bà, định bỏ đi nhưng một người vợ lính nắm được cổ áo gã kéo lại. Người đàn bà kéo mạnh, vải áo lính dai quá không rách nhưng cổ áo thít chặt cổ gã mật thám. Đội Cầu không nhin được nữa, gã tát luôn người đàn bà một cái và thế là cuộc ẩu đả nổ ra giữa gã và đám vợ lính có chồng sang Tây. Gã không chống lại nổi những người đàn bà đang nổi máu

giận. Gã bị đánh văng cả bút, cả khuy-xông «Hoa lựu» cài ở ve áo. Nhưng gã đánh trả cũng gớm. Gã giọt giày xăng đá vào cả những người đàn bà làm cho họ vừa kêu vừa thở hổn hển. Cuối cùng gã bỏ chạy ra được khỏi phòng đội xơ-men. Những người đàn bà đuổi theo, ném gã bằng cả sổ sách, tiền nong, lọ mực, bàn thấm... tất cả những gì họ vớ được. Lúc bấy giờ, quản Lạp từ boong-ga-lô đi xuống, theo sau quản Lạp là giám binh Nô-en và mấy người lính. Đội Cấn nhìn thấy viên đội sen đầm Bơ-de và mấy thằng lính sen đầm đi từ cổng chính vào. Chắc Nô-en đã gọi điện thoại cho sở sen đầm về vụ rối loạn này. Lính tráng từ cuối trại nghe tiếng âm âm cũng kéo đến. Nô-en ra lệnh cho quản Lạp:

– Bắt mấy con mẹ này giao sang sở sen đầm!

Những người lính của quân Lạp xông vào vạy quặt tay những người đàn bà sau lưng. Một số người đàn bà đã bị giật tung cả yếm, vú để ra thốn thẹn. Một số binh lính có dự âm mưu binh biến nhìn về phía đội Cận nhưng ông sẽ lắc đầu. Tất cả đứng nhìn bọn Bơ-de dẫn những người vợ lính ra cửa. Họ sợ hãi, không ai dám lên tiếng chửi nữa mặc dù những thằng lính sen đầm lôi họ đi xềnh xệch. Nô-en mắng đội Cầu:

– Có mấy con đàn bà mà mày cũng không trị nổi thì mày chỉ huy lính thế nào được.

Gã giơ tay định tát cho tên mật thám một cái rồi nghĩ thế nào lại thôi. Gã xua tay đuổi lính tráng đâu về đó.

Chương 9

Đúng năm giờ chiều, Lý đem sáu đôi quang mới vắn bằng thùng đến ô-ten của Ngoan. Đây chính là số thùng để tổ chức bí mật trong tù buộc thành hai chiếc thang dây. Chiều nay không thấy con mụ quản Lạp bén mảng đến ô-ten. Ngoan đã đảo qua nhà mụ thấy mụ thiếp đi mê mết sau trận ăn ngủ tay ba với hai thằng Tây trên boong-galô. Thật là may! Ngoan nói với bà Nhiều Bảy giết cả hai con lợn nuôi để dành cho

dịp này. Những người đàn bà làng Vân Cốc thổi luôn hai lượt cơm. Cả Lý và Ngoan cũng lăn vào nắm thành những nắm cơm to. Giữa mỗi nắm cơm họ nhét một miếng thịt lợn rang mặn. Mọi việc làm xong rất nhanh. Họ muốn gánh cơm đến đề lao đúng lúc năm rưỡi chiều. Giờ này, Lô-ép đi ăn cơm ở nhà xéc Tây. Chỉ có từ năm rưỡi đến sáu giờ là viên giám ngục ấy vắng mặt ở đề lao.

Chiều nay, Lý bối rối xúc động vì mừng quá. Lý vừa ở Phấn Mễ về. Thợ mỏ trên Phấn Mễ biết tin lính khố xanh nổ súng đêm nay thì rất mừng. Họ có một số là dư binh Đề Thám đội tên giả lẫn vào làm thợ trong mỏ than; họ còn giữ được một số súng. Họ chỉ bàn trong một lát rồi quyết định cùng nổi dậy. Họ bảo Lý: "Nếu binh lính không nổ súng thì anh em ta vẫn cứ nổi dậy cơ mà". Ngay

sau đó, họ bắt hai thằng cai Tây, trói lại, ném lên thùng xe goòng đẩy vào thù lò số một (sâu nhất), rồi đánh sập cửa thù xuống. Một số thợ mỏ khác lên văn phòng mỏ rồi đồn bọn ký ta vào nhà xí nhốt lại. Họ mở kho của mỏ, lấy được hai hòm mìn dẻo, bốn cuộn dây coóc-đô [Dây mìn cháy chậm] và một hộp kíp. Thế rồi cắt một số người ở lại canh gác khu mỏ, số còn lại, đông hơn, bọc súng vào chiếu thành từng bó gánh về Thái Nguyên. Họ đi từng tốp nhỏ như những người sơn tràng mang theo những bó lưỡi của cá mập. Bây giờ họ đã nằm trong cánh rừng phía tây tỉnh lỵ Thái Nguyên rồi. ở đây họ gặp những dư binh Đề Thám làm ăn quanh tỉnh lỵ cũng đến lẻ từng người cho khỏi lọt vào tai mắt của địch.

Lý vừa làm vừa kể cho Ngoan nghe. Cả hai cùng thấy rạo rức cả người. Năm

giờ hai mươi phút, Ngoan, Lý và mấy người đàn bà Vân Cốc đặt đòn gánh lên vai. Họ đến cửa đề lao lúc năm giờ bốn mươi. Đội Nam đã đứng chờ họ. Những người đàn bà im lặng, đi rất nhanh vào sân trong đề lao. Họ đi theo những hành lang âm, tối tăm và sâu hun hút.

Vào đến sân giữa, đội Nam đặt luôn hai người lính khố xanh đứng chặn hai đầu sân, chỗ có những đầu hành lang dẫn từ sân giữa vào khu chỉ huy trung tâm của đề lao. Hai người lính này có chân trong tổ chức làm binh biến và họ là những người đã được thử thách lòng trung thành. Sau đó, đội Nam vẫy Ngoan và Lý. Ba người im lặng đi vào một hành lang hẹp, sâu thăm thẳm. Hành lang này nối với khu đề lao nhốt quốc sự phạm và giữa khu nhốt quốc sự phạm có xà lim giam tù cấm cố. Cuối hàng lang có một

phòng nhỏ dùng làm phòng đốc gác. Đội Nam để hai người đàn bà ở lại phòng này. Anh đi vào khu giam quốc sự phạm một mình. Chỉ một lát sau, anh đã quay trở lại dẫn theo một người nữa. Người ấy là ông già mang số tù 71.

Mặc dù tổ chức bí mật trong khu vực quốc sự phạm chưa có nề nếp nhưng do thái độ chính trị của từng người, số quốc sự phạm vẫn chia làm ba khối người rõ rệt. Một số ít quay ra làm tay chân cho mật thám làm chỉ điểm cho chúng. Một số án ít năm, tinh thần mềm yếu, nằm im chờ ngày hết hạn ra tù. Số đông vẫn giữ bền chí lớn.

Ông già số 71 thuộc loại người này. Họ quý mến ông về thái độ bất khuất trước bọn cai ngục người tây lai và tên giám ngục Lô-ép. Họ quý mến ông về đức tính điềm đạm ít nói, một biểu hiện

của lòng can đảm. Họ tin cậy ông về sự hiểu biết rộng rãi. Đó là một khối óc đã thu nhận được nhiều kiến thức từ những cuốn sách và từ cuộc sống chiến đấu ròng rã hai chục năm trường. Và cuối cùng là sự hấp dẫn của một con người có hành tung bí mật, có một dĩ vãng chắc chắn có nhiều điều kỳ lạ nhưng ông không hề nói lộ ra một chi tiết nào dù là nhỏ nhất.

Đội Nam đưa ông già vào phòng đốc gác theo lệnh của đội Cấn với mục đích để Ngoan truyền đạt lời đội Cấn tới người cầm đầu quốc sự phạm trong đề lao Thái Nguyên. Nhưng khi ông già bước vào, ông ta đứng sững lại nhìn Lý chăm chăm và cô gái cũng hết sức xúc động nhìn người cha tiêu tụy của mình. Lý quờ tay nắm chặt lấy tay Ngoan, thều thào:

– Chị! Cha em đấy.

Ông già cũng nói rất khẽ với đội Nam:

– Con gái tôi đấy.

Hai người từ từ lại gần nhau. Lý tự nhủ: «Đừng khóc, đừng khóc!» Cô biết cha cô rất không bằng lòng nếu cô khóc. Nhưng cuối cùng Lý vẫn không giữ nổi hai hàng nước mắt ứa ra lăn nóng trên má cô gái. ông già không tỏ vẻ bực mình. ông dịu dàng cầm tay con và cười buồn... ông già cắt đứt giây lát ngăn ngại biểu lộ tình cảm ấy. Ông bảo đội Nam:

– Ai là người thay mặt ông Cấn.

Đội Nam chỉ vào Ngoan. ông già cúi chào. Ngoan nói:

– Đêm nay chúng tôi nổ súng lúc mười một giờ.

– Nghĩa là kèn tắt đèn xong lâu rồi.

– Vâng. Kế hoạch nổ súng như cũ nhưng bên này cần đề phòng bọn Tây sát hại.

– Tôi sẽ nói lại với những người thủ lĩnh của chúng tôi.

Ngoan đồng dạ nhắc lại:

– Đúng mười một giờ đêm nay!

Ông già lập tức nói với đội Nam:

– Tôi cần được gặp ông ba Quyến.

Đội Nam vốn rất phục Lương Ngọc Quyến. Anh ta thường nghe thấy quốc sự phạm ví Lương Ngọc Quyến với Nápô-lê-ông và coi ông là tướng tài của Việt Nam. Đội Nam nghĩ một lát rồi bảo ông già:

– Gặp ở đây không tiện. Nên bàn việc ngay trong xà lim cấm cố thì hơn.

Ông già bằng lòng. ông bảo Ngoan:

– Tôi được lệnh báo với ông Cấn rằng anh em quốc sự phạm sẽ hưởng ứng, dư binh Đề Thám sẽ hưởng ứng.

Ông nhìn con gái. Lý hiểu ý cha cũng nói ngay:

– Đã có ngót hai trăm tay súng phục sẵn ở cuối tỉnh lỵ.

– Bà nói ngay với ông Cấn cho tôi biết ai là người được cử chỉ huy ở đề lao.

Đội Nam nói luôn:

– Thừa cụ, chính là ông ba Quyển. Anh Cấn đã ra lệnh cho tôi đem xích-xông gác đề lao đêm nay đặt dưới quyền chỉ huy của ông ba.

Ông già nghiêm trang ngẫm nghĩ. Trên khuôn mặt già nua mệt mỏi ấy vẻ kiên nghị sắc sảo vụt hiện lên khiến cho nét mặt tươi hẳn ra.

– Càng tốt! Ta vào xà lim cấm cố đi!

Đội Nam dẫn ông già đi. Đột nhiên, không khí hành động căng thẳng xâm chiếm tâm trí của ông già và hai cô gái. Ngoan và Lý cũng quay về với phần việc của hai người.

Đội Nam giữ ý không dự bàn với ông già 71 và Lương Ngọc Quyến. Người đội khố xanh ra đứng ở cửa khu xà lim cấm cố. Anh đã được hai người tù cho biết là họ sẽ bàn rất nhanh thôi. Đúng là họ bàn rất nhanh và họ bàn ngay vào những điều quan trọng nhất.

– Lính khố xanh sẽ diệt tên giám ngục và hai thằng cai lai.

– Phải làm thật gọn để còn đánh chiếm các công sở tức khắc đấy.

– Chúng tôi sẽ làm hết sức gọn. Anh em sẽ đem nốt bọn cai ngục vào đây!

– Phải trói và nhét giẻ vào mồm cho chúng không kêu được!

– Vâng. Chúng tôi sẽ trùm chặn «làm êm» bọn tù chỉ điểm.

– Cụ nhắc ông Thấu và ông Vịnh làm khéo đừng để bên tù thường nghe thấy động.

– Cũng chả sao. Sẽ có mấy anh em khố xanh giữ trật tự bên đó. Sẽ cắt anh em có chân trong cuộc nổi dậy và chắc phần lớn tù thường sẽ theo chúng ta. Còn ông Thấu, ông Vịnh thì chắc ông Cấn đã dặn dò riêng kỹ càng rồi. Hai ông ấy là anh ruột bà Cấn đấy.

Lương Ngọc Quyến sửng sốt. Ông nghĩ rất nhanh và càng thấy sự thận trọng của đội Cấn rất đáng quý. Một lát sau ông nói:

– Tốt rồi! Thế thì tốt rồi!

Sau đó, ông tập trung sự suy nghĩ về một vài điều khác. Lương Ngọc Quyến chau mày suy nghĩ mặc dù phần kế hoạch nổi dậy của quốc sự phạm và lính khố xanh ở đề lao xem ra không có trở ngại lắm. ông nghĩ một lát rồi hỏi ông già:

– Tôi còn hai điều mà tôi nghĩ suốt chiều nay nhưng bây giờ vẫn áy náy.

– Xin ông cứ nói.

– Vâng, tôi xin nói. Trưa nay, ông Cấn và tôi đã xem lại tỉ mỉ kế hoạch nổ súng. Nhưng tôi nghĩ lại thì thấy chưa

chen cũng được bọn Tây lê dương bên trại Xê-da-ri.

– Có phải trại lê dương ở con đường ven sông không?

– Vừa ven sông, vừa giữa tỉnh lỵ.

– Ấy thế. Chúng nó có thể tiến ra nhanh chóng để bảo vệ khu công sở. Chúng nó sẽ tiến ra bằng đường qua vườn hoa Dây Thép.

– Nhưng chúng ta có thể từ đề lao đánh chen chúng ngay ở phố nhà thương.

– Cho nên giờ nổ súng và giờ tiến quân của các bộ phận phải thật khớp nhau.

Ông già tù muốn nhìn Lương Ngọc Quyến nhưng đêm đã xuống và khu xà lim đã tối mò rồi. Ông già chỉ đoán

rằng người bạn đáng kính của mình đã suy nghĩ rất lung và ông ta đang lo lắng về một khâu còn yếu trong toàn bộ kế hoạch khởi nghĩa.

– Có lẽ ta phải làm thật nhanh rồi tiến ra đánh chẹn trại Xê-da-ri? - ông già số tù 71 hỏi ướm.

Lương Ngọc Quyến không đáp. Ông cầm lấy tay người tù già và nắm chặt lấy. Một mối giao cảm truyền chéo giữa hai người nhanh và bén như một luồng điện.

– Tôi xin đảm nhận việc ấy! - ông già nói.

Lương Ngọc Quyến bóp chặt tay đồng chí của mình thêm một lần nữa thay lời cảm ơn. Ông già 71 móc trong bọc ra một khẩu súng lục đưa cho Lương Ngọc Quyến:

– Bác Vịnh ra lệnh cho tôi đưa ông khẩu súng này để ông giữ mình. Anh em chúng tôi có cất giấu được một số vũ khí và đã chuyển vài khẩu về để chờ dịp này.

Lương Ngọc Quyến cầm khẩu súng lên xem. Đột nhiên không khí chinh chiến trở về trong tâm hồn người chiến sĩ. ông mơ màng nghĩ đến lúc sẽ lại tung hoành bốn phương hồ thỉ.... Lương Ngọc Quyến nắm chặt tay ông già 71. Ông nhìn thẳng vào đôi mắt già nua nhưng vẫn có lúc ánh lên trẻ trung.

– Tôi đã ba lần được cụ gửi thuốc cho. Ba lần thuốc quý không phải bất kỳ người bình thường nào cũng có được.

Ông già xiết lại tay Lương Ngọc Quyến và đáp lại:

– Ông đoán đúng. Nhưng phần tôi thì tôi rất sung sướng khi được biết ông Cấn và ông sẽ xuất quân. Thật đấy, những bậc sĩ quân tử có phải lúc nào cũng có đâu. Chỉ tiếc là tôi được biết các ông chậm quá.

Rồi ông già mang số tù 71 ra khỏi xà lim cấm cố.

Chương 10

Khoảng hai mươi giờ rưỡi, đội Cấn đi tìm cai Mánh. Có tiếng đàn bầu và tiếng hát sẩm ở cái sân nhỏ mãi cuối trại Bô-dông. Chắc "xếp tiêu sâu" có mặt ở đây. Quả nhiên có cai Mánh ngồi giữa đám lính. "Xếp tiêu sâu" đang đệm đàn bầu từng từng cho bài sẩm do chính anh ta đặt ra: "Tây... thì... già; Tây... thì già! Ai ơi mà có sợ, có sợ cái ông, chứ Tây thì già!" Đám lính khố xanh ngồi vây quanh cai Mánh để luôn: "Già thì ra

làm sao?" Tiếng hát tiếp của cai Mánh: "Người ta ối a hể già là chống gậy Chú cái ông Tây già, càng già càng nổi máu dê". Tiếng đế của lính khố xanh: "Càng già càng nổi máu dê Càng già càng nổi máu dê". Tất cả cười phá lên.

Bài hát này ít lâu nay là bài hát được phổ biến ở khắp tỉnh lỵ Thái Nguyên và cả ở các đồn khố xanh khác trong tỉnh. Đám trẻ con ở các trại con gái cứ ối a luôn mồm "cái thằng Tây già". Chúng nó hát cả những khi có mặt bọn sĩ quan Tây trưởng đồn làm cho bọn này tức điên lên. Những tên sĩ quan an ninh của các trại phóng bọn tay chân đi dò xem ai là người làm ra cái bài hát quái quỷ ấy. Nhưng cái thứ bài vè, bài sấm ấy thì sao mà biết được ai là tác giả! Sau bài Tây già, đám lính khố xanh hát bài vè "Chú lính tập" theo điệu hát dặm Hà Tĩnh: "Các

chú tập binh Chú ở An Nam sinh Chú ở An Nam trưởng Chú sung chú sướng Chú phả, chú phê Chú mãn hạn về Thuế sưu chú chết Họ hàng chú kiệt quệ Anh em chú xác xơ Ruộng một tấc chẳng có Chú nghĩ đã biết chưa? Tây ớn gì chú Tây thương gì chú Tây đưa chú sang Tây Lúc đi đủ chân đủ tay Lúc về hai chân đi trước Chú lính tập binh Thân chú là thân chó".

Đám lính hát hậm hực như muốn trút cả những nỗi niềm tủi cực chứa chất trong lòng. Bài hát tưởng như vui nhưng thực ra ý nghĩa của nó cửa ngọt vào ruột gan những anh lính tập. Đội Cấn lặng ngắm khuôn mặt thật thà của quyền Nhiêu. Cái anh dân quê bỏ làng đi lính này, so với bọn ông, đỡ bị dày dạn trong đời sống lính tráng rất nhiều. Anh ta vào lính là gặp ngay những người chỉ huy

như ông, như cai Mánh, chẳng những không hành hạ anh mà còn che chở cho anh. Nhưng tại sao anh đi theo tổ chức khởi nghĩa một cách nhanh chóng và dứt khoát thế? Thì ra những con người như quyền Nhiêu - đến bây giờ đội Cấn mới hiểu rõ - đã mang sẵn trong lòng một kho thuốc súng, chỉ chờ dịp châm lửa là bùng nổ.

Đó là điều đáng chú ý bởi vì có những người như đội Trường đến giờ phút quyết liệt rồi mới gán được chuyện riêng với chuyện công. Quyền Nhiêu đăng lính được ít ngày, đội Cấn đã chú ý đến sự thành thực chất phát của anh và ngược lại Nhiêu rất quý tính đứng đắn rộng lượng của đội Cấn. Nhiêu dần dần thân thiết như người em ruột của đội Cấn vậy. Anh đã nhiều lần tâm sự với ông và đội Cấn càng hiểu càng thương

quý anh ta. Quyền Nhiêu là một con người rất nghèo một làng ở ven sông Lô, loại người không có chút vai vế quen gọi là loại bạch đình. Anh là con cả, mẹ mất sớm, chỉ có tình thương ở người cha già gần lẫn cấn và cha con sinh sống bằng hai sào ruộng hương hỏa. Năm Nhiêu mười tám tuổi, một cô gái con một ông già đến ngụ cư ở làng anh, phải lòng anh. Quả thực Nhiêu cũng đáng yêu, anh có miệng cười rất hồn nhiên phô hàm răng nhuộm đen lóng và vóc người vạm vỡ phương cường. Cô gái thì đẹp, có thể nói là vào hạng nhất nhì trong làng. Trai làng không ai nào không mê tíu cô gái. Anh nào cũng muốn bắt nhân ngãi nhăng nhít với cô nhưng không có ý định cưới cái đứa con gái thẳng ngụ cư làm vợ. Mà chẳng những trai làng, ngay các lý lịch, hương hội trong làng và thậm chí cả thầy chánh tổng đã ba vợ cũng có ý bõm xõm

với cô gái. Nhưng cô gái ấy tuy nghèo mà tỏ ra nết na. Mỗi tình giữa cô và Nhiều thật trong sạch. Hai ông già thì rất vừa lòng và muốn vun đắp cho hai con. Hai nhà đã định tết năm ấy cho các con ra ở riêng. Nào ngờ, một đêm, tây đoan ập vào nhà Nhiều, trói cha con anh lại. Thầy chánh tổng đưa lính đoan ra ruộng nhà Nhiều tìm thấy – Ô, kỳ lạ thay! – Có đây đủ nôi, ống nấu rượu.

Thế là cái tội nấu rượu lậu ấy, Nhiều trả bằng sáu tháng tù, cha Nhiều trả bằng cái chết ồm vì uất ức trong lao. Khi Nhiều mãn tù về làng, cô gái đã về nhà thầy chánh làm làng hầu. Ngày cô ta đi làm đồng, đêm thì cô ta hầu hạ đấm bóp cho thầy chánh. Nghe đâu ba bà vợ thầy chánh ghét cô gái lắm, họ hòa nhau đánh cô ta luôn luôn, có lần họ còn giả vờ tuột tay hắt cả nồi canh cua lên đùi cô ta làm

cho cô gái phải kiêng lên nhà thương chữa hàng tháng.

Hai sào ruộng nhà Nhiều bị lão chánh tổng cầm mất "cho nó vuông vức cánh đồng" nhà lão. Mất ruộng là mất điều bảo đảm nhỏ bé nhất cho sự tồn tại của loại dân quê nghèo như Nhiều. Một đêm anh thê độc và Nhiều đã giật đổ cái túp lều lụp xụp rồi bỏ làng ra đi. Anh ra đi chính là để tìm quyền làm người của mình tuy anh không hiểu đến mức tường tận như vậy. Đó là một con người chăm chỉ, đôn hậu, yêu ai thì chân thành, ghét ai như đào đất đổ đi và anh hồn nhiên hết sức. Đội Cấn còn nhớ khi quyền Nhiều mới đăng lính. Anh ta làm mọi công việc cực nhọc trong đời lính tráng một cách chu đáo như lúc anh chăm vườn chăm ruộng nhà mình. Anh ta cần cù kỹ lưỡng (anh ta bảo có thể mới gia dụng) và đôi khi

còn cười lên hơ hớ rất tự nhiên.

Tháng đi lính thứ hai của quyền Nhiêu lại đặc sắc ở những buổi tối anh ta đi tập xe đạp. Hồi bấy giờ xe đạp hiếm lắm. Cả tỉnh chỉ có quan công sứ có một chiếc xe tư để đi chơi trong tỉnh lúc buổi chiều. Xe công có độ mười chiếc của sở sen đầm dùng cho sen đầm đi «roỏn» [Đi tuần quanh.]. Một chiếc nữa của lão phắc-tơ đưa thư cho nhà Dây Thép. Hiếm như thế cho nên khi có một anh chàng từ Hà Nội lên, mở một cửa hàng sửa chữa xe đạp và cho thuê xe đạp thì lập tức cái cửa hàng của anh ta thành chốn ăn chơi, hẹn hò. Người ta rủ nhau đến đấy nói chuyện với nhau toàn bằng tiếng Tây bồi. Mấy ông phán tòa sứ mặc âu phục thắt cả ca-vát khi tập xe đạp. Mấy ông giáo trường Pháp - Việt Nam - Nữ tiểu học thì dắt hai vạt áo the vào cặp quần trước khi

nhảy lên con ngựa sắt bất kham. Giới nữ thì trừ những cô ả đào liều mạng ra, còn chính mấy mẹ me tây già cũng phải chịu cái "mốt" quá ư mới ấy.

Quyền Nhiêu mở đầu cách chơi này trong đám khố xanh, khố đỏ Thái Nguyên. Bao nhiêu lương, Nhiêu ném tuốt vào cái cửa hàng xe đạp, và anh tập cưỡi con ngựa bất kham ấy với tất cả sự thích thú, hăng hái, vui vẻ, tươi trẻ của anh ta. Cả khu Ba toa còn truyền mãi cái chuyện chú lính hồn nhiên đánh vật với cái xe đạp, ôm cả xe nhảy xuống ao bèo và sau mỗi buổi tập quần áo tả tơi, trầy đầu gối, trầy khuỷu tay nhưng mặt mũi hỉ hả đắc thắng một cách hết sức hồn nhiên. Cũng chính ở phố Ba toa, quyền Nhiêu đoạn tuyệt với cái thú chơi của anh ta sau khi đã đi xe đạp bỏ được hai tay không cầm vào ghi đông. Anh ta nói

gọn lỏn: "Hơn đứt lão chánh tổng rồi!" Thế là thôi, quyền Nhiêu không thềm lai vãng đến trung tâm "ăn chơi" là cái cửa hàng xe đạp kia nữa.

Kỳ thực dưới vẻ bề ngoài rất hồn nhiên ấy, quyền Nhiêu nung nấu mối thù nhà và anh có một lòng yêu nước rất đổi chân thành. Lòng yêu nước ấy vun đắp từ tình yêu xóm làng, bờ tre, dậu mùng toi, từ tiếng gà yên lành buổi sáng đến tiếng thoi đêm gieo lách cách. Những con người như quyền Nhiêu cần được huy động vào công cuộc giải phóng đất nước.

Đội Cận suy nghĩ và cảm thấy đây chính là một vấn đề quan trọng mà xưa nay ông chưa hề biết, chưa hề nghĩ tới. Cai Mánh nhìn thấy đội Cận. «Xếp tiêu sấu» chuyển nhẹ cái đàn bầu cho người lính ngồi bên cạnh. Anh chờ một lúc rồi

kín đáo rút ra khỏi đám người ồn ào và lại gần đội Cấn.

– Bộ chỉ huy đặt ở quán cụ Quát. Chú lấy một số anh em đến bảo vệ.

Bộ chỉ huy gồm bốn người: bác Vĩnh thay mặt quốc sự phạm nhưng hiện vẫn còn ở đề lao, cụ Quát thay mặt dư binh Đề Thám, bác Khải thay mặt thợ mỏ Phấn Mễ, đội Cấn thay mặt lính khố xanh làm binh biến và là người chỉ huy cao nhất của cuộc khởi nghĩa đêm nay. Bộ chỉ huy có Lương Ngọc Quyến nữa nhưng ông cũng đang chỉ huy trực tiếp cánh quân bên đề lao. Ngoài ra còn mấy nghĩa binh có mặt để sẵn sàng làm nhiệm vụ truyền lệnh đi khắp nơi. Đúng hai mươi một giờ! Có tiếng kèn giới nghiêm ở cả hai trại Bô-dông và Xê-da-ri. Họ bày ra trên chiếu tiền nông bát đĩa làm như đang sát phạt nhau trong một canh sóc đĩa đầu kỳ

lương. Đội Cận duyệt lại tình hình:

– Đơn vị khố xanh của đội Nam, đội Giá và quốc sự phạm đã bí mật bố trí đánh chiếm gọn đề lao rồi sẵn sàng đánh chẹn không cho bọn lê dương ở trại Xê-da ri nổng ra.

– Dư binh Đề Thám và thợ mỏ Phấn Mễ chiếm lĩnh cánh rừng bát ngát phía đông và nam tỉnh lỵ. Họ phải đảm nhận việc chẹn bắt những tên giặc sống chạy về phía Hà Nội. Đồng thời họ cũng phải chẹn giữ không cho viện binh giặc kéo vào tỉnh lỵ.

– Trong trại Bô-dông, việc bố trí chiếm kho súng, diệt Nô-en và bọn tay chân đã xong. Ngoài tỉnh lỵ, những đơn vị đánh chiếm các công sở đã sẵn sàng chờ lệnh xuất phát.

– Việc cơm nước, may cò, dán bổ cáo giao cho Ngoan, Lý và những người đàn bà làng Vân Cốc. Cụ Quát giở lá cò, lá cò đỏ có năm ngôi sao trắng. ông cụ giữ tung nếp gấp, lá cò tỏa rộng và mùi vải mới thơm thơm.

Đội Cấn cảm động nâng lá cò lên ngực. Khoảng hai mươi một giờ rưỡi, đội Trường cho người đến báo cáo:

– Trại Bô-dông hoàn toàn yên tĩnh. Con đằm lai đánh máy đã mò lên boong-ga-lô rồi. Đèn trên đó chỉ còn thắp ở một, hai phòng. Không thấy Nô-en và Đờ Mác-ti-ni đi đâu cả. Như thế là hai gã giám binh vẫn ở trên đó.

– Chánh quản Lạp đảo qua phòng chỉ huy lập lách rồi đi về nhà riêng ở chân đồi. Có tiếng anh ả cãi nhau to vì chuyện ghen tuông dính líu đến cuộc quần nhau

tay ba ở boong-ga-lô hồi chiều.

– Đội Cầu không đi đâu cả. Gã nằm khoèo trong chiếc giường sắt nhỏ kê ngay trong phòng đội xơ-men. Gã ư ử ngâm bài thơ in trong tờ tạp chí Nam Phong số mới nhất mới gửi đến Thái Nguyên trong chuyến xe thư buổi chiều. Gã không còn biết ngoài trời mưa hay tạnh.

– Riêng đội Hạnh thì biến mất. Lúc hai mươi giờ rưỡi gã còn ngủ li bì trong y xá nhưng hai mươi một giờ thì giường đã trống không. Cái thằng này vốn có cái tính nát rượu kỳ dị như thế, gã say đột ngột và gã tỉnh cũng đột ngột. Đội Trường đã về phòng riêng của đội Hạnh tìm gã nhưng cửa phòng gã khóa trái. Gã cũng không có mặt ở phố Ba toa. Mấy nhà số chẵn có khách hát đều là mấy ông giáo trường Pháp - Việt hàng tỉnh. Mấy nhà số lẻ thì khách là những tay phán

sự trẻ tuổi của tòa sứ, của nhà Dây Thép và của phòng Thủy Lâm khao nhau sau khi đã cấp một giấy phép mở «cúp» khai thác gỗ rừng Vũ Nhai, Đình Cả.

– Mấy thằng tay chân gian ác của đội Cầu thì về ngủ cả rồi trừ một thằng thuộc "xếch xông" của đội Trường. Đội Trường đã cắt hai người lính có chân trong tổ chức binh biến bám gã rất sát. Hễ lúc khởi sự gã mà ho he là thọt nghiêng.

Đội Cấn vội ra lệnh cho đội Trường và đội Giá:

– Hai anh phải cử người tinh tường đi lùm cho được thằng đội Hạnh. ông nhấn mạnh phải cử người tinh tường. Hễ gặp thằng Hạnh thì tìm cách kéo gã đi chơi xa trại Bô-dông, nếu cơ hội tốt thì diệt luôn. Diệt xong phải báo cho bộ chỉ huy biết ngay.

Khoảng hai mươi hai giờ, nghĩa binh cánh rừng Đồng Mỗ báo tin họ bắt được bốn thằng khố vàng và gã ấm Hỷ. Họ xin dành bọn này đến sáng sớm mai đem chém đầu làm lễ tế cờ. Đội Cấn không đồng ý, ông bảo cái thứ hủi chúng nó có đem tế cũng chỉ làm bắn cờ. Ông ra lệnh trói chặt mấy thằng khố vàng lại, còn thằng ấm Hỷ thì bắt nó dẫn về dinh bố chánh, chiếm lấy dinh này và dinh án sát cũng ở kế bên. Người chỉ huy cuộc đánh chiếm là cụ Quát. Đội Cấn ra lệnh cho ông già đi ngay, ông phong chức cho cụ già chủ quán là đô đốc cánh quân bên phải. Thế là cụ đô đốc mặc áo nâu ấy đeo súng lục ngang lưng ra đi. Trước khi đi, ông cụ còn chào theo kiểu nhà binh riêng của ông cụ là chấp tay vái lia vái lịa những người bạn trong bộ chỉ huy làm cho họ phì cười vui vẻ.

Khoảng hai mươi hai giờ rưỡi, cái cửa thông xuống bếp bỗng nhiên động đậy. Bộ chỉ huy cùng ngoảnh cổ nhìn về phía đó. Cánh cửa từ từ mở hé ra để lộ cái mặt trắng xanh nhưng hết sức gian xảo và trai lơ của đội Hạnh. Gã nhăn răng cười, mắt đảo lia lịa nhìn cái quán với bàn sóc đĩa ba người. Gã cười, gã không bước vào hẳn trong gian quán mà cứ đứng ở cửa bếp. Gã hỏi:

– Các ông cũng sát phạt nhau thì lạ nhỉ?

Đội Cấn định rút súng lục giấu trong túi quần nhưng ông ngừng tay vì ông nhìn thấy thằng Hạnh đã chìa cái tay phải vẫn giấu ở sau lưng gã ra trước mặt. Tay gã có khẩu súng lục "oóc-đon-năng". Gã hết say rồi, khẩu súng trong tay gã không thấy run rẩy.

– Thế nào chú Hạnh! Chú đi đánh bạc mà cũng đem cả súng đi à? Kiểm ở đâu đấy!

– Ông quản giao cho tôi đấy. Mà bác cũng có súng kia đó thôi. Bác chả giấu nó trong túi quần là gì.

Gã cười. Những người kia cũng cười.

Tất cả những cái cười ấy không thật và họ đều chưa biết nên hành động thế nào. Phe đội Cận không dám ra tay trước vì ở thế bất lợi. Gã Hạnh thì cảm thấy sợ vì cô thế. Gã cười và những người kia cũng cười... Thực ra đội Hạnh chỉ bịp. Lúc gần tới hai mươi một giờ. Gã thấy khát nước và gã đã mò đi kiếm một hộp nước. Tìm nhiều nơi không có nước uống, gã liền đến phòng đội xơ-men. Trong trại Bô-dông thì chỉ ở phòng chỉ huy lập lách và phòng đội xơ-men là lúc nào cũng có

nước uống. Đội Hạnh sức nhớ chuyện xô xát lúc chiều với đội Cầu, gã nhớ rằng đội Cầu định đánh gã mà lại định đánh trước mặt mấy ả vợ lính đến lĩnh lương. Gã chửi thăm một câu rồi định quay đi nhưng sau nghĩ đi nghĩ lại, gã rón rén trèo lên thêm ghé vào phòng. Đội Cầu đi đâu chưa về. Thật là dịp may hiếm có, đội Hạnh lén luôn xuống phòng đội xơ-men. Gã định thủ quyển sổ trực tuần đem vứt bég đi cho thằng kia chết. Nhưng trên bàn giấy của đội Cầu không thấy để quyển sổ đó. Đội Hạnh liều mạng rút ô kéo thứ nhất: chỉ thấy quyển tạp chí Nam Phong và chiếc ang đồng nhỏ xíu đựng trâu vó (đội Cầu nghiện nhai trâu, hàng ngày gã phải nhá năm, sáu miếng). Đội Hạnh chửi một câu rất tục, gã mở nắp ang nhỏ luôn vào đấy mấy bãi nước bọt. Gã rút ô kéo thứ hai: thắt lưng và bao súng lục của đội Cầu để chặn lên một số

giấy tờ. Hạnh liếc xem: góc tờ giấy trên cùng in những dòng chữ: Sở mật thám Bắc Kỳ - Phòng điều tra. Đội Hạnh rút tờ giấy đọc. Thì ra đây là mệnh lệnh của sở mật thám ra lệnh cho đội Cầu điều tra gấp một vụ âm mưu "làm loạn" ở Thái Nguyên. Trong âm mưu này có lính khố xanh và tình nghi có cả các cấp cai, đội tham dự. Ngoài lễ bản mệnh lệnh, đội Cầu nguệch ngoạc mấy chữ: Hạnh, Cẩn, Trường. Và gã vẽ một cái dấu hỏi rất to bằng bút chì đỏ sau mỗi tên ấy.

– Đ... mẹ nó, nó lại định hại ông à!

Đội Hạnh rút luôn khẩu súng lục thủ vào bụng. Gã nhặt mấy cái chặn giấy trên mặt bàn nhét vào bao súng. Gã mở ô kéo thứ ba: quyển sổ trực tuần có trong đó. Đội Hạnh lấy quyển sổ. Gã lĩnh ra khỏi trại Bô-dông. Quyển sổ trực tuần bây giờ đã nằm im dưới đáy hào thành

Thái Nguyên rồi. Khi gã đang lúi húi dưới hào thành thì nhìn thấy có bóng người đi qua. Nom dáng điệu người này, đội Hạnh nhận ra cụ Quát. Thế là gã nghĩ ngay đến cô con gái của ông cụ hiện chỉ ngủ một mình ở quán Đồng Mỗ mà gã lại đang có súng trong tay. Thật là dịp may hiếm có. Gã thèm thuồng liếm môi liếm mép và nhót ngay đến ngôi quán vắng. Gã không đi lối cửa trước. Gã vòng ra sau nhà, lỏn vào trong bếp. ở đây gã nghe thấy tiếng nhiều người đàn ông nói trong quán, trong đó có tiếng đội Cấn. Thế là gã sực nhớ đến mệnh lệnh mật của sở mật thám Bắc Kỳ. Gã đẩy cửa bước vào... và cũng không ngờ sẽ gặp cảnh khó xử ấy.

Cai Mánh được đội Giá giao cho nhiệm vụ lòng bắt thằng Hạnh. Mánh đáng lẽ phải có mặt ở xéch xông tăng

cường khu đề lao nhưng vì anh là một yếu nhân trong âm mưu khởi nghĩa nên anh được ở lại trại Bô-dông. Đội Giá đã cho người đến báo cho Mánh biết sự biến mất của thằng Hạnh và yêu cầu anh bắt bằng được nó. Cai Mánh, sau khi cử mười anh em đến quán cụ Quát để bảo vệ bộ chỉ huy, đã xuống ngay phố Ba toa tìm Hạnh. Nhưng xếp tiêu sấu không thấy Hạnh ở đấy. Cai Mánh ngẫm nghĩ: Hay nó mò đến Đồng Mỗ? Anh đi về phía Đồng Mỗ. Đến nửa đường anh gặp số anh em đi bảo vệ bộ chỉ huy bị bọn sen đầm ngăn lại giữa đường với lý do họ đi sau kèn giới nghiêm mà không biết khẩu lệnh đi đêm. Gã sen đầm Bơ-de lại nghi ngờ vì lính khố xanh vác cả súng theo. Có thể họ kéo đi đánh nhau với lính khố vàng vì cái chuyện trai gái hồi sáng chẳng? Bơ-de ra lệnh bắt về sở sen đầm. Bọn sen đầm đi roòn này lại có tới

năm thăng. Nếu chống cự lại chúng ắt phải nổ súng mà đã nổ súng là lộ chuyện khiến các vị trí giặc trong tỉnh lỵ sẽ đề phòng canh gác kỹ hơn. Cai Mánh nghĩ rất nhanh.

Tốt nhất là kệ thằng Bơ-de dẫn số lính này về sở sen đầm xét hỏi rồi sẽ cứu anh em sau. Mánh không ra mặt, anh lẩn vào xó tối chờ bọn sen đầm dẫn những người lính đi. Anh trách thầm mình sơ suất không hỏi khẩu lệnh cho kỹ càng. Sau đó, anh đi rất nhanh về phía Đồng Mỗ. Cai Mánh nhìn thấy hút một bóng người vòng ra mé sau quán cụ Quát. Bóng người quen quen, đúng là thằng Hạnh! Mánh vừa mừng vừa sợ. Mừng vì tìm ra tung tích thằng gian. Sợ vì thằng ấy mò vào đúng chỗ bộ chỉ huy đóng. Có thể thằng Hạnh có vũ khí mà anh lại chỉ có một lưỡi dao lá liễu nhỏ xiu. Nhưng

vì đã trải cuộc đời đầy dẫy những trận đánh nhau đấm chém chí tử nên cai Mánh rất tin mình trị được thằng gian ác này nếu anh khôn khéo một chút. Cai Mánh trụt giầy định vút đi. Anh rút dao, nhẹ nhàng theo hút đội Hạnh. Khi gã ác ôn chìa súng ra, hỏi vặn đội Cấn là lúc cai Mánh cũng mò vào đến nơi. Xếp tiêu sấu hành động rất gọn. Anh giơ chân đá một cái văng súng đội Hạnh. Anh xòe tay trái chặt vào hầu đội Hạnh. Gã trợn mắt ú ớ kêu không thành tiếng. Cai Mánh thúc luôn một đấm vào ức đội Hạnh. Gã xỉu người, từ từ ngã vật xuống đất. Cai Mánh đưa luôn lưỡi dao vào cổ tên chó săn. Cai Mánh kéo áo gã trùm lên mũi dao để che tia máu. Khi cai Mánh đứng lên, bộ chỉ huy cũng chưa kịp nói một câu hoặc làm một hành động nào để giúp anh cả. Tất cả chỉ diễn ra trong một khoảnh khắc cực ngắn và cai Mánh chẳng hé răng nói

một tiếng nào. Cai Mánh từ từ đứng lên, kéo lại nếp áo cho phẳng. Tên Hạnh bây giờ chỉ còn là cái xác không hồn.

Cái Mánh điểm tính báo tin toán bảo vệ bộ chỉ huy đã bị sen đầm bắt giải đi. Đội Cấn quyết định cho nổ súng. ông phong chức đại tá cho cai Mánh và ra lệnh đại tá Mánh làm chỉ huy phó đơn vị đánh chiếm trại Bô-dông. Đại tá Mánh sẽ có nhiệm vụ giúp đỡ đô đốc Trường diệt bọn ác ôn ở trại, diệt tên việt gian Vũ Văn Lạp và diệt bọn giám binh. Đơn vị của Trường, Mánh sẽ là đơn vị chủ lực đánh vào trại Xê-da-ri.

Sau đó đội Cấn quyết định đưa trụ sở bộ chỉ huy về trại Bô-dông, bởi vì đội canh gác đã bị sen đầm giữ lại, hơn nữa ông nhận thấy trong lúc nổ súng sự có mặt của ông ở trại Bô-dông là rất cần thiết. ông chỉ định hai người nghĩa quân

lại quán cụ Quát làm liên lạc giữa cánh quân ở trại Bô-dông và cánh quân ở các nơi. ông trở về trại cùng lúc với cai Mánh.

Chương 11

Mọi sự việc diễn ra rất nhanh trong khu vực đề lao. Giám ngục Lô-ép hơi hớt hải từ nhà xéc Tây trở về sớm hơn mọi lần. Gã giám ngục thấy lòng bồn chồn mặc dù chẳng có điều gì buộc gã phải bồn chồn. Có lẽ vì gã có cái thính của con ác thú. Vừa vào qua lần cửa sắt lớn, Lô-ép đã ra lệnh dừng cổ bọn cai tù dậy. Gã kiểm tra việc phân công trực đêm trong từng khu vực. Gã buộc đội Nam phải báo cáo cho gã nghe

tình hình các vọng gác, việc đi roỏn trong khu đề lao. Vừa lúc ấy những người đàn bà gánh cơm tù đã chia xong khẩu phần cho các khu, đang quay ra. Họ đi qua nhà giấy. Lô-ép gọi giật họ lại. Gã nghi ngờ hỏi Ngoan:

– À bà đội! Quang gánh của bà đâu cả rồi?

Ngoan cố thản nhiên:

– Sớm mai chúng tôi cho người sang lấy.

– Không được! Các bà vào làm sao ra làm vậy.

– Thế ạ! Nếu thế thì chúng tôi lấy quang gánh về vậy. Chúng tôi tưởng để thúng mủng lại, người nhà phạt đem cơm về từng khu cho tiện.

Lô-ép chờ bọn đàn bà lấy đủ quang gánh đem ra khỏi đề lao rồi gã ra lệnh đóng tất cả cửa sắt kể cả cửa hành lang chia khu vực nọ với khu vực kia. Không khí canh phòng khu đề lao đột nhiên căng thẳng. Lô-ép đích thân ở lại ngay phòng giấy đề lao. Gã sai lấy màn và giường vải đặt ở cửa phòng và gã đốt đèn măng sông sáng trưng cả khu vực nhà giấy. Gã rút một khẩu súng lục xuống dưới gối, gã thay pin vào chiếc đèn bấm ba pin rồi chui vào màn đọc truyện trinh thám cho khỏi buồn ngủ.

Khoảng hai mươi hai giờ, có tiếng lính hỏi khẩu lệnh ở cửa đề lao. Lô-ép vùng ngay dậy tay cầm súng, tay cầm đèn pin leo lên chòi cổng. Ngoài cổng đề lao vẫn tối đen. Lô-ép đứng né vào bên cạnh cửa sổ, chiếu đèn ra ngoài. Gã nhận ra đội Giá dẫn một xéch xông khố xanh,

súng ống chỉnh tề đứng thành hàng dọc trước cửa đề lao. Viên cai đốc gác báo cáo với Lô-ép rằng có lệnh quan giám binh Nô-en cho tăng cường số lính gác đêm nay ở khu đề lao. Người chỉ huy xếch xông là viên đội Nguyễn Trọng Giá. Lô-ép yên tâm. Hắn ra lệnh mở cửa để xếch xông lính khố xanh tăng cường vào đề lao. Đội Giá đứng nghiêm chào Lô-ép. Tư thế của anh rất đúng điều lệnh nhà binh. Đội Giá báo cáo anh được cử chỉ huy khu đề lao đêm nay.

Anh đưa lệnh viết tay có chữ ký của Nô-en và dấu của bộ chỉ huy lữ khố xanh Thái Nguyên cho Lô-ép. Gã giám ngục mừng lắm. Hắn cho gọi đội Nam ở lại phòng giấy thay hắn. Và hắn lôi đội Giá cùng đi roản trong đề lao. Đội Giá liếc nhìn đội Nam, Nam nhắm mắt, khẽ gật đầu làm hiệu cho bạn. Đội Giá cũng làm

hiệu ra ý hiểu. Anh lùi một bước, khẽ cúi đầu mời Lô-ép đi trước nhưng tên giám ngục Tây Coóc ra lệnh cho anh làm người dẫn đường. Đội Giá đi qua khu thường phạm. Anh để ý thấy cửa các xan to nhỏ đều bị đóng chặt lại thông thường các cửa khu này vẫn mở vì tiết trời quá oi bức. Anh chậm bước, định nói một câu gì với giám ngục nhưng cảm thấy một bàn tay đặt lên lưng anh, đẩy anh đi một cách nhẹ nhàng nhưng kiên quyết. Hai người dắt nhau qua khu nhốt tù đàn bà. Giờ này chưa phải là giờ ngủ nên mấy mụ nhà thổ lậu thuế bị bắt vào đây vẫn the thé hát những bài đến là tục tĩu về cuộc ăn nằm giữa bọn gái điếm với các thứ Tây lê dương, ma-rốc, pháo thủ, kỳ mã... Lô-ép chửi to:

– Im cái mồm đi, không tao sai quảng vào một bầy dê đực đấy. Lũ dĩ rác!

Có tiếng chanh chua hỏi lại gã giám ngục:

– Thế xếp có vào cùng không?

Lô-ép chửi toáng lên:

– Tiên sư chúng mày. Mai tao cho lột truồng chúng mày ném tuốt xuống ruộng cần.

– Thôi im đi! Các mẹ đây bị chúng mày làm cho đến cái trôn cũng chẳng nguyên lành. Các mẹ đây sợ gì chúng mày nữa.

Lập tức cả cái khu nữ ồn lên. Các câu chửi đủ loại, đủ cách tục tĩu hết chỗ nói. Những người tù nữ cho Lô-ép ăn đủ thứ, ví cái mặt Lô-ép với đủ mọi thứ. Có người còn đe kẹp Lô-ép đến khi cái mặt gã nhọt nhọt mới tha. Lô-ép chửi lại, gã chửi cũng rất mả nhưng dù sao, gã Tây

Coóc chửi bằng tiếng Việt Nam thì làm sao địch nổi với các ả kia được. Đội Giá đâm buồn cười. Anh cứ kệ Lô-ép chửi đến mức lú lỏi lại mới giục gã:

– Thôi quan lớn để mai mới trị chúng nó được. Bây giờ quan lớn mà bước chân vào, chúng nó chùm đánh cho mềm xương, ai mà cứu được.

Lô-ép hậm hực đành nghe Đội Giá. Gã không lên tiếng nữa trong khi đó mấy mục đàn bà vẫn cứ réo tên gã mà chửi ré lên. Đội Giá dẫn gã sang khu quốc sự phạm. Hai người đi qua phòng đốc gác. Viên cai khố xanh thấy cấp trên vội đứng nghiêm chào và há mồm định báo cáo tình hình canh phòng nhưng Đội Giá gạt đi. Anh dẫn Lô-ép vào sân trong. Anh đoán không sai nhưng dù sao một tiếng nổ ngang tai vẫn làm anh giật mình. Lô-ép đổ vật xuống sân. Gã không kêu được

tiếng nào. Đội Giá cúi xuống cầm hai bả vai gã nhấc lên, nhìn mặt gã mà nói:

– Mày đã hết đời rồi, cái giống thực dân tàn ác nhà mày!

– Cứ tưởng nó sống dai, ai ngờ có mỗi một phát mà nó đi đứt!

Người quốc sự phạm vừa hạ Lô-ép, bước ra khỏi chỗ nấp. Đội Giá nhận ra ông Vịnh, anh vợ Đội Cấn, một người hay khôi hài, thích khôi hài và khôi hài ở bất kỳ tình huống nào, ở bất kỳ đâu. ông hai Vịnh cầm một khẩu súng lục, một chút khói vương ở đầu nòng. Đội Giá nói:

– Tôi sẵn sàng chờ lệnh!

– Chiếm để lao thật nhanh. Sửa soạn đánh chặn bọn lê dương bên trại Xê-da-ri.

– Tuân lệnh!

Hai Vịnh gọi khẽ:

– Cụ Thủy, cụ Thủy! Cụ Thủy đâu rồi?

Một bóng người nữa thình lình xuất hiện trước mặt đội Giá. Đó là ông già mang số tù 71. Ông già tay cũng cầm một khẩu súng lục. Hai Vịnh ra lệnh khẽ bằng một giọng hết sức rần rỏi:

– Ông Giá đem "xếch xông" của ông chẹn chặt cửa giữa và cửa vào khu thường phạm cho tôi. Còn khu này và cả đề lao đều đã có kế hoạch đánh chiếm chu đáo rồi. Cụ Thủy báo cho anh em ra tay đi.

Chỉ một loáng, đội Giá thấy cửa các xan giam quốc sự phạm mở toang ra. Từng tốp người nối nhau xông ra nhẹ nhàng và im lặng. Trong khi đó, từ các

xan vắng tiếng huỳnh huyệt như người đánh nhau và hình như có tiếng rên, tiếng kêu ú ớ của người bị bóp cổ, tiếng kêu cuối cùng hắt ra tất cả sinh khí của một kẻ hấp hối. Đội Giá nhủ thầm: "Bọn chỉ điểm bị trừng trị!" Anh vội vã quay ra vị trí chiến đấu của mình. Những người quốc sự phạm cướp đề lao rất nhanh, rất gọn. Nhưng thằng cai tù ngủ gà ngủ vịt trong các phòng đốc gác bị chụp lên đầu những cái túi vải đen dày. Đứa nào vùng vằng chực kháng cự thì lập tức ăn hai ba đòn vào đầu. Tiếng đòn rất êm, chỉ nghe đến ục ục một cái nhỏ. Những người quốc phạm đã dùng từng đoạn hầu bao cho cát đây vào thành vũ khí cực kỳ lợi hại. Mụ vợ gã Lô-ép thấy động vội tri hô lên. Mụ ta bị ngay một búa bổ củi chém giữa đỉnh đầu. Tiếng kêu của mụ tuy to nhưng khu đề lao vốn dĩ rộng lại ở giữa vùng trống, vắng vẻ, chẳng ai biết cả.

Cuộc binh biến bắt đầu, Đội Cấn dẫn 175 lính tiến đánh đại bản doanh quân Pháp ở Thái Nguyên và giành chiến thắng, diệt được Giám binh Pháp là Noel.

Sau đó nghĩa quân tiến đánh nhà tù Thái Nguyên, giết được cai ngục Loew, giải cứu Lương Ngọc Quyến và 203 tù nhân cùng những người yêu nước.

Nghĩa quân thu được một số khí giới cùng kho bạc, làm chủ hoàn toàn tỉnh lỵ Thái Nguyên (trừ trại lính khố đỏ cố thủ ở bên bờ sông Cầu). Đứng đầu tỉnh lỵ Thái Nguyên lúc đó là công sứ Darles, và phó công sứ Tusle đã may mắn thoát chết khi đang đi nghỉ mát.

Đội Cấn được bầu làm Tư lệnh trưởng, Lương Ngọc Quyến làm quân sư. Nghĩa quân tuyển thêm lính mới,

đến ngày 5/9 nâng tổng số quân lên 600 người bao gồm 130 lính vệ binh, 200 tù nhân, 300 dân phu và dân địa phương.

Nghĩa quân hiệu triệu dân chúng tuyên bố Thái Nguyên được độc lập và đặt tên nước là Đại Hùng Đế Quốc cùng cờ Ngũ tinh liên châu của Việt Nam Quang phục hội, đồng thời ra Tuyên ngôn và Lời kêu gọi “Chúng ta hãy mau chóng lợi dụng cơ hội ngàn năm có một, cơ hội thật hiếm có để rửa nhục, để trả thù”.

Sau khi hay tin có binh biến ở Thái Nguyên, ngay từ ngày 2/9 quân Pháp đã tập hợp quân chuẩn bị tấn công.

Sáng sớm ngày 5/9, quân Pháp với 2.700 quân đã tiến vào Thái Nguyên với cả pháo binh hỗ trợ. Trong khi đó phía nghĩa quân chỉ có 600 người. Đó là một

cuộc chiến không cân sức.

Quân Pháp tiến chậm trước sự chống trả của nghĩa quân. Sau nửa ngày giao chiến quyết liệt, đến trưa ngày 5/9 nghĩa quân diệt được 107 quân Pháp, phía nghĩa quân bị thương 56 người. Tuy nhiên lúc này quân Pháp đã bắt đầu tràn được vào phía trong. Biết không thể ngăn được, Đội Cấn quyết định rút lui. Đại Hùng Đế Quốc chỉ tồn tại được 5 ngày ngắn ngủi.

Lương Ngọc Quyến bị giam giữ lâu ngày trong nhà lao, xuống sức không thể tự đi được, ông quyết định tự sát vì không muốn làm vương bận nghĩa quân.

Nghĩa quân chạy đến vùng núi Tam Đảo (giáp Vĩnh Yên) lập căn cứ, sau đó đến huyện Đại Từ lập căn cứ ở núi Pháo.

Tháng 1/1918, quân Pháp tập trung lực lượng tấn công căn cứ, nghĩa quân nỗ lực chống trả nhưng bị tổn thất nặng nề. Đội Cấn bị thương nặng, ông đã tự sát để không rơi vào tay quân Pháp.

